



JEFFREY J. SELINGO

NHỮNG NGÃ RỀ NGHỀ NGHIỆP

Những điều các bạn trẻ cần biết về định vị
sự nghiệp và cuộc sống trong thời đại 4.0

Nguyễn Huyền dịch



 alphabooks®
KNOWLEDGE IS POWER



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG

Duong Kobo's Book Club

*Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo*



SCAN TO JOIN

LỜI GIỚI THIỆU

Không lâu trước đây, bằng đại học được coi là tấm vé để đảm bảo cho chúng ta tìm được công việc ổn định ngay sau khi ra trường, tiếp đó là một sự nghiệp thành công. Những mối lo âu của các bậc phụ huynh và sinh viên chủ yếu bị hạn chế bởi những vấn đề khác như: làm thế nào để được nhận vào trường, tìm cách trả học phí, chọn đúng ngành học, v.v..

Hiếm khi sinh viên quan tâm đến việc môi trường đại học có thể không cung cấp cho họ kiến thức và kỹ năng cần thiết để sống sót trong thế giới công sở. Tấm bằng đại học là yếu tố để những nhà tuyển dụng lao động dễ dàng nhận biết tiềm năng và kỷ luật của ứng viên - những tín hiệu mà sức mạnh của nó tỷ lệ thuận với danh tiếng của ngôi trường được ghi trên bản tóm tắt lý lịch.

Tuy nhiên, ngày nay có rất nhiều tạp âm xuất hiện làm nhiều tín hiệu đó. Việc ngày càng có nhiều sinh viên tốt nghiệp với tấm bằng cử nhân khiến các nhà tuyển dụng ngày càng ít tin tưởng rằng đây là kim chỉ nam cho sự sẵn sàng làm việc. Kết quả là một sinh viên năm cuối đại học không còn có định hướng sự nghiệp rõ ràng như những thế hệ trước kia.

Rất dễ để đổ lỗi cho sự phục hồi kinh tế không mấy sáng sủa trên thế giới trong những năm qua khiến cho sinh viên phải cạnh tranh khốc liệt để tìm được một công việc ưng ý. Tuy nhiên, hoàn cảnh của những người trẻ ngày nay không bị hạn chế bởi một thời điểm duy nhất của chu kỳ kinh tế, mà đó là kết quả của sự chuyển đổi dài hạn trong lực lượng lao động toàn cầu, điều đang gây ra ảnh hưởng to lớn đối với những thanh niên ở độ tuổi 20 còn thiếu kinh nghiệm làm việc.

Thời gian gần đây, tình trạng thất nghiệp của thế hệ trẻ đã tăng lên mức độ chưa từng có trong bốn thập kỷ qua, với tỷ lệ đáng báo động 9% trong lực lượng sinh viên mới tốt nghiệp đại học dưới 25 tuổi. Với những sinh viên tìm được việc, mức lương trung bình

với tấm bằng cử nhân đã giảm 10% trong những năm đầu của thế kỷ này.

Đáng lo ngại hơn cả là việc gần một nửa số sinh viên tốt nghiệp đại học không tìm được công việc xứng đáng, có nghĩa là những công việc của họ thường không yêu cầu bằng cử nhân. “Giờ đây, việc có được tấm bằng đại học mang lại ít cơ hội kiếm được những công việc quản lý hoặc liên quan đến công nghệ với mức lương cao, nhưng lại mang đến nhiều cơ hội đánh bại những người lao động có học vấn thấp khi xin các công việc như pha chế, hành chính văn phòng.” là kết luận từ một báo cáo của ba nhà kinh tế học nổi tiếng năm 2014. Nghiên cứu đó cũng chỉ ra rằng nhu cầu tuyển dụng những lao động có học thức ở tầm đại học đã giảm dần vì cuộc cách mạng công nghệ ngày càng hoàn thiện. Nói cách khác, hiện tượng những sinh viên tốt nghiệp đại học làm việc ở Starbucks, nhà hàng hay quán bia giờ không phải hiếm nữa. Và điều đó cho thấy rằng tình trạng này có thể là một sự bình thường mới: một tấm bằng đại học là cần thiết để tìm được bất kỳ công việc nào, chứ không chỉ là một công việc lương cao và đòi hỏi kỹ năng nhiều nữa.

Vào năm 2013, không lâu sau khi tôi xuất bản cuốn sách viết về tương lai của giáo dục bậc cao có tên là College (Un) bound (tạm dịch: Đại học (không) hạn chế), tôi đã gặp nhiều sinh viên mới tốt nghiệp và đang bối rối với sự nghiệp của mình. Khi tôi đi đến các nơi để nói chuyện về viễn cảnh đại học trong tương lai, không ít sinh viên đã kể cho tôi nghe về việc họ đã chuyển từ chương trình thực tập này sang chương trình thực tập khác mà không tìm được công việc toàn thời gian như thế nào. Những bậc phụ huynh hỏi tôi rằng con cái họ – những người đã tốt nghiệp đại học mà không tìm được một công việc toàn thời gian – đã làm gì sai. Những chuyên viên tư vấn giáo dục phân vân rằng liệu họ nên đưa cho sinh viên của mình những lời khuyên gì về việc học đại học.

Ai cũng muốn biết liệu có con đường nào khác dẫn đến một cuộc sống thành công hay không, ngoài con đường mà hầu hết các thanh thiếu niên được gợi ý: Tốt nghiệp trung học, đi học đại học và tìm một công việc. Nếu trường đại học đang trải qua vô số thay đổi lớn lao, vậy thế hệ trẻ có thể đi theo những con đường mới nào để chuẩn bị cho sự nghiệp và tìm được những công việc quan trọng đầu tiên trong cuộc đời?

Trong cuốn sách bạn đang cầm trên tay, tôi đã thực hiện một hành trình đi tìm câu trả lời cho những câu hỏi này. Người trẻ phải làm gì để định vị con đường từ trung học đến đại học và bước

vào nền kinh tế ngày càng nhiều nguy cơ? Họ cần có những kinh nghiệm nào để thành công trong thị trường lao động? Những kỹ năng nào được chứng tỏ là hữu ích nhất? Và quan trọng nhất: Tại sao có những người thành công trong khi người khác khác lại không?

Để tìm kiếm câu trả lời, tôi đã tham gia một chuyến đi bằng tàu hỏa với 24 sinh viên mới tốt nghiệp đại học, những người đã tự đặt ra cho mình những câu hỏi như vậy.

Mặt trời giữa tháng 8 đang lặn dần khi chuyến tàu Amtrak's Capitol Limited bắt đầu khởi hành từ ga Chicago's Union. Trong vòng vài phút, chuyến tàu hướng về phía Đông đã đi qua hầu hết những kho xưởng được rào kín của Gary, Indiana. Ở phía sau con tàu, tại toa ăn với mái vòm bằng kính kiểu thập niên 1950 kêu lóc xọc, tôi đang ngồi cùng một nhóm sinh viên mới tốt nghiệp đại học, chìm đắm trong khung cảnh hoàng hôn cuối ngày.

"Đây là trụ sở của Tổng công ty Thép Mỹ! Nhà máy thép lớn nhất thế giới trước đây." Ai đó ở cuối khoang hô to.

Một vài hành khách ngược lên nhìn di tích còn lại từ thế hệ ông bà họ, những người đã làm việc khi nền kinh tế Mỹ chủ yếu dựa vào các nhà máy và khi con đường sự nghiệp vẫn còn đơn giản: tốt nghiệp trung học hoặc đại học; tìm được một công việc với những cơ hội thăng tiến, các chương trình đào tạo và chế độ lương hưu; làm việc trong 30 năm và nghỉ hưu.

Nhóm sinh viên mà tôi đi cùng, hầu hết sinh ra vào cuối những năm 1980, là một phần của lực lượng lao động phức tạp và phân tán hơn với nhiều con đường chông chéo lên nhau. Trong khi ông bà và thậm chí là cha mẹ họ sở hữu những tấm bản đồ với các cột mốc rõ ràng cho con đường sự nghiệp của mình, thì thế hệ này lại đối mặt với đại dương vô định khi phải tự vẽ hải đồ cho hơn 30 năm tiếp theo trong cuộc đời mình.

Đây là ngày thứ tám của dự án Millennial Trains Project (Những chuyến tàu của thanh niên thế kỷ XXI), một chuyến đi bằng tàu hỏa xuyên đất nước cho 24 thanh niên ở độ tuổi ngoài 20, mỗi người sẽ phải thuyết trình một dự án thực tế và khả thi trong hành trình từ San Francisco đến Washington D.C. Tại những điểm dừng chân vào ban ngày trong suốt chặng đường - Denver, Omaha, Chicago, họ tiến hành các nghiên cứu tại cộng đồng địa phương. Vào ban đêm, họ sẽ tham gia những buổi trò chuyện cùng các diễn giả khách mời.

Hãy nghĩ về nó như một tuần học đại học đầy căng thẳng, hầu như không ngủ nhưng rất thú vị của một nhóm người trẻ đang cố gắng tìm hiểu xem họ muốn sống cuộc sống như thế nào.

Khi màn đêm dần buông trên những nông trại vùng Indiana và bữa tối được bày ra, Cameron Hardesty và Jessica Straus đi qua chỗ tôi ngồi để vào trong khoang tàu chật hẹp. Đôi bạn 26 tuổi, thích kể chuyện phiếm này nói với tôi rằng họ đã tốt nghiệp từ năm 2007 với ngành ngôn ngữ Anh của Cao đẳng Davidson, ngôi trường giáo dục đại cương được đánh giá cao nằm ở phía Bắc thành phố Charlotte, bang Bắc Carolina.

Davidson là một ngôi trường nhỏ tự lấy làm kiêu hãnh vì có thể cung cấp cho sinh viên kỹ năng đại cương, nhưng đó không phải là nơi đào tạo những kỹ năng chuyên môn. Ví dụ, bạn không thể học chuyên sâu về lĩnh vực quản lý thể thao, vật lý trị liệu hay thiết kế trò chơi điện tử ở Davidson. Tôi đã hỏi Cameron và Jessica xem họ nghĩ gì về những trải nghiệm trước khi tốt nghiệp của mình.

“Nơi đó không hề trang bị cho tôi hành trang vào đời,” Jessica nói có phần bất mãn.

Mặc dù có những kỷ niệm đáng nhớ với Davidson vì cô ấy có cơ hội theo đuổi mơ ước của mình – học tập tại Cambridge, làm việc trong một triển lãm nghệ thuật ở Barcelona, nhưng Jessica nói rằng những khóa học không khuyến khích cô chuyển đổi những điều học được thành những kỹ năng mà nhà tuyển dụng tìm kiếm bây giờ. “Ở Davidson ‘chỉ cần khám phá’ là đủ,” cô ấy nói.

Dĩ nhiên, sự khám phá từng là bản chất của môi trường đại học: cung cấp thông tin cho thanh niên trước ngưỡng cửa trưởng thành. Tuy nhiên ngày nay, với chi phí học đại học lên tới 240.000 đô-la cho bốn năm học tại một ngôi trường như Davidson, những sinh viên (và phụ huynh) thực sự đang tìm kiếm một bộ kỹ năng chuyên môn giúp họ tìm được công việc sau khi tốt nghiệp. Họ vẫn muốn tiếp nhận chương trình giáo dục đại cương (tư duy phê phán, kỹ năng viết, kỹ năng giao tiếp và lập luận phân tích...), miễn là những điều đó không đến từ bên ngoài trường học, kinh nghiệm thực hành, những chương trình thực tập cụ thể.

Sự khám phá trong trường đại học bây giờ chỉ như một phần trong toàn bộ những trải nghiệm, và phần đó đang thu hẹp lại. Một vài tháng, thậm chí là vài tuần sau khi bắt đầu đến trường, những sinh viên mới sẽ chọn một hoặc hai chuyên ngành, thêm

một ngành phụ, và bắt đầu đăng ký các chương trình thực tập để tìm được công việc tốt nhất sau khi tốt nghiệp.

Tôi lên chuyến tàu của Capitol Limited để diễn thuyết về tương lai của giáo dục bậc cao. Bây giờ đã gần đến nửa đêm, và hai người ngồi cùng ghế với tôi dường như đã lấy lại năng lượng và sự hào hứng sau một khoảng thời gian mệt mỏi. Họ nhận ra họ đang ngồi cùng một nhóm người tương đối có đặc quyền. Họ được ngồi trên chuyến tàu này vì mỗi người đã gây được quỹ 5.000 đô-la – vốn được coi như một yêu cầu bắt buộc của quy trình đăng ký đầy cạnh tranh. Giống như Cameron và Jessica, nhiều người trong số họ đã tốt nghiệp từ những trường đại học xuất sắc.

Họ thông minh và tham vọng, và đó là điều khiến tôi lo lắng: Nếu ngay cả những sinh viên mới tốt nghiệp này cũng phải vật lộn thì những người không có nền tảng tốt thì sao?

Cuộc đối thoại của chúng tôi chuyển sang chủ đề giá trị của tấm bằng cử nhân trong thời kỳ mà tất cả những người họ biết đều có. Cameron và Jessica kể cho tôi về người bạn đang làm công việc tay trái là trợ lý cao cấp tại thành phố New York.

“Bằng đại học bây giờ đang phổ biến như bằng tốt nghiệp trung học,” Cameron đánh giá.

Cô ấy là một phần của thế hệ đi theo con đường mà họ được khuyên là “dẫn đến công việc và sự nghiệp vững chắc”. Họ vượt qua tất cả những thử thách cần thiết: thể hiện xuất sắc trong lớp dự bị đại học ở trường trung học, đạt được điểm cao trong kỳ thi SAT, và quan trọng nhất: chiến thắng sự may rủi của kỳ thi tuyển để được vào ngôi trường mong muốn. Sau khi được vào đó, họ tiếp tục đánh bóng lý lịch cá nhân bằng những điều mà họ cho rằng là điểm sáng đúng đắn: bằng kép, nhiều chương trình thực tập và một loạt các hoạt động ngoại khóa.

Tuy nhiên, họ cũng là thế hệ được nuôi dưỡng bởi các bậc phụ huynh luôn quan tâm sâu sắc đến những sự việc và trải nghiệm của con mình, những người lên lịch trình đến từng phút cho mọi khoảng thời gian rảnh của con. Rồi họ bước vào trường đại học với một đội ngũ chuyên gia tư vấn về mọi mặt, từ việc chọn những lớp học giúp họ tốt nghiệp đúng kỳ cho đến việc thương lượng các vấn đề với bạn cùng phòng.

Chẳng có gì ngạc nhiên khi các nhà tuyển dụng phàn nàn rằng những sinh viên mới tốt nghiệp gần đây không có khả năng tự

đưa ra quyết định trong công việc. Với rất nhiều người ở độ tuổi 20, cuộc đời khi đó giống như một ván cờ, mục đích là họ sẽ nhanh chóng kết thúc trò chơi và chơi được càng nhiều ván càng tốt.

Tất nhiên, chỉ có một số ít giải thưởng lớn sẵn có. Hầu hết những người ở độ tuổi 20¹ không tìm được công việc mơ ước sau khi tốt nghiệp. Nhiều người vẫn đang trong tình trạng lênh đênh và gặp phải những trở ngại trong quá trình chuyển tiếp sự nghiệp. Mới chỉ ba ngày trước, khi chuyển tàu dừng chân tại Denver, Jessica được biết rằng mình vừa bị sa thải khỏi một công ty khởi nghiệp ở New York. Cô ấy mới làm việc ở đó được bảy tháng. Giờ đây, cô ấy lại là một thành phần trong bản thống kê “Những thanh niên thất nghiệp ở độ tuổi 20”.

¹ Lưu ý: trong sách tác giả thường đề cập đến những người ở độ tuổi 20, ý chỉ những người trong khoảng 20-29 tuổi.

Tôi bắt đầu viết cuốn sách này vào một đêm tháng 8, khi đi từ Chicago đến Pittsburgh. Suốt những tháng tiếp theo, khi tìm kiếm dữ liệu cho cuốn sách, tôi phát hiện ra rằng nhiều sinh viên mới tốt nghiệp đại học đang lướt qua tuổi 20 mà không có một kế hoạch nào trong tay.

1/4 số người ở độ tuổi 20 đang làm một công việc không lương đơn giản chỉ để thể hiện rằng họ có kinh nghiệm làm việc, và chỉ 1/10 số người coi công việc hiện tại là sự nghiệp của mình. Những sinh viên mới tốt nghiệp gần đây đang bắt đầu sự nghiệp của họ muộn hơn và trì hoãn những dấu mốc truyền thống của tuổi trưởng thành: hoàn thành chương trình học, rời khỏi gia đình, kết hôn và sinh con.

Kết quả khảo sát được tiến hành đối với 750 thanh niên chỉ ra rằng 2/3 trong số họ không lập tức bắt đầu bất kỳ chương trình giáo dục sau trung học nào. Đối mặt với tình trạng thất nghiệp hoặc làm những công việc tạm thời với mức lương thấp trong nền kinh tế mà những công việc tạm thời ngày càng phổ biến và các công ty có xu hướng tuyển dụng những lao động tự do ngắn hạn, nhiều người trẻ trở về nhà sau thời gian học đại học, sống trong tầng hầm ngôi nhà của cha mẹ, chấp nhận bị gọi là “thế hệ boomerang²”.

² Tên gọi dành cho thế hệ trẻ ở các nước phương Tây, những người quay trở lại sống cùng cha mẹ họ sau một khoảng thời gian sống tự lập – như những chiếc boomerang được ném đi sẽ trở lại nơi bắt

đầu.

Nếu bạn là một phụ huynh đang chờ đợi con mình tốt nghiệp đại học để không phải hỗ trợ tài chính cho chúng nữa, thì hãy suy nghĩ lại. Có thể bạn đã lớn lên trong những năm 1970 và 1980, khi những sinh viên tốt nghiệp đại học thường sẽ đạt được sự độc lập về tài chính khi bước sang tuổi 26. Ngày nay, những sinh viên tốt nghiệp đại học thường không chạm được đến dấu mốc đó cho đến sinh nhật tuổi 30.

Thế hệ thanh thiếu niên ngày nay gặp phải nhiều rào cản trên con đường hoàn thiện cuộc sống sau khi tốt nghiệp trung học và đại học, và hơn lúc nào hết, họ cần phải quản lý tiến trình dẫn đến sự nghiệp của mình.

Cuốn sách này sẽ giúp bạn có một khởi đầu đúng đắn trên hành trình đó. Tuy nhiên cuốn sách này không đưa ra một con đường hay một vài vành đai cho những thanh niên ở độ tuổi 20. Cuốn sách viết về cách chúng ta thay đổi suy nghĩ về cuộc sống sau đại học, về hành trình dẫn đến một sự nghiệp thành công – một hành trình không theo đường thẳng, nhưng mang tính cá nhân và độc nhất.

Trong những chương tiếp sau đây, tôi sẽ miêu tả một chuỗi những phương thức tiếp cận để theo dõi và các chương trình để khám phá những điều sẽ giúp bạn đứng vững trên đôi chân của mình sau khi tốt nghiệp đại học.

Số liệu thống kê việc làm của những sinh viên mới tốt nghiệp thực sự đáng lo ngại (thậm chí là đáng sợ), nhưng tôi sẽ phác thảo trong chương 1 chặng đường của tuổi trưởng thành và một sự nghiệp kéo dài đến vài thập kỷ. Ngày nay, 1/3 số trẻ em được sinh ra có thể đón sinh nhật lần thứ 100 của mình. Điều đó cho thấy chúng ta ngày càng sống lâu hơn và làm việc dài hơn.

Hãy tưởng tượng tiến trình trong cuộc đời của bạn, với thời điểm sinh ra ở phía bên trái và thời điểm qua đời ở phía bên phải: những dấu mốc sự nghiệp của chúng ta chuyển dần sang bên phải – chúng ta bắt đầu muộn hơn và kết thúc muộn hơn. Sự dịch chuyển đó cho phép những người trẻ tuổi kéo dài khoảng thời gian thanh thiếu niên và tuổi 20 để khám phá những sự lựa chọn cho sự nghiệp và đầu tư vào bản thân để chuẩn bị tốt hơn cho công việc.

Có một xu hướng khá rõ ràng rằng thời kỳ tìm việc và sự nghiệp

đang kéo dài hơn, nhưng thật đáng buồn là hệ thống giáo dục của thế kỷ XX lại không đồng bộ với nền kinh tế của thế kỷ XXI, vốn đòi hỏi những lao động có nhiều kiến thức và sự linh hoạt.

Trong tương lai, chúng ta sẽ không còn bắt đầu chương trình giáo dục đại học ở tuổi 18 và kết thúc ở tuổi 22 nữa. Thay vào đó, đại học sẽ là nền tảng khởi đầu cho quá trình học tập trọn đời mà chúng ta sẽ thực hiện khi cần học hỏi và đào tạo thêm để thăng tiến trong công việc hoặc thay đổi sự nghiệp. Các chương trình giáo dục sẽ thiên về hướng “đúng lúc” hơn là “chỉ một lần”. Và nó sẽ được cung cấp theo nhiều hình thức hơn – những trường đại học truyền thống như ngày nay, cũng như những đơn vị giáo dục cung cấp các khóa học ngắn hạn và dài hạn.

Việc được nhận vào một trường đại học hàng đầu rồi gia nhập thị trường lao động không còn là đủ nữa. Bạn có một vài thời điểm để phát hiện ra điều này, nhưng để định vị những con đường mới và đường nhánh trên đó, bạn cần một kế hoạch để kết nối tài năng và hứng thú của bản thân.

Để giúp bạn lập ra kế hoạch đó, trọng tâm của cuốn sách là một hướng dẫn, được cấu trúc xoay quanh những dấu mốc từ tuổi thanh thiếu niên cho đến tuổi trưởng thành: con đường đến đại học, trải nghiệm trong trường đại học, và dĩ nhiên, những năm đầu tiên quan trọng sau khi tốt nghiệp.

Cuốn sách liệt kê những kỹ năng mà các nhà tuyển dụng ngày nay đang tìm kiếm và mô tả biết bao nhiêu thanh thiếu niên vẫn còn đang nghỉ ngơi giữa sự chuyển tiếp vội vàng từ giai đoạn trung học sang đại học. Cuốn sách khám phá lý do vì sao vị trí của ngôi trường đại học mà bạn theo học lại ảnh hưởng nhiều đến việc tích lũy những trải nghiệm thực tế mà bạn cần để tìm được công việc phù hợp sau khi tốt nghiệp. Cuốn sách cũng mô tả việc bắt đầu cuộc sống sau đại học và hỗ trợ sinh viên với những kỹ năng cần thiết cho công việc.

Phần cuối cùng của cuốn sách sẽ phác thảo tương lai của nghề nghiệp, các công ty sẽ tuyển dụng như thế nào, và làm sao để những sinh viên tương lai có thể chuyển đổi kinh nghiệm và kỹ năng của họ thành một câu chuyện liên mạch về sự thành công một cách tốt hơn.

Khi đang bắt đầu phần báo cáo của cuốn sách này, tôi đọc được một nghiên cứu từ Đại học Oxford, nói rằng trong tương lai, gần một nửa số công việc ở Mỹ có nguy cơ bị thay thế bởi sự tự động

hóa và trí thông minh nhân tạo. Tất nhiên, lịch sử cho thấy những dự đoán đó có phần được cường điệu hóa. Câu chuyện của thế kỷ XX là xu thế tự động hóa gia tăng và những công việc tốt hơn được trả lương cao hơn. Hai nhà kinh tế học của Harvard là Claudia Goldin và Lawrence Katz phát hiện ra rằng trong cuộc đua trường kỳ giữa hai lĩnh vực giáo dục và công nghệ, công nghệ luôn giành chiến thắng.

Tuy nhiên lần này, sự việc dường như đã khác. Những người trẻ tuổi đang làm mọi điều theo định hướng của cha mẹ và các chuyên gia tư vấn, và họ vẫn thất bại khi tìm những công việc phù hợp với mình. Tuy nhiên, cũng có rất nhiều thanh niên ở độ tuổi 20 đang thành công trong việc lập bản đồ của riêng mình để định vị thế giới khó lường ngày nay theo một cách rất khác so với thế hệ của chúng tôi hai thập kỷ trước. Tôi hy vọng rằng cuốn sách này sẽ giúp các bạn xua tan nỗi lo lắng về cuộc sống sau đại học.

*Dành cho Hadley, Rory và Heather, nguồn cảm hứng cho những câu
chuyện của tôi*

Chương 1

NGƯỜI CHẠY NƯỚC RÚT, NGƯỜI ĐI LANG THANG VÀ NGƯỜI KHÔNG ĐI THEO HÀNG LỐI

Stanley Hall lớn lên trong một ngôi làng nhỏ nằm ở Ashfield, Massachusetts, gần ngọn đồi thấp dưới chân dãy núi Berkshire. Đến tuổi 18, cậu rời gia đình để đến học ở Williams College, cách nhà khoảng 35 dặm, với mục tiêu sẽ “làm một điều gì đó và trở thành điều gì đó trong thế giới này”. Cha mẹ Stanley là nông dân. Mẹ cậu, bà Abigail, muốn con trai mình trở thành một bộ trưởng, nhưng Stanley không chắc chắn lắm về kế hoạch đó. Stanley có suy nghĩ khác về trường đại học; cậu coi tấm bằng cho bốn năm học như một nghi lễ cho sự dịch chuyển – một cơ hội để cậu theo đuổi đam mê và khám phá.

Mặc dù Stanley có thành tích học tập xuất sắc ở Williams – được bình chọn là người thông minh nhất lớp – cha mẹ cậu cho rằng những năm đại học của Stanley có chút thất thường. Khi tốt nghiệp đại học, cậu nói với mẹ rằng không nghĩ mình đạt được “những yêu cầu để trở thành mục sư”. Dù vậy, cậu ấy vẫn chuyển đến New York và ghi danh vào một trường dòng.

Thành phố lớn này thu hút chàng trai trẻ, và nhịp sống ở đó đã thuyết phục Stanley từ bỏ việc học tôn giáo để lấy được một tấm bằng, ở tuổi 25, sau khi xoay sở được một khoản vay, cậu ấy chuyển đến Đức để theo ngành Triết học. Khi ở đó, Stanley đã đi du lịch khắp mọi nơi, thăm thú những nhà hát, quán rượu và sàn nhảy ở Berlin.

“Chính xác là con đang làm gì ở đó vậy?” Cha Stanley hỏi một cách nghiêm khắc.

Cậu ấy bổ sung thêm ngành Sinh học và Vật lý vào con đường học thuật của mình, sau đó nói với cha mẹ rằng đang nghĩ về việc học lấy bằng tiến sĩ Triết học. Mẹ cậu đã hỏi về lợi ích của tấm bằng tiến sĩ.

“Tiến sĩ Triết học là cái gì vậy?” Bà hỏi.

Cha mẹ Stanley muốn cậu ấy quay về nhà và làm một công việc thực sự, và thậm chí Stanley cũng phân vân điều gì sẽ đến tiếp sau. Cậu ấy có cảm giác rằng mình đang để mặc tuổi 20 trôi qua.

“Con đã 25 tuổi và chưa làm được gì cho bản thân, con hầu như không thử để biết rằng mình có thể làm điều gì đó và ở đâu đó,” cậu ấy nói với cha mẹ mình. Nhưng cậu ấy vẫn tiếp tục học tập và khám phá nước Đức thêm một vài năm nữa. Sau đó, Stanley rơi vào tình trạng rỗng túi, nợ nần và chẳng có bằng cấp giá trị nào cả, vì vậy cậu ấy đành trở về Mỹ sau khi cha mẹ từ chối hỗ trợ tài chính. Lúc đó, cậu 27 tuổi.

CON ĐƯỜNG Kéo DÀI Mãi Mãi ĐẾN TUỔI TRƯỞNG THÀNH

Câu chuyện của Stanley Hall cũng giống như câu chuyện của nhiều người trẻ ngày nay. Họ rời khỏi gia đình và đi học đại học, chống cự lại áp lực từ phía cha mẹ về việc chọn một ngành học để phục vụ cho công việc sau này, và rồi lướt qua những năm tháng sau khi tốt nghiệp, thường là rơi vào tình trạng thiếu tiền hoặc thiếu kế hoạch thực tế. Nhưng đây là sự khác biệt: Stanley lớn lên ở một nước Mỹ hoàn toàn khác – nước Mỹ của những năm 1800.

Chúng ta nghĩ rằng việc cắt cánh mất nhiều thời gian này là một tình trạng khá mới đối với những bậc cha mẹ, nhưng không. Có một điều chắc chắn là thời gian biểu tiến đến tuổi trưởng thành bây giờ kéo dài hơn bao giờ hết và ảnh hưởng đến mọi người nhiều hơn, nhưng ngay cả tại thời điểm bước sang thế kỷ XX, khi nền kinh tế cung cấp ít sự lựa chọn nghề nghiệp hơn cho những người như Hall và số ít người có bằng đại học, những người trẻ vẫn lang thang không mục đích trong suốt những năm tháng của tuổi 20.

Cuối cùng thì Hall cũng bắt đầu sự nghiệp của mình – anh đã kiếm được một tấm bằng cấp cao, dạy học ở trường Cao đẳng Antioch và Đại học Harvard, kết hôn ở tuổi 30 và trở thành chủ tịch của trường Đại học Clark ở Massachusetts. Trong khi làm việc ở Clark, anh ấy đã phát triển niềm đam mê của mình. Anh ấy đã sáng lập nên Hiệp hội Tâm lý học Mỹ, và đầu những năm 1900,

anh ấy đã viết một cuốn sách có tầm ảnh hưởng, trong đó đặt ra một thời kỳ mới trong cuộc đời mà anh ấy gọi là “thời thanh niên”.

Hall đã miêu tả thời kỳ chuyển tiếp từ thời thơ ấu đến thời thanh niên (từ tuổi 14 đến tuổi 24) là một thời kỳ “đầy bão tố và căng thẳng”. Quá trình công nghiệp hóa và tự động hóa, cùng với những điều luật về lao động trẻ em có ý nghĩa rằng thanh thiếu niên sẽ không còn phải làm việc trong các nhà máy hoặc nông trại nữa. Và sự phát triển của hệ thống trung học ở Mỹ yêu cầu trẻ em phải tích lũy nhiều kiến thức hơn trước khi bắt đầu tham gia vào lực lượng lao động.

Trên thực tế, giai đoạn thanh niên trong thời kỳ những năm đầu 1900 ngắn hơn rất nhiều so với sự miêu tả của Hall. Những nhà tuyển dụng lao động không đòi hỏi các thiếu niên phải học đại học, vì vậy họ có thể tìm được một công việc toàn thời gian ổn định sau khi tốt nghiệp trung học, rồi sau đó nhanh chóng kết hôn và sinh con. Và vào khoảng giữa thế kỷ trước, thị trường nghề nghiệp bắt đầu yêu cầu các thanh niên trẻ phải có bằng đại học. Thời gian biểu đến tuổi trưởng thành kéo dài đến giữa độ tuổi 20, mặc dù nó vẫn ngắn hơn so với chuẩn mực ngày nay.

Sau Thế chiến II, đạo luật G.I. Bill đã cho phép những cựu chiến binh, hầu hết là nam giới, được đi học đại học miễn phí, và thị trường lao động phát triển mạnh mẽ sau chiến tranh đã nhanh chóng chấp nhận họ. Họ kết hôn, mua nhà ở những khu ngoại ô mới và sinh con, đạt được những dấu mốc quan trọng đó trong những năm tháng của độ tuổi 20. Giai đoạn 1950-1960, tỷ lệ nam giới 19-24 tuổi sống cùng cha mẹ giảm đi một nửa.

Thời đại sau Thế chiến II đã gắn vào trong trí não của chúng ta một tư tưởng còn tồn tại đến ngày nay: thiếu niên tốt nghiệp trung học, lấy bằng đại học, kiếm được một công việc và rời khỏi ngôi nhà họ ở thời thơ ấu – mọi việc đều được thực hiện trước tuổi 22 hoặc tầm tuổi đó. Nhưng những năm 1950 hóa ra lại là một thời kỳ bất thường trong thời gian biểu đến tuổi trưởng thành kéo dài gần cả thế kỷ. Thế chiến II đã buộc nhiều thanh niên phải có trách nhiệm, phải trưởng thành trước khi thực sự trở thành người lớn; đạo luật G.I. Bill (cho phép binh lính Mỹ sau Thế chiến II được đi học và hưởng những lợi ích khác) khiến việc đi học đại học trở nên rẻ và dễ dàng hơn; và các công ty cũng nhanh chóng tuyển dụng những cựu chiến binh đã được đào tạo đại học, vì lúc này nước Mỹ chỉ phải đối mặt với rất ít sự cạnh tranh từ các quốc gia đang phục hồi sau chiến tranh.

Tuy nhiên, đến những năm 1960, xu hướng nhanh chóng bắt đầu tuổi trưởng thành đã kết thúc, và đến những năm 1970, rất nhiều thanh niên ở độ tuổi 20 bắt đầu về sống với cha mẹ. Nói cách khác, “thế hệ boomerang” đã tồn tại từ 40 năm trước đây, chỉ là số lượng khi đó ít hơn thôi.

Sự khác biệt giữa khi đó và bây giờ là ngành sản xuất ngày đó vẫn là nền tảng của nền kinh tế Mỹ. Trong năm 1970, công việc trong nhà máy chiếm 25% lượng công việc trên toàn nước Mỹ (so với 10% ngày nay). Kể cả trong tình trạng tồi tệ của nền kinh tế những năm 1970, tấm bằng đại học vẫn không phải là yếu tố cần thiết với sự thành công về mặt tài chính, cho phép hầu hết những người trẻ có nhiều hơn một con đường để kiếm được các công việc tầm trung ổn định. Ở thời điểm đó, giá trị về mặt tiền lương của tấm bằng đại học (mức lương của một người với tấm bằng đại học chênh lệch bao nhiêu phần trăm so với một người tốt nghiệp trung học) là dưới 40%. Vào năm 1976, tờ Newsweek phát hành một câu chuyện ở trang bìa với câu hỏi “Ai cần đại học?” cùng một tấm ảnh chụp hai sinh viên tốt nghiệp đại học mặc đồ và đội mũ cử nhân, đang cầm búa và xẻng, ngụ ý rằng có đến “27% lực lượng lao động là những người được ‘đào tạo quá mức’ cho công việc họ làm”.

Nhưng những năm 1970 đánh dấu giai đoạn cuối cùng khi phần lớn dân số không cần đến tấm bằng đại học. Cuộc khủng hoảng kinh tế đầu thập kỷ 80 đã giết chết hoạt động sản xuất tại nước Mỹ, và cuộc cách mạng công nghệ ở thập kỷ sau đó đã đặt ra yêu cầu bắt buộc đối với việc giáo dục sau trung học. Lợi ích kinh tế từ Thế chiến II cuối cùng đã kết thúc. Sự ưu đãi về lương cho những người tốt nghiệp đại học bắt đầu tăng lên, và sau năm 1983, nó chuyển thành một chuyến tàu mất kiểm soát. Năm 1983, sự ưu đãi về lương là 42%. Hiện nay, con số đó là hơn 80%.

Sự dịch chuyển trong giáo dục trung học đầu những năm 1900 (điều mang đến giai đoạn mới trong cuộc đời những thanh niên) đã trở thành sự dịch chuyển với quy mô toàn cầu trong giáo dục đại học vào cuối thế kỷ XX. Đại học không trở nên có quá nhiều giá trị như vậy, nhưng thực tế nhiều công nhân mất việc khiến những tấm bằng tốt nghiệp trung học trở nên ít có giá trị hơn. Nền kinh tế tri thức yêu cầu trình độ học vấn cao hơn, và người trẻ cần dành nhiều thời gian hơn giữa giai đoạn thanh niên và trưởng thành để đạt được sự giáo dục đó. Bắt đầu từ năm 1980, ba thập kỷ tiếp sau đó chứng kiến một sự tăng vọt đáng kể trong số lượng sinh viên ghi danh học đại học (cả sinh viên chưa tốt nghiệp và đã tốt nghiệp), dẫn đến sự trì hoãn trong việc bước qua

ngưỡng tuổi trưởng thành, từ việc kết hôn đến mua nhà, và mãi mãi thay đổi cách chúng ta nhìn nhận về sự chuyển dịch có thể dự đoán được từ giáo dục đến lực lượng lao động.

BA CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN SỰ NGHIỆP

Ngày nay, những người ở cuối độ tuổi thiếu niên hoặc những năm đầu của độ tuổi 20 dường như không còn phù hợp với định nghĩa truyền thống về thanh niên hoặc thiếu niên. Họ đang sống trong giai đoạn giữa hai giai đoạn đó.

Vào những năm 1990, Jeffrey Jensen Arnett, một giáo sư tâm lý học ở Đại học Missouri, đã phỏng vấn những người trẻ trên khắp đất nước và khẳng định rằng, những đối tượng phỏng vấn của ông cảm thấy họ trưởng thành và chưa hẳn trưởng thành gần như cùng một lúc. Điều này đưa Arnett đến kết luận rằng giai đoạn giữa của tuổi 18 và tuổi 25 là giai đoạn đặc biệt, phân chia giữa tuổi thanh niên và tuổi trưởng thành trẻ. Vào năm 2000, ông ấy xuất bản một nghiên cứu hình thành một định nghĩa mới cho giai đoạn này, gọi là “chớm tuổi trưởng thành”.

“Những người chớm tuổi trưởng thành thường khám phá rất nhiều hướng đi trong tình yêu, công việc và quan điểm về thế giới,” Arnett viết. “Chớm tuổi trưởng thành là giai đoạn cuộc đời khi những hướng đi khác nhau đều khả thi, khi tương lai gần như chưa được quyết định một cách chắc chắn, khi phạm vi khám phá độc lập của những khả năng trong cuộc sống đối với hầu hết mọi người lớn hơn bất kỳ giai đoạn nào khác trong cuộc đời.”

Cách nói “những người chớm tuổi trưởng thành” ngay lập tức được ghi vào từ điển văn hóa, đặc biệt là cho những bậc phụ huynh đang cố gắng tìm ra lý do vì sao con cái họ đang vật lộn với việc bắt đầu tuổi trưởng thành. Cụm từ này đã được trích dẫn hàng ngàn lần trên các phương tiện truyền thông và trong các tài liệu học thuật. Arnett đã viết một vài cuốn sách về chủ đề này và trở thành một diễn giả được săn đón bởi những nhà giáo dục và lãnh đạo đoàn thể - những người đang muốn tìm hiểu về những người trẻ tuổi, cụ thể là những người đạt đến tuổi trưởng thành vào đầu thế kỷ XXI.

Cho đến khi tôi có cơ hội gặp Arnett vào năm 2014, ông ấy đã chuyển đến Đại học Clark, chính là ngôi trường ở Massachusetts, nơi mà Stanley Hall làm chủ tịch những năm 1900. 14 năm sau khi Arnett đưa ra thuật ngữ này, tôi rất tò mò muốn được nghe xem liệu hành trình đến tuổi trưởng thành có đang kéo dài hơn

đối với những người chớm tuổi trưởng thành trong thập kỷ đó hay không. “Chắc chắn rồi,” ông ấy nói với tôi. Arnett nói rằng ông đã thận trọng tránh sử dụng các thuật ngữ chung chung để miêu tả những việc mà những người ở giai đoạn cuối tuổi thiếu niên và đầu độ tuổi 20 đang trải qua, “bởi vì những thay đổi đang xảy ra là những thay đổi cấu trúc vĩnh viễn diễn ra trên quy mô toàn cầu.”

Con đường gập ghềnh đến tuổi trưởng thành ngày nay đã trở nên bình thường với hầu hết mọi đứa trẻ, và xảy ra bất chấp tình hình kinh tế. Tuy nhiên, thực tế khốc liệt này không hoàn toàn khiến cho những người chớm tuổi trưởng thành nản lòng. Trên thực tế, họ chấp nhận điều đó như một phần của cuộc đời. Trong nghiên cứu của mình, Arnett phát hiện ra rằng những người chớm tuổi trưởng thành vô cùng lạc quan. Trong cuộc khảo sát năm 2012 (giai đoạn giữa của cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu) của Đại học Clark, gần 90% số người 18-29 tuổi được hỏi nói rằng họ tự tin về việc cuối cùng họ sẽ đạt được điều mình muốn trong cuộc đời, 83% khác nói rằng họ tin tưởng “điều gì cũng có thể”. Sự lạc quan này khiến họ cảm thấy mình có thể dành thời gian để tìm kiếm sự nghiệp phù hợp mà không cần hoài nghi về thế giới hay lo lắng về việc chu cấp cho gia đình.

Tuy nhiên, khi nói đến chủ đề về giáo dục sau trung học, những người chớm tuổi trưởng thành và những người mới bước vào tuổi trưởng thành dường như do dự nhiều hơn. Họ chắc chắn muốn được học lên cao hơn nhưng không chắc chắn lắm về việc làm thế nào để chi trả khoản đó. Gần 60% những người 25-39 tuổi tham gia vào khảo sát của Arnett năm 2014 (một nhóm đối tượng ông ấy gọi là “những người đã trưởng thành”) nói rằng họ ước gì mình đã học cao hơn nữa để có thể thăng tiến trong sự nghiệp, 70% khác thì hy vọng có thể đi học lại một lúc nào đó, mặc dù 40% trong số họ không đạt được bằng cấp họ cần vì thiếu tiền.

Arnett nói với tôi rằng đối với những người chớm tuổi trưởng thành ngày nay, giáo dục đại học (không chỉ là đi học mà là thực sự đạt được tấm bằng đại học) là yếu tố lớn nhất quyết định việc liệu những người ở độ tuổi 20 có thể bắt đầu một sự nghiệp bền vững hay không. Chắc chắn không chỉ có mình ông ấy nghĩ như vậy. Trong thập kỷ trước, điểm số của các môn kinh tế học, xã hội học và tâm lý học đã mô tả vai trò quan trọng của bằng đại học trong những con đường khác biệt mà người trưởng thành chọn sau này.

Điều đó vẫn đúng cho đến bây giờ. Nhưng ngày nay, chỉ có bằng đại học là không đủ để phân biệt người thành công với người đang

lang thang vô định trong cuộc đời. Nếu không thì những người mới tốt nghiệp bây giờ đã không đứng trong nhóm người thất nghiệp hoặc làm những công việc không yêu cầu bằng đại học. Trong khi một số bằng cấp cao hơn trung học vẫn được coi là nền tảng cho một cuộc sống và sự nghiệp thành công, thì ngày nay, những trải nghiệm đúng tuổi, thực tiễn trong những năm cuối của độ tuổi thiếu niên và những năm đầu của độ tuổi 20 (đặc biệt là những chương trình học việc, thực tập) rõ ràng mang lại hiệu quả tốt hơn trong việc chuyển tiếp từ đại học lên sự nghiệp.

Những người chớm tuổi trưởng thành ngày nay thực hiện sự chuyển tiếp đó theo một trong ba cách: họ có thể là người chạy nước rút, người đi lang thang, hoặc Người không đi theo hàng lối trong cuộc đua đến tuổi trưởng thành.

NGƯỜI CHẠY NƯỚC RÚT:

Sự đầu tư vào vốn con người được đền đáp

Theo bản tính tự nhiên của mình, những người chạy nước rút nhanh chóng bắt đầu ngay từ khi bước ra khỏi cổng trường đại học. Một số người có những công việc hoàn hảo đang xếp hàng chờ, và một số khác tập trung vào mục đích của họ, chuyển qua các công việc khác nhau để leo lên những nấc thang trong sự nghiệp. Nhưng không chỉ có tốc độ định nghĩa về nhóm người này. Một số người chậm nhưng có phương pháp, lắp ráp từng mảnh để tạo nên một sự nghiệp thành công sớm, hầu hết bằng việc đi học đại học hoặc một trường đào tạo chuyên nghiệp và đầu tư nhiều hơn vào vốn con người trước khi tham gia thị trường lao động. Những người khác tích lũy kinh nghiệm phù hợp qua các chương trình thực tập hoặc sau đại học, những điều tạo nên điểm sáng trong bản lý lịch để họ có thể sẵn sàng nắm lấy cơ hội khi nó xuất hiện.

Trong khi đa số mọi người nghĩ rằng đây là cách mà hầu hết những sinh viên tốt nghiệp bắt đầu sự nghiệp, thì thực tế chỉ có 1/3 số người ở độ tuổi 20 là những người chạy nước rút (dữ liệu dựa trên một cuộc khảo sát với sự tham gia của 752 người trong độ tuổi 24-27, tham khảo kết quả tổng hợp trong phần phụ lục). Họ không được xác định bởi một nhóm các phẩm chất, nhưng nhiều người tôi đã gặp và những người tham gia vào cuộc khảo sát có một số điểm chung: họ có một công việc khi còn học trung học (cho dù với mức lương tối thiểu) và hiểu về sắc thái cũng như những yêu cầu cơ bản của nơi làm việc (ví dụ như có mặt đúng

giờ). Họ chọn một chuyên ngành học từ sớm và rơi vào tình trạng bế tắc. Việc đó cho phép họ dành thời gian cho những hoạt động ngoài giờ học, ví dụ như các dự án nghiên cứu hoặc chương trình thực tập (79% tham gia ít nhất một chương trình thực tập trong thời gian học đại học).

Họ cũng có ít hoặc không có khoản nợ tín dụng dành cho sinh viên nào, điều đó cho phép họ được tự do chọn lựa những cơ hội công việc không bị ràng buộc bởi khoản nợ phải trả (33% có khoản nợ dưới 10.000 đô-la). Dù họ theo học một ngôi trường danh tiếng hay một ngôi trường không-được-chọn-lọc lắm, hầu hết trong số họ đều được gia đình sẵn sàng hỗ trợ (nhiều người là về mặt tài chính, một số khác là những lời động viên đơn giản) khi họ có thể đứng trên đôi chân của mình ở những năm đầu độ tuổi 20.

Lily Cua là một người chạy nước rút điển hình. Trước khi tốt nghiệp chuyên ngành tài chính ở Đại học Georgetown, cô ấy nhận được một vị trí đáng mơ ước với tư cách là tư vấn viên ở PricewaterhouseCoopers. Giống như nhiều công việc ngày nay, công việc đó xuất hiện từ một kỳ thực tập mùa hè ở công ty. Cô ấy đã ứng tuyển vào chương trình thực tập từ những năm đầu đại học như một cách để luyện tập kỹ năng phỏng vấn. Người tuyển dụng (cũng từng là sinh viên tại Georgetown) đã rất ấn tượng với khả năng nói một chút tiếng Trung Quốc và điểm số cao của cô ấy. Anh ấy nói rằng đó là những dấu hiệu cho thấy Lily sẵn sàng nhận những công việc có yêu cầu cao. “Họ thật sự muốn một ai đó có hứng thú với việc học hỏi và làm việc chăm chỉ,” cô ấy nhớ lại. Cho đến cuối kỳ thực tập mùa hè đó, tức 10 tháng trước khi tốt nghiệp, Lily nhận được lời mời làm việc toàn thời gian. “Làm việc ở đó không phải ước mơ của tôi,” cô ấy thú nhận. Nhưng cô ấy đã nhận lời đề nghị vì biết rằng nó sẽ mang lại cho cô ấy một con đường để bắt đầu.

Lily không coi đó là sự nghiệp mà là một phương tiện để bắt đầu tuổi 20 của mình. Đó là cách mà nhiều sinh viên đại học năm cuối nhìn nhận về vị trí tư vấn. Nó giống như việc đi học mà được trả lương. Và đôi chút liên quan đến một công ty tư vấn lớn sẽ giúp hồ sơ của bạn có giá trị hơn, cùng với một điểm cộng là cung cấp cho những sinh viên mới tốt nghiệp những mối quan hệ đồng nghiệp trong các giai đoạn khác nhau của sự nghiệp.

“Tôi muốn học hỏi,” Lily nói với tôi, “tôi muốn có được những kỹ năng mà mình chưa có khi rời khỏi trường đại học. Tôi muốn làm việc với những người thật sự thông minh. Tôi muốn được hướng

dẫn bởi ai đó quan tâm đến tôi.”

Tôi gặp Lyli ở 1776 - một vườn ươm doanh nghiệp ở Washington D.C hỗ trợ những công ty khởi nghiệp. Nơi này làm việc với 210 đơn vị khởi nghiệp, và được vận hành bởi những người chạy nước rút như Lily. Sau hai năm làm việc cho PricewaterhouseCoopers, cô ấy rời công ty và bắt đầu khởi nghiệp với một người quen từ thời đại học. Công ty đó đã gây được quỹ hơn 400.000 đô-la cho một thị trường giao dịch trực tuyến, cho phép những nhà tuyển dụng cung cấp nhiều sự lựa chọn với những thù lao và lợi ích cho người lao động. Lily nói rằng quyết định rời khỏi một công ty nằm trong danh sách Fortune 500 khi đó “thật sự ám ảnh”, nhưng giống như hầu hết những người chạy nước rút, cô ấy nhận ra rằng những năm tháng của độ tuổi 20 là thời gian xứng đáng nhất để chấp nhận rủi ro và thử nghiệm những điều mới mẻ. Một vài trong số họ đã có tài sản thế chấp, bạn đời hoặc con cái, vì vậy cái giá của sự thất bại là khá thấp, và những phần thưởng tiềm năng thì cao hơn rất nhiều. Nếu sự lựa chọn của họ không hiệu quả, họ có thể dễ dàng bắt đầu lại.

Điều đó giúp những người chạy nước rút không cảm thấy sợ hãi với việc thường xuyên thay đổi công việc trong những năm tháng của độ tuổi 20. Một người Mỹ trung bình làm tám công việc trong khoảng thời gian từ 18 đến 29 tuổi. Với một sinh viên tốt nghiệp đại học bình thường, họ phải mất bốn năm để tìm được một công việc mà họ sẽ làm trong 5 năm sau đó hoặc tương tự. Nhảy việc thường được coi là sự thiếu cam kết hoặc thiếu định hướng, nhưng nếu họ nhảy việc để thăng tiến trong sự nghiệp và thử thách những công việc khác nhau thì sẽ không bị coi là như vậy.

Trên thực tế, chuyển việc trong những năm tuổi 20 sẽ tăng cường cơ hội tìm được công việc lương cao và khiến bạn hài lòng trong những thập kỷ sau đó. Henry Siu gọi đó là “mua sắm việc làm” để tìm được sự phù hợp hơn. Siu, phó giáo sư của Trường Kinh Tế Vancouver thuộc Đại học British Columbia, là thành viên của nhóm các nhà kinh tế học đã nghiên cứu dữ liệu thất nghiệp của nước Mỹ trong hơn 30 năm. Trong nghiên cứu vào năm 2014, các nhà kinh tế học đã phát hiện ra rằng sự di động của một người trong những năm tuổi 20 càng lớn thì sau này họ càng kiếm được nhiều tiền hơn, khi mà họ ít có khả năng thay đổi hoặc không thể dễ dàng từ bỏ những kỹ năng đã học hỏi được.

“Các trường đại học nên trang bị cho sinh viên khả năng linh hoạt nghề nghiệp,” Siu nói, “có nghĩa là họ có thể làm những nghề nghiệp khác nhau ngay từ khi còn trẻ.” Những người ở độ tuổi 20

thường hay thay đổi việc làm. Theo lời Siu, sự khác biệt bây giờ là 1/3 trong số họ thường xuyên thay đổi nghề nghiệp, một tỷ lệ cao hơn rất nhiều so với thế hệ trước.

Ông cho rằng: “Chúng ta đang sống trong một xã hội ngày càng phức tạp với nhiều sự lựa chọn về nghề nghiệp,” nhiều hơn bất kỳ ai có thể khám phá khi còn học đại học. Vì vậy, thử làm những nghề nghiệp khác nhau giờ đã trở thành một phần cuộc sống của những người ở độ tuổi 20, và đó cũng là lý do vì sao họ cần một con đường dài hơn để đến tuổi trưởng thành.

Thật không may, ngày càng có nhiều người chớm tuổi trưởng thành thiếu sự linh hoạt về tài chính để thay đổi công việc hoặc chấp nhận những vị trí lương thấp dù nó có thể là khởi đầu cho một sự nghiệp tuyệt vời. Vấn đề của họ là gì? Đó là những khoản vay sinh viên.

Trong số những người phải xoay sở tài chính cho việc học đại học bằng những khoản vay, trung bình các sinh viên trong một lớp học tốt nghiệp năm 2014 rời đi với khoản nợ 33.000 đô-la. Sáu tháng sau, những sinh viên đã tốt nghiệp đó nhận được thư thông báo thanh toán đầu tiên, trung bình là 380 đô-la, với 120 lần thanh toán tương tự trong tương lai. Con số này dường như không phải quá lớn, nhưng khi nó chiếm 15% lương mà một sinh viên mới tốt nghiệp nhận được, nó sẽ ảnh hưởng đến những quyết định sự nghiệp mà họ đưa ra khi mới bắt đầu. Không phải sự phù hợp, hạnh phúc hay thăng tiến trong sự nghiệp, mà chính tiền lương mới là yếu tố quyết định trong việc lựa chọn nghề nghiệp. Ví dụ, những khoản nợ khiến những chương trình thực tập không lương có thể mang đến một công việc xuất sắc bị gạt sang một bên, hoặc sống trong một thành phố đắt đỏ với thị trường lao động năng động có thể mang đến các lựa chọn việc làm cho những người ở độ tuổi 20.

Một người bạn làm việc tại một nhà xuất bản lớn của New York kể với tôi rằng, mức lương dành cho những người mới tốt nghiệp ở đó khó có thể vượt quá 40.000 đô-la, trong khi New York là một trong những thành phố đắt đỏ nhất thế giới. Cô ấy kể rằng, hầu hết trong số họ phải xin thêm cha mẹ chi phí sinh hoạt. Tình trạng này khá phổ biến. Khoảng một nửa số sinh viên tốt nghiệp đại học năm 2011 tiết lộ rằng họ phụ thuộc vào sự hỗ trợ tài chính từ cha mẹ, bao gồm cả những người đã có một công việc toàn thời gian. Khoảng 60% sinh viên đại học cần vay tiền cho chi phí học đại học. Khi lựa chọn trường đại học, bạn cần phải so sánh kỹ càng khoản nợ trung bình sau khi tốt nghiệp; bởi lẽ một khoản vay lớn

có thể ảnh hưởng đến những quyết định công việc trong phần còn lại của cuộc đời bạn.

Ảnh hưởng của những khoản nợ sinh viên đối với các quyết định trong sự nghiệp ngày càng lớn. Năm 1989, chỉ 17% số người ở độ tuổi 20 có những khoản nợ sinh viên; trong khi ngày nay là 42%. Công ty thăm dò ý kiến Gallup (đơn vị đo lường lợi ích theo năm tiêu chí, bao gồm tài chính, thể chất và mục đích trong cuộc đời) đã phát hiện ra rằng: “Càng có nhiều khoản nợ sinh viên, bạn sẽ càng khó có thể sống hạnh phúc.”

Busteed không mấy ngạc nhiên khi tôi nói với anh ấy rằng hầu hết những người trẻ tuổi tôi gặp ở 1776 không có một khoản nợ sinh viên nào. Dựa theo số liệu điều tra của Gallup, hầu hết những doanh nhân đều có khoản nợ sinh viên dưới 10.000 đô-la. Một khoản nợ lớn hơn con số này sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến quyết định khởi nghiệp. Xem xét thực tế rằng các doanh nghiệp khởi nghiệp sẽ tạo ra việc làm nhanh hơn những doanh nghiệp giải thể thành những doanh nghiệp mới, nếu chúng ta có ít người chớm tuổi trưởng thành sẵn sàng nắm lấy cơ hội cho những ý tưởng kinh doanh vì họ phải trả các khoản nợ sinh viên, điều đó sẽ chỉ khiến những sinh viên với tấm bằng đại học khó khăn hơn khi tìm việc.

NGƯỜI ĐI LANG THANG: NHỮNG BƯỚC ĐI CÀ NHẮC ĐẾN MỘT SỰ NGHIỆP

Valerie Lapointe là một trong những sinh viên tốt nghiệp đại học đang cố gắng tìm việc làm. Khi tôi gặp cô ấy ở Washington D.C một vài tuần trước lễ Giáng sinh, cô ấy đang ôn thi GRE. Công cuộc tìm việc của cô ấy đã phải trì hoãn, và cô ấy đã quyết định làm một việc mà nhiều sinh viên tốt nghiệp đại học gần đây đã làm khi họ thấy bế tắc: quay lại trường học để lấy một tấm bằng khác.

Bằng thạc sĩ đã nhanh chóng trở thành hình thức bằng cử nhân mới. Vào năm 2013, có khoảng 760.000 tấm bằng thạc sĩ được trao, một con số tăng 250 lần so với năm 1980 và đang tăng với tốc độ nhanh hơn rất nhiều so với tốc độ tăng của những người học lấy bằng cử nhân. Gần 30% sinh viên mới tốt nghiệp đại học quay trở lại trường trong vòng hai năm sau khi lấy bằng cử nhân (mặc dù việc đăng ký học đang trở nên đơn giản hơn, như chúng ta sẽ thấy trong Chương 8). Đối với họ, trường đại học giống như

nơi làm việc vì nó mang lại cho họ mô hình và định hướng.

Khi chúng tôi nhám nháp cà phê, Valerie nói một cách châm biếm về sự liên quan giữa hoàn cảnh của chúng tôi. Xét cho cùng, các quán cà phê đã trở thành biểu tượng cho những Người đi lang thang qua tuổi 20 của họ. Nhân viên pha chế ở Starbucks với tấm bằng đại học là một ví dụ điển hình của những người làm việc không đúng với bằng cấp của họ. Và ngày nay, quán cà phê là nơi phổ biến cho những người trẻ gặp mặt khi họ tìm kiếm công việc theo các dự án tự do.

“Tôi đã rải đơn xin việc ở khắp nơi,” Valerie nói. “Khi thất nghiệp, bạn có thể nộp hồ sơ ứng tuyển cả ngày.” Cô ấy so sánh công cuộc tìm việc với việc hẹn hò. “Bạn trông thật tuyệt trên những trang giấy, họ phỏng vấn bạn, nhưng rồi họ chẳng bao giờ gọi lại cho bạn. Bạn sẽ quen với việc bị từ chối.”

Valerie 25 tuổi, có mái tóc vàng dài ngang vai và một nụ cười lạnh lợi. Cô ấy lớn lên ở vùng ngoại ô giàu có phía bắc Virginia. Valerie tốt nghiệp một trường trung học danh tiếng với số điểm trung bình 3.9 vào năm 2008 - một năm được đánh dấu bởi sự bùng nổ số lượng người đủ 18 tuổi trên khắp đất nước (vì vậy có rất nhiều sự cạnh tranh để vào được trường đại học cô ấy chọn) cùng với một trong những sự khủng hoảng kinh tế tồi tệ nhất trong lịch sử nước Mỹ (có nghĩa là rất nhiều sinh viên mới tốt nghiệp sẽ thất nghiệp).

“Tôi không biết tôi muốn làm gì với cuộc đời mình khi đi học đại học,” Valerie nói với tôi.

Tôi đã hỏi cô ấy vì sao không trì hoãn việc đi học đại học, dành thời gian để khám phá những điều bản thân thấy hứng thú trước khi tham gia một chương trình học nào đó.

“Câu hỏi về việc tôi có đi học đại học hay không chưa bao giờ xuất hiện trong suy nghĩ của cha mẹ tôi, câu hỏi sẽ chỉ là ở đâu,” cô ấy nói. “Điều đó đã xảy ra với cha mẹ tôi, vậy tại sao lại không xảy ra với tôi?”

Tôi đã nghe những câu chuyện tương tự từ nhiều sinh viên mới tốt nghiệp đại học gần đây, những người mà cha mẹ họ cũng đã trải qua giáo dục đại học: sự kỳ vọng rằng trường đại học (đặc biệt là những trường đào tạo chương trình bốn năm) là con đường duy nhất sau trung học, những con đường vòng khác (ví dụ như một năm nghỉ ngơi để tìm kiếm sự hứng thú của bản thân hay khám

phá những chuyên ngành bằng việc tham gia các khóa học tại trường cao đẳng địa phương) là không thể chấp nhận.

Valerie đã đi theo con đường chính tắc. Thay vì chờ đợi danh sách trúng tuyển của Đại học James Madison, cô ấy đã chuyển đến Đại học Mary Washington, một trường công nằm ở trung nam Virginia, cách không xa thủ phủ bang ở Richmond. Vẫn chưa chắc chắn về chuyên ngành của mình, lịch học của Valerie được lấp đầy bởi những khóa học đại cương trong hai năm đầu tiên. Rồi cô ấy tham gia một lớp học báo chí với một cựu nhà báo của tạp chí Phố Wall, và cô ấy bị thu hút.

Tuy nhiên, Đại học Mary Washington lại không có chuyên ngành báo chí. Vì vậy, Valerie đã tìm kiếm những khóa học viết và tham gia vào nhóm làm báo sinh viên. Valerie đã suy nghĩ về việc chuyển đến ngôi trường khác có chuyên ngành báo chí, nhưng cô ấy đang phải hoàn thành bằng cử nhân trong ba năm và tiết kiệm tiền. “Đã quá muộn khi tôi nhận ra điều đó,” cô ấy nói.

Đã quá muộn để cô ấy tham gia vào nhóm “Những người chạy nước rút”.

Thay vào đó, Valerie lùi lại cùng với nhóm Những người sở hữu bằng đại học. Cô ấy trở thành một Người đi lang thang, một phần trong số ngày càng nhiều những người trẻ đang lướt qua tuổi 20 và dậm chân tại chỗ suốt nhiều năm sau khi tốt nghiệp đại học.

Đó không phải là sự thiếu động lực hay chăm chỉ. Họ chắc chắn là không “lười biếng” hay “tự phụ” như những tiêu đề hay nói về họ như vậy. Ở tuổi 18, họ không chắc chắn về việc mình muốn làm trong cuộc đời. Vì vậy, họ để mặc bản thân cho cha mẹ và chuyên gia tư vấn định hướng, kỳ vọng rằng sẽ xây dựng nên con người trưởng thành của mình ở đó. Việc đầu tiên là qua trường đại học: chọn một chuyên ngành, tìm một chương trình thực tập, tham gia các khóa học theo đúng thứ tự để tốt nghiệp đúng thời hạn. Mặc dù vậy, hầu hết sinh viên không bắt kịp được tốc độ đó.

1/4 số sinh viên năm nhất thay đổi chuyên ngành của họ vào cuối năm học đầu tiên, và một nửa số sinh viên năm nhất nói rằng họ có kế hoạch thay đổi chuyên ngành. Thay đổi chuyên ngành không có nghĩa là bạn chắc chắn sẽ rơi vào nhóm Những người đi lang thang, đặc biệt nếu bạn hiểu rõ về điều mình muốn làm. Tuy nhiên, chỉ có một nửa số sinh viên hoàn thành chương trình cử nhân trong vòng bốn năm, hướng chỉ là tham gia các khóa thực tập, giữ những vị trí lãnh đạo trong các hoạt động ở trường, hay

thực hiện các dự án nghiên cứu mà các nhà tuyển dụng hàng đầu tìm kiếm ngày nay. Vì vậy, Những người lang thang có một sự khởi đầu muộn hơn trước cả khi họ tham gia vào thị trường lao động. Trong số 1,7 triệu sinh viên tốt nghiệp năm 2014, có một nửa không tìm được công việc toàn thời gian trong vòng sáu tháng sau khi tốt nghiệp.

Valerie đã làm công việc trông trẻ và sống cùng gia đình để tiết kiệm tiền. Cho đến khi bắt đầu nghiêm túc tìm kiếm một công việc đúng chuyên ngành của mình (một năm rưỡi sau khi tốt nghiệp) thì cô ấy lại phải tiếp tục cạnh tranh với lứa sinh viên tốt nghiệp tiếp theo. Valerie đã chi tiền để tham gia một chương trình thực tập mùa hè với công việc quan hệ công chúng tại một viện nghiên cứu, với hy vọng rằng công việc này sẽ đưa cô ấy đến một cơ hội nghề nghiệp triển vọng hơn. Nó đã không diễn ra như vậy. Cô ấy tham gia vào một chuyến du lịch dài ngày bằng ô tô đến Los Angeles cùng một người bạn, trước khi quay về Washington và làm công việc tiếp viên hàng không. Cô ấy đã tìm được một công việc tại một công ty sản xuất video nhưng bị sa thải ba tháng sau đó. Kể từ đó, Valerie làm qua một loạt công việc mang tính thời vụ như trông trẻ hoặc các công ty dịch vụ tạm thời.

“Tôi biết là sẽ khó khăn, nhưng không nghĩ là khó khăn đến vậy,” cô ấy nói với tôi. Tham gia vào mạng xã hội Facebook đôi khi khiến cô ấy cảm thấy tụt hậu hơn nữa, khi những người bạn chia sẻ những điểm sáng trong cuộc sống hằng ngày của họ. “Tôi thật sự tin tưởng rằng khi 25 tuổi, tôi sẽ có nhiều thứ hơn trong cuộc sống của mình.”

Có hàng triệu sinh viên tốt nghiệp đại học giống như Valerie – họ đạt được tấm bằng đại học nhưng gặp phải nhiều khó khăn trên con đường đến tuổi trưởng thành. Nhiều người bị chệch hướng ngay sau khi tốt nghiệp. Họ chấp nhận bất kỳ công việc được trả lương nào vì áp lực tài chính, hoặc quay trở về nhà vì nghĩa vụ gia đình. Một vài người không biết làm thế nào để bắt đầu một sự nghiệp và bỏ qua những chương trình thực tập hoặc công việc ý nghĩa, vì họ thấy đó là những công việc thấp kém hoặc họ không thể xoay sở với mức lương tầm thường đó (trong một số chương trình thực tập, thậm chí họ sẽ không được trả đồng lương nào). Và giống như Valerie, một số người quay lại trường học và dấn sâu hơn vào những khoản nợ. Trong một nghiên cứu, tổng số nợ của những sinh viên không làm việc khi học tiếp chương trình sau đại học cao gấp ba lần, từ 22.000 đến 76.000 đô-la. Tương lai tươi sáng đối với nhiều người trong số họ trong ngày đầu tiên bước chân vào trường đại học dần vượt ra khỏi tầm với, tất cả chỉ diễn

ra trong vài năm.

Nhưng đó không phải là sự mất mát với những Người đi lang thang. Một khảo sát của tôi cho thấy 32% số người trẻ tuổi là những Người đi lang thang, mặc dù một số người sẽ đi lang thang nhiều hơn những người khác. Nhìn chung, họ có xu hướng theo học các trường công lập, nơi mà họ ít có sự chắc chắn về chuyên ngành của mình khi bắt đầu. 85% trong số họ làm công việc không liên quan đến chuyên ngành sau khi tốt nghiệp.

Một số Người đi lang thang thực sự có một kế hoạch. Nhân viên pha chế ở Starbucks có thể tiết kiệm để học lên sau đại học hoặc chăm sóc cha mẹ ốm đau trong một thời gian ngắn. “Điều quan trọng là phải hiểu một cách rõ ràng về nơi bạn muốn đến, biết được rằng bạn có thể thay đổi con đường đi đến đó,” Andy Chan, người phụ trách dịch vụ nghề nghiệp ở Đại học Wake Forest, nói.

Điều mà nhóm Người đi lang thang nên lo lắng nhất là con đường họ sẽ chọn để đến nơi họ muốn trong cuộc đời sẽ loay quanh như thế nào. Tuổi 20 được coi là “buổi tổng duyệt” cho phần còn lại của cuộc đời. Kéo dài sự không ổn định trong khoảng thời gian này sẽ chỉ dẫn đến những vấn đề hóc búa trong tương lai. Có lẽ vấn đề quan trọng nhất là phần lớn sự tăng lương của người lao động thường diễn ra trong 10 năm đầu khi đi làm. Cụ thể đối với nam giới, 3/4 sự tăng lương của họ xảy ra chỉ trong 10 năm đầu tiên này.

Tốt nghiệp đại học trong thời kỳ kinh tế suy thoái (như tình hình nước Mỹ năm 2008) càng tạo thêm nhiều áp lực cho những người ở độ tuổi 20. Lisa Kahn, nhà kinh tế học ở Đại học Yale phát hiện ra rằng khi sinh viên tốt nghiệp trong một nền kinh tế suy thoái, họ sẽ có mức thu nhập thấp hơn đến 14-23 năm sau trong cuộc đời. Ví dụ, lứa sinh viên tốt nghiệp ngay sau cuộc khủng hoảng năm 2008 bây giờ đang có mức thu nhập ít hơn 1/3 so với những sinh viên tốt nghiệp một vài năm trước đó. “Những sinh viên mới tốt nghiệp cũng không tìm chọn các cơ hội nghề nghiệp nhiều trong thời kỳ kinh tế yếu kém,” Kahn nói, “và việc tìm chọn các công việc là cách họ kiếm được mức lương tốt hơn trong những năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp.”

Sự thụt lùi về mức lương ảnh hưởng đến mọi khía cạnh trong cuộc đời của những sinh viên mới tốt nghiệp, từ khả năng mua một căn nhà đến xu hướng sở hữu những khoản vay tín dụng lớn. “Công việc đầu tiên của những sinh viên mới tốt nghiệp có ảnh hưởng rất lớn đến sự nghiệp và nguồn thu nhập tương lai của họ.

Mọi người không thể thu hẹp khoảng cách tiền lương bằng cách lên dần các cấp bậc trong công ty. Khi họ có thể leo dần lên thì những người ở cấp cao hơn cũng có thể làm như vậy,” theo quan sát của Austan Goolsbee, cựu chủ tịch Ủy ban Tư vấn Kinh tế dưới quyền Tổng thống Obama và là giáo sư kinh tế học ở Đại học Chicago. Những Người lang thang lướt qua độ tuổi 20 của họ càng lâu thì đường chạy của họ càng dài và càng khó để bắt kịp. Và những người chưa từng tìm kiếm một con đường nhánh trong độ tuổi 20 cuối cùng sẽ rơi vào nhóm còn lại: Người không đi theo hàng lối.

NGƯỜI KHÔNG ĐI THEO HÀNG LỐI ĐANG LƯỞT QUA TUỔI 20 CỦA HỌ

Vào một buổi tối chớm thu mát mẻ, tôi đang ở Portland, Oregon, và còn một vài giờ rảnh rang trước chuyến bay đêm trở về Washington D.C. Ngày chủ nhật trước đó, tạp chí The New York Times đã xuất bản một câu chuyện nói rằng thành phố đã trở thành một nơi mà “những người trẻ tìm đến để nghỉ hưu”, một cụm từ đầy tính trào phúng, bắt nguồn từ chương trình truyền hình Portlandia.

Bài báo nói rằng mặc dù không tìm kiếm những công việc được trả lương tốt, nhưng những người ở độ tuổi 20 này vẫn thấy hứng thú với không gian núi non gần thành phố, những mùa đông êm dịu, tiếng tăm bên ngoài và tính cách độc lập. Trong một vài phương diện, Portland đã trở thành cực nam châm với những Người không đi theo hàng lối – những người dành độ tuổi 20 của mình để tìm kiếm những gì họ đáng phải làm. Tôi đã đến đây để tìm hiểu vì sao họ lại mất nhiều thời gian đến vậy.

Ở khu vực tập trung công nghiệp phía đông Portland, tôi đã gặp Josh Mabry. Vóc dáng cao lớn, tóc cắt sát đầu phong cách quân đội và cẳng tay đầy những hình xăm, Josh chuẩn bị bước sang tuổi 30. Cậu là một Người không đi theo hàng lối điển hình. Sau một thập kỷ làm những công việc không có tương lai và sự bắt đầu sai lầm ở một loạt trường đại học, Josh nói với tôi rằng cuối cùng thì cậu ấy đã ổn định với một công việc mà mình thực sự chú tâm: nghề mộc. Josh luôn thích làm những công việc bằng đôi tay của mình. Ông và bố của cậu ấy cũng từng là thợ mộc, nhưng cậu ấy đã học lớp làm mộc cuối cùng từ năm lớp bảy. Khi học trung học, chuyên viên tư vấn hướng nghiệp đã đề nghị cậu ấy đi theo ý tưởng học đại học.

“Tôi đã nghĩ về việc học tâm lý học, nhưng tôi thấy trường học thật nhàm chán,” Josh nói, một điệp khúc tôi đã nghe từ rất nhiều Người không đi theo hàng lối. Thay vào đó, cậu ấy đã đi làm cho một nhóm thợ xây dựng vào mùa hè sau khi tốt nghiệp trung học. “Tôi thật sự thích công việc đó, hoàn thành một dự án và nhìn nó hoàn thiện,” cậu ấy nói. Vào cuối mùa hè năm đó, Josh đi theo một người bạn gái đến Eugene. Không thể tìm được một công việc xây dựng, cậu ấy ghi danh học lớp thiết kế đồ họa ở Đại học Cộng đồng Lane. Josh rơi vào cảnh tiệc tùng ở đó. Một vài năm sau, cậu ấy đã quay trở lại Portland để làm công việc pha chế đồ uống nhằm chi trả các khoản chi phí.

“Khi đó, tôi đã lướt qua cuộc đời mình,” Josh nói với tôi.

Điều đó đã định hình phần lớn cuộc đời cậu ấy trong 10 năm tiếp theo. Josh đã thử học hai trường đại học cộng đồng khác trong vùng, theo nghề hàn và lâm học. “Tôi muốn có những kỹ năng chứ không phải là một tờ giấy,” Josh nói. Cậu ấy đã bỏ học hai lần. Cậu ấy rời đến Trung Mỹ trong tám tháng, làm công việc pha chế tạm thời. Và rồi ở tuổi 29, cậu ấy nhìn thấy tờ rơi của một đơn vị địa phương cung cấp những lớp học làm mộc, kỹ nghệ sắt và bọc mặt đồ gỗ. Cậu ấy đăng ký lớp học kỹ nghệ sắt và tiếp theo đó là lớp học làm mộc. Cuối cùng Josh đã tìm thấy niềm đam mê của mình. Cậu ấy bắt đầu làm những đồ đạc đơn giản bằng gỗ và những sản phẩm nghệ thuật nhỏ. Hiện giờ, cậu ấy đã lập một trang web và bán những sản phẩm của mình trên kênh trực tuyến.

“Tôi hiểu rằng đến tuổi 30 mình cần phải tìm ra một điều gì đó cho bản thân,” Josh nói, “và cuối cùng thì tôi đã tìm ra một con đường cho mình.”

Những Người không đi theo hàng lối cần nhiều thời gian để tìm ra con đường sự nghiệp của mình vì nhiều người trong số họ phải vật lộn để tìm ra những sự lựa chọn khả thi sau khi tốt nghiệp trung học để trưởng thành và khám phá sự nghiệp, hơn là việc chỉ đi học đại học. Và nếu đi học đại học, hầu hết họ phải vật lộn để hoàn thành, thậm chí rất nhiều người không hoàn thành được. Cuộc khảo sát của tôi phát hiện ra rằng khoảng 1/3 những người trong độ tuổi 20 là những Người không đi theo hàng lối. Gần 40% trong số họ nghỉ sau khi tốt nghiệp trung học vì những lý không liên quan đến học hành (không phải là năm nghỉ gián đoạn, chúng ta sẽ khám phá trong Chương 3). Những người chậm chạp nhất trong số những Người không đi theo hàng lối đã thất bại trong việc tìm việc sau khi tốt nghiệp đại học. Chỉ có 1/4 trong số

họ tham gia chương trình thực tập trong thời gian đi học.

Khi nền kinh tế ngày nay đòi hỏi nhiều hơn một tấm bằng trung học, nếu bạn là một người trẻ 18 tuổi không có động lực đi học đại học, không sẵn sàng về mặt tri thức hay tài chính, sẽ có khá ít những lựa chọn thay thế cho bạn. Bạn có thể ở nhà, kiếm một công việc (thường không phải công việc tốt lắm), hoặc tham gia quân đội (sự lựa chọn bắt buộc đối với nhiều người). Không có gì ngạc nhiên khi 95% những học sinh năm cuối trung học nói rằng họ có kế hoạch học đại học, và gần 70% trong số họ làm việc đó vào mùa thu sau khi tốt nghiệp trung học. Họ quyết định đi học đơn giản là vì họ không còn việc gì để làm nữa. Trường đại học như một nhà kho cho đến khi họ sẵn sàng cho tuổi trưởng thành.

Tất nhiên, giáo viên và chuyên gia tư vấn hướng nghiệp - những người thúc giục học sinh đi học đại học hiếm khi biết được điều gì xảy ra với hầu hết các sinh viên sau khi tốt nghiệp. Họ có thể không muốn biết. Đó không phải là tin tức tốt. Nhiều sinh viên bỏ dở chương trình học (thường là sau một vài kỳ học đầu tiên). Có khoảng 12,5 triệu người ở độ tuổi 20 đạt được một số tín chỉ đại học và không có bằng tốt nghiệp. Thực tế là những người ở độ tuổi 20 chiếm số lượng lớn nhất trong số 31 triệu người trong tuổi trưởng thành ở nước Mỹ rời trường đại học mà không có tấm bằng nào. Theo nhiều cách, những người trẻ tuổi này không giàu có về mặt tài chính hơn những học sinh tốt nghiệp trung học không có ý định đi học đại học. Xét cho cùng, những nhà tuyển dụng không nói rằng họ cần “một số trường đại học”. Họ cần một tấm bằng.

Sự sụp đổ của ngành sản xuất những năm 1980 đã để lại cho nước Mỹ một-con-đường-đi-đến-đại-học-phù-hợp-cho-tất-cả, thứ mà những nhà giáo dục liên tục tạo áp lực lên các học sinh từ khi còn nhỏ. Sự dịch chuyển đại-học-cho-tất-cả-mọi-người không phải là cách-điều-trị-cho-tất-cả những ai chưa bao giờ tốt nghiệp với một tấm bằng. Nhưng trong nền văn hóa với sự cạnh tranh khốc liệt của chúng ta, các bậc phụ huynh gần như không thể xác định được khi nào con cái mình nên học đại học.

Thực tế rằng tuổi thọ của thế hệ mới ngày nay kéo dài hơn có nghĩa là chúng ta có thể vẽ nên con đường mới dẫn đến tuổi trưởng thành, mở ra những cơ hội theo những hướng khác nhau so với cách chúng ta làm trong thế kỷ trước. Chúng ta không nên coi trường đại học như một địa điểm mà chúng ta chỉ đến đó một lần trong đời ở tuổi 18. Tuy nhiên với nhiều thanh thiếu niên, đó chính xác là những gì họ đã được lập trình. Kết quả là: tìm ra một con đường dẫn đến một sự nghiệp trọn vẹn và một cuộc sống ý

nghĩa đã trở nên khó khăn hơn rất nhiều so với trước đây.

ĐIỀU GÌ SẼ TRỞ THÀNH “TRUNG ĐIỂM RỘNG NHẤT”?

Con đường mang tên “từ đại học đến sự nghiệp” đã khơi mào cho một sự gia tăng đột biến số lượng sinh viên ghi danh học đại học trong hai thập kỷ vừa qua. Số lượng sinh viên trên toàn nước Mỹ đã tăng thêm 8 triệu kể từ năm 1980, theo như số liệu của Trung tâm Quốc gia về Thống kê Giáo dục Mỹ.

Tuy nhiên, số sinh viên đó không được phân chia đồng đều với số lượng hàng ngàn trường cao đẳng và đại học trên toàn quốc. Những trường đại học ưu tú nhất – Harvard, Stanford, hay Amherst – ngày nay vẫn giữ nguyên quy mô so với vài thập kỷ trước. Nhu cầu đạt được một vị trí trong trường tăng cao, khiến việc đó trở nên khó khăn hơn (một số người sẽ nói là “không thể”) đối với hầu hết các sinh viên ứng tuyển. Kể cả những trường đại học công lập như Đại học bang Michigan ở Ann Arbor, Đại học Bắc Carolina ở Chapel Hill, Đại học bang Virginia hay Đại học bang California ở Berkeley, vẫn chưa tăng số lượng tuyển sinh để bắt kịp với nhu cầu. Phần nào đó, sự gia tăng số lượng học sinh tốt nghiệp trung học đi học đại học ở các trường công nhóm 2 và trường cộng đồng đã chậm lại.

Đại học bang Oregon là ví dụ điển hình về những trường đại học kỳ vọng rằng họ sẽ làm được nhiều hơn với ít ngân sách hơn. Số lượng sinh viên ghi danh vào trường đã tăng gấp đôi so với năm 2000. Trước khi gặp Josh Mabry ở Portland, tôi đã đến vùng quê Corvallis, và dành một ngày ở trường Đại học bang Oregon. Ở đó, giáo sư Rick Settersten đang dạy một lớp học tư duy phản biện cho vài chục sinh viên, hầu hết là những sinh viên năm cuối.

Cuộc hội thoại trong buổi học đã dẫn đến một cuộc thảo luận về tương lai của bản thân họ, những điều họ muốn làm tiếp theo trong cuộc đời. Nhiều sinh viên nói họ muốn học tiếp lên bậc cao hơn. Settersten đặt ra câu hỏi bao nhiêu trong số họ hiểu về những giáo sư giảng dạy đủ nhiều để đề nghị một lá thư giới thiệu. Chỉ lác đác một vài cánh tay giơ lên. Settersen nói với sự phân vân rằng, tại sao hầu hết sinh viên không đến gặp anh ấy trong giờ làm việc, dù đó là một cách dễ dàng để thiết lập mối quan hệ 1-1 với một giáo sư đôi khi phải dạy hàng trăm sinh viên trong một kỳ học. “Việc khiến tôi bất ngờ là họ nói: ‘Trước giờ chẳng có ai nói với em điều này cả.’ Dù là những sinh viên năm cuối nhưng họ không biết làm thế nào để định vị tổ chức.” Settersen kể với tôi sau đó.

Settersen có một gương mặt trẻ với một đôi kính màu nâu. Quá trình nghiên cứu học thuật của anh ấy tập trung vào câu hỏi: trở thành người trưởng thành ngày nay có ý nghĩa như thế nào. Không giống như nhiều bậc phụ huynh và những nhà phê bình, Settersen không lo lắng nhiều về việc con đường đến tuổi trưởng thành sẽ kéo dài thêm bao lâu, anh ấy đưa ra lý lẽ rằng thời gian biểu để trở thành người trưởng thành ngày nay đang trở nên từ từ và thay đổi nhiều hơn so với 50 năm trước đây. Những dấu mốc truyền thống như kết hôn hay sinh con ngày nay đã trở thành cực điểm đánh dấu việc trở thành một người trưởng thành, chứ không phải là bắt đầu quãng thời gian đó.

Trên tờ Washington Post năm 2014, Settersten đánh giá rằng: “Việc trì hoãn của những sự chuyển tiếp này đã mang lại sự tự do cho những năm đầu tuổi trưởng thành, đến mức mà những người trẻ ngày nay thực ra sống độc lập nhiều hơn, chứ không phải ít hơn.” Tôi đã hỏi rằng liệu anh ấy có lo ngại về về những sinh viên đang mơ hồ kia không? “Chắc chắn rồi,” anh ấy nói, “khi tôi nghĩ về cuộc sống của người trưởng thành, một trong những điều đã xác nhận là nó không thể dự đoán được.”

Vấn đề là những năm gần đây, các trường đại học đang nỗ lực khiến những trải nghiệm trong bốn năm trở nên “dễ dự đoán” hơn, bằng cách thêm vào một loạt những dịch vụ tư vấn cho sinh viên, để gần như làm hết mọi việc cho họ, để đảm bảo rằng họ tốt nghiệp đúng thời hạn và giành được một công việc sau đó. Mặc dù những chương trình này có thể hỗ trợ sinh viên tốt nghiệp, nhưng chúng lại ngăn cản họ thiết lập sự linh hoạt cần thiết để quản lý sự rủi ro và thành công trong những nghề nghiệp hoặc cuộc sống không thể dự đoán trước.

“Trong trường đại học, có những điều bạn được dạy và có những điều bạn tự học được,” Settersten nói với tôi. “Có rất nhiều điều chung quy lại không xảy ra trong lớp học. Đó là việc định vị cuộc sống và xây dựng các mối quan hệ.” Tuy nhiên, chỉ có một nửa số sinh viên năm cuối đại học nói rằng họ thường xuyên nói chuyện với các thành viên trong khoa giảng dạy về kế hoạch sự nghiệp của mình (theo Khảo sát về Sự gắn kết của Sinh viên, một cuộc điều tra hàng năm dành cho sinh viên năm nhất và năm cuối của Mỹ).

Những sinh viên tốt nghiệp bắt đầu một cách chậm rãi và kéo dài thời gian đầu của sự nghiệp thường là những người không nghiêm túc trong việc học tập. Họ tránh học những môn khó nhằn và tập trung vào hoàn cảnh xã hội hơn là học thuật. Năm

2011, hai nhà xã hội học Richard Arum và Josipa Roksa đã xuất bản cuốn sách *Academically Adrift: Limited Learning on College Campus* (tạm dịch: Sự trôi dạt về mặt học thuật: Sự học hỏi hạn chế trong trường đại học), miêu tả rằng trên thực tế sinh viên đã học được những gì trong trường đại học. Kết quả thật đáng thất vọng, ít nhất là đối với những sinh viên và phụ huynh đã thế chấp cả cuộc đời để chi trả cho việc học đại học. Hai nhà xã hội học đã phát hiện ra rằng 45% trong số 1.600 sinh viên tại một nhóm đa dạng gồm 25 trường đại học và cao đẳng không tích lũy được gì trong kỹ năng viết, lý luận phức hợp và tư duy phản biện trong hai năm đầu đại học. Sau bốn năm, kết quả cũng chẳng khả quan hơn: 36% không cải thiện được kỹ năng nào.

Trong số những sinh viên không học hỏi được nhiều từ trường đại học, điều gì sẽ xảy ra sau khi họ tốt nghiệp? Arum và Roksa đã nghiên cứu gần 1.000 sinh viên trong số đó hai năm sau khi thực hiện cuốn sách tiếp nối, *Aspiring Adults Adrift* (tạm dịch: Sự trôi dạt của những người trưởng thành khao khát). Điều họ tìm ra cũng đáng thất vọng như kết quả của cuốn sách đầu tiên, nhưng không quá ngạc nhiên. Những sinh viên có kết quả học tập yếu kém tại trường đại học có nhiều khả năng thất nghiệp hơn, họ thường bế tắc và thậm chí là bị sa thải khỏi những công việc không đòi hỏi nhiều kỹ năng.

Arum nói rằng: “Sự lựa chọn quan trọng nhất mà sinh viên có thể đưa ra là liệu họ có đang trải qua quãng thời gian học đại học theo con đường xã hội, hay đang đầu tư sự tập trung vào con đường học tập.”

Có quá nhiều sinh viên (kể cả những người cuối cùng trở thành những Người chạy nước rút) coi đại học như một kỳ nghỉ kéo dài bốn năm. Những sinh viên đại học năm 1961 dành 24 tiếng mỗi tuần ngoài thời gian trên lớp để học tập. Đến năm 2003, con số đó giảm xuống còn 14 tiếng.

Giống như Jeffrey Jensen Arnet, Arum và Roksa đã tìm thấy hy vọng và lạc quan từ những sinh viên mới tốt nghiệp gần đây bắt chấp hoàn cảnh cuộc sống của họ. 2/3 trong số đó đã nói rằng cuộc đời của họ sẽ tốt hơn cuộc đời của cha mẹ họ, mặc dù họ không biết được điều gì sẽ xảy ra. Đối với một vài sinh viên (hầu hết là những Người chạy nước rút), việc miệt mài bước trên con đường đó để đến với một cuộc sống tốt đẹp hơn không phải là vấn đề.

“Vẫn có những sinh viên ngoại lệ,” Arum gật gù, “chỉ là không có

nhiều.” Bên cạnh đó, ông ấy còn quan tâm về trung điểm rộng nhất: những Người lang thang. “Hệ thống này không hoạt động với số lượng lớn sinh viên và tôi rất lo lắng về khả năng thành công sau này của họ.”

Lịch trình đến tuổi trưởng thành kéo dài hơn đã không còn là điều bất thường nữa. Việc những người ở cuối độ tuổi thiếu niên và đầu độ tuổi 20 sẽ sử dụng thời gian đó như thế nào để tích lũy các kỹ năng mà nền kinh tế cần và nhà tuyển dụng mong muốn, sẽ quyết định xem họ sẽ trở thành Người chạy nước rút, Người lang thang, hay Người không đi theo hàng lối trong 10 năm sự nghiệp đầu tiên của họ.

Chương 2

ĐIỀU MÀ NỀN KINH TẾ CẦN, ĐIỀU MÀ NHÀ TUYỂN DỤNG MONG MUỐN

Trung tâm nghiên cứu Almaden của IBM nằm trên đỉnh của một vùng đất thanh bình, chưa được phát triển và rộng 700 mẫu nhìn xuống Thung lũng Silicon. Công trình rộng 540.000 mét vuông này được khánh thành vào năm 1986, buổi đầu của thời kỳ phát triển máy tính cá nhân khi IBM là một gã khổng lồ trong lĩnh vực công nghệ, rất nhiều năm trước khi xã hội mới chỉ có những hiểu biết mơ hồ về Google và Facebook, và hàng thập kỷ trước khi chúng ta bắt đầu hình dung về công nghệ của những chiếc điện thoại như iPhone và dịch vụ nghe nhạc trực tuyến.

Trung tâm này đã thuê hàng trăm nhà nghiên cứu và nhà khoa học hàng đầu, những người đã mang đến các phát kiến mà hầu hết chúng ta chưa hoàn toàn hiểu được nhưng chắc chắn sẽ khiến cho cuộc sống của chúng ta trở nên tốt đẹp hơn: sự kết nối internet đầu tiên vào năm 1988, thuật toán khai phá dữ liệu đầu tiên vào năm 1994, và ổ đĩa nhỏ nhất thế giới vào năm 1998.

Để đến được trung tâm nghiên cứu này, sau khi rời đường cao tốc, chúng ta phải đi vào một con đường hai làn nhỏ và nhiều gió, cho tới khi đến một cánh cửa nhỏ nằm trên đỉnh. Chỉ có một tấm biển nhỏ với logo đặc trưng của IBM để báo hiệu rằng bạn đã đến Almaden: một tòa nhà màu xanh lá cây hiện đại, ít tầng với một tầm nhìn ngoạn mục chiêm ngưỡng toàn cảnh thung lũng quanh đó.

Tôi đến thăm Almaden vào một ngày cuối tháng 3 để gặp Jim Spohrer, nhà khoa học máy tính đang lãnh đạo chương trình hợp

tác với các trường đại học của IBM. Một phần công việc của Spohrer là đảm bảo rằng các trường đại học đang dạy cho sinh viên những kỹ năng mà IBM cần khi tuyển dụng và thu hút các sinh viên tài năng đến làm việc tại công ty. IBM tuyển dụng hàng ngàn sinh viên tốt nghiệp mỗi năm, vì vậy những điều mà công ty tìm kiếm từ các nhân viên tiềm năng còn quan trọng hơn nhiều.

Khi đến văn phòng của Spohrer, anh ấy nói với tôi rằng khi trung tâm nghiên cứu Almaden được mở cửa, IBM đã tuyển dụng những ứng viên với năng lực gần như là chuyên gia trong một lĩnh vực. Ví dụ, họ có thể viết mã lập trình máy tính một cách thành thạo. Sau đó IBM đào tạo nhân viên của họ theo “cách IBM”. Mặc dù IBM vẫn chi 600 triệu đô-la mỗi năm cho việc đào tạo, nhưng tình hình công ty và thế giới đã trở nên phức tạp hơn rất nhiều so với những năm 1980. Các chương trình đào tạo của IBM là không đủ.

“IBM hoạt động trong tất cả các lĩnh vực công nghiệp – công nghệ nano, điện toán lượng tử, nghiên cứu hệ thống, mô phỏng các ngành công nghiệp, mô phỏng các thành phố,” Spohrer giải thích. Những chuyên gia trong một lĩnh vực không thể mang lại điều gì đột phá trong môi trường làm việc hiện đại này. Spohrer gọi họ là “những người định hình chữ I”. Ngày nay, các nhà tuyển dụng cần những con người tài năng khác: họ muốn “những người định hình chữ T”.

Ý tưởng về những người định hình chữ T xuất hiện lần đầu tiên vào đầu những năm 1990, với ý nghĩa là một người có rất nhiều tài năng và kiến thức. Nét gạch dọc của chữ T thể hiện sự am hiểu sâu rộng của một người về một lĩnh vực khái quát (ví dụ là lịch sử) cũng như một lĩnh vực công nghiệp (có thể là năng lượng hoặc chăm sóc sức khỏe). Nét gạch ngang của chữ T thể hiện khả năng làm việc được trong một môi trường có nhiều lĩnh vực phức tạp một cách dễ dàng và tự tin. Ngày nay, nhu cầu về khả năng này lớn hơn rất nhiều so với hai thập kỷ trước vì thế giới đã trở nên phức tạp hơn rất nhiều về mặt công nghệ.

“Bạn chỉ có thể đi theo định hình chữ I ở IBM – đó là hạn chế về sự nghiệp,” Spohrer nói, “những cá nhân chúng tôi muốn làm việc cùng là những người định hình chữ T.” Ví dụ với một nhiệm vụ như phát hiện sự gian lận thẻ tín dụng. Việc này đòi hỏi kỹ năng trong các lĩnh vực toán học, luật, tài chính, công nghệ, tâm lý học và khoa học chính trị. “Chúng tôi muốn những cá nhân có sự hiểu biết tất cả mọi lĩnh vực và trở thành một phần của đội ngũ,” Spohrer nói thêm.

Tôi hỏi Spohrer rằng anh ấy có thường xuyên gặp được những sinh viên mới tốt nghiệp với định hình chữ T: vừa có hiểu biết sâu sắc trong một lĩnh vực chuyên môn, vừa có khả năng tư duy rên nhiều lĩnh vực khác nhau không. Anh ấy lắc đầu: “Sự thật là chúng ta nên mua lại một công ty khởi nghiệp, hoặc tuyển dụng những người từ một công ty khởi nghiệp vừa thất bại, hơn là tuyển dụng những sinh viên vừa tốt nghiệp đại học.” Spohrer giải thích rằng những người từng trải qua quá trình khởi nghiệp sở hữu nhiều kiến thức và kỹ năng làm việc trong các nhóm nhỏ, tìm kiếm khách hàng và giải quyết vấn đề. Họ chủ động và kiên trì (điều mà một vài người gọi là “tính bạo dạn, gan góc”) để tiếp tục đi lên đối diện với nghịch cảnh. Và họ nhận thức được sự cần thiết phải nhanh chóng làm lại từ thất bại và rút ra bài học từ đó.

“Ở trường học, mọi việc chỉ xoay quanh kết quả học tập cá nhân,” Spohrer nói, “bạn nên hiểu điều đó ngay từ ban đầu, vì chúng tôi sẽ kiểm tra bạn. Nhất là khi xảy ra sự cố, bạn thường có thói quen đổ lỗi cho những thành viên khác trong nhóm. Cá nhân tôi ít hứng thú với những thành quả to lớn. Thông thường, mọi người học được nhiều điều không phải từ thành công, mà là từ những sai lầm.”

Tuy nhiên, để trở thành một cá nhân với định hình chữ T, bạn không thể chỉ dừng lại ở kiến thức sâu và rộng. Nó đòi hỏi bạn phải có sự cân bằng và lanh lợi trong việc lựa chọn từ một tổ hợp những kiến thức và kỹ năng cần thiết.

Những sinh viên chưa tốt nghiệp đại học cần phải trau dồi các kỹ năng cần thiết cho định hình chữ T để chuẩn bị bước vào nền kinh tế mà họ sẽ phải đối diện sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, quá nhiều sinh viên đang phụ thuộc vào những năm tháng đại học để nhồi nhét những kinh nghiệm sẽ định hình bản thân họ trong tương lai. Họ thư giãn và chờ đợi các giáo sư giảng bài. Họ tham gia vào hoạt động ở trường nhưng đó thường là những hoạt động không quan trọng, vì vậy họ thiếu sự gắn kết với những hoạt động mang lại các kỹ năng rất cần thiết trong thị trường việc làm. Họ thất bại trong việc nuôi dưỡng mối quan hệ với các giáo sư hoặc nhân viên trong trường, những người có thể cho họ lời khuyên, hoặc hướng dẫn cho họ. Và họ lưỡng lự khi theo đuổi những trải nghiệm (dù là nghiên cứu, du học hay thực tập) – giúp họ tìm ra đam mê và trang bị cho họ những kỹ năng mà các nhà tuyển dụng ngày nay mong muốn.

Bạn thật sự không thể đổ lỗi cho họ. Tính đến thời điểm này trên chặng đường học hành của họ, trường học được quản lý để phục

vụ họ, đặc biệt trong kỷ nguyên không-có-trẻ-em-nào-bị-bỏ-lại-phía-sau, khi các trường cấp một và cấp hai khai thác cụ thể những chỉ dẫn chương trình học và giáo viên tập trung hướng dẫn học sinh làm những bài kiểm tra được chuẩn hóa. Sự xuất hiện của những bậc phụ huynh quan tâm đến mọi vấn đề của con mình với suy nghĩ “con của tôi không thể làm gì sai” đã làm vấn đề trở nên trầm trọng hơn, dẫn đến việc những chuẩn mực (và theo đó là kết quả) bị hạ thấp xuống.

Vấn đề là: trường đại học không cung cấp những lớp học, chuyên ngành hay hoạt động được thiết kế dành riêng cho việc xây dựng một cá nhân với định hình chữ T. Vì vậy, các sinh viên đại học phải tự định hướng cho mình – hành động độc lập, xây dựng nguồn tài nguyên cho bản thân và nhanh chóng tích lũy những trải nghiệm trong và ngoài lớp học để chuẩn bị tốt hơn cho môi trường làm việc ngày càng phát triển trong tương lai. Họ cần phải nhận ra rằng việc học tập trong trường học đã được định hướng bởi cha mẹ, thầy cô và những chuyên gia tư vấn, và họ cần phải thay đổi để trở thành những sinh viên chủ động khám phá và tìm hiểu điều gì tiếp theo sẽ dành cho mình. Sinh viên phải tự định hướng việc học tập của mình, không chỉ trong những năm học đại học mà cho cả những năm còn lại của cuộc đời nữa.

NHỮNG KỸ NĂNG CẦN THIẾT ĐỂ NHANH CHÓNG BẮT TAY VÀO CÔNG VIỆC SAU KHI TỐT NGHIỆP

Để tìm hiểu những kinh nghiệm và kỹ năng mà các nhà tuyển dụng mong muốn, tôi đã đến Burning Glass Technologies, một công ty có trụ sở ở Boston, hoạt động trong lĩnh vực phân tích dữ liệu theo thời gian thực. Burning Glass Technologies được thành lập năm 1999, thời kỳ mở đầu của kỷ nguyên Big Data (Dữ liệu lớn), khi những chiếc máy tính siêu nhanh bắt đầu cho phép các nhà khoa học nhanh chóng tổng hợp một lượng khổng lồ các thông tin kỹ thuật số để khám phá một cách chi tiết về con người và thói quen của họ. Burning Glass tập trung vào những từ khóa ẩn trong các quảng cáo tuyển dụng. Nó bắt đầu bằng việc khai thác nội dung của 10 triệu quảng cáo tuyển dụng trực tuyến để tìm ra những kỹ năng cụ thể mà các nhà tuyển dụng đang tìm kiếm.

Giám đốc điều hành của công ty là Matthew Sigelman, một người tốt nghiệp Trường Kinh doanh Harvard, có dáng người mảnh khảnh, vẻ ngoài trẻ trung dù đã hơn 40 tuổi, tự miêu tả bản thân là “người đam mê dữ liệu”. Những quảng cáo tuyển dụng rõ ràng không miêu tả tất cả các kỹ năng mà nhà tuyển dụng mong

muốn. Thay vào đó, họ là một thiết bị quét để tìm ra những kỹ năng một công ty cần mà có thể chưa tìm thấy đủ ở nhiều ứng viên. Ví dụ, quảng cáo tuyển dụng cho vị trí luật sư không nói rằng ứng viên cần phải có bằng luật và bằng luật sư. Bất kỳ ai ứng tuyển vào công việc luật sư bắt buộc phải có những khả năng đó. Tuy nhiên, một người đọc cẩn thận sẽ phát hiện ra rằng các quảng cáo tuyển dụng cung cấp cái nhìn sâu sắc nhất vào mong muốn của người tuyển dụng và những kỹ năng đang được yêu cầu nhiều nhất tại nơi làm việc ngày nay. Một sinh viên có hứng thú với một công việc trong một lĩnh vực cụ thể hoặc ở một công ty nhất định nên bắt đầu đọc những danh sách công việc đó để tìm được điều mà họ đang tìm kiếm.

Burning Glass đã phân tích những yêu cầu được liệt kê trong 20 triệu quảng cáo tuyển dụng của tất cả các ngành trong năm 2014, sau đó biên soạn danh sách “những kỹ năng cơ sở” được yêu cầu nhiều nhất. Sigelman miêu tả đó mới chỉ là những kỹ năng cần và đủ để các ứng viên bước được vào công ty tuyển dụng. Phân tích này phát hiện ra rằng số lượng những kỹ năng cơ sở thực ra tương đối hạn chế: 25 kỹ năng xuất hiện trong $\frac{3}{4}$ số quảng cáo tuyển dụng, bất kể đó là ngành nào.

Gần như mọi quảng cáo tuyển dụng đều bao gồm các kỹ năng hàng đầu về giao tiếp, viết lách và tổ chức. Ví dụ, viết lách là một kỹ năng quan trọng kể cả với ngành công nghệ thông tin hay chăm sóc sức khỏe. Những kỹ năng khác thường được yêu cầu trong các ngành khác nhau là sự tổng hợp của các kỹ năng mềm (dịch vụ khách hàng, giải quyết vấn đề, lập kế hoạch và sự định hướng cụ thể) cũng như các kỹ năng cứng cụ thể khác (Microsoft Excel và Word). Điểm cốt yếu là: kể cả bạn đã tốt nghiệp chuyên ngành tiếng Anh, hãy tham gia lớp học trực tuyến nào đó hoặc hỏi một người bạn để tìm hiểu và học cách thao tác bảng tính.

Sigelman lưu ý rằng các kỹ năng mềm – thuật ngữ dùng để nói đến cách con người gây dựng mối quan hệ tốt với nhau, giao tiếp và làm việc theo nhóm – thường ít xuất hiện hơn rất nhiều so với các kỹ năng kỹ thuật. “Điều này phản ánh thực tế rằng sinh viên đang bước vào thị trường lao động mà không trang bị sẵn sàng những kỹ năng này,” Sigelman đánh giá.

Việc những nhà tuyển dụng phải liệt kê tất cả các kỹ năng mềm đó chỉ ra một nỗi lo lắng ẩn chứa của những nhà tuyển dụng: tấm bằng cử nhân có lẽ là dấu hiệu mạnh mẽ nhất thể hiện sự sẵn sàng bước vào thị trường nghề nghiệp của một ai đó, nhưng nó đang trở nên ngày càng ít đáng tin cậy hơn trước, một phần là vì nó

không chỉ ra được liệu các sinh viên có biết về những kỹ năng mềm hay không. Tấm bằng hầu như chỉ thể hiện họ có khả năng hoàn thành một nhiệm vụ.

Phân tích của Burning Glass khá thuyết phục, nhưng nó chỉ thể hiện được một mặt của phương trình tuyển dụng. Nó không nói cho chúng ta biết điều gì về những người cuối cùng sẽ được tuyển dụng cho bất kỳ công việc nào mà nó phân tích. Sở hữu những kỹ năng được liệt kê trong quảng cáo tuyển dụng có vai trò quan trọng ở phương diện: nó giúp hồ sơ cá nhân của bạn vượt qua chương trình phân mềm quét tự động mà ngày càng nhiều công ty sử dụng để quét các đơn ứng tuyển kỹ thuật số. Nếu đầu đó trên hồ sơ cá nhân, thư xin việc hay câu trả lời cho một câu hỏi của bạn không chứa những từ ngữ mà chiếc máy tính đang tìm kiếm, nó có thể sẽ loại bỏ đơn đăng ký của bạn.

Nhưng robot không thể tuyển dụng con người. Cuối cùng thì những ứng viên lọt vào vòng cuối sẽ được phỏng vấn bởi con người thực, một quy trình chứa đầy những quyết định can đảm và các thành kiến ẩn giấu. Những công ty có thể nói trên quảng cáo tuyển dụng rằng họ muốn tìm kiếm ứng viên với những kỹ năng nhất định, nhưng rồi lại tuyển một người chẳng có những kỹ năng đó. Không phải lúc nào chúng ta cũng có thể lý giải được kết quả, nhưng việc theo dõi quảng cáo tuyển dụng như một công thức để bước qua được cánh cửa công ty cũng chẳng khác gì việc sử dụng đề cương khóa học như hướng dẫn để đạt được điểm A.

Trên thực tế vẫn tồn tại một sự bất nhất rất lớn giữa những điều nhà tuyển dụng nói trên các phương tiện truyền thông và cách họ thực sự tuyển dụng. Có một vấn đề đó là những con người khác nhau trong quy trình tuyển dụng của một công ty có những mục tiêu khác nhau về điều họ tìm kiếm từ các sinh viên mới tốt nghiệp. Thông thường, giám đốc điều hành và trưởng bộ phận nhân sự tìm kiếm những phẩm chất nền tảng có thể giúp các nhân viên mới được tuyển dụng phát triển sự nghiệp của họ. Trong khi đó, quản lý trực tiếp của một vị trí thường mong muốn tuyển dụng người nào có những kỹ năng để hoàn thành công việc hiện tại.

Trong một hội thảo cách đây vài năm, tôi đã nghe A. G. Lafley, CEO mới nghỉ hưu của Procter & Gamble, miêu tả về giá trị của tấm bằng đại học đại cương (bản thân ông ấy từng tốt nghiệp trường đào tạo giáo dục đại cương Hamilton College, và cũng từng muốn trở thành giáo sư trong lĩnh vực lịch sử thời kỳ Trung cổ và Phục hưng). Và rồi trong quá trình viết cuốn sách này, tôi đã gặp

một nhà tuyển dụng cho Procter & Gamble, anh ấy đã nhắc tôi rằng mặc dù Lafley có sự đồng cảm với các trường đào tạo giáo dục đại cương, nhưng với tư cách là lãnh đạo cấp cao, ông ấy lại không tuyển một sinh viên mới tốt nghiệp nào. Nhà tuyển dụng đó nói với tôi rằng mặc dù Procter & Gamble là một trong số ít công ty hiện còn đầu tư vào chương trình đào tạo cho nhân viên, nhưng “họ vẫn kỳ vọng rằng các nhân viên mới có thể nhanh chóng bắt tay vào công việc, và những trường đào tạo giáo dục đại cương dường như chỉ chuẩn bị cho sinh viên học lên tiếp sau đại học.” Nhà tuyển dụng mà tôi gặp thường ưu tiên các sinh viên tốt nghiệp trường kỹ thuật và kinh doanh từ những đại học công lập lớn, anh ta nêu ra hai cái tên hàng đầu trong danh sách là Đại học Purdue và Đại học Indiana.

Những nhà tuyển dụng doanh nghiệp là đối tượng điều khiển việc tuyển dụng các sinh viên tốt nghiệp ngày nay. Khi nghe họ giới thiệu về công ty mình trong những buổi thuyết trình tại trường đại học và chứng kiến cuộc phỏng vấn với những sinh viên trong tâm trạng lo lắng, tôi luôn có cùng một câu hỏi: Các sinh viên cần nhận được những chương trình giáo dục như thế nào để nhận được một công việc sau khi tốt nghiệp? Tôi nhận ra rằng không có một câu trả lời rõ ràng nào cho câu hỏi này. Những bài báo viết về các công việc của tương lai có thể chỉ được viết ra với mục đích thu hút sự chú ý của độc giả, nhưng không ai có thể dự đoán được một cách chính xác liệu công việc trong mọi lĩnh vực sẽ ra sao trong 5, 10 hay 20 năm nữa.

Khi tôi phỏng vấn các nhà tuyển dụng cho những công ty lớn và nhỏ, từ những nhà doanh nghiệp đáng chú ý như Facebook hay eBay, cho đến những ông lớn tham gia vào các hội chợ nghề nghiệp ở trường đại học, như công ty đầu tư Vanguard hay Enterprise Rent-A-Car, sẽ có một vài chủ đề xuất hiện với nội dung không chỉ là một danh sách các kỹ năng cụ thể hoặc một tấm bằng từ một trường đại học nổi tiếng. Những nhà tuyển dụng đang ngày càng bỏ qua bằng cấp và bản ghi chép các kỹ năng mà họ tin tưởng là tín hiệu thành công của những nhân viên mới. Nếu là một sinh viên mới tốt nghiệp đang hy vọng có bước khởi đầu thuận lợi, bạn sẽ phải thể hiện rằng mình đã tích lũy được những kỹ năng thường có phần trùng nhau này: sự tò mò, sự sáng tạo, sự bền bỉ, sự nhận thức kỹ thuật số, tư duy bối cảnh và sự khiêm tốn.

1. Tò mò, đặt ra những câu hỏi, và hãy học hỏi trong cả cuộc đời

Giống như hầu hết những đứa trẻ khác, hai cô con gái sáu tuổi và

bốn tuổi của tôi không ngừng đưa ra những câu hỏi. Tại sao không có đèn tín hiệu yêu cầu dừng lại trên đường cao tốc? Thủ đô của phía bên kia thế giới là gì (chúng tôi đang sống ở Washington D.C.)? Tại sao mùa hè luôn có bão? Trung bình, một đứa trẻ ở tuổi mẫu giáo hỏi cha mẹ chúng khoảng 100 câu mỗi ngày. Tại sao thế này, tại sao thế kia, v.v.. Ngay cả trong giấc ngủ tôi cũng nghe thấy những câu hỏi của chúng. Nhưng rồi chúng dần đặt ra ít câu hỏi hơn, và cho đến lúc lên cấp hai, chúng gần như không hỏi gì nữa. Đó là một điều đáng tiếc.

Đã từ rất lâu, những nhà giáo dục và tâm lý học trẻ em thắc mắc về lý do tại sao trẻ em lại mất đi sở thích đặt ra câu hỏi, và họ thường đi đến cùng một kết luận: trường học. Ở trường học, học sinh được tuyên dương cho việc đưa ra câu trả lời đúng, chứ không phải khi đặt ra câu hỏi. Cho đến khi cấp hai, sự ảnh hưởng của bạn bè lại chiếm ưu thế. Nhiều đứa trẻ cảm thấy xấu hổ với bạn bè khi đưa ra những câu hỏi ngớ ngẩn hoặc câu trả lời sai. Những đứa trẻ nhỏ hơn thì chưa có những nỗi lo lắng đó, và chúng có rất nhiều thời gian ở những năm tiểu học để rèn luyện trí tò mò của mình (ít nhất là cho đến khi sự ám ảnh về các kỳ thi xuất hiện).

Năm con gái lớn của tôi bắt đầu lớp mầm non, trường của con bé mới hoàn thiện một dự án xây dựng lớn. Có rất nhiều hộp đóng đồ còn sót lại sau khi chuyển sang khuôn viên mới. Thay vì vứt những cái hộp đó vào thùng rác, họ lại để chúng trong một căn phòng, và lớp của con gái tôi được thả vào chơi trong đó. Lũ trẻ đã dựng lên pháo đài. Chúng tạo nên một thị trấn. Chúng xây dựng một ngôi trường. Đó là điều thích thú nhất đối với con bé trong tuần, thậm chí là trong tháng. Con bé không thể ngừng nói về những thứ có thể được lắp ghép từ những thùng đóng đồ đó.

Tôi tự hỏi điều gì sẽ xảy ra nếu một lớp học với những sinh viên năm cuối đại học được đặt vào trong căn phòng với những chiếc hộp đó. Họ sẽ đưa ra những câu hỏi, tất nhiên rồi, nhưng sẽ là những câu hỏi về quy trình hơn là những điều có thể tạo nên được: Bài tập ở đây là gì? Chúng em có phải làm theo nhóm không? Chúng em sẽ chọn nhóm như thế nào? Khi nào chúng em phải hoàn thành? Chúng em sẽ được chấm điểm như thế nào?

Cho đến khi tốt nghiệp đại học, rất nhiều điều sinh viên học cần được hướng dẫn bởi giáo trình của giáo viên hoặc những yêu cầu tốt nghiệp. Nhưng sau khi tốt nghiệp và cho đến hết cuộc đời, họ phải tự định hướng việc học tập của mình. Chúng ta quyết định những kỹ năng gì mình còn thiếu, tích lũy thông tin ở đâu, và làm

thể nào để ứng dụng kiến thức học hành vào cuộc sống hằng ngày. Thật không may, cho đến khi tốt nghiệp đại học, bộ não của họ đã được nối cứng với nhịp điệu của cuộc sống hằng ngày với chín tháng theo lịch học tập ở trường. Họ có xu hướng nghĩ về công việc như những lớp học kéo dài 45 phút và năm môn trong mỗi kỳ học 15 tuần, xen giữa là những kỳ nghỉ. Theo kết quả một cuộc khảo sát, những sinh viên đại học chỉ sử dụng 1/4 thời gian trong tuần cho mục đích học tập – đến lớp học, tự học, hoặc làm một công việc – và dành khoảng một nửa thời gian trong tuần cho việc kết giao và giải trí.

Không có gì ngạc nhiên khi trong 10 năm vừa qua, các trường đại học ở Mỹ đã chi hàng trăm triệu đô-la để xây dựng những trung tâm giải trí hoành tráng trong khuôn viên trường với các bức tường mô phỏng hoạt động leo núi, bởi lẽ sinh viên đến những nơi này thường xuyên như đến lớp học. Thứ Sáu trở thành “ngày nghỉ của sinh viên”, rất nhiều trường sắp xếp ít lớp học vào thứ Sáu hơn những ngày khác, một cách hiệu quả để đào tạo sinh viên về khái niệm tuần làm việc bốn ngày.

Tuy nhiên thế giới công sở không được cấu trúc, với những sự ưu tiên và quyết định cạnh tranh cần được đưa ra ngay lập tức. “Mọi người biết cách tham gia một khóa học như thế nào, nhưng họ phải biết cách học như thế nào,” John Leutner, trưởng bộ phận đào tạo toàn cầu của Xerox nói với tôi. Ở Xerox, những nhân viên trẻ thường yêu cầu những khóa học phát triển chuyên môn về quản lý thời gian vì khi còn học đại học, họ có người giúp đỡ để đặt ra những sự ưu tiên. Đại học là môi trường dựa vào các nhiệm vụ: tham gia kỳ thi, hoàn thành bài tập, tham dự buổi gặp mặt câu lạc bộ, đi thực hành. Trong khi đó, chốn công sở là nơi tập hợp những hoạt động không có lịch trình.

Những sinh viên mới tốt nghiệp mà thành công trong sự nghiệp là những người rất linh hoạt trong cách học tập. “Họ có ý tưởng và hành động dựa trên đó,” Tim Brown, giám đốc điều hành của IDEO nói, “có khả năng hoàn thành mọi việc là năng lực khá quan trọng.”

Có thể bạn chưa từng nghe đến IDEO. Đó không phải là một thương hiệu gia đình, nhưng nó có thứ hạng ngang với Apple, Google và Facebook với tư cách là một trong những nhà tuyển dụng đáng chú ý nhất ở Thung lũng Silicon. Mỗi năm, có khoảng 20.000 người ứng tuyển vào 150 vị trí tại công ty. Với những cơ hội mỏng manh như vậy, tôi hỏi Brown xem anh ấy tìm kiếm điều gì khi tuyển những nhân viên mới. “Những cá nhân với định hình

Pie,” anh ấy nói. Hãy nghĩ về khái niệm đó như một sự biến đổi của định hình chữ T, với phương diện được thêm vào là “sự sáng tạo”.

IDEO là một công ty tư vấn được phát triển bởi sự sáng tạo. Trong khi gốc rễ của công ty là mảng thiết kế công nghiệp (họ đã chịu trách nhiệm sản xuất con chuột máy tính Apple đầu tiên), nhưng ngày nay họ cũng đã trở nên nổi tiếng về việc thiết kế những trải nghiệm khách hàng. Những công ty từ Holiday Inn đến Kaiser Permanente đã tìm đến IDEO với hy vọng tạo ra một sản phẩm hoặc dịch vụ đột phá. Ví dụ, họ tạo ra khái niệm đằng sau chương trình Keep the Change (Giữ lại tiền thừa) của ngân hàng Mỹ, chương trình khuyến khích khách hàng tiết kiệm bằng cách làm tròn số tiền chi tiêu thẻ ghi nợ lên giá trị đô-la gần nhất và chuyển đổi khoản chênh lệch sang tài khoản tiết kiệm.

Điều làm cho IDEO trở nên khác biệt so với những công ty tư vấn khác là dải trải nghiệm mà họ mang đến cho mỗi nhiệm vụ. Đội ngũ của họ bao gồm nhà nhân loại học, thiết kế đồ họa, kỹ sư và tâm lý học. Tôi đã hỏi Brown rằng liệu ngành học của ứng viên có ảnh hưởng gì khi tuyển dụng không. “Không, trừ khi đó là một sự kết hợp bất bình thường,” anh ấy nói, “ví dụ như lịch sử và kiến trúc.” Quan trọng nhất là anh ấy tìm kiếm một tư tưởng sáng tạo, đam mê và thấu cảm thực sự. Brow nói: “Tôi muốn sự đa dạng về kinh nghiệm đã rèn luyện trí não của họ trong trường đại học.”

Từ Thung lũng Silicon xuôi về bờ biển California là một mảng quan trọng khác của nền kinh tế phát triển dựa trên sự sáng tạo, nhưng ngày nay hiếm khi tìm thấy thứ hạng của nó trong quan điểm của những sinh viên tốt nghiệp đại học: ngành công nghiệp giải trí. Một vài năm trước đây, tôi được mời đến một buổi gặp mặt với những đại diện cấp cao của mảng giải trí từ Netflix, Disney, ABC, Warner Bros và một số khác ở Soho House – câu lạc bộ tư nhân hạng sang ở Tây Hollywood.

Buổi gặp mặt được thực hiện bởi Tổ chức Công nghiệp Giải trí, bộ phận từ thiện của ngành công nghiệp phim ảnh và truyền hình từng sản xuất chiến dịch nổi tiếng “Hãy đứng dậy vì bệnh ung thư”. Tổ chức này muốn xây dựng một chiến dịch tương tự cho ngành giáo dục. Những thành viên trong tổ chức lo lắng về tình trạng của hệ thống giáo dục Mỹ: có quá nhiều học sinh đang theo đuổi những khóa học nghiêm ngặt ở trung học và có quá nhiều sinh viên bỏ học đại học. Quan trọng hơn cả, các trường học đã biến học sinh thành những người được đào tạo để làm bài kiểm tra, nhưng không có khả năng tìm ra câu trả lời cho những vấn đề

chưa được hình dung đến. “Nền công nghiệp này đang thay đổi nhanh đến nỗi chúng ta không thể phụ thuộc vào những điều sinh viên đã biết,” một lãnh đạo cấp cao nói với các thành viên. “Chúng ta cần những con người sáng tạo, hiếu kỳ, những bộ não tự động đặt ra câu hỏi điều gì sẽ xảy ra tiếp theo. Điều chúng ta cần là những cá nhân ham học hỏi.”

Trong những năm gần đây, ngành công nghiệp giải trí đã trở thành một trong những ngành kiên cường nhất trong thời kỳ kinh tế không mấy sáng sủa. Năm 2008, khi cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới đã bóp nghẹt hầu hết các hoạt động kinh tế, thì nền sản xuất phim, sách và trò chơi điện tử năm đó vẫn tăng khoảng bốn lần.

Theo như Bob Iger, CEO của Walt Disney nói: “Nhưng kể cả khi Hollywood phải phụ thuộc nhiều hơn vào công nghệ để sản xuất và truyền tải phim ảnh, sự hiếu kỳ cuối cùng đã thúc đẩy sự phát triển trong việc xây dựng những sản phẩm sáng tạo.” Iger nói với nhà sản xuất phim Brian Grazer trong một cuộc đối thoại tự do tại Hội thảo Toàn cầu Milken ở Los Angeles: “Nếu bạn không tìm kiếm để học hỏi, bạn sẽ không thử nghiệm những điều mới mẻ. Tôi không nghĩ ngày nay bạn có thể hoạt động kinh doanh trong một thị trường vô cùng năng động mà không có sự hiếu kỳ.” Khi phỏng vấn các ứng viên, Iger hỏi họ về những cuốn sách họ đã đọc, những bộ phim họ đã xem, hoặc nơi họ đã đi du lịch gần đây. “Tôi cố gắng quấy rầy họ để xác định mức độ tò mò của họ,” anh ấy nói

Tuy nhiên xin đừng hiểu nhầm. Ngành công nghiệp sáng tạo ở California không phải là nơi duy nhất tìm kiếm những bộ óc tò mò. Adam Bryant phụ trách chuyên mục Góc Công sở của Thời báo New York, trong đó anh ấy viết về những cuộc phỏng vấn với các lãnh đạo cấp cao về sự lãnh đạo và sự quản lý. Chủ đề về sự nhanh nhạy trong học tập xuất hiện trong câu trả lời của khá nhiều lãnh đạo đến từ nhiều ngành nghề khác nhau. Trong một lần phỏng vấn Marla Malcolm Beck, CEO của Bluemercury, một đơn vị bán lẻ chuyên về dịch vụ spa và sản phẩm làm đẹp, cô ấy đã nói với Bryant rằng cô ấy hạn chế thời gian phỏng vấn của mình từ 7-10 phút và tìm kiếm ba điều: kỹ năng, ý chí và sự phù hợp. “Ý chí ở đây nói đến sự ham thích,” cô ấy nói, “vì vậy tôi sẽ hỏi: ‘Bạn muốn làm gì trong 5-10 năm nữa?’ Điều đó nói cho tôi biết khá nhiều điều về nguyện vọng và sự sáng tạo của họ. Nếu bạn ham muốn đạt được một vị trí nào đó, điều đó có nghĩa là bạn muốn học hỏi. Và nếu ham học hỏi, bạn có thể làm bất kỳ việc gì.”

2. Trau dồi chuyên môn, chấp nhận rủi ro, và học về ý nghĩa của sự gan dạ bền bỉ

Nếu thường xem các chương trình thể thao sinh viên trên truyền hình, có thể bạn đã nhìn thấy quảng cáo của Enterprise Rent-A-Car với hình ảnh những sinh viên xuất hiện phía sau quầy thu ngân của một vị trí Enterprise gần đó. Enterprise – nơi hằng năm tuyển dụng sinh viên mới tốt nghiệp cho vị trí quản lý cấp thấp nhiều hơn so với các công ty khác ở nước Mỹ – thích tuyển dụng những vận động viên sinh viên vì họ tin tưởng rằng các vận động viên biết cách làm việc theo nhóm và có thể đảm nhiệm nhiều công việc một lúc.

“Chúng tôi nhìn thấy rất nhiều kỹ năng có thể được chuyển đổi ở các vận động viên,” Marie Artim, phó chủ tịch bộ phận thu hút nhân tài ở Enterprise, nói với tôi như vậy.

Enterprise không phải là công ty duy nhất có định hướng đó. Khi các nhà tuyển dụng tìm kiếm những dấu hiệu cho thấy một người nào đó đã sẵn sàng cho một công việc, hơn cả việc đạt được tấm bằng đại học như một yêu cầu cơ bản, thì việc tham gia vào những hoạt động thể thao trong thời đại học được nhiều công ty xem là một dấu hiệu rõ ràng của sự cam kết và nỗ lực – hai điều mà thế hệ sinh viên mới tốt nghiệp ngày nay đều thiếu. Lý thuyết dài 10.000 giờ được miêu tả bởi Malcolm Gladwell trong cuốn sách của ông mang tên *Outliers* (Những kẻ xuất chúng³) – rằng chúng ta mất khoảng 10.000 giờ luyện tập để trở thành chuyên gia trong một lĩnh vực. Những vận động viên luyện tập mọi lúc không kể ngày đêm, kể cả khi họ cảm thấy không muốn luyện tập, và bắt buộc phải có sự nỗ lực để chiến thắng. Đó đều là những đức tính quan trọng để làm việc. Tuy nhiên, các vận động viên còn có những trải nghiệm khác mà các nhà tuyển dụng coi là cần thiết cho sự thành công ở chốn công sở: đã có lúc họ phải nhận những lời quở trách từ huấn luyện viên vì sự thể hiện kém cỏi và họ đã vượt qua sự thất bại.

³ Cuốn sách đã được AlphaBooks mua bản quyền và xuất bản năm 2017.

“Họ có ý chí chiến thắng. Đó là điều tất cả mọi người cần để chiến thắng” là ý kiến của Sarah Brubacher, trưởng ban chương trình hợp tác đại học của eBay, nơi đã tổ chức một kỳ thực tập đặc biệt cho những cựu vận động viên Olympic.

Tất nhiên, điều này không có nghĩa là những nhà tuyển dụng chỉ

hứng thú với việc tuyển những người có đam mê. Những phẩm chất được đánh giá cao của vận động viên rõ ràng có thể ứng dụng với các hoạt động sinh viên khác. Những nhà tuyển dụng nói với tôi rằng họ cũng coi trọng các nhạc sỹ, người thiết kế trò chơi và nhà văn tương tự như vậy. Sự chi tiết của hoạt động không có ảnh hưởng nhiều như thời gian đầu tư vào việc theo đuổi và sự tinh thông nhiệm vụ đó.

“Chúng tôi thấy rằng họ có niềm đam mê, và thể hiện sự thành thạo và chuyên sâu vào một lĩnh vực,” Adam Ward nói, anh là trưởng bộ phận tuyển dụng tại Pinterest, công ty cung cấp dịch vụ lưu niệm trực tuyến nổi tiếng. Lời khuyên tôi nhận được từ Ward và những nhà tuyển dụng khác là phải đi sâu vào chứ không nên chỉ lướt qua một cách chung chung những điều mà nhà tư vấn định hướng thuyết giáo khi họ khuyến khích sinh viên học những điều rộng và bao quát.

Vấn đề là những sinh viên học theo kiểu “rộng và bao quát” đó thường không tập trung vào một dung nào đó trong thời gian dài. Có vẻ họ tham gia các hoạt động chỉ để thể hiện mình đã tham gia thay vì thể hiện một sự gắn kết, đam mê và cống hiến bền bỉ, điều mà những nhà tuyển dụng tìm kiếm. Hồ sơ cá nhân của họ được phủ đầy bởi những điều mà những người tuyển dụng gọi là “các câu lạc bộ đăng ký thành viên”. Những sinh viên học theo kiểu bao quát thường giữ vai trò kiểm soát chung công việc. Trong khi những người “biết nhiều điều nhưng không giỏi bất kỳ điều gì” có giá trị trong thời đại trước, thì ngày nay họ đang thiếu đi các kỹ năng cần thiết để hoàn thiện nét sổ dọc trong định hình chữ T.

Sinh viên càng dành nhiều thời gian để thành thạo một kỹ năng hay một công việc nào đó, họ sẽ càng dễ gặp phải thất bại. Các nhà tuyển dụng nhiều lần nói với tôi rằng những sinh viên tốt nghiệp đại học ngày nay không có đủ kinh nghiệm rút ra từ những sự thất bại hoặc thử thách cam go, đặc biệt là trong công việc. Nhiều người trong số họ chưa từng đi làm trong thời trung học, làm việc ở quầy gọi món của McDonald's hay gấp quần áo ở cửa hàng thời trang giống như những thế hệ trước, và họ không có kỹ năng ưu tiên công việc và xoay sở với những khách hàng khó tính, trong khi công việc thì rất hối hả.

“Đội ngũ nhân viên tốt nhất của chúng tôi là những người biết giải quyết vấn đề và có khả năng kết nối tất cả mọi điều họ biết lại với nhau – dịch vụ khách hàng, sự thấu cảm, kỹ năng thuyết phục, kỹ năng lãnh đạo, sự linh hoạt và đạo đức làm việc,” Marie Artim ở Enterprise nói với tôi. “Họ có thể suy nghĩ một cách chủ

động.”

Enterprise có 200 người phụ trách tuyển dụng tại trường đại học, những người tích cực tuyển nhân viên mới từ 800 trường đại học mỗi năm. Họ phải nỗ lực hơn rất nhiều so với các công ty khác có cùng quy mô trong việc thu hút ứng viên tiềm năng từ các trường đại học. Xét cho cùng, ít người đi học đại học với mơ ước rằng mình sẽ làm việc tại một công ty cho thuê xe.

Bất chấp điều đó, Enterprise vẫn nhận thấy những sinh viên mới tốt nghiệp ngày nay còn thiếu sót các kỹ năng cơ bản, ví dụ như giải quyết vấn đề, đưa ra quyết định và khả năng đưa ra ưu tiên công việc. Tình trạng này xảy ra rất nhiều: những nhân viên mới tốt nghiệp đại học chờ đợi người khác nói cho mình việc cần làm với nỗi sợ hãi rằng mình sẽ đưa ra quyết định sai lầm. “Đây là thế hệ đã được ‘lên giáo trình’ cho cả cuộc đời,” Artim nói. “Những quyết định được đưa ra cho họ, vì vậy chúng ta khó mà tìm được ai đó có thể hành động dứt khoát và đưa ra quyết định.”

Những sinh viên mới tốt nghiệp không thể tạo ra sự thay đổi quyết liệt vào ngày đầu tiên sau khi tốt nghiệp và bắt đầu chấp nhận rủi ro hoặc học cách đứng lên từ thất bại. Đây là những hành động chúng ta học dần theo thời gian, và với tư cách là cha của hai đứa trẻ, tôi cho rằng nền văn hóa và giáo dục của chúng ta đã khiến cho bọn trẻ sợ hãi về sự thất bại ngay từ khi chúng mới tập đi. Giống như nhiều bậc phụ huynh khác, vợ tôi và tôi luôn tự hỏi rằng liệu chúng ta đã tạo dựng đủ sự linh hoạt cho con cái hay chưa. Tuy vậy, chúng tôi vẫn đứng cùng những phụ huynh khác trên một sân chơi địa phương, trông coi những đứa con của mình và sẵn sàng chộp lấy nếu một trong số chúng tụt xuống cuối chiếc cầu trượt.

“Những đứa trẻ được sinh ra với bản năng chấp nhận rủi ro khi chơi các trò chơi vì trong lịch sử, học cách đàm phán rủi ro là một điều quan trọng để sống sót,” Hanna Rosin viết trong bài viết tháng 4 năm 2014 trên tờ Atlantic. Nhưng nếu chúng không bao giờ trải qua quy trình đó, sự sợ hãi sẽ trở thành nỗi ám ảnh. Câu chuyện với tiêu đề “Những đứa trẻ được bảo vệ quá mức” đã làm nổi bật sự phát triển của sân chơi địa phương như một ví dụ trong cuộc sống hàng ngày của trẻ em ngày nay, nơi chúng luôn được theo dõi, và kết quả là chúng không bao giờ tìm thấy cơ hội để chấp nhận rủi ro và rút ra bài học từ thất bại.

Điều không may là mong muốn bảo vệ con cái của chúng ta và việc lấp đầy những khoảng khắc trong lịch trình của chúng bằng

những hoạt động đã được sắp xếp dường như chỉ trở nên tồi tệ hơn khi chúng trưởng thành. Và điều đó vẫn không dừng lại ở môi trường đại học. Chúng chọn bạn cùng phòng trước khi chuyển đến ký túc xá. Chúng sống trong những phòng ngủ tập thể dạng căn hộ, đảm bảo rằng chúng không phải chia sẻ phòng hoặc phòng tắm với ai khác. Những giáo sư được khuyến khích đưa ra “lời cảnh cáo dứt khoát” hoặc thông báo trước đến sinh viên rằng những vật liệu hướng dẫn có lẽ sẽ khơi gợi lên phản ứng cảm xúc của chúng. Và một số trường đại học đã xây dựng hệ thống quản lý điện tử với mục đích khuyến khích sinh viên chọn chuyên ngành hoặc khóa học mà họ cảm thấy mình sẽ có thể thành công (chúng ta sẽ đọc thêm về những hệ thống này trong Chương 7).

Trường đại học đã trở thành một khu vực rộng lớn, không có sự nguy hiểm. “Rất nhiều sinh viên từng đến hỏi tôi về phương hướng giải quyết cho một vấn đề,” trưởng khoa tại một trường đại học kể cho tôi. “Còn bây giờ, chúng chỉ muốn nhận được câu trả lời.”

Lớp học ở trường đại học càng củng cố thông điệp rằng sự thất bại là không thể chấp nhận được. Ví dụ, sinh viên chưa bao giờ tiếp xúc với quy trình phản hồi được coi là tiêu chuẩn trong hầu hết các công việc ngày nay. Hãy suy nghĩ về điều này: nhân viên không triển khai một dự án một cách độc lập và chỉ nộp cho sếp một lần duy nhất khi kết thúc dự án để nhận được phản hồi. Có những thay đổi trước-sau và nhiều thất bại trong cả một quá trình. Thậm chí những nhà văn xuất sắc cũng phải bỏ đi một vài bản nháp. Tuy nhiên trong lớp học ở trường đại học, mục tiêu duy nhất của sinh viên là sản phẩm cuối cùng, có thể là một kỳ thi hoặc một bài tập cuối kỳ, tất cả đều được hoàn thành với một sự nỗ lực để đạt được điểm A. Và đó cũng chính xác là điều mà nhiều sinh viên nhận được. Điểm A là điểm số được đưa ra nhiều nhất tại các trường đại học trên toàn quốc, chiếm 43% tổng số các điểm số. (Vào năm 1988, điểm A chỉ chiếm chưa đến 1/3.) Không có gì ngạc nhiên khi sinh viên ngày nay trở nên tê liệt với viễn cảnh của thất bại – bởi lẽ hầu hết họ chưa bao giờ trải qua điều đó.

Khi các nhà tuyển dụng phỏng vấn sinh viên đại học, họ cố gắng tìm kiếm những ứng viên đã vượt qua nhiều thử thách và rút ra bài học từ thất bại. Một số nhà tuyển dụng còn cộng thêm điểm cho những ứng viên mà câu chuyện cá nhân của họ thể hiện được rằng họ có tham vọng hoặc ý chí quyết tâm mạnh mẽ.

Hãy gọi đó là “sự bền bỉ” (grit) – thuật ngữ được Angela Duckworth, một giáo sư tâm lý học ở trường Đại học

Pennsylvania sử dụng. Nghiên cứu của bà đã phát hiện ra rằng những người thành công nhất là những người không chỉ có ý thức kỷ luật tự giác, mà còn có quyết tâm cao độ trong việc hoàn thành nhiệm vụ, bất kể những khó khăn. Đó chính là sự “đam mê sâu sắc” mà Adam Ward ở Pinterest nói với tôi khi kể về điều mà anh tìm kiếm ở các nhân viên.

Để đo lường sự bền bỉ, Duckworth đã phát triển một bài kiểm tra với 12 câu hỏi đơn giản chỉ mất năm phút để hoàn thành. Nó rất chính xác và ngày càng được sử dụng nhiều bởi các doanh nghiệp và quân đội trong việc đánh giá ứng viên (tra trên Google với từ khóa “grit scale” để tìm hiểu thêm). Khi Duckworth đưa bài kiểm tra này cho 1.200 học viên mới gia nhập trường sĩ quan ở West Point trong khóa đào tạo mùa hè khắc nghiệt, lãnh đạo trường nhận thấy rằng bài kiểm tra này có giá trị dự báo xem học viên nào nhiều khả năng sẽ thành công trong tương lai.

Bây giờ, thử thách dành cho sinh viên (đặc biệt là những đứa trẻ được bảo vệ quá mức từ những gia đình tham vọng và giàu có) là tìm ra những trải nghiệm giúp chúng tiếp xúc với những hoàn cảnh không mấy thuận lợi, những nơi giúp chúng rút ra bài học từ thất bại. Bạn sẽ không còn cho rằng điều đó sẽ đến bằng cách rời bỏ trường đại học. Thật không may, những bài học có giá trị nhất về việc chấp nhận rủi ro và rút ra bài học từ thất bại thường đến trong những ngày cuối cùng của thời đại học, thông qua những bài phát biểu tốt nghiệp, khi mà đã quá muộn.

3. Mỗi công việc đều là một công việc kỹ thuật

Ở lớp học nằm trong một góc của Đại học Pennsyvalnia, Kevin Winters, phó chủ tịch của Ceasars Entertainment, đang nói chuyện về môi trường làm việc của một tập đoàn kinh doanh các hoạt động đánh bạc và giải trí.

Đó là một đêm mùa thu trời mưa tầm tã, và công ty đang chuẩn bị cho cuộc phỏng vấn vào hôm sau với các sinh viên Đại học Pennsyvalnia, để tuyển dụng nhân viên mới cho bộ phận phân tích gồm 160 người ở Las Vegas, những người nghiên cứu hành vi khách hàng cho ban marketing. Công việc này bao gồm phân tích những bộ dữ liệu phức tạp để đạt được một mục đích đơn giản: quyết định xem điều gì sẽ kích lệ nhóm khách hàng tiềm năng nhất của Ceasar chi nhiều tiền hơn.

Với một bài thuyết trình thể hiện trên PowerPoint, Winters đã nói với một nhóm 15 sinh viên rằng, công ty sẽ tuyển dụng khoảng

24 người mỗi năm cho bộ phận phân tích từ 20 trường đại học hàng đầu. Trong quá khứ, Ceasars tuyển dụng nhân viên cho vị trí marketing là những người có nền tảng và đam mê với ngành dịch vụ nhà hàng-khách sạn. Bây giờ, những công việc này hầu hết liên quan đến số liệu và yêu cầu một bộ kỹ năng hoàn toàn mới. Những người học chuyên ngành marketing nhưng không có khả năng phân tích số liệu thì sẽ không đạt yêu cầu công việc.

“Các bạn sẽ được làm việc với những người thông minh nhất,” Winters nói với nhóm sinh viên, “bất kể chuyên ngành của các bạn là gì”.

Mặc dù vậy, tôi đoán rằng những sinh viên đã và chưa tốt nghiệp ngồi trong căn phòng đó hầu hết đều học chuyên ngành kinh doanh. Nhưng một cuộc khảo sát nhanh tiết lộ rằng một nửa trong số sinh viên thực ra là học chuyên ngành nhân văn. “Điều tuyệt vời của một tấm bằng tiếng Anh là bạn có thể làm bất kỳ điều gì nếu bạn có khả năng phân tích đi kèm với kỹ năng viết và giao tiếp,” một sinh viên tên là Monica nói với tôi.

Thực tế là, thập kỷ vừa qua đã chứng kiến sự phát triển của lĩnh vực “nhân văn học kỹ thuật số” - sự kết hợp của nhân văn học cổ điển và khoa học máy tính. Điều này đã mở ra những cơ hội việc làm và nghề nghiệp cho các sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành hiển thị dữ liệu, kết nối kỹ thuật số và tổ hợp trực tuyến. Điều tương tự cũng đúng với ngành báo chí, nơi mà những phóng viên có khả năng xử lý khối lượng dữ liệu khổng lồ để khám phá và minh họa những câu chuyện với các số liệu thống kê có cơ sở luôn được các tổ chức tìm kiếm. Và những ngành nghề khác cũng nhanh chóng đi theo xu thế đó. Những kỹ năng theo định hướng dữ liệu trong rất nhiều ngành nghề khác nhau chính là tương lai.

Hãy gọi đó là “môn học đại cương thời kỳ mới”, khi mà sự nhận thức kỹ thuật số trở nên quan trọng như khả năng hùng biện, viết và tư duy phản biện. Không còn nghi ngờ gì khi các trường đào tạo giáo dục đại cương đang mở thêm chuyên ngành khoa học máy tính. Việc chỉ biết sử dụng máy tính đã không còn được coi là đủ tốt nữa.

Hiểu về ngôn ngữ lập trình các ứng dụng trên điện thoại hoặc nền tảng của trí thông minh nhân tạo hiện được nhiều nhà tuyển dụng coi là những kỹ năng nền tảng cơ bản. Học cách lập trình rất giống như việc học một ngôn ngữ thứ hai trong thế kỷ XX: bạn không đủ thành thạo ngôn ngữ đó để sinh sống ở đất nước đó, nhưng bạn có thể tự xoay sở khi đến đó du lịch.

“Quan trọng hơn là cung cấp cho người học những kỹ năng và công cụ về mã hóa,” Carol Smith, người quản lý chương trình Summer of Code (Mùa hè Mã hóa) của Google, phát biểu với tạp chí Wired. “Nó cung cấp cho họ những kỹ năng tư duy phản biện quan trọng, dù cho họ có nghiên cứu sâu về khoa học máy tính hay không.”

Tổ chức Khoa học Quốc gia (National Science Foundation) ước tính rằng có khoảng 1,4 triệu công việc trong tương lai sẽ yêu cầu kỹ năng máy tính. Nhưng có ít hơn 1/4 số học sinh trung học tham gia các lớp học mã hóa và chỉ có 10% số trường trung học tổ chức những khóa học máy tính ở trình độ đại học.

“Tất cả các công ty lớn ngày nay đã chuyển đổi thành những công ty công nghệ,” Brian Fitzgerald nói. Ông là người đứng đầu Diễn đàn Kinh doanh-Giáo dục Cấp cao, một tổ chức kết nối những lãnh đạo cấp cao từ các doanh nghiệp và trường đại học, vì vậy ông có thể sớm nhận được thông tin nếu có sự lệch pha giữa những điều nền kinh tế cần và những điều mà hệ thống giáo dục đang tạo ra. “Ngay cả những công việc không liên quan đến công nghệ cũng là những công việc công nghệ,” Fitzgerald nói với tôi.

Hơn một thập kỷ trước, khi các giao dịch tài chính trở nên phức tạp và cạnh tranh hơn, lĩnh vực ngân hàng là ngành công nghiệp đầu tiên nhận ra rằng sự hiểu biết công nghệ rất quan trọng với tất cả nhân viên. Các ngân hàng có khả năng thu hút sinh viên tốt nghiệp với những chuyên ngành STEM (Science – Khoa học, Technology – Công nghệ, Engineering – Kỹ sư, và Math – Toán học) từ các ngành khác bằng những lời đề nghị hấp dẫn về lương bổng, điều đó khiến các công ty khác phải tranh giành nhân tài trong số những người còn lại.

Fitzgerald nói với tôi rằng ngày nay đang có một nhu cầu lớn liên quan đến tri thức chuyên môn trong mảng an ninh mạng. Và một lần nữa, các công ty đang tìm kiếm những nhân viên từ nhiều chuyên môn khác nhau, những người mà Fitzgerald gọi là có-nhận-thức-về-máy-tính. “Nếu đang làm việc trong bộ phận bán hàng hoặc bộ phận truyền thông ở Northrop Grumman, bạn phải hiểu những điều căn bản của an ninh không gian mạng, kể cả đó không phải là công việc hằng ngày của bạn,” Fitzgerald nói.

Thế hệ những người học đại học và tham gia vào lực lượng lao động ngày nay thường được gọi là những “công dân thời đại công nghệ” vì họ đã được tiếp xúc với công nghệ từ khi còn rất nhỏ. Nhưng mối quan hệ của họ ở một trạng thái rất bị động: bắt thiết

bị lên và sử dụng nó. Nhận thức về kỹ thuật số không có nghĩa là biến mọi người thành những người sành sỏi máy tính. Đó là việc chuyển đổi mối quan hệ với công nghệ từ bị động sang chủ động – đặc biệt là kiến thức về cơ chế hoạt động đằng sau những cỗ máy, chứ không chỉ dừng ở việc những cỗ máy đó là cái gì.

4. Học cách đối phó với sự mơ hồ

Ba tháng sau khi tốt nghiệp đại học và tham gia một nghiên cứu về báo chí tại Arizona Republic, tôi đã có cuộc phỏng vấn đầu tiên cho vị trí nhà báo toàn thời gian. Đó là công việc ở Wilmington, Bắc Carolina. Tổng biên tập của tờ báo đã đón tôi ở sân bay, và sau bữa ăn trưa gọn nhẹ, ông ấy thả tôi xuống phố Front, một con phố lớn mang tính lịch sử chạy dọc bờ sông Cape Fear. Ông ấy bảo tôi đi tìm một câu chuyện.

Đó là một buổi chiều thứ Sáu cuối tháng 8, tôi phải viết câu chuyện đó và báo cáo trước 5 giờ chiều. Tôi chưa từng đến Wilmington, và chẳng biết ai trong thị trấn này. Tôi không có xe ô tô. Tất cả những gì tôi có là một tập giấy để ghi chép và một chiếc bút mà vị tổng biên tập đã rất tốt bụng đưa cho tôi. Trong vài giờ sau đó, tôi lang thang qua những con đường, nói chuyện với những người chủ kinh doanh, người dân địa phương và các vị khách du lịch.

Cuối cùng tôi đã tìm ra một câu chuyện – đó là một chiến dịch du lịch mà chính quyền bang đã đảm trách và hoàn thành nó đúng hạn dù toàn bang vừa phải trải qua một cơn bão xoáy. Tuy nhiên như lời tổng biên tập nói với tôi sau đó, bản thân bài báo không phải là bài kiểm tra. Ông ấy chỉ muốn biết tôi sẽ làm gì trong một hoàn cảnh không mấy quen thuộc. Những ứng viên khác thường trở nên hoảng hốt và cố hỏi ông ấy một bài tập cụ thể, hoặc tìm ra cách để hoàn thành công việc. Ông ấy muốn nhân viên của mình có thể đối diện với những hoàn cảnh không được biết trước một cách thường xuyên.

Khi trí tuệ nhân tạo ngày càng khiến nhiều công việc trở nên lỗi thời, sự thành công trong tương lai sẽ thuộc về những người có khả năng chịu đựng sự mơ hồ trong công việc. Tuy nhiên, quá nhiều sinh viên mới tốt nghiệp gần đây tiếp cận những bản mô tả công việc như thể họ đang đọc các đề cương thời đại học – coi đó là công thức để thành công trong sự nghiệp. Họ kỳ vọng những nhiệm vụ được định nghĩa rõ ràng, cụ thể, như thể họ đang chuẩn bị cho một kỳ thi đại học.

“Sự xuất sắc trong công việc được thể hiện ở việc bạn sẵn sàng làm những điều bạn không được yêu cầu làm. Thế hệ ngày nay không cảm thấy thoải mái với việc tìm ra những điều mình cần phải làm,” theo lời Mary Egan, cựu phó chủ tịch cấp cao mảng chiến lược và phát triển doanh nghiệp của Starbucks.

Tôi gặp Egan trong một chương trình dành cho sinh viên mới tốt nghiệp đang tìm kiếm sự giúp đỡ để bắt đầu sự nghiệp của mình. Cô ấy khuyến khích những sinh viên mới tốt nghiệp tìm ra những điều khác, chứ không chỉ những điều được liệt kê trên bản mô tả công việc, đặc biệt là những công việc nhỏ nhặt chiếm phần lớn thời gian của sếp của họ. “Nếu bạn làm được càng nhiều việc để giảm tải khối lượng công việc và khiến sếp bạn trở nên rảnh rỗi hơn, bạn sẽ càng trở nên có giá trị đối với tổ chức,” Egan nói. Tuy nhiên, cô ấy cũng nói với họ về việc phải biết giới hạn của mình: có quá nhiều người ở độ tuổi 20 tin rằng họ nên là những người điều hành công ty hoặc xứng đáng được thăng chức chỉ sau ba tháng đi làm (tôi sẽ nói nhiều hơn về sự khiêm tốn ở đoạn sau).

Giống như những “kỹ năng thế kỷ XXI” khác mà các nhà tuyển dụng đang tìm kiếm, khả năng chịu đựng sự mơ hồ thường được phát triển từ giai đoạn đầu của cuộc đời. Lời phản hồi mà trẻ em nhận được từ người lớn và giáo viên có ảnh hưởng to lớn lên khả năng giải quyết sự bất định của chúng. Carol Dweck, giáo sư tâm lý học của Đại học Stanford đã phát hiện ra rằng khen ngợi trẻ em về sự thông minh của chúng (thay vì sự kiên trì) thường dẫn đến tình trạng chúng sẽ từ bỏ khi đối diện với những điều chúng chưa từng gặp phải. Theo ý kiến của Dweck, sẽ tốt hơn nếu khen trẻ về sự kiên trì. Con người thường thể hiện tốt hơn khi họ tập trung vào những điều có thể kiểm soát, chứ không phải là những điều họ không thể.

“‘Chăm chỉ làm việc’ là điều giúp cho công việc được hoàn thành,” Dweck nói. “Những sinh viên thành công không nhất thiết phải là những người được tuyển dụng với những điểm số hoàn hảo. Đó là những người yêu thích công việc của mình và có nhiệt huyết làm việc.”

Dweck đã thực hiện một vài nghiên cứu trong những năm qua và nhận thấy rằng con người sẽ làm việc tốt hơn nếu họ coi sự thông minh là một yếu tố linh hoạt và không phải được ấn định ngay từ khi sinh ra. Những người mà cô ấy gọi là có “tư tưởng phát triển” luôn coi những thử thách là cơ hội để mở rộng kỹ năng. Nhưng những người thường xuyên được tán dương về sự thông minh sẽ chết cứng trong những hoàn cảnh lạ lẫm khi họ không biết được

câu trả lời và thường trói buộc bản thân vào việc phải cố gắng đạt được sự hoàn hảo.

Khi tham gia cuộc phỏng vấn cho công việc nhà báo ở Bắc Carolina, tôi không biết ngành báo chí sẽ phát triển như thế nào trong những thập kỷ tiếp theo. Kể cả như vậy, bộ kỹ năng mà ngành báo đã cung cấp cho tôi (đặc biệt là sự tích cực tìm kiếm một câu chuyện mỗi ngày, khả năng phát hiện những mô hình xu hướng, và kết hợp các ý tưởng rời rạc) vẫn giữ nguyên giá trị dù tôi có làm công việc gì. Tất nhiên, bạn không cần theo học chuyên ngành báo chí hoặc trở thành một nhà báo để tích lũy bộ kinh nghiệm đó, nhưng chúng có vai trò quan trọng trong việc định vị nơi làm việc tương lai với rất nhiều sự bất định.

Khả năng đối phó với sự bất định trong công việc yêu cầu con người phải suy nghĩ theo hoàn cảnh, để mang đến điều mà tôi gọi là “chuỗi kết nối” nhằm lấp đầy những khoảng trống nằm giữa những ý tưởng. Đó là một “ứng dụng tuyệt hảo” tại chốn công sở ngày nay. Chúng ta có thể đi theo sự tò mò của bản thân và khám phá, học hỏi từ những người bạn để tạo nên sự kết nối này. Kiến thức không chỉ nằm trong bộ não của bạn, mà còn được phân phối xuyên suốt mạng lưới xã hội của chúng ta.

Tuy nhiên những mạng lưới này không chỉ là mạng lưới ảo – chẳng hạn như Facebook, Twitter, Snapchat, hay LinkedIn, nhiều sự kết nối kiến thức tốt nhất diễn ra trong những cuộc hội thoại trực tiếp. Với tư cách là người biên tập Chronicle of Higher Education (Ký sự niên đại của giáo dục bậc cao), tôi phát hiện ra rằng các thực tập sinh và nhà báo trẻ thường phụ thuộc quá nhiều vào email hoặc Facebook cho những báo cáo của họ, thay vì cầm điện thoại lên hoặc ra ngoài để nói chuyện với những con người thực. Quản lý trong những ngành công nghiệp khác cũng nói với tôi điều tương tự: cần phải có nhiều hơn sự tương tác với con người trong một ngày, nhất là trong thời đại mọi người luôn cắm mặt vào điện thoại như bây giờ.

“Nghệ thuật đối thoại vẫn là một công cụ học hỏi hiệu quả,” John Leutner ở Xerox khẳng định.

Trong những cuộc phỏng vấn, các nhà tuyển dụng đang cố gắng đo lường tốt hơn về cách những ứng viên học hỏi và thích nghi với hoàn cảnh mới. Ví dụ như Google, một trong những nơi khó khăn nhất trên thế giới để những sinh viên mới tốt nghiệp tìm được một công việc. Cho đến năm 2010, công ty yêu cầu tất cả các ứng viên tiềm năng phải nộp điểm thi SAT, điểm thi đầu vào đại

học (nếu có), và bảng điểm đại học. “Đó là một yêu cầu kỳ cục. Liệu chúng ta có thể nhìn thấy giá trị gì chỉ từ một khía cạnh của một con người, thông thường là trong những năm đầu cuộc đời?” Laszlo Bock, phó chủ tịch cấp cao phụ trách mảng nhân sự tại Google (một chức danh màu mè cho vị trí trưởng bộ phận nguồn nhân lực), đã nói với tôi như vậy.

Câu trả lời là không gì cả. Google sau đó đã nhận ra rằng nếu điểm số là một chỉ số dự đoán cho khả năng làm việc, nó sẽ bị hạn chế trong 2-3 năm sau khi tốt nghiệp. Vì vậy công ty đã thôi không đòi hỏi điểm thi, trừ khi ứng viên là một người hoàn toàn mới tốt nghiệp. Thay vào đó, Google bắt đầu dựa vào những sự đo lường khác mà họ phát triển để đánh giá khả năng giải quyết các vấn đề nan giải trong cuộc sống thực tế của ứng viên.

Công ty kiểm tra ứng viên bằng cách yêu cầu họ thực hiện một số công việc thực tế họ sẽ phải làm. Đây là một kỹ thuật phổ biến mà các công ty tư vấn thường sử dụng, trong những buổi phỏng vấn bao gồm các bài tập giải quyết tình huống. Sau khi chỉ được cung cấp một vài thông tin (như cách mà tổng biên tập thả tôi xuống giữa thành phố để tìm kiếm một câu chuyện), các ứng viên sẽ được yêu cầu đưa ra lời khuyên cho những công ty đang gặp khó khăn. Google cũng phát triển một bài kiểm tra về khả năng nhận thức bao quát, một bài kiểm tra IQ đơn giản.

Bock nói: “Khả năng nhận thức bao gồm cả khả năng học hỏi. Sự kết hợp giữa trí thông minh và khả năng học hỏi giúp con người thành công trong hầu hết mọi công việc.”

5. Hãy khiêm tốn và học hỏi từ bạn bè và người hướng dẫn của mình

Đó là ngày đầu tiên trong kỳ thực tập tại một công ty sản xuất ngũ cốc lớn. Một thực tập sinh nói với sếp rằng mình vừa sáng tạo ra một loại ngũ cốc mới, hoàn thiện cùng một thiết kế hộp và công thức. Bỏ qua những dự án nhập dữ liệu nhằm chán đã được giao trong mùa hè, cô sinh viên đại học đáng mến này muốn biết khi nào mình có thể thuyết trình ý tưởng lên những lãnh đạo cấp cao. “Càng sớm càng tốt,” cô ấy nói với sếp.

Đó là câu chuyện được kể bởi Bruce Tulgan trong cuốn *Not Everyone Gets a Trophy: How to Manage Generation Y* (tạm dịch: Không phải ai cũng được trao thưởng: Làm thế nào để quản lý thế hệ Y), và nó giống như câu chuyện tôi được nghe về việc quản lý các sinh viên mới tốt nghiệp. Những nhà tuyển dụng đều có

những lời phàn nàn giống nhau về các nhân viên mới: họ quá thiếu kiên nhẫn với sự nghiệp và suy nghĩ không thực tế về vai trò của mình trong công ty.

Một người bạn làm quản lý của một công ty truyền thông lớn kể với tôi về những sinh viên mới tốt nghiệp đã dám ứng tuyển vào những vị trí cấp cao sau chưa đầy một năm làm việc và rồi họ vô cùng sững sốt khi không nhận được sự thăng tiến – điều chỉ dành cho những ai đã có 10-20 năm kinh nghiệm. Tất nhiên, từ rất lâu người lớn đã cần nhẫn về “những đứa trẻ ngày nay”, tuy nhiên mỗi quan tâm mà tôi nghe được đến từ nhiều người ở vị trí quản lý, kể cả những người đã tuyển dụng các sinh viên mới tốt nghiệp suốt hàng thập kỷ.

Lãnh đạo cao cấp của một công ty công nghệ đã kể với tôi về một sinh viên mới tốt nghiệp, đã yêu cầu một cơ hội để phát triển sản phẩm mới. Khi công ty đề xuất “cuộc thi phát triển phần mềm” với một chủ đề cụ thể, nhân viên này đã đề xuất được làm việc về những ý tưởng kinh doanh khác và muốn được đảm bảo rằng cô ấy có quyền quyết định bất kỳ điều gì. “Chúng tôi nói đó là tài sản trí tuệ của công ty, và cô ấy nói điều đó là không công bằng,” anh ấy kể lại. “Đó là tất cả những điều chúng tôi có thể làm được cho cô ấy.”

Những sinh viên mới tốt nghiệp gần đây tự tạo cho mình một điều kiện là tránh sự thất bại hoặc không làm những công việc bán thời gian khi học trung học mà họ phải làm việc với những người có độ tuổi và quan điểm khác nhau, vì vậy họ thường đi làm sau khi tốt nghiệp đại học với sự tự tin lớn hơn rất nhiều so với thế hệ trước đây – một số người có thể được gọi là tự phụ.

Tuy nhiên, sự nhận thức xã hội không chỉ dừng lại ở việc biết được vai trò của mình trong tổ chức, nó còn bao gồm những kỹ năng quan trọng như giao tiếp (nói và viết), khả năng giải quyết phản hồi tiêu cực, nói trước đám đông, và quan trọng hơn cả là tương tác ở mức độ cơ bản với đồng nghiệp và khách hàng mà không liên quan đến hình thức nhân tin. Các nhà tuyển dụng chia sẻ với tôi rất nhiều email mà họ nhận được từ những ứng viên với giọng điệu thiếu trịnh trọng một cách không bình thường (“Chào Joe...”), và trong một vài trường hợp là không thể hiểu nổi.

Để giúp đỡ những sinh viên mới tốt nghiệp chuyển tiếp vào thế giới công sở, rất nhiều công ty đã nhận ra họ cần phải đưa thêm cơ hội đào tạo vào những khóa học định hướng. Thị trường trực tuyến khổng lồ eBay là một trong số đó. Công ty tổ chức chương

trình định hướng thực tế trong một tuần, tại đó các sinh viên mới tốt nghiệp làm việc theo nhóm để đưa ra những ý tưởng kinh doanh nhằm giúp các sản phẩm của công ty trở nên hấp dẫn với những người trẻ thế kỷ XXI. Công ty cũng đưa ra những khóa học về việc quản lý thương hiệu cá nhân của bạn (vì những sinh viên mới tốt nghiệp thường không đặt ra mục tiêu cho bản thân), cung cấp một phần thuyết trình thuyết phục (thường họ không nói đến những điểm quan trọng đủ nhanh), quản lý lịch trình (cũng chính là quản lý thời gian), và tổng kết kết quả làm việc.

Sarah Brubacher của eBay nói với tôi rằng những sinh viên trưởng thành trong hệ thống điểm từ A đến F thường không thể đạt được điểm 3 trên thang điểm 1 đến 5 trong một bản tổng kết. “Điều đó có nghĩa là họ đã đạt được sự kỳ vọng,” Brubacher nói. “Nếu bạn đang đạt được sự kỳ vọng, điều đó có nghĩa là bạn đang làm tốt công việc của mình, nhưng với những sinh viên tham vọng, họ coi đó chẳng khác một điểm C.”

VÌ SAO NHỮNG NHÀ TUYỂN DỤNG KHÔNG CẢM THẤY HÀI LÒNG?

Trong một cuộc khảo sát, các nhà tuyển dụng nói rằng sinh viên tốt nghiệp đại học ngày nay đang thiếu đi năng lực bao quát mà họ tìm kiếm trong một nền kinh tế thay đổi nhanh chóng. Vẫn còn tồn tại một sự thiếu liên kết lớn giữa cách sinh viên nói về sự sẵn sàng của họ và những điều nhà tuyển dụng thực sự nghĩ về họ.

Các khảo sát năm 2015 về các sinh viên sắp tốt nghiệp và những nhà tuyển dụng cho thấy, trong số gần 20 kỹ năng, các nhà tuyển dụng đánh giá sinh viên thấp hơn đáng kể so với sự tự đánh giá về bản thân của những sinh viên. Ví dụ, trong khi 57% số sinh viên nói rằng họ là những người sáng tạo và cải tiến, thì chỉ có 25% nhà tuyển dụng đồng ý.

Một khoảng cách lớn cũng tồn tại giữa các lãnh đạo trường đại học và những lãnh đạo cao cấp của doanh nghiệp về chủ đề “sự sẵn sàng cho một công việc của các sinh viên mới tốt nghiệp ngày nay”. Gần như tất cả giám đốc điều hành của các trường đại học tham gia vào khảo sát của Gallup năm 2014 nói rằng họ tự tin là đã chuẩn bị cho những sinh viên đủ kỹ năng và kiến thức để thành công nơi công sở. Đối với họ, vấn đề chủ yếu là nhu cầu – không có đủ công việc dành cho những sinh viên mới tốt nghiệp. Đối với những nhà tuyển dụng, vấn đề là về nguồn cung – các trường đại học có thể cung cấp đủ số lượng sinh viên tốt nghiệp,

nhưng lại không đủ những sinh viên có các kỹ năng cần thiết. Chỉ có 11% lãnh đạo doanh nghiệp nói rằng trường đại học đã chuẩn bị cho sinh viên của mình đủ tài nguyên để thành công trong công việc.

Bài kiểm tra đánh giá sinh viên tốt nghiệp đại học dường như đã hỗ trợ cho quan điểm của những nhà tuyển dụng. Một bài kiểm tra dành cho 32.000 sinh viên tại 169 trường đại học và cao đẳng năm 2015 đã cho thấy rằng 40% sinh viên năm cuối không đủ khả năng lập luận phức hợp cần thiết trong môi trường công sở ngày nay. Bài “Kiểm tra khả năng học tập của sinh viên + (CLA +)”, được dành cho sinh viên năm nhất và năm cuối, đo lường sự tiến bộ trong thời gian học đại học trên các phương diện tư duy phản biện, viết, giao tiếp và lập luận phân tích. Những kết quả từ bài kiểm tra đó cho thấy sự khác biệt rất nhỏ giữa những sinh viên tốt nghiệp trường đại học công lập và những người tốt nghiệp trường đại học tư.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi những sinh viên tốt nghiệp từ các trường đại học ưu tú nhất đạt kết quả tốt hơn bất kỳ ai trong bài kiểm tra dành cho sinh viên năm cuối, nhưng sự tiến bộ mà họ đạt được so với bài kiểm tra năm đầu đại học thực ra lại ít hơn so với những sinh viên tốt nghiệp từ những ngôi trường ít danh tiếng hơn. Sự khác biệt lớn trong kết quả phụ thuộc vào chuyên ngành: những sinh viên học toán và khoa học đạt điểm cao hơn nhiều so với bạn bè học những chuyên ngành hỗ trợ và dịch vụ (ví dụ như nghiệp vụ xã hội), hoặc ngành kinh doanh (chuyên ngành đại học phổ biến nhất).

Những bài kiểm tra đánh giá và khảo sát đó nên được thực hiện với vai trò báo động cho sinh viên – bạn có thể nghĩ rằng mình đã sẵn sàng để bắt đầu sự nghiệp với một tấm bằng đại học, đặc biệt là với một sinh viên tốt nghiệp một ngôi trường danh giá, nhưng rất nhiều nhà tuyển dụng có suy nghĩ ngược lại. Có một điều đang trở nên rõ ràng, đó là các sinh viên tốt nghiệp đại học thành công nhất trong sự nghiệp là những người sở hữu nhiều kỹ năng mà nhà tuyển dụng mong muốn (ngoài môi trường lớp học và những kênh thông tin phổ biến ở trường đại học), và đôi khi những kỹ năng đó không mất thời gian quá bốn năm đại học để đạt được. Thực tế là, nếu bạn không chắc chắn về điều mình muốn làm hoặc còn thiếu nhiều kỹ năng được liệt kê ở trên, có lẽ cách tốt nhất để bắt đầu thời kỳ trưởng thành là giảm tốc độ bằng chuyển mà bạn đang đi trên quãng đường đại học. Hãy dành thời gian tạm dừng việc học trước khi bạn bắt đầu đến trường đại học, hoặc những dành những năm đại học để tìm ra sự hứng thú của mình, khám

phá những lựa chọn nghề nghiệp và phát triển các kỹ năng cần thiết để thành công trong công việc.

Chương 3

NHỮNG LỢI ÍCH CỦA VIỆC ĐI ĐƯỜNG VÒNG

Vào mùa hè sau khi tốt nghiệp trung học, tôi đã làm việc tại chi nhánh địa phương của AAA. Công việc của tôi là sản xuất những “triptiks” cho thành viên của AAA – những hướng dẫn mang tính cá nhân để đến được một điểm đích cụ thể, được gói gọn trong một cuốn sổ gáy xoắn cho phép lái xe có thể lật giở một trang giấy sau mỗi 50 dặm và đi theo những con đường đã được đánh dấu. Những cuốn sổ đó luôn bao gồm bản đồ các bang trong trường hợp lái xe muốn khám phá điều gì đó mới mẻ hoặc có thể khám phá một con đường mới dẫn đến điểm đích. Việc này được thực hiện trước khi GPS trong xe hơi và điện thoại thông minh được phát triển – những ứng dụng khiến cho triptiks và những tấm bản đồ nhiều nếp gấp trở nên lỗi thời. Bây giờ, những chiếc máy tính vô danh cho chúng ta biết đường đi và chúng ta đều chạy theo cùng một con đường nhanh nhất để đi từ điểm A đến điểm B. Mọi người hiếm khi dám đi chệch hướng và tìm kiếm những con đường khác, dù có thể sẽ thú vị hơn.

Điều này cũng đúng với những người chớm tuổi trưởng thành trên con đường từ trung học đến đại học để bắt đầu sự nghiệp. Họ đi theo một con đường đã được lập sẵn và đã được nhiều người thực hiện, ba tháng sau khi tốt nghiệp trung học và cứ vậy đi theo nhau, bởi họ không biết phải làm gì nữa.

Họ thường chọn một chuyên ngành trước cả khi tham gia lớp học đầu tiên tại trường đại học. “Chuyên ngành của bạn là gì” là câu hỏi thứ hai mà những người trẻ 18 tuổi được hỏi, ngay sau khi trả lời câu hỏi “Bạn sẽ học đại học ở đâu?” Không có gì phải thắc mắc khi có quá nhiều thanh thiếu niên nghĩ rằng việc chọn một chuyên ngành học chính là quyết định nghề nghiệp của cuộc đời

mình (dù hoàn toàn không phải là như vậy).

Định hướng này đã khiến nhiều thanh thiếu niên chọn lựa nghề nghiệp dựa trên những điều thân thuộc với họ, chứ không nhất thiết là điều mà họ đam mê. Nếu hàng xóm, cha mẹ, hoặc cha mẹ của bạn bè là bác sỹ, luật sư và giáo viên, nhiều khả năng họ sẽ chọn một trong những nghề nghiệp đó. Với nhiều công việc chỉ tập trung ở một số vùng miền (ví dụ, phần lớn những công việc liên quan đến công nghệ tập trung ở miền duyên hải), rất nhiều sinh viên không có cơ hội tiếp xúc với những công việc mà họ cảm thấy hứng thú.

Cần phải có một cách hiệu quả hơn để giúp đỡ thanh thiếu niên định vị con đường đến với trường đại học, sự nghiệp, và cuối cùng là một cuộc sống có mục đích.

Trên thực tế, cuộc diễu hành hàng thập kỷ đến mục tiêu đại-học-cho-tất-cả-mọi-người tuổi 18 đã đóng lại (thay vì mở ra) những sự lựa chọn cho những người ở độ tuổi 20. Vào những năm 1970, một thanh thiếu niên có nhiều lựa chọn sau khi tốt nghiệp trung học: kiếm một công việc lương cao ngay lập tức, đăng ký tham gia quân đội, tìm kiếm một khóa học việc hoặc đi học đại học. Một thanh thiếu niên ngày nay thực sự chỉ có hai lựa chọn: quân đội hoặc đại học. Có ít hơn 1% công dân Mỹ phục vụ trong quân đội, vì vậy hầu hết thanh thiếu niên sẽ đi học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học. Trong những năm đầu thập kỷ 1970, chưa đến một nửa sinh viên Mỹ tốt nghiệp trung học đi học đại học vào mùa thu ngay sau đó. Ngày nay, con số đó là gần 66%.

Nếu những người chớm tuổi trưởng thành muốn thành công trong thị trường việc làm, họ cần có những môi trường để có thể khám phá một chút trước khi ổn định. Gia đình và trường trung học (với sự quản lý sát sao và lịch trình được theo dõi chặt chẽ) không mang lại cho họ những không gian đó.

Vậy điều gì sẽ xảy ra nếu 10.000 học sinh mới tốt nghiệp trung học sẽ dành thời gian nghỉ trước khi học đại học để khám phá nghề nghiệp, công việc, kiếm tiền và học những kỹ năng mới? Điều đó có giúp họ sau này sẽ gắn bó hơn với trường đại học, và sau khi tốt nghiệp sẽ nhanh chóng có được một công việc và một sự nghiệp không? Điều gì sẽ xảy ra nếu những sinh viên đại học dành thời gian nghỉ trong quá trình học hoặc ngay sau khi tốt nghiệp để hòa mình vào thế giới xung quanh, thử nghiệm một ý tưởng kinh doanh hoặc làm một công việc họ chưa từng làm khi còn học trung học vì quá lo lắng về việc chọn trường đại học phù

hợp? Liệu họ có định hướng tốt hơn cho thời kỳ đầu sự nghiệp của mình và tích lũy được những kỹ năng mà nhà tuyển dụng kỳ vọng (nhưng trường đại học lại thất bại trong việc trang bị cho sinh viên)?

Tướng Stanley McChrystal nghĩ như vậy. Ông từng là người chỉ huy lực lượng quân đội Mỹ tại Afghanistan và đã tận mắt chứng kiến những lợi ích mà quân đội mang lại cho thanh thiếu niên và những người ở độ tuổi 20. Hiện tại ông đang điều hành Dự án Aspen Institute's Franklin, với mục đích là tạo ra một triệu công việc dịch vụ công dân sự dành cho những thanh niên

McChrystal nói: “Chúng ta cần nhanh chóng tìm ra điều mình sẽ làm. Chúng ta có những sự kỳ vọng mù quáng về việc bắt đầu cuộc sống vì bạn không muốn bị tụt lại phía sau. Cuộc sống không phải là một con đường thẳng.”

NHỮNG LỢI ÍCH CỦA VIỆC DÀNH THỜI GIAN NGHỈ HỌC

Sabrina Skau dự định ngay lập tức theo học đại học vào năm 2007. Nhưng vài tuần trước khi chuẩn bị cho năm đầu tiên tại Đại học Rochester, cô ấy nhận ra mình không thấy hào hứng với việc học đại học như bạn bè. Đối với Sabrina, điều này còn hơn cả sự lo lắng của một thiếu niên bình thường khi phải di chuyển dọc đất nước để học đại học. Đại học Rochester không phải là sự lựa chọn đầu tiên của cô ấy. Sabrina đã kiệt sức sau khi học trung học và có cảm giác cô ấy đi học đại học chỉ vì đó là điều cha mẹ kỳ vọng ở cô ấy.

“Tôi nghĩ đó là điều tiếp theo mà mình phải làm: tốt nghiệp trung học rồi đi học đại học. Cha mẹ chưa bao giờ nói đến việc tôi không cần phải học đại học,” cô ấy nói. Cha mẹ của Sabrina cũng nhận ra rằng cô ấy không hào hứng với sự lựa chọn đó. Họ đã gợi ý về việc dành thời gian nghỉ (quãng nghỉ một năm giữa trung học và đại học) và cô ấy đã nắm lấy cơ hội đó (điều mà Valerie – một Người lang thang được nhắc tới trong Chương 1 chưa bao giờ dám đề cập với cha mẹ mình). Cha mẹ Sabrina đã tìm đến Holly Bull, một chuyên viên tư vấn có tiếng về quãng nghỉ giữa trung học và đại học, cha của bà đã đóng góp vào việc phổ biến khái niệm dành thời gian nghỉ trước khi học đại học. Bull đã kết nối Sabrina đến một chương trình ở Costa Rica, nơi cô ấy có thể dạy tiếng Anh. Một vài tuần sau đó, thay vì đóng gói đồ đạc đi học đại học ở phía Bắc New York, Sabrina đã bay đến Trung Mỹ.

“Quãng nghỉ là điều quý giá chỉ đến một lần trong đời, cho phép

bạn bước ra khỏi con đường vốn có và tự xem lại bản thân mình,” Bull nói. Bà đang diễn thuyết trước một nhóm phụ huynh và học sinh trong một khán phòng tại trường trung học Thomas S. Wooton ở Rockville, ngay gần Washington D.C. Đó là một buổi tối tháng 2 lạnh và nhiều gió, cũng là thời điểm diễn ra mùa tuyển sinh đầy cạnh tranh tại Wooton, nơi mà 95% học sinh tốt nghiệp sẽ học tiếp lên đại học luôn. Dù vậy, khán phòng vẫn chật kín những sinh viên đang tìm kiếm một vài con đường khác.

Tôi đang có mặt tại một triển lãm về quảng nghỉ giữa trung học và đại học, một trong số gần 50 triển lãm được tổ chức tại các trường trung học trên khắp nước Mỹ vào mỗi mùa đông, trong đó hàng chục tổ chức sẽ cung cấp những trải nghiệm, chương trình trong quảng nghỉ với các sinh viên tương lai. Cuộc triển lãm này mang đến diện mạo và cảm giác của một triển lãm truyền thống trong các trường đại học, trừ một việc là ở đây có nhiều phụ huynh hơn. Nhiều người thậm chí còn hoài nghi về việc xuất hiện ở đây. Suy cho cùng, họ đã dành hơn 18 năm để chuẩn bị cho việc con cái mình đi học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học.

Sau phần nói chuyện của Bull, đám đông di chuyển đến quán ăn tự phục vụ ở tầng dưới, và trên đường xuống cầu thang, tôi nghe thấy những lời nhận xét không mấy tích cực về bài diễn thuyết của Bull. Mặc dù một vài phụ huynh ước rằng họ có cơ hội được trải nghiệm quảng nghỉ của mình, nhưng hầu như tôi chỉ nghe thấy sự lo lắng trong giọng nói của họ – về chi phí, về việc trì hoãn hoặc từ chối một vị trí trong một trường đại học hàng đầu (“Nhưng còn Stanford thì sao?” một ông bố nài nỉ con gái mình), liệu một quảng nghỉ có khiến những người trẻ ở độ tuổi 18 này tụt lại trong trường đại học, và cuối cùng là tụt lại trong thị trường việc làm không.

Trong quán ăn tự phục vụ, các công ty cung cấp những chương trình trong quảng nghỉ xếp hàng sau những chiếc bàn dài, lần lượt trưng bày những tấm ảnh quảng cáo hoành tráng về những địa điểm mới lạ – hình ảnh những sinh viên giúp đỡ trẻ em ở một đất nước thuộc thế giới thứ ba, hay gần hơn là một chuyến đi chèo thuyền vượt ghềnh thác trên sông Colorado. Tôi có cảm giác như mình đang lạc trong một triển lãm du lịch. Hầu hết các chương trình được giới thiệu trong những triển lãm như thế này thường mang yếu tố du lịch, giống như trải nghiệm dạy tiếng Anh tại Costa Rica của Sabrina. Theo lý thuyết, đưa những đứa trẻ ra khỏi lãnh thổ quen thuộc của gia đình sẽ giúp xây dựng sự linh hoạt. Nó cũng sẽ làm chi phí tăng lên (có thể tới 20.000 đô-la cho sáu tháng), điều mang lại danh tiếng cho quảng nghỉ là câu lạc bộ

dành cho những đứa trẻ giàu có đi du lịch bụi khắp châu Âu hoặc làm những công việc từ thiện trong một ngôi làng ở châu Phi.

Sự đặc trưng này bắt nguồn một phần từ nguồn gốc của quãng nghỉ trong Grand Tour từ thế kỷ XVIII, khi những chàng trai Anh với xuất thân danh giá đã du lịch khắp châu Âu để khám phá nghệ thuật, lịch sử và văn hóa. Thậm chí ngày nay, có khoảng 200.000 sinh viên ở Vương quốc Anh quyết định trì hoãn việc học đại học để đi du lịch hoặc làm việc. Không có con số so sánh tương ứng cho nước Mỹ, nhưng theo đánh giá từ những cuộc triển lãm như thế này, ý tưởng này đang ngày càng trở nên phổ biến. Cùng lúc đó, ngày càng nhiều nhà cung cấp chương trình quãng nghỉ đang nỗ lực thu hút sinh viên đến từ những gia đình có mức thu nhập vừa và thấp.

Chắc chắn là những quãng nghỉ rất đắt đỏ, tuy nhiên trong một vài trường hợp, sự đầu tư vào một năm nghỉ sẽ giúp tiết kiệm các khoản chi phí sau này, nếu các sinh viên có định hướng rõ ràng hơn khi họ thực sự đi học đại học. Suy cho cùng, 40% số sinh viên bắt đầu bằng việc theo học chương trình đại học bốn năm đã không lấy được bằng tốt nghiệp sau sáu năm.

Đại học cũng đang mở ra những ý tưởng cho giai đoạn nghỉ học, thậm chí đã xem xét quãng nghỉ như một đặc điểm mặc định của năm nhất – một sinh viên năm nhất dành thời gian ngoài trường đại học để làm việc, khám phá nghề nghiệp, tham gia những lớp học, hoặc du lịch (mặc dù thường sẽ không được tính tín chỉ môn học). Hơn một thập kỷ trước, trưởng phòng tuyển sinh của Đại học Harvard đã viết một bài luận có ảnh hưởng sâu sắc trên tờ The New York Times, khuyến khích những học sinh tốt nghiệp trung học nghỉ học một năm. “Đây là thời điểm để lùi lại và suy nghĩ, để tìm ra những quan điểm về giá trị và mục đích cá nhân, hoặc để tích lũy kinh nghiệm cuộc sống cần thiết trong một môi trường đã được tách biệt và độc lập với những áp lực và kỳ vọng quen thuộc,” William R. Fitzsimmons viết.

Trong nhiều năm qua, những lá thư chấp nhận của Harvard đã kèm theo một lời gợi ý rằng sinh viên “hãy cân nhắc việc dành một khoảng thời gian nghỉ”. Nhưng ở đây, một trưởng khoa của trường đã chủ động ủng hộ ý kiến dành một quãng nghỉ, và điều đó khiến khái niệm này thu hút càng nhiều sự chú ý hơn. Trong một thập kỷ tiếp đó, Harvard đã chứng kiến số lượng sinh viên dành thời gian một năm nghỉ tăng 33%. Hàng chục trường cao đẳng và đại học khác đã bắt đầu quảng cáo sự lựa chọn này trên trang web của họ.

Dù vậy, rất nhiều phụ huynh và học sinh vẫn không thấy thuyết phục rằng quãng nghỉ sẽ mang lại nhiều lợi ích. Các chuyên viên tư vấn định hướng (thường được đánh giá trình độ dựa trên số sinh viên họ tư vấn học đúng trường đại học) hiếm khi đề xuất quãng nghỉ. Các phụ huynh lo lắng rằng con cái họ sẽ đi chệch hướng và từ bỏ việc học đại học.

Một số phụ huynh khen ngợi ý tưởng này nhưng không chắc rằng liệu nó có phù hợp với con cái họ không. Một phụ huynh có con gái đã từng dành quãng nghỉ một năm, nói rằng bà ấy sẽ không bao giờ đề xuất việc đó với những đứa con trai của mình. Trong suy nghĩ của bà ấy, những cậu bé cần được ép vào khuôn khổ nhiều hơn. Đã có rất nhiều nghiên cứu về việc các nam sinh thường đi chậm hơn các nữ sinh về phương diện học hành, vì vậy quãng nghỉ một năm để trưởng thành hơn và để thủy não trước của họ kết nối hiệu quả hơn với não bộ có thể là điều những cậu bé cần. Nữ giới thường có khả năng bắt đầu và hoàn thành tốt việc học đại học. Khoảng 70% số nữ giới đăng ký học đại học và 46% trong số họ hoàn thành với một tấm bằng, trong khi 62% nam giới đăng ký học thì chỉ có 39% hoàn thành. Nghiên cứu chỉ ra rằng các phụ huynh sẵn sàng để con gái của họ đi học tại những ngôi trường đắt tiền hơn là con trai, bởi lẽ khi nói đến việc học để đạt được một tấm bằng, họ nghĩ rằng đặt cược vào con gái sẽ tốt hơn.

Mỗi năm có khoảng 20% học sinh tốt nghiệp trung học trì hoãn việc học đại học trong một thời gian (một nửa trong số họ là trong một năm). Tuy nhiên, không phải tất cả những kế hoạch nghỉ học đều được tạo ra một cách công bằng. Lý do mà các học sinh tốt nghiệp trung học trì hoãn học đại học ảnh hưởng rất lớn đến việc họ sẽ làm tốt như thế nào trong trường đại học và trong sự nghiệp sau này.

Để quãng nghỉ thực sự có giá trị, nó không thể chỉ đơn giản là một kỳ nghỉ, là một năm dành để ngủ và làm việc bán thời gian tại McDonald's. Những sinh viên trì hoãn việc học đại học để làm những công việc văn phòng trong một thời gian nhằm cố gắng "tìm được bản thân" thường không làm được điều đó khi họ đến trường đại học. Họ thường nhận điểm số thấp hơn và đối diện với khả năng bị đào thải.

Tuy nhiên những sinh viên dành cả một năm để đi du lịch – đến một đất nước hay một miền đất khác – không chỉ có điểm số cao hơn ở trường đại học, mà còn tốt nghiệp cùng thời gian với những người không trì hoãn việc học.

Nói cách khác, dành quãng nghỉ ngắn (khoảng một năm) với kế hoạch hợp lý sẽ có ảnh hưởng tích cực đến kết quả học tập và không khiến sinh viên bị lạc nhịp khi bắt đầu cuộc sống, điều khiến những phụ huynh lo lắng. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng sau khi trải qua một quãng nghỉ rồi mới đi học đại học, các sinh viên học tập nghiêm túc hơn và không tham gia vào những hành vi rủi ro, như đua xe, nghiện rượu, v.v..

Để quãng nghỉ mang lại giá trị đáng kể cho sự thành công trong việc học đại học, và sau đó là trong thế giới công việc, đó phải là một sự kiện có tác dụng biến đổi, tương đối khác biệt so với tất cả mọi việc bạn đã từng trải qua trước đây. Nó cần được thiết kế để giúp bạn tích lũy được những kỹ năng và phẩm chất mà trường đại học và những nhà tuyển dụng đang tìm kiếm: sự trưởng thành, sự tự tin, khả năng giải quyết vấn đề, những kỹ năng giao tiếp và sự độc lập.

Theo truyền thống, quãng nghỉ được định nghĩa là khoảng thời gian nghỉ trước khi bắt đầu học đại học, nhưng lợi ích của việc dành thời gian nghỉ thông thường giống với việc bạn sẽ đi học, bạn sẽ đến trường đại học, hoặc bạn sẽ bắt đầu sự nghiệp. Bất kể là khoảng thời gian nào, bạn nên cân nhắc một trong ba cách tiếp cận khi lên kế hoạch cho quãng nghỉ: nó cần phải tạo ra những kinh nghiệm làm việc có ý nghĩa, sự chuẩn bị về mặt học thuật cho việc học đại học, hoặc những chuyến du hành mở ra các cơ hội mới ở những nơi khác trên thế giới.

Hãy xem cụ thể hơn về cách sinh viên định vị ba cách tiếp cận này khi sử dụng quãng nghỉ một năm.

Quãng nghỉ một năm dành cho những chuyến du hành

Abby Falik lớn lên ở Berkeley, California, cách San Francisco một con vịnh. Trong năm cuối trung học, thậm chí là khi đang ứng tuyển vào trường đại học, cô ấy đã nhận ra mình cần có một khoảng thời gian nghỉ ngơi. Ở tuổi 16, cô ấy đã dành một mùa hè trong một ngôi làng ở Nicaragua, và điều đó đã khơi gợi cho cô ấy mong muốn được học hỏi trong một nền văn hóa khác. Falik đã gọi đến Peace Corps để đăng ký tham gia một dự án ở nước ngoài. “Họ từ chối vì tôi chưa có bằng đại học,” cô ấy kể cho tôi vào buổi sáng chúng tôi gặp nhau tại quán cà phê ở gần văn phòng cô ấy tại Oakland.

Falik đành theo kế hoạch ban đầu của mình và nộp đơn theo học tại Stanford. Như những gì cô ấy đã dự đoán, cô ấy đã phải ngồi

trong lớp học một cách thiếu kiên nhẫn, nghe giáo viên nói về sự phát triển quốc tế, trong khi điều cô ấy mong mỗi là áp dụng những điều mình đang học. Sau khi hoàn thành năm thứ hai đại học, Falik xin nghỉ một năm để đến Nicaragua và Brazil nhằm thiết lập một thư viện và làm việc với một đơn vị phi lợi nhuận.

“Đó là khoảng thời gian thử thách nhất và định hình nhất trong cuộc đời tôi,” Falik nói, mặc dù cô ấy không nhận được bất kỳ một tấm bằng học thuật nào cho những trải nghiệm của mình.

Falik cuối cùng đã nhận ra rằng một năm ở nước ngoài của cô ấy diễn ra sai thời điểm trong quá trình học đại học, vì nó đã quá muộn để thay đổi những gì cô ấy đã làm trong hai năm đầu đại học. Điều đúng với Falik có thể cũng đúng với những sinh viên khác đã ra nước ngoài trong thời gian học đại học. Có gần 300.000 sinh viên Mỹ du học nước ngoài mỗi năm. Hầu hết họ làm vậy trong những năm đầu đại học. Falik tự hỏi liệu việc du học nước ngoài có ảnh hưởng lớn hơn đến việc sinh viên tiếp cận trường đại học nếu họ đi trước năm nhất thay vì chờ đợi đến khi việc học sắp hoàn thành không.

Sau khi tốt nghiệp Stanford vào năm 2001 và làm việc cho nhiều tổ chức phi lợi nhuận khác nhau, Falik dừng lại ở Trường Kinh tế Harvard. Vào năm 2008, khi còn là sinh viên ở đó, Falik đã đạt giải nhất trong cuộc thi hùng biện về những tổ chức xã hội mới. Kế hoạch của cô ấy là: một “năm chuyển tiếp” toàn cầu trước khi học đại học. Một năm sau đó, ý tưởng của Falik đã trở thành hiện thực với Global Citizen Year, một tổ chức phi lợi nhuận mang đến cho những sinh viên tốt nghiệp trung học cơ hội làm việc tại một đất nước đang phát triển trong quãng nghỉ một năm.

Falik đang ở những năm cuối tuổi 30, với mái tóc đen dài ngang vai cùng nụ cười hạnh phúc của một người mới làm mẹ. Cô ấy đã sửa lại khi tôi gọi Global Citizen Year là một “quãng nghỉ”. Đối với cô ấy, phép ẩn dụ là một chiến lược marketing tồi, đặc biệt là với những phụ huynh ngày nay, những người lo lắng về việc con cái họ sẽ đi chệch hướng trên con đường sự nghiệp. Cô ấy muốn đặt lại tên cho thời gian nghỉ đó là “năm chuyển tiếp” hoặc “năm bắt đầu”, và hy vọng sẽ biến trải nghiệm đó thành một tiêu chuẩn ở Mỹ, chứ không chỉ là một sự ngoại lệ cho một nhóm sinh viên. Trong một thập kỷ khác, Falik đặt ra mục tiêu sẽ có 10.000 sinh viên đăng ký tham gia Global Citizen Year mỗi năm.

Sự nhiệt huyết của Falik về một năm chuyển tiếp mang tính chất toàn cầu trước khi học đại học thực sự đã có tính lan truyền. Cô ấy

đã trở thành đối tác của một số trường đại học. Đại học Tufts đã thêm Global Citizen Year vào như một sự lựa chọn cho các sinh viên mới, những người đã trả 33.000 đô-la để trải nghiệm. Hiệu trưởng ở đó nói với tôi rằng ông ấy có thể hình dung ra tương lai với một nửa số lớp học sẽ đến từ con đường này, mặc dù sinh viên vẫn sẽ phải hoàn thành chương trình bốn năm truyền thống tại khu trường sở của Tufts gần Boston.

Các trường đại học cần một nguồn lợi kinh tế khổng lồ nên họ không thể cắt bỏ chương trình bốn năm học tại trường. Tất nhiên, chính sách đó không giúp ích cho sinh viên. Tôi đã hỏi Falik cần phải làm gì để biến năm chuyển tiếp trở thành năm đầu đại học cho tất cả sinh viên, để họ có thể đạt được tín chỉ cho thời gian nghỉ học, nhờ vậy họ sẽ không cần dành thêm thời gian và tiền bạc vào việc lấy bằng cử nhân nữa. Cô ấy đã nói đến rào cản văn hóa mà tất cả những người khác đã nói với tôi – bằng chuyển giáo dục gần như không thể dừng lại.

“Trừ khi chúng ta ngừng suy nghĩ rằng giải pháp tốt nhất là đi học hết trường này đến trường khác, chúng ta sẽ không thể thành công,” cô ấy nói.

Kể cả khi ý tưởng về quãng nghỉ một năm được mở rộng hơn so với ban đầu, việc du hành vẫn là lựa chọn phổ biến nhất đối với các sinh viên đã quyết lựa chọn quãng nghỉ, và nó thực sự có giá trị. Du hành là công cụ học tập mạnh mẽ dành cho những người chớm tuổi trưởng thành. Nó yêu cầu họ phải đặt ra các câu hỏi và kết nối với những người khác để suy nghĩ về những khung cảnh họ đang nhìn thấy, để thích nghi với các ngôn ngữ, văn hóa và ẩm thực mới.

Những nhà nghiên cứu đã nhận ra rằng các sinh viên đại học dành thời gian để suy nghĩ và kết nối tài liệu học tập với các trải nghiệm, kiến thức tích lũy từ những hoạt động khác trước đây có thể định vị cuộc sống của mình tốt hơn. Tuy nhiên, chỉ có 1/4 số sinh viên năm nhất nói rằng trường đại học khuyến khích họ có những suy nghĩ sâu sắc hơn để mang lại cho họ sự phát triển, và con số này cũng chỉ cao hơn một chút trong nhóm sinh viên năm cuối.

“Thanh thiếu niên thường bị kẹt lại trong một cách làm việc nhất định, và bạn không thể làm như vậy khi đi du lịch,” Sabrina, người đã dành quãng nghỉ một năm ở Costa Rica, nói. “Sự việc cứ xảy đến với bạn, bạn phải tìm cách xử lý nó mà không có nhiều sự trợ giúp.”

Gần cuối quãng nghỉ của mình, Sabrina được nhận vào Đại học Brown, nơi mà cô ấy rơi vào danh sách chờ trước đó. Một năm đi xa có lẽ đã khiến cô ấy trở thành ứng viên triển vọng hơn tại Brown. Ít nhất là một năm đã giúp Sabrina hiểu rõ hơn về chuyên ngành của mình (nhân chủng học), cải thiện khả năng tiếng Tây Ban Nha và dạy cho cô ấy cách thư giãn về nơi cô ấy sẽ đi học đại học.

“Tôi đã từng sống nội tâm rất lâu trước khi dành quãng nghỉ một năm,” Sabrina, nói. Hiện tại, cô đang làm việc trong mảng sản xuất phim và tư liệu ở Los Angeles, đồng thời đang học thạc sĩ.

Khi nói chuyện với các sinh viên dành quãng nghỉ của họ cho những chuyến du hành, tôi đã được nghe nhiều câu chuyện giống nhau. Quãng nghỉ đó đã giúp họ quyết định chuyên ngành thực sự muốn theo học (thường không phải là chuyên ngành họ chọn ban đầu). Nó mang lại cho họ quan điểm về vị trí của bản thân trên thế giới, đặc biệt là với sự ám ảnh của họ về kết quả học tập. Và quãng nghỉ cũng khuyến khích họ mạo hiểm hơn.

Ada Rauch, người đã dành cả năm 2012 ở Ấn Độ với quãng nghỉ miễn phí do Princeton cung cấp, đã nói với tôi rằng trước đây cô ấy chưa bao giờ ra khỏi nước Mỹ. Cô ấy đã thấy sợ hãi khi phải xa nhà trong một thời gian dài, nhưng khoảng thời gian làm việc với những dự án dịch vụ và đến lớp học đã giúp cô ấy cảm thấy dễ chịu hơn với rủi ro, chịu đựng được sự mơ hồ và trở nên kiên cường hơn.

“Tôi cởi mở hơn với các cơ hội mới và dám khám phá những điều mà tôi chưa từng làm trước đây,” hiện giờ cô ấy đã chuyển từ chuyên ngành Vật lý sang Trung Đông học. Ada cũng không còn quan tâm nhiều đến điểm số như các bạn cùng lớp, những người học thẳng lên đại học sau khi tốt nghiệp trung học. “Khi phải nhận một điểm số tồi, tôi không trở nên hoảng loạn nữa,” cô ấy nói. “Tôi biết nó không ảnh hưởng đến tổng thể chung của mọi việc.”

Quãng nghỉ một năm dành cho việc học tập

Wes Moore là người có cùng lý tưởng với Abby Falik ở bờ Đông nước Mỹ. Vào năm 2010, Moore đã viết cuốn sách best-seller có tên *The Other Wes Moore* (tạm dịch: Một Wes Moore khác), kể về câu chuyện của hai đứa trẻ người Mỹ gốc Phi với tuổi thơ khó khăn ở Baltimore. Một người đã đi học, tốt nghiệp Đại học John Hopkins, giành được học bổng Rhodes và là cựu chiến binh được

trao huân chương, trong khi người kia khép lại cuộc đời của mình bằng việc ngồi tù vì tội giết người. Tôi đã gặp người giành học bổng Rhodes Moore trong một bữa trưa, không lâu sau khi ông ấy xuất bản cuốn sách của mình.

Moore rất nổi tiếng ở Baltimore và là người hướng dẫn của nhiều bạn trẻ. Những sự tương tác đó đã khiến ông tin rằng có một mảnh ghép còn thiếu trong việc chuyển đổi từ trường trung học, một chương trình nào đó có thể giúp học sinh chuẩn bị tốt hơn cho việc học đại học.

Moore có thân hình của một vận động viên, và một giọng nói điềm tĩnh, êm dịu. Giống như Falik, ông ấy là một trong số những doanh nhân đang nỗ lực sáng tạo lại chương trình quảng nghỉ cho sinh viên ngày nay, những người đến từ những nền tảng học vấn và kinh tế đa dạng hơn nhiều so với ba thập kỷ trước. Và giống như Falik, khởi nguồn ý tưởng về quảng nghỉ được ông nhắc đến trong cuốn tự truyện của mình: ông ấy chuyển đến John Hopkins sau một năm chuyển tiếp tại một trường quân đội.

Đối với Moore, một quảng nghỉ truyền thống không chỉ quá đắt đỏ với những sinh viên có thu nhập vừa và thấp, mà nó cũng không đủ tập trung vào việc học tập trong thời kỳ mà nhiều sinh viên cần thêm sự hỗ trợ để có thể sẵn sàng học đại học. Theo dịch vụ kiểm tra ACT, 1/3 số học sinh tốt nghiệp trung học không đủ khả năng theo học những môn dành cho sinh viên năm nhất. Moore muốn xây dựng chương trình quảng nghỉ với sự kết hợp của bốn yếu tố: các khóa học đại học, việc làm, khám phá nghề nghiệp qua những kỳ thực tập, và quan trọng nhất, tổng chi phí dưới 8.000 đô-la. Ông ấy gọi đó là “quảng nghỉ cho tất cả”.

Nếu không có yếu tố học thuật trong quảng nghỉ, Moore lo rằng điều đó sẽ khiến những kỹ năng mà sinh viên học được ở trung học bị thui chột trong quảng nghỉ và họ sẽ mất đi toàn bộ sự hứng thú theo học đại học.

Một vài năm sau, Moore đã mời tôi đến Baltimore tham dự buổi lễ tốt nghiệp của khóa sinh viên đầu tiên tại BridgeEdU. Tầm nhìn ông ấy vạch ra cho tôi bây giờ gần như đã trở thành sự thật. Lễ tốt nghiệp được tổ chức ở tầng trên cùng tại một văn phòng luật của Peter Angelos, ông chủ của đội bóng chày Baltimore Orioles.

Một trong số những sinh viên tốt nghiệp, Chanel Whisonant, nói với tôi rằng cô ấy đã hoàn thành 18 tín chỉ trong một năm nghỉ mà cô dự định sẽ thực hiện trong một trường đại học có chương

trình giảng dạy 4 năm như Morgan State hoặc Coppin State ở Maryland. Cô ấy nói rằng một năm nghỉ đã giúp cô ấy tích lũy được sự tự tin cần thiết để thành công trong đại học.

Tại BridgeEdU, Chanel chỉ học hai môn trong một học kỳ, điều đó cho phép cô ấy tập trung vào những điều còn thiếu, thay vì bị phân tán bởi toàn bộ năm khóa học mà cô ấy phải theo trong năm thứ nhất đại học. “Các giáo viên rất sẵn sàng làm việc với bạn, không giống như thời trung học,” cô ấy nói. Chanel cũng tham gia một kỳ thực tập tại Trung tâm Thủy cung Quốc gia ở Inner Harbor ở Baltimore và làm việc chặt chẽ với những huấn luyện viên chuyên môn trong năm trống đó. Cô ấy nói: “Những người trong chương trình này đã tin tưởng tôi khi tôi không tin tưởng vào bản thân mình.”

Những sinh viên chưa sẵn sàng học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học – dù về mặt học tập hay về mặt tinh thần – thường không nhận được sự giúp đỡ trong thời gian dài bởi việc bị thúc ép đăng ký học đại học. Những phụ huynh, giáo viên và các chuyên gia tư vấn liên tục làm việc đó, và có quá nhiều sinh viên đi học đại học mà không có sự chuẩn bị cùng những suy nghĩ mơ hồ về lý do vì sao họ đang ở đó. Những nghiên cứu được thực hiện bởi nhà tâm lý học William Damon đã tìm ra rằng chỉ có 1/5 số người trẻ có một tầm nhìn rõ ràng về điều họ muốn đạt được trong cuộc sống.

Rất nhiều sinh viên đi học đại học mà hoàn toàn không chuẩn bị gì cho các khóa học. Khoảng một nửa số sinh viên theo học các trường đại học cộng đồng và 20% trong số họ theo học các chương trình đại học bốn năm bị đưa vào những khóa học phụ đạo hoặc phải học lại các lớp trung học. Rất nhiều trong số họ không đến lớp hoặc không hoàn thành khóa học, họ nản chí và cuối cùng là bỏ học. Chỉ hơn 1/3 số sinh viên tham gia các lớp học phụ đạo tại các trường đại học bốn năm tốt nghiệp trong sáu năm gần đây.

Một năm nghỉ trước khi học đại học kết hợp với một vài khóa học cùng những công việc có ý nghĩa có thể mang lại sự thay đổi ngoạn mục mà nhiều sinh viên đang mong mỏi, cùng với đó là cảm giác tập trung mà trước đây họ còn thiếu.

Quảng nghỉ một năm để khám phá những công việc có ý nghĩa

AmeriCorps có lẽ là chính sách tiệm cận nhất với một chương trình quảng nghỉ có tính chất toàn quốc mà nước Mỹ có. Chương

trình dịch vụ công này là chiến dịch mà Bill Clinton đã hứa thực hiện khi vận động tranh cử Tổng thống năm 1992, và đã bắt đầu trong năm đầu tiên tại vị của ông ấy.

AmeriCorps chưa bao giờ đạt đến con số 500.000 người tham gia mỗi năm mà Clinton mong muốn, chủ yếu là bởi chương trình liên tục rơi vào tình trạng thiếu vốn, chứ không phải thiếu nhu cầu. Có gần 600.000 người ứng tuyển vào 80.000 vị trí mỗi năm, chỉ một nửa trong số đó là công việc toàn thời gian. Những công việc đó rất đa dạng, từ việc vệ sinh các khu vực công cộng, xây dựng nhà cửa cho đến việc phụ đạo cho trẻ em, khiến chương trình trở thành một trải nghiệm quảng nghỉ hoàn hảo dành cho các sinh viên chưa chắc chắn về điều tiếp theo mà họ muốn làm trong cuộc sống.

Điều đó đúng với Ryeshia Farmer sau khi tốt nghiệp trung học năm 2012. Cô ấy đang làm việc ở Burger King để tiết kiệm tiền đi học đại học, nhưng lại không muốn sử dụng số tiền tiết kiệm cho đến khi cô ấy có cảm giác tốt hơn về điều gì tiếp theo sẽ xảy ra với mình. Ryeshia ứng tuyển vào City Year, nơi nhận vốn từ AmeriCorps và sắp xếp những người trẻ như cô ấy vào các ngôi trường trên khắp cả nước để phụ đạo cho học sinh. Khoảng 2.700 sinh viên được chọn từ 13.000 hồ sơ để tham gia vào chương trình mỗi năm, một tỷ lệ chọn tương đương với nhiều trường đại học ưu tú.

Ryeshia đã được nhận và có thể ở lại Milwaukee để tiết kiệm tiền. Cô ấy cũng không du hành như nhiều sinh viên khác - những người chọn trì hoãn việc học đại học, mà cô ấy đã có một trải nghiệm công việc có ý nghĩa khác biệt với bất kỳ điều gì cô ấy đã từng làm. Nếu bạn không muốn du hành trong quảng nghỉ, hãy chắc chắn rằng mình sẽ tìm được một trải nghiệm hoàn toàn khác biệt, khiến bạn phải tự đối mặt với những tình huống không chắc chắn và có thể thất bại hết lần này đến lần khác.

Trong trường hợp của Ryeshia, cô ấy đã làm việc với những thế hệ khác nhau, điều đã giúp cô ấy hiểu rõ hơn về các con đường sự nghiệp cụ thể và sắc thái của môi trường làm việc. Ryeshia hỗ trợ giảng dạy môn Toán cho một nhóm học sinh trong thời gian lên lớp và giúp đỡ chúng ngoài giờ học nữa. Ryeshia cũng giúp đỡ điều phối những chương trình sau trung học cho City Year tại khu vực Milwaukee.

“Đó là một công việc phức tạp đối với bất kỳ ai ở độ tuổi của tôi,” cô ấy nói. “Ở Burger King, một chiếc máy tính nói với bạn đơn

hàng nào sẽ đến tiếp theo. Bạn chẳng phải động não. Nhưng ở City Year, tôi phải sắp xếp công việc hằng ngày, đưa ra những quyết định độc lập, quản lý các mối ưu tiên và sau đó thay đổi trong quá trình làm việc.”

Ryeshia bắt đầu theo học Cao đẳng Carthage ở Winconsin vào mùa thu sau đó, và cũng giống như những sinh viên tham gia chương trình quảng nghỉ mà tôi đã phỏng vấn, cô ấy nhận ra rằng một năm nghỉ đã giúp cô ấy tìm ra điều gì tiếp theo dành cho mình (hoặc không, bởi Ryeshia đã quyết định rằng cô ấy chắc chắn không muốn trở thành giáo viên). Không ai trong số những sinh viên sử dụng quảng nghỉ một năm trước khi học đại học từng cân nhắc về việc bỏ học.

Kể cả như vậy, khoảng một nửa số sinh viên trì hoãn việc học đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học đã làm điều đó trong hơn một năm. Một trong những vấn đề lớn nhất đối với các sinh viên muốn dành quảng nghỉ trước hoặc trong khi học đại học là thời gian nghỉ nên kéo dài bao lâu. Một số hình thức giáo dục sau trung học chắc chắn là cần thiết trong nền kinh tế ngày nay, nhưng ở đâu và khi nào tích lũy nền giáo dục đó là câu hỏi mà nhiều sinh viên nên tự hỏi trước khi đi theo con đường từ trung học đến đại học mà không biết mình muốn nhận được gì trong những năm đại học.

Quảng nghỉ kéo dài mãi mãi

“Bỏ dở đại học và thành lập một công ty công nghệ” đã trở thành điệp khúc phổ biến trong những năm gần đây, và một số nhân vật khởi xướng mạnh mẽ nhất xuất thân từ những công ty hàng đầu tại Thung lũng Silicon – mặc dù họ thường tự đi học đại học và cho con cái mình theo học tại đó (thường là những ngôi trường tốt nhất).

Người ủng hộ mạnh mẽ nhất cho việc này là Peter Thiel, anh ấy đã kiếm được hàng tỷ đô-la với tư cách là người sáng lập PayPal và là một nhà đầu tư của Facebook. Vào năm 2010, tại một cuộc hội thảo hằng năm dành cho những công ty khởi nghiệp tại San Francisco, Thiel đã tuyên bố rằng quảng nghỉ mà anh ấy kỳ vọng sẽ trở thành thời gian nghỉ ngơi vô thời hạn: anh sẵn sàng đưa 100.000 đô-la cho mỗi nhóm nhỏ những người trẻ thông minh (nhiều người trong số họ đang theo học những trường đại học ưu tú nhất) để bỏ học và làm một điều gì đó. Thiel nói với đám đông rằng giáo dục bậc cao rất đắt đỏ, kích lệ sự tuân thủ và hoàn toàn thất bại trong việc giáo dục về kinh doanh.

“Chúng ta cần dành nhiều thời gian hơn nữa tập trung vào những công nghệ đột phá, có thể đưa nền văn minh của chúng ta lên tầm cao mới,” Thiel nói.

Cuộc nói chuyện của anh ấy đã trở thành một trong những khoảnh khắc đáng ngạc nhiên nhất trong lịch sử giáo dục bậc cao, xuất hiện vào thời điểm nền kinh tế không ổn định, các khoản nợ sinh viên ngày càng lớn, và một câu hỏi cơ bản về giá trị của tấm bằng cử nhân. Ban đầu, Thiel muốn xây dựng một trường đại học mới thông qua tổ chức của mình để tiến đến tầm nhìn của bản thân, tuy nhiên Thiel đã kết luận rằng “việc cạnh tranh trong hệ thống này sẽ vô cùng tốn kém và có thể không hiệu quả.”

Như nhà báo Beth McMurtrie đã viết sau đó trong tạp chí Chronicle of Higher Education, hầu hết những lớp học của “Những người đồng môn của Thiel” (Thiel Fellows) đã đi lên từ các ý tưởng nguyên bản cho những công ty khởi nghiệp, và một số người dừng học giữa chừng cuối cùng lại quay trở lại trường đại học. “Chương trình này là cơ hội tuyệt vời để biết được phần nào về điều chúng ta muốn làm và có thể là thử thách của chúng ta. Và nếu 1-2 năm sau chúng ta làm mọi việc rồi tung lên, chúng ta có thể quay lại trường học.” Daniel Friedman nói, ông là người đã từ bỏ một công ty thương mại điện tử sau khi đi theo chương trình này và hiện đang là đối tác trong một công ty mới.

Đó là sự khác biệt của việc đi đường vòng, ví dụ như quãng nghỉ một năm, trong giai đoạn đầu của cuộc đời: bạn có thể dễ dàng tìm được con đường nhánh trở lại lộ trình đầu tiên của mình. Không có gì là mãi mãi khi bạn không có những nghĩa vụ của người trưởng thành.

Có lẽ người đồng môn nổi tiếng nhất của Thiel là Dale Stephens, người đã bỏ học tại Cao đẳng Hendrix ở Arkansas sau bảy tháng, viết cuốn sách Hacking Your Education (tạm dịch: Xuyên nhập nền giáo dục của bạn), và hiện là lãnh đạo tự bổ nhiệm của phong trào Không Đại học, một nỗ lực hướng đến việc tự học. Với 16.000 đô-la, ông ấy đã thực hiện quãng nghỉ của mình bằng việc sống ở nước ngoài, tham dự các hội thảo, chương trình thực tập và những khóa huấn luyện cá nhân. “Chúng tôi mang lại những điều tốt nhất mà đại học mang lại cho bạn – những trải nghiệm bên ngoài lớp học – và nói rằng bạn không cần phải mất bốn năm với 60.000 đô-la mỗi năm để có được điều đó,” Stephens khẳng định với tôi.

Giá trị thực sự mà Stephens và Thiel mang đến chính xác là điều

mà những chương trình quảng nghỉ mở ra cho sinh viên: sự kết nối. Một vài đồng môn của Thiel đã nói phần tuyệt nhất của chương trình là mạng lưới mà Thiel đã kết nối họ vào. Nó cho phép họ được kiểm nghiệm những ý tưởng, tạo ra tiền bạc, và khi mọi việc không thành công, vẫn có một nơi để họ tìm một công việc mới hoặc thành lập một công ty mới. Đó là một mạng lưới an toàn mà Những người lang thang trong Chương 1 không có vì họ thiếu sự tiếp xúc với những người có thể giới thiệu họ giống như Thiel.

Đối với hầu hết thanh thiếu niên Mỹ, môi trường đại học vẫn cung cấp mạng lưới xã hội tốt nhất để bắt đầu, họ quan niệm rằng trường đại học càng tốt, mạng lưới sẽ càng tốt. Đó là lý do vì sao mà những sinh viên (và đặc biệt là cha mẹ họ) tự khiến bản thân trở nên điên cuồng về việc đi học ở Stanford, Penn hay Harvard. Đó không phải là vì chất lượng giáo dục ở đó tốt hơn rất nhiều; đó là vì mạng lưới mà sinh viên có thể kết nối, thông qua cha mẹ của bạn học cùng lớp, hội cựu sinh viên, và cuối cùng là qua chính những sinh viên sau khi họ tốt nghiệp. Kể cả những sinh viên bỏ học giữa chừng như Bill Gates và Mark Zuckerberg cũng phải phụ thuộc vào vốn quan hệ xã hội đã gây dựng trong một thời gian ngắn tại Harvard để bắt đầu Microsoft và Facebook.

Sự khác biệt so với 2-3 thập kỷ trước đó là mạng lưới xã hội của con người ngày càng trở nên tách biệt theo địa lý. Trong các kỷ nguyên trước, những công việc tốt được trải đều ở các thành phố và vùng miền. Ngày nay, những người học đại học đang di cư đến một số nhỏ những khu vực thành thị. Những người được hưởng lợi nhiều nhất từ thành quả kinh tế của việc mà nhà tiên tri Richard Florida gọi là “di cư tài lực” (means migration) là những người đang sống tại các thành phố đó – và có lẽ quan trọng nhất là những sinh viên theo học tại các trường đại học và cao đẳng ở đó.

Chương 4

VÌ SAO VỊ TRÍ TRƯỜNG ĐẠI HỌC LẠI LÀ MỘT VẤN ĐỀ?

Nếu bạn nhìn vào tấm bản đồ của 5.000 trường cao đẳng và đại học trên nước Mỹ, bạn sẽ phát hiện ra hai điều: Thứ nhất, hầu hết các trường đại học nằm tập trung ở vùng Đông Bắc và Trung Tây. Thứ hai, một con số đáng ngạc nhiên các trường đại học nằm ở những thị trấn nhỏ và xa xôi.

Sự tăng trưởng bộc phát của giáo dục bậc cao ở nước Mỹ xảy ra vào thế kỷ XIX, khi dân số tập trung chủ yếu ở miền Đông và Đông Bắc. Khi cộng đồng dân cư mở rộng, những trường đại học mới (một số liên kết với nhà thờ, một số khác được điều hành bởi chính quyền bang để đào tạo giáo viên cho các trường học công lập) được mở ra để phục vụ dân cư địa phương. Sự thành lập của các trường đại học công lập vào những năm 1860 đã tạo ra một thể hệ mới các tổ chức, phần lớn ở những vùng nông thôn có nhiều không gian rộng để xây dựng trường học và có thể phục vụ lợi ích nông nghiệp của bang.

Trong quá khứ, đi học đại học được coi là khoảng thời gian để tập trung vào sự phát triển trí tuệ và xã hội với những người trẻ khác cùng chung sống trong những ngôi trường tách biệt với cuộc sống hằng ngày. Khi cư dân bắt đầu di chuyển từ những miền nông thôn lên các thành phố, các trường đại học không thay đổi theo sự dịch chuyển đó. Thay vào đó, những trường đại học trở thành trung tâm kinh tế và văn hóa của khu vực.

Nhưng theo thời gian, ý tưởng sinh sống trong khuôn viên trường đại học – những nơi xa rời với cơ hội thực tập và nghiên cứu – bắt đầu trở nên không được ưa chuộng với thế hệ sinh viên có hứng thú với cả hai việc đó. Trường Cao đẳng Sweet Briar ở Virginia đã

nhận ra xu hướng này quá muộn. Vào tháng 3 năm 2015, trường cao đẳng dành cho nữ sinh với chỉ 700 sinh viên này đã công bố rằng họ sẽ ngừng hoạt động vào cuối năm học đó. Sweet Briar đã phải chứng kiến sự hứng thú ngày càng suy giảm của các sinh viên trong nhiều năm.

“Trường chúng tôi nằm cách cửa hàng Starbucks 30 phút”, ngài chủ tịch đáng thương của Sweet Briar, James F. Jones, Jr, nói trong buổi phỏng vấn không lâu sau khi thông báo được đưa ra.

Câu chuyện về lý do Sweet Briar thất bại là vì những nữ sinh trung học không còn hứng thú với việc đi học tại một trường đại học chỉ dành cho nữ sinh nữa. Nhưng câu nói súc tích của ngài chủ tịch Jones về Starbucks đã minh họa một vấn đề căn bản hơn mà Sweet Briar và hàng trăm trường đại học khác trên cả nước đang phải đối diện: vị trí xa xôi của các trường đại học.

Điều đã được nói về bất động sản lâu nay giờ đã đúng với các trường đại học – vị trí là một vấn đề. Những sinh viên và các bậc phụ huynh thường nghiên cứu một cách cẩn thận vị trí của một trường học trên bản đồ với các tiện nghi xung quanh: Ở đó có đủ các nhà hàng và quán bar không? Nơi đó có gần biển hay núi không? Tôi sẽ không bao giờ quên được nhận xét của mẹ mình khi chúng tôi lái xe 30 dặm cuối cùng đến Ithaca, New York để thăm quan Đại học Ithaca: “Con định sẽ làm gì ở đó vậy?”

Tuy nhiên, vị trí của trường đại học có nhiều ý nghĩa hơn là việc sinh viên có thể nhanh chóng mua một ly cà phê cappuccino trước khi vào lớp. Kể cả trong thời đại ảo ngày nay, khi việc kết nối với bất kỳ ai ở bất kỳ đâu trở nên dễ dàng hơn, vị trí vật lý của trường đại học chưa bao giờ là một vấn đề gây ảnh hưởng đến sự thành công cuối cùng trên thị trường nghề nghiệp như bây giờ. Khi sự quan trọng của những trải nghiệm ngoài khuôn viên trường đại học ngày càng lớn, những sinh viên học tại các ngôi trường hẻo lánh (đặc biệt là những nơi không có thương hiệu, hoặc những trường không có nguồn tài chính dồi dào) sẽ khó có thể tìm được những chương trình thực tập hay kinh nghiệm làm việc ở gần đó để học những kỹ năng mà các nhà tuyển dụng cần.

Điều này không có nghĩa là những học sinh trung học nên gạch bỏ những trường đại học ở nơi xa xôi khỏi danh sách những ngôi trường tiềm năng, hoặc nếu bạn đang theo học ở một trong những ngôi trường đó thì nên chuyển sang ngôi trường khác. Những thị trấn của các trường đại học như Ithaca, Lawrence, Kansas hay Charlottesville, Virginia, vẫn cung cấp rất nhiều

chương trình học từ xa mặc dù chúng nằm ở những vị trí xa xôi. Một số trường đại học và cao đẳng tốt nhất lại nằm ở những thị trấn nhỏ như: Williams ở Massachusetts, Grinnell ở Iowa, Cornell ở New York, và Dartmouth ở New Hampshire.

Thêm vào đó, một số trường nằm ở những vị trí hẻo lánh đã giảm bớt sự yếu thế về địa điểm không-được-nhu-mong-muốn của họ bằng việc mở thêm các chương trình hoặc cơ sở tại những thành phố lớn. Ví dụ, Đại học Cornell đang xây dựng một cơ sở khổng lồ cho ngành khoa học và công nghệ ở đảo Roosevelt, New York.

Tôi không khuyên bạn nên từ bỏ trải nghiệm tại những trường đại học xa xôi này, nếu đó là những điều bạn muốn. Nếu được lựa chọn lại lần nữa, tôi vẫn sẽ theo học Cao đẳng Ithaca, ngôi trường thời sinh viên của mình. Nhưng nếu đi theo con đường đó, bạn nên chuẩn bị dành thêm thời gian tìm kiếm những cơ hội làm việc thực tế ngoài trường học và trong thành phố. Thông thường, điều đó có nghĩa là bạn phải chuyển đến khu trung tâm thành phố trong một học kỳ hoặc thời gian nghỉ hè để tìm kiếm những trải nghiệm hữu ích nhất.

Một số trường đại học “hot” nhất (những ngôi trường đã cải thiện được đáng kể danh tiếng của họ trong những năm gần đây) đều nằm ở khu trung tâm, bởi vì thành phố với nền kinh tế đa dạng và tân tiến mang đến cho các sinh viên đại học ngày nay cơ hội có thể kết hợp việc học tập và trải nghiệm công việc một cách đều đặn trong năm.

Vì những tư tưởng sáng tạo và lợi ích tài chính của nền kinh tế Mỹ tập trung ở khoảng 24-36 khu vực trên cả nước, nên các trường đại học gần đó và sinh viên của họ là một trong những đối tượng được hưởng lợi nhiều nhất. Nguồn kiến thức được giao thoa giữa nền kinh tế địa phương và nền giáo dục cấp cao giúp phát triển nguồn vốn tri thức cho cả hai bên, mang đến cho sinh viên nhiều cơ hội tuyệt vời để tham gia vào các dự án nghiên cứu và chương trình thực tập, và cuối cùng là tìm được một công việc tốt sau khi tốt nghiệp (tôi sẽ trình bày rõ hơn về những chương trình thực tập trong chương tiếp theo).

Tuy nhiên không phải lúc nào cũng như vậy. Trong khoảng ba thập kỷ gần đây, rất nhiều trường đại học nằm ở thành thị đã phải chịu tiếng xấu, bởi môi trường xung quanh có tiện nghi nghèo nàn và tỷ lệ tội phạm cao. Như vậy, có thể hiểu được khi các bậc phụ huynh cho con cái họ theo học những ngôi trường nằm ở vùng nông thôn và ngoại ô an toàn hơn.

Sự dịch chuyển này đủ để thuyết phục một số trường đại học hàng đầu ở khu vực thành thị cân nhắc lại việc mở rộng khuôn viên trường hoặc khu vực đường phố xung quanh. Có lẽ ví dụ tốt nhất là Đại học Pennsylvania, ngôi trường vào những năm 1990 đã đầu tư hàng trăm triệu đô-la vào các cửa hàng bán lẻ, một khách sạn, một trường công lập và khuyến khích cán bộ nhân viên trong trường mua nhà quanh đó. Khu vực xung quanh trường đã được cải thiện và kéo theo số lượng sinh viên đăng ký học cũng như vị trí xếp hạng của trường. Đại học Pennsylvania và những ngôi trường ở thành thị khác cũng được hỗ trợ bởi các lĩnh vực kinh tế hội tụ ở quanh khu vực và thành phố – công nghệ ở San Francisco, tài chính ở New York, được học ở Philadelphia, thiết bị y tế ở Boston, và giải trí ở Los Angeles – điều đó ngày càng củng cố thương hiệu của những ngôi trường đã góp phần vào sự phát triển của nền công nghiệp địa phương.

Khi bạn nghĩ về việc học đại học ở đâu, hãy đừng chỉ kiểm tra những ngôi trường có những điểm tốt về hoạt động giải trí, gần nhà, hoặc cho cuộc sống xã hội của mình. Thông thường, phong cách sống tác động đến quyết định chọn trường hơn là giá trị giáo dục. Điều đó không có nghĩa là những năm tháng sinh viên của bạn sẽ chẳng có gì thú vị, nhưng việc chỉ tập trung vào khía cạnh xã hội xung quanh mình hơn là thiết lập một mạng lưới hoặc đăng ký các chương trình thực tập phù hợp, sẽ khiến cho việc bắt đầu sự nghiệp của bạn sau này trở nên khó khăn hơn.

Khoảng một thập kỷ trước ở Đại học Tulane, sinh viên thường kéo nhau đến New Orleans để thưởng thức đồ ăn, âm nhạc và khu phố cổ nổi tiếng French Quarter, tuy nhiên lại không có sự gắn kết với cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, siêu bão Katrina khiến ngôi trường phải đóng cửa suốt một học kỳ năm 2005, chính quyền thành phố và Đại học Tulane đã hợp tác với nhau để chung tay xây dựng lại thành phố.

Tulane đã chuyển trọng tâm giáo dục sang cho thành phố (việc mà trước đây họ đã lơ đãng), ví dụ như yêu cầu tất cả các sinh viên trước khi tốt nghiệp phải hoàn thành hai khóa dịch vụ cộng đồng. Scott Cowen, cựu chủ tịch Đại học Tulane nói với tôi rằng các sinh viên đã bắt đầu khám phá New Orleans ở nhiều phương diện hơn là chỉ cuộc sống buổi đêm của nó, và bằng cách đó, họ đã nhận ra giá trị của nền kinh tế địa phương đối với sự nghiệp tương lai của bản thân.

“Thành phố đã trở thành trường đại học của chúng tôi,” Cowen nói. Kết quả là những sinh viên có hứng thú với môi trường xung

quanh vì nhiều lý do khác (thay vì tiệc tùng) bắt đầu ghi danh vào trường. Điều này đã mang lại sự phục hồi kinh tế cho cả New Orleans và Tulane, và điều này cũng đã xuất hiện tại những ngôi trường nằm ở khu thành thị trên khắp nước Mỹ trong một vài thập kỷ qua, bao gồm cả quê hương tôi, Washington D.C.

SỰ XUẤT HIỆN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THÀNH PHỐ HIỆN ĐẠI

Cho tới gần đây, tôi chuyển đến sống ở căn hộ cách khuôn viên trường Đại học American (AU) một vài tòa nhà. Ở khu vực tôi sống trước đây, hệ thống xe buýt của trường có mặt ở khắp mọi nơi, được trang trí với những cụm từ về sinh viên, khoa giảng dạy hoặc hội sinh viên của trường: Những sinh viên nhiệt huyết của AU đã tham gia vào hơn 100.000 giờ dịch vụ cộng đồng mỗi năm. Cứ 24 phút lại có một tin tức về các khoa giảng dạy của AU xuất hiện... Những cụm từ này có giá trị như một lời nhắc mỗi ngày về cách mà một trường đại học như AU đã tận dụng vị trí của nó tại thủ đô của đất nước như một lợi thế.

Vào cuối một buổi chiều, tôi đi bộ đến AU để gặp mặt ngài hiệu trưởng Scott Bass. Khi đi qua khuôn viên trường, tôi chú ý cách ngôi trường này đã mở đến những lối đi bộ xung quanh của thành phố. Không giống như Đại học Columbia hay Harvard, những nơi bố trí cửa ra vào xung quanh khuôn viên trường ở đây không có bất cứ rào cản vật lý nào. Việc không có bức tường ngăn cách với không gian bên ngoài giống như là đặc điểm kiến trúc hơn. “Đó là sự tuyên bố mang tính biểu tượng,” Bass giải thích với tôi sau đó.

“Chúng tôi coi thành phố này như phòng thí nghiệm cho sinh viên. Sống ở D.C là một lợi thế vô cùng to lớn đối với sinh viên của chúng tôi, nhất là trong mối tương tác với những khoa ngành, các bộ phận có mối liên kết chặt chẽ với cộng đồng và những nhà tư tưởng hàng đầu.” Ông nói.

Một phần quan trọng của việc đi học đại học là xây dựng những mạng lưới xã hội và nền tảng chuyên môn mà bạn có thể sử dụng để bắt đầu sự nghiệp. Mạng lưới đó có thể được xây dựng ở bất kỳ đâu trong trường đại học thông qua bạn bè, giáo sư và hội sinh viên, nhưng một ngôi trường nằm giữa một cộng đồng lớn hoặc khu trung tâm thành phố sẽ tạo cơ hội cho sinh viên được mở rộng mạng lưới của mình ra ngoài khuôn viên trường đại học. Mạng lưới liên lạc rộng lớn hơn này sẽ mang lại cho sinh viên (ngay cả từ những ngôi trường ít danh giá hơn) những lợi thế trong thị trường việc làm, khi mà chỉ cái tên trên tấm bằng là không đủ để đảm bảo.

Đại học American là một ngôi trường tốt, nhưng không thuộc nhóm những trường đại học hàng đầu của Mỹ. US News & World Report coi AU là trường đại học thuộc nhóm hai, xếp hạng 71 trên toàn quốc. Tuy nhiên, nếu so sánh với những trường có thứ hạng tương tự không nằm trong các thành phố lớn hoặc ngoại ô thì những ngôi trường nằm trong thành thị như AU có ba lợi thế lớn liên quan đến vị trí của chúng:

Lợi thế đầu tiên là loại hình khoa mà các trường đại học nằm trong thành thị có thể tuyển sinh dễ dàng hơn. AU có một nhóm học giả với bằng tiến sĩ có hứng thú với đời sống trí tuệ và văn hóa của Washington, và những chuyên gia hàng đầu đang làm việc toàn thời gian và giảng dạy tại D.C. Khoa giảng dạy cả lý thuyết lẫn thực hành này là một loại hình hữu ích với các sinh viên muốn áp dụng những kiến thức tích lũy ở trường học vào thực tế. Thật không may, nhiều trường đại học danh giá luôn khoe khoang về thành tựu học thuật của bộ phận tiến sĩ trong trường lại thiếu những giáo sư “lai” – những người làm các công việc thực tế ngoài mảng học thuật và có thể mang đến cho sinh viên nhiều trải nghiệm quý giá này.

Thứ hai, sự đa dạng của nền kinh tế địa phương có thể mở ra những cơ hội thực tập (84% sinh viên AU tham gia ít nhất hai chương trình thực tập trước khi tốt nghiệp) và cũng tạo điều kiện cho sinh viên tiếp cận những tổ chức mang đến nhiều thông tin thực tế vào các bài tập dự án. Ví dụ, mỗi năm, sinh viên trong lớp marketing của AU hợp tác với một công ty lớn ở D.C như Hilton, Honest Tea và LivingSocial để giải quyết một thử thách kinh doanh mà công ty đang gặp phải. Nhiều trường đại học khác cung cấp các khóa học tương tự, nhưng rất ít sinh viên đại học được làm việc gần với đội ngũ quản lý thực sự của các công ty. Hiệu trưởng của AU nói với tôi rằng các khóa học đó giống như những khoa giảng dạy kết hợp, mang đến cho sinh viên một sự kết hợp quan trọng giữa giáo dục thực hành và giáo dục đại cương.

“Sinh viên đang có được những trải nghiệm từ nhiều ngành học thuật được cung cấp bởi D.C và AU,” Bass nói, “và điều đó sẽ thử thách tư duy của họ.”

Lợi thế thứ ba là những người bạn đồng môn. Một vị trí đáng ao ước thường thu hút nhiều sinh viên tốt, và điều đó giúp nâng cao chất lượng giáo dục của trường. Một số sự học hỏi tốt nhất trong trường thường đến từ bạn bè, vì vậy bạn sẽ muốn được sống cùng những người có thể mang đến cho bạn những quan điểm khác nhau về sự nghiệp và cuộc sống.

Nhiều sinh viên mới tốt nghiệp nói với tôi rằng, sự hướng dẫn về chương trình thực tập hay công việc của họ thường đến từ bạn cùng lớp hoặc những sinh viên trên họ một hoặc hai khoá. Đó là sự ảnh hưởng của mạng lưới trong trường đại học – và nó càng được củng cố trong môi trường thành thị. Như Edward Glaeser, một nhà kinh tế học ở Harvard và tác giả cuốn *Triumph of the City* (tạm dịch: Thành tựu của thành phố), đã nói: “Thành phố thu hút những con người thông minh, và càng ở gần họ nhiều, chúng ta càng trở nên thông minh và sáng tạo hơn.”

Điều nữa là, khi một trường học thu hút được những sinh viên chuyên tâm vào việc học hành, với những sinh viên khác, và với một cộng đồng rộng lớn hơn, nó sẽ hỗ trợ cho tài chính của ngôi trường ở mọi phương diện. Moody's Investors Services, tổ chức kiểm tra tình hình tài chính của các trường đại học, đã rất bị quan về mảng kinh doanh giáo dục cao cấp trong những năm gần đây. Nhưng nó lại có triển vọng trong những ngôi trường nổi tiếng với các sinh viên nằm ở khu vực thành thị.

“Những ngôi trường ở vùng nông thôn hoạt động không tốt bằng,” Dennis Gephardt, phó chủ tịch của Moody's nói với tôi. 1/4 số trường công lập theo vùng (thường nằm ở những vùng dân cư thưa thớt trong bang) đã chứng kiến sự sụt giảm trong thu nhập ròng từ các khoản học phí (khoản tiền họ thu được sau khi trừ đi các khoản hỗ trợ tài chính cho sinh viên). Cụ thể, Gephardt nhắc đến Đại học American như một ngôi trường đã được hưởng lợi nhờ vị trí nằm tại thủ đô và chỉ cách trường Đại học danh tiếng Georgetown một vài tòa nhà.

Tất nhiên, việc học đại học ở thành phố không hề rẻ. Học phí thường cao hơn, trong khi chi phí thuê phòng ở, tiền ăn và chi phí sinh hoạt cũng đắt đỏ hơn. Một sinh viên bình thường ở AU phải trả khoảng 33.000 đô-la một năm, ngay cả sau khi khoản hỗ trợ tài chính đã được tính vào. Kyle Anderson, một sinh viên năm cuối ở AU, đã nói với tôi rằng nếu theo học Đại học Bắc Carolina, một trường công với thứ hạng cao hơn ở bang của cậu ấy, Kyle sẽ phải trả số tiền ít hơn 2/3 số tiền hiện tại.

“Tôi lớn lên ở Greensboro, nên Chapel Hill chỉ cách nhà tôi một giờ lái xe,” cậu ấy nói. “Tôi đã sống ở đó suốt cả cuộc đời mình. Tôi có hứng thú với chính trị nhưng mọi người ở đây không nói chuyện về chủ đề đó hằng ngày. Tôi chỉ muốn đến nơi nào đó mới mẻ và là trung tâm chính trị như Washington D.C.”

Kể từ khi đến Washington, Kyle đã hoàn thành bốn khóa thực tập,

hầu hết là trong năm học. Không chỉ sự cạnh tranh cho những vị trí thực tập đó ít khốc liệt hơn (Washington tràn ngập sinh viên thực tập trong kỳ nghỉ hè), mà những trải nghiệm cũng hỗ trợ cậu ấy chuẩn bị cho những yêu cầu của nơi làm việc, vì cậu ấy đã học cách xoay sở giữa công việc và học tập cùng một lúc. Nói cách khác, Kyle đã làm đúng những gì mà các nhà tuyển dụng mong muốn từ sinh viên tốt nghiệp ngày nay: cậu ấy tiếp cận việc học đại học như một sự kết hợp của các hoạt động khác nhau để xây dựng kỹ năng tư duy phản biện. Và việc sống ở giữa thủ đô đã giúp Kyle tìm được rất nhiều cơ hội để làm việc đó.

ĐẶT CƯỢC VÀO MỘT VỊ TRÍ

Hai trong số những trường đại học đầu tiên trong thời hiện đại đã nâng tầm vị trí trong khu vực thành thị của họ là Đại học New York (NYU) và Đại học George Washington (GW). Vào những năm 1970 và 1980, cả hai trường này đều được coi là “những trường đại học đi đến bằng vé tháng” vì thu hút rất nhiều sinh viên địa phương. Có thời điểm hơn 50% sinh viên năm nhất của NYU đến từ New York. Ngày nay, con số đó là dưới 15%. Cùng thời điểm, George Washington University đã tăng gấp đôi số lượng sinh viên năm nhất đến từ New York, California và Massachusetts. Cả NYU và GW đều tập trung vào việc xây dựng những chuyên ngành kết nối họ với những ngành nghề nổi tiếng của thành phố – kịch và phim ảnh ở NYU, y tế công cộng và truyền thông ở GW.

Khi Stephen Trachtenberg bắt đầu nhiệm kỳ chủ tịch của GW vào năm 1988, ông đã nhận ra rằng các trường thường nói nhiều về vị trí tại thành phố của mình, nhưng lại không tích cực kết nối sinh viên với môi trường xung quanh. “Chương trình đào tạo quá phổ thông, đến nỗi bất kỳ trường đại học nào trên nước Mỹ cũng có thể giảng dạy,” ông nói.

Trong hai thập kỷ tiếp theo, với những tòa nhà, chương trình và hoạt động marketing mới, Trachtenberg đã biến GW thành một thương hiệu quốc gia, gắn liền với vị trí của nó tại nơi được coi là sức mạnh chính trị. Ông đã tuyển dụng những nhà báo chính trị nổi tiếng để giảng dạy các khóa học truyền thông và mời CNN đến trường để quay chương trình chính trị buổi đêm Crossfire với những khán giả trực tiếp. “Khẩu hiệu của chúng tôi là ‘Điều gì đó thú vị đang xảy ra ở đây’,” Trachtenberg nói. “Ngụ ý là chẳng có gì xảy ra ở những trường đại học khác cả.”

Nhiều trường đại học ở thành thị khác đã đi theo cách thức đó. Ở Los Angeles, Đại học South California (USC) đã cố gắng vượt qua

cái tiếng là một “ngôi trường tiệc tùng” với môi trường tột tệ xung quanh, kết quả một phần là từ cuộc xung đột chủng tộc năm 1992 xuất hiện trên truyền hình cả nước. Sau cuộc xung đột đó, các bậc phụ huynh không muốn gửi con gái mình đến miền Trung Nam Los Angeles nữa, và số lượng nữ sinh năm nhất đã giảm đến 40%. Thay vì tìm cách thoát khỏi vị trí của mình, USC đã đưa ra một chiến lược marketing để làm nổi bật những lợi thế của nó, kết thúc với những bức hình là hình ảnh ngôi trường nằm trên hình nền của những tòa nhà chọc trời.

Nỗ lực của USC đã được đền đáp, nó đã thay đổi “vị trí về mặt địa lý của trường trong suy nghĩ của mọi người mà không cần sự dịch chuyển nào,” Morton Schapiro, cựu hiệu trưởng của USC và hiện là chủ tịch Đại học Northwestern, nói. Giống như NYU và GW, USC đã tạo ra và phát triển những chuyên ngành phục vụ cho nền kinh tế của L.A, đặc biệt là trong các chương trình truyền thông. Walter Annenberg, người sáng lập của TV Guide, đã quyên góp hơn 200 triệu đô-la cho Trường Truyền thông của USC, để thuyết phục rằng Los Angeles(chứ không phải New York) đã trở thành trung tâm truyền thông của thế giới.

Annenberg chắc chắn đã đánh giá thấp sự kế thừa lâu dài của New York với tư cách là một thủ đô truyền thông, tuy nhiên có thể ông cũng đã đúng khi khi đặt cược lớn như vậy. Và bạn cũng nên nghĩ như vậy. Nếu bạn không chắc chắn về chuyên ngành hoặc nghề nghiệp tương lai của mình, hãy tìm kiếm những thành phố mà các chuyên gia của lĩnh vực đó đang sinh sống. Hãy bắt đầu nghiên cứu các trường đại học xung quanh địa điểm đó hoặc chắc chắn rằng mình sẽ đi thực tập ở những công ty này.

Khi LinkedIn phân tích kỹ năng mà các thành viên liệt kê trong hồ sơ vào năm 2014, một mạng lưới chuyên gia trực tuyến đã nhận ra rằng lao động của các ngành cụ thể tập trung tại những thành phố nhất định. Những kỹ sư dầu khí thường được tìm thấy ở Texas, Louisiana, Oklahoma và North Dakota. Kỹ sư sản xuất chiếm số đông ở Indiana, Ohio và Pennsylvania, nơi mà những công ty ô tô hoạt động mạnh mẽ. Và những người có kỹ năng liên quan đến ngành công nghiệp giải trí thường tập trung quanh Los Angeles và Nashville.

Vậy nếu muốn học chuyên ngành phim ảnh, có lẽ bạn nên bắt đầu tại một trường gần Los Angeles hoặc New York. Khoa học máy tính ư? Có thể là San Francisco hoặc San Jose. Còn âm nhạc? Khả năng là Nashville, New York hoặc Los Angeles.

Bạn có thể sử dụng LinkedIn để tìm kiếm trường đại học. Công cụ “Tìm kiếm trường đại học” cho phép sinh viên nhập chuyên ngành và vùng miền trên đất nước họ muốn theo học để xem thông tin về các trường nổi tiếng cũng như những công ty trong lĩnh vực nghề nghiệp cụ thể đó. Ví dụ, nhập “lịch sử” và “San Francisco” công cụ này sẽ giới thiệu Đại học California ở Berkeley (Google là công ty hàng đầu với những sinh viên tốt nghiệp ngành lịch sử), San Francisco State (Kaiser Permanente là công ty hàng đầu), và Đại học California ở Los Angeles (công ty hàng đầu là Los Angeles School District).

Sự gia tăng của những trường đại học ở thành thị cũng giống với chuyện đang diễn ra trong thị trường nhà đất, nơi những thành phố đang tận hưởng sự trở lại của hai thế hệ lớn: những người trẻ bước vào tuổi trưởng thành trong thế kỷ XXI tham gia thị trường việc làm và tình trạng sụt giảm số lượng trẻ sơ sinh từ những gia đình nông thôn. Cùng với bất động sản, sự thay đổi trong giáo dục bậc cao là điều thuộc về tư duy. 50 năm trước đây, học đại học có nghĩa là đi đến một nơi chỉ cần lái xe một quãng đường ngắn. Vào những năm 1960, thống đốc bang Ohio James Rhodes đã hứa sẽ sắp xếp các trường đại học nằm trong bán kính 30 dặm cho tất cả người dân.

Nhưng kể từ đó, sự tiến bộ về công nghệ đã cho phép chúng ta thực hiện các cuộc thoại kèm hình ảnh (video call) trên điện thoại thông minh, cũng như việc di chuyển dễ dàng với chi phí rẻ thông qua các hãng hàng không giảm giá, tất cả những điều đó đã làm thay đổi quan điểm của chúng ta về khoảng cách. Những sinh viên ở New York không nghĩ rằng việc đi học ở California là quá xa xôi. Vì vậy, những sinh viên xuất sắc nhất đã đến những trường đào tạo giáo dục bậc cao nằm ở trong hoặc gần một vài thành phố – Boston, New York, Atlanta và San Francisco – những nơi có tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đại học cao hơn.

“Sự lựa chọn thường ít dựa vào khoảng cách và dựa nhiều vào tài nguyên của trường đại học và những sinh viên đang theo học ở đó,” Caroline Hoxby, một giáo sư kinh tế ở Đại học Stanford, viết trong một nghiên cứu được xuất bản bởi Cục Nghiên cứu Kinh tế Quốc gia năm 2009. Hoxby đã phát hiện ra rằng một nửa số trường cao đẳng và đại học ở Mỹ ngày càng ít được chọn lựa để ghi danh trong 50 năm qua.

SỰ TRẺ TRUNG VÀ SỰ DI ĐỘNG

Trong bốn thập kỷ vừa qua, khi có nhiều công việc đòi hỏi bằng

đại học hơn, những sinh viên tốt nghiệp đại học bắt đầu di chuyển đến nơi có các công việc đó, và đất nước đã được phân chia theo những tuyến giáo dục. Năm 1970, hầu hết các thành phố lớn có dân số tương đương với số sinh viên có bằng đại học. Nhưng sự cân bằng đó không còn tồn tại nữa. Những sinh viên tốt nghiệp đại học tập trung ở những thành phố nhất định. Các trường đại học ở những thành phố này cũng được hưởng lợi đáng kể từ sự dịch chuyển dân cư này, thu hút nhiều sinh viên hứng thú với những công việc tương ứng với nền kinh tế địa phương, những người sẽ ở lại thành phố sau khi tốt nghiệp.

Hình ảnh “thị trấn những trường đại học” (college town) của Mỹ đã được xác định lại, từ ngôi trường miền quê New England với sân trường rợp bóng cây và những tòa nhà kiến trúc tân Gothic phủ đầy lá cây thường xuân, đến những thành phố của “giáo dục và y tế” sôi động. Ngày nay, tại mỗi thành phố trong số 20 thành phố lớn nhất nước Mỹ, sẽ có một trường cao đẳng, đại học hoặc viện y tế nằm trong danh sách 10 nhà tuyển dụng hàng đầu. Ít nhất một nửa trong số những nhà tuyển dụng hàng đầu ở năm thành phố – Washington, Philadelphia, San Diego, Memphis và San Jose – là thuộc lĩnh vực giáo dục và y tế.

Thực tế là, một trong những sự ảnh hưởng lớn nhất về việc sinh viên đại học sẽ ổn định ở đâu sau khi tốt nghiệp là số lượng bạn bè của họ cũng có bằng tốt nghiệp. “Những sinh viên tốt nghiệp đại học muốn được ở cùng với những sinh viên đã tốt nghiệp khác, nhưng ở một nơi đa dạng về cả dân tộc và văn hóa,” Rosalind Greenstein nói với tôi. Bà hiện là giám đốc nghiên cứu tại Viện Nghiên cứu Kinh tế Mỹ. Viện nghiên cứu đặt tại Massachusetts này xuất bản hai bảng danh sách hằng năm, mặc dù không thu hút được nhiều sự chú ý như bảng xếp hạng các trường đại học của U.S. News & World Report, nhưng có lẽ sẽ hữu ích với những sinh viên đang lựa chọn trường đại học.

Danh sách xếp hạng đầu tiên là College Destinations Index (Chỉ số đích đến đại học), danh sách kiểm tra khoảng 270 khu vực thành thị trên cả nước, chứa hơn 10.000 sinh viên và xếp hạng 75 khu vực hàng đầu theo bốn tiêu chí gây ảnh hưởng nhất đến trải nghiệm ngoài môi trường trường đại học của sinh viên: cuộc sống sinh viên (chi phí sinh hoạt và sự thuận tiện của giao thông), sức khỏe của nền kinh tế (tỷ lệ thất nghiệp và hoạt động kinh doanh), văn hóa (lực lượng lao động trong những ngành cải tiến và địa điểm giải trí), và cơ hội việc làm (mức lương bình quân và các hoạt động nghiên cứu phát triển). Các thành phố được chia ra theo bốn nhóm dựa trên chỉ tiêu dân số và sau đó được xếp hạng.

Trong những báo cáo gần đây nhất, Boston; San Jose; Boulder, Colorado; và Ithaca, New York, xuất hiện ở những vị trí hàng đầu.

Danh sách xếp hạng các trường đại học thứ hai nghiên cứu về nơi mà người trẻ đến sống và làm việc sau khi tốt nghiệp. Tương tự như bảng xếp hạng các trường đại học, Employment Destination Index (Chỉ số điểm đến làm việc) xem xét 260 khu vực thành thị và xếp hạng 75 khu vực hàng đầu dựa trên tám yếu tố có tác động đến việc dịch chuyển của những người tìm việc, thuộc hai nhóm chính: kinh tế (có bao nhiêu người đang tìm việc và mức lương cho những sinh viên mới tốt nghiệp) và chất lượng cuộc sống (khả năng đi lại mà không cần đến ô tô, số lượng quán bar và nhà hàng). Những thành phố đạt thứ hạng cao nhất trong danh sách này là Washington D.C; Bridgeport, Connecticut; Ann Arbor, Michigan; và thành phố Iowa, Iowa.

Điều đem lại sự hứng thú nhất cho các sinh viên trong hai danh sách xếp hạng này là những thành phố cùng đạt thứ hạng cao trong cả hai. Đó là những nơi bạn muốn cân nhắc để học đại học, vì ở đó có một nền kinh tế sôi động mang lại cho bạn những cơ hội cần thiết ngoài môi trường lớp học, cũng như những công việc toàn thời gian sau khi tốt nghiệp.

Sự trùng lặp trong hai danh sách này bao gồm những thành phố thường được dự đoán như Washington D.C, San Francisco và những thành phố nhỏ như Austin, Texas và Raleigh, Bắc Carolina. Nhưng ngoài ra còn có những thành phố mà bạn chưa từng nghĩ là nơi có thị trường việc làm mạnh mẽ cũng như là những thị trấn trường đại học tuyệt vời, đó là: Fort Collins, Colorado; Gainesville, Florida; Ann Arbor: và State College, Pennsylvania.

Những thị trấn trường đại học và những trung tâm việc làm

Đây là những thị trấn và thành phố được xếp hạng bởi Viện Nghiên cứu Kinh tế Mỹ, về những cơ hội ngoài lớp học mà họ mang đến cho sinh viên, là điểm dừng chân cho những người trẻ sống và làm việc sau khi tốt nghiệp.

Những khu vực đô thị lớn

1. Boston	4. New York	7. Minneapolis – St. Paul
2. Washington, DC	5. Baltimore	8. Denver
3. San Francisco	6. Seattle	9. Chicago

Những khu vực đô thị vừa

1. San Jose, CA	3. Raleigh, NC	5. Columbus, OH
2. Austin, TX	4. Pittsburgh, PA	6. Hartford, CT

Những khu vực đô thị nhỏ

1. Ann Arbor, MI	5. Tranton, NJ	9. Omaha, NE
2. Fort collins, CO	6. Huntsville, AL	10. Syracuse, NY
3. Gainesville, FL	7. Albany, NY	11. Honolulu, HI
4. Lincoln, NE	8. Anchorage, AK	

Những thị trấn nhỏ nhất

1. Ithaca, NY	4. Champaign-Urbana, IL	7. Lafayette, IN
2. Iowa City, IA	5. Columbia, MO	8. Bloomington, IN
3. State College, PA	6. College Station, TX	9. Morgantown, WV

Nguồn: Sự phân tích về Chỉ số điểm đến làm việc năm 2015 và Chỉ số Điểm đến học tập năm 2014-2015 của Viện Nghiên cứu Kinh tế Mỹ.

Những người ở độ tuổi 20 thường có xu hướng sốt ruột ngay sau khi tốt nghiệp đại học. Có khoảng một triệu sinh viên mới tốt nghiệp rời khỏi bang mình sống mỗi năm. Như chúng ta đã thấy trong Chương 1, nơi họ lựa chọn dừng chân sẽ đóng vai trò quan trọng đến cách họ sẽ sống những năm còn lại của độ tuổi 20 và mang đến một cái nhìn vào những thành phố có khả năng thúc đẩy nền kinh tế tương lai của đất nước. Khi những sinh viên tốt nghiệp trở ổn định, tất cả mọi thứ có xu hướng theo dõi, bao gồm các nhà tuyển dụng lớn, các công ty khởi nghiệp và vô số hứng thú mới.

“Có một bản ghi chép những địa điểm thu hút tài năng và đang trở thành miền đất của những sự thành công dài hạn,” Edward

Glaeser, nhà kinh tế học tại Harvard, nói. “Chính sách phát triển kinh tế hiệu quả nhất là thu hút và giữ chân những con người thông minh và để họ tự do thể hiện khả năng của mình.”

Mỗi thế hệ sinh viên mới tốt nghiệp lại có một thành phố ưa chuộng riêng. Khi tôi tốt nghiệp đại học vào giữa những năm 1990, rất nhiều người bạn cùng lớp của tôi đã chuyển đến Atlanta. Bây giờ Denver là thành phố mới để đến (dân số những người trẻ và có học thức ở đây chiếm tới 47% vào năm 2000). Thực tế là, những người mới tốt nghiệp ngày nay thường dịch chuyển về phía Tây. Theo như phân tích hồ sơ trực tuyến của LinkedIn, sau khi nhận được bằng cử nhân từ những trường đại học ở Bờ Đông, số sinh viên đến tìm việc ở San Francisco nhiều hơn gần ba lần số sinh viên tốt nghiệp ở Bờ Tây và chuyển đến New York.

Một số thành phố là thời nam châm thu hút người tài đối với những sinh viên mới tốt nghiệp. Phân tích của LinkedIn cho thấy những sinh viên mới tốt nghiệp sẵn sàng đi xa hơn để tìm việc ở San Francisco, Los Angeles, Seattle và Phoenix. Trong khi đó, những thành phố khác trong nghiên cứu của LinkedIn – Boston, Pittsburgh, Philadelphia, và Baltimore – có khả năng giữ chân sinh viên sau khi tốt nghiệp bởi những ngành công nghiệp gần đó thu hút họ. Những thành phố đó cũng tập trung nhiều trường đại học.

Tuy nhiên, những thành phố này – và với sự mở rộng của những trường đại học thành thị – có thể sẽ bị thử thách bởi thế giới trực tuyến ngày càng mở rộng. Câu hỏi dành cho sinh viên là liệu việc học tập trực tuyến (cho phép họ tham dự lớp học bất kể khi nào, ở bất cứ nơi nào trên thế giới) có mang ý nghĩa rằng vị trí một trường đại học sẽ không còn là vấn đề lớn với họ trong tương lai hay không.

TÌM KIẾM MỘT ĐỊA ĐIỂM HỮU HÌNH TRONG THẾ GIỚI ẢO

Vào cuối những năm 1990, khi World Wide Web bùng nổ như một hiện tượng toàn cầu, một quan điểm phổ biến ở Phố Wall là thương mại trực tuyến sẽ thay thế thế giới hữu hình trong thập kỷ tiếp theo. Những công ty mới mọc lên mỗi đêm, cho phép chúng ta mua hàng hóa và dịch vụ (tất cả mọi thứ từ rau quả, băng video đến đồ dùng cho thú nuôi) từ nhà mình một cách thoải mái. Những sự định giá công ty tăng vọt, vì mọi người dường như nghĩ rằng các cửa hàng lớn và những cửa hàng nhỏ sẽ bị thế giới ảo nhân chìm. Tất nhiên, điều đó đã không xảy ra ở mức độ được dự đoán, và rồi cơn sốt dot-com (.com) bùng nổ vào năm 2001.

Một số nhà bán lẻ trực tuyến vẫn sống sót trước sự suy thoái kinh tế. Nhân vật lớn nhất là Amazon. Khi Jeff Bezos sáng lập công ty vào năm 1994, nhiều người đã nghĩ rằng ông ấy đã bắt đầu bằng việc bán quần áo. Sau tất cả, người tiêu dùng đã mua quần áo qua những catalog đặt hàng qua thư. Nhưng Bezos đã lý luận rằng vẫn có những khía cạnh vật lý để kinh doanh quần áo, một “cái chạm và cảm nhận” khó có thể truyền tải qua hình thức trực tuyến. Vì vậy, ông ấy đã bắt đầu với những cuốn sách, không hẳn là những cuốn sách bán chạy nhất mỗi thời điểm: đó là 25 danh mục sản phẩm phổ biến nhất bán qua catalog. Tuy nhiên như Advid Bell ghi chú trong cuốn *Location Is (Still) Everything* (tạm dịch: Vị trí (vẫn) là tất cả), về việc mua sắm trong kỷ nguyên kỹ thuật số, sách là sản phẩm phù hợp với Internet một cách hoàn hảo.

“Không có gì ở một cuốn sách mà bạn cần phải chạm hoặc cảm nhận,” Bell viết. “Nếu bạn biết được giá bán, tên tác giả, nội dung và có thể một chút thông tin từ những đánh giá, vậy là đủ để bạn mua.”

Tiến nhanh đến năm 2001, Apple đang ở giữa giai đoạn quay trở lại, hầu như nhờ vào iTunes và iPod. Tuy nhiên, thay vì tăng cường sự hiện diện trực tuyến như Amazon, Apple làm chính xác điều ngược lại: hãng đã xây dựng một cửa hàng hữu hình và sau đó là một chuỗi các cửa hàng. Những cửa hàng Apple Stores mang đến cho khách hàng những trải nghiệm không giống những chuỗi điện tử khác như Best Buy. Hãng đã sử dụng những cửa hàng của mình để lựa chọn và chăm sóc sản phẩm hơn là chỉ bày lên giá kệ và thùng hộp bình thường. Và Apple đã để lại dấu ấn thương hiệu bằng cách lựa chọn cẩn thận những địa điểm bán lẻ, chứ không phải mở ở tất cả các thị trường như Target hay Walmart đã làm.

Cùng với các nhà bán lẻ hoạt động ngoại tuyến vào cuối những năm 1990, một thập kỷ sau đó, các trường đại học và cao đẳng đã phải đối mặt với các dự báo tương tự về sự cho thuê sắp xảy ra ở những khu trường sở rộng lớn nằm trong khu vực dân cư. Số lượng sinh viên đăng ký ít nhất một khóa học trực tuyến tăng vọt từ 1,6 triệu vào năm 2002 lên hơn 6 triệu vào 10 năm sau đó. Tuy nhiên, hàng trăm trường đại học không bị phá sản như được dự báo (thực tế là, ngay cả Sweet Briar cũng được cứu trợ một vài tháng sau khi thông báo sẽ đóng cửa). Việc đăng ký các khóa học trực tuyến sau đó trở lại bình thường. Các cuộc khảo sát cho thấy rằng những sinh viên 18 tuổi không mấy hứng thú với việc kiểm một tấm bằng hoàn toàn qua các khóa học trực tuyến.

Tuy nhiên, nhiều gia đình không đủ khả năng xoay sở chi phí cho

con theo học một trường hữu hình. Vào năm 2001, học phí đại học trung bình chiếm ít hơn 1/4 các khoản phải chi trả của một gia đình nước Mỹ. Đến năm 2013, học phí chiếm 40% mức thu nhập trung bình ở nước Mỹ. Hầu hết các gia đình sẽ không thể chi trả cho một tấm bằng ở Harvard, nhưng nhiều người khác đang hỏi liệu có xứng đáng để sử dụng số tiền tương ứng ở Đại học Podunk (cách đó một bang) hay không. Tất nhiên, điều trở trêu là những trường đại học đắt đỏ như Harvard có thể cung cấp các khoản hỗ trợ tài chính đáng kể cho những ai cần, vì nó được hưởng nguồn vốn khổng lồ, trong khi những sinh viên đang cần sự hỗ trợ phải vay những khoản nợ lớn để theo học một ngôi trường ít chọn lọc hơn.

Trong tương lai, khi các con đường đến giáo dục đại học trở nên đa dạng hơn, với một số sinh viên bắt đầu học đại học sau quãng nghỉ một năm ở nước ngoài hoặc chuyển đổi từ những trường cao đẳng cộng đồng, mối quan hệ giữa sinh viên và trường nội trú cũng như vị trí vật lý của trường học cũng sẽ thay đổi.

Các trường đại học có thể sẽ làm theo Apple Store bằng cách giới thiệu những trải nghiệm xuất sắc nhất mà họ có thể mang đến cho sinh viên tại cơ sở hữu hình và chuyển đổi những thứ còn lại sang hình thức trực tuyến. Nói cách khác, trường đại học sẽ trở thành một trải nghiệm pha trộn, có thể không phải hoàn toàn trực tiếp hoặc hoàn toàn trực tuyến. Trong thế giới mới này, vị trí sẽ là một vấn đề có ảnh hưởng lớn hơn cả ngày nay, vì những chương trình thực tập, dự án nghiên cứu và những hình thức học tập tích lũy kinh nghiệm khác cho sinh viên sẽ gần như không thể tái tạo qua hình thức trực tuyến.

Chiến lược pha trộn này chính xác là điều mà các nhà bán lẻ ngoại tuyến đang làm trong những năm gần đây, được gọi là phương thức tiếp cận “omni-channel” (đa kênh), cho phép khách hàng có thể mua sắm từ các kênh khác nhau như cửa hàng bán lẻ, trực tuyến và trên điện thoại di động. Phương thức tiếp cận này giúp những nhà bán lẻ tập trung vào điều quan trọng nhất trong vị trí hữu hình của họ.

Tác giả David Bell, đồng thời là giáo sư giảng dạy tại Trường Wharton thuộc Đại học Pennsylvania, tin tưởng rằng điều tương tự cũng có thể xảy ra với giáo dục bậc cao. Ông ấy tưởng tượng ra một trường đại học tương lai, nơi những nội dung giảng dạy tốt nhất được truyền tải trực tuyến, và những sinh viên đến trường để có các trải nghiệm khác biệt.

Một công ty công nghệ ở San Francisco đang làm một điều gần như tương tự, họ đã kêu gọi được quỹ 95 triệu đô-la cho kế hoạch tái tạo về một trường đại học mới cạnh tranh với những trường như Harvard hay Stanford.

MỘT TRƯỜNG ĐẠI HỌC ƯU TÚ, CÓ CƠ SỞ VÀ HOẠT ĐỘNG THỰC TUYẾN

“San Francisco là thành phố đáng chú ý nhất trên thế giới với dân số ít hơn một triệu người!” Ben Nelson nói, đúng ra là hét lên với tôi để át đi tiếng ồn giao thông khó chịu bên dưới chín tầng nhà.

Đó là một ngày tháng 2 dễ chịu ở San Francisco, và chúng tôi đang đứng trên ban công dài và chật của một tòa nhà nhìn xuống Civic Centre Plaza. Nelson đang chỉ ra những điểm mốc xung quanh, như thể ông ấy là thị trưởng của thành phố. Phía bên tay trái chúng tôi là Thư viện Công cộng San Francisco và Bảo tàng Mỹ thuật Châu Á. Phía sau đó là Tòa thị chính thành phố, nhà hát opera và nhạc giao hưởng, Đài tưởng niệm chiến tranh San Francisco và Trung tâm biểu diễn nghệ thuật. Thẳng phía trước là Trường Luật Hastings thuộc Đại học California.

Nelson đã chỉ cho tôi nơi mà ông ấy cân nhắc để xây dựng trường sở cho dự án Minerva – dự án trường đại học với 95 triệu đô-la từ những nguồn vốn mạo hiểm. Còn địa điểm hữu hình của nó? Tôi đang đứng trên một nửa địa điểm đó – một tòa nhà khó nhận biết thuộc mảnh đất công trên đường Market. Rồi Nelson chỉ về một nửa còn lại, một “ký túc xá” nằm phía xa.

Nelson đã sáng lập ra dự án Minerva vào năm 2012 để thay đổi cách thức giáo dục đại học ở nước Mỹ và để tư duy lại về một ý tưởng toàn diện cho trường học hữu hình. Mục tiêu của ông ấy rất táo bạo và chưa từng có trong lịch sử giáo dục bậc cao: xây dựng một trường đại học có thương hiệu, ưu tú, tập trung giáo dục đại cương với chi phí tổng cộng khoảng 28.000 đô-la mỗi năm, bằng một nửa chi phí của những trường nằm trong nhóm Ivy League.

Điểm then chốt của mô hình kinh doanh Minerva đó là phiên bản tối giản của những trường đại học danh tiếng hiện đại ở nước Mỹ. Sẽ không có trường sở với những tòa nhà được thiết kế bởi các kiến trúc sư nổi tiếng, không có những cơ sở vật chất giải trí hoành tráng, không có những đội vận động viên đắt tiền. Không có lớp học. Tất cả các lớp học sẽ được mở theo hình thức trực tuyến. Sinh viên sẽ tham gia các khóa học trực tuyến cho dù họ có sinh sống trong cùng một thành phố hay không.

Mỗi năm, sinh viên sẽ di chuyển vòng quanh thế giới, sống ở Buenos Aires, Berlin, có thể là Istanbul và Mumbai, giữa những thành phố khác nhau. Sinh viên sẽ tham gia lớp học vào buổi sáng, tự do vào buổi chiều để tham gia chương trình thực tập hoặc khám phá thành phố, một sự kết hợp hoàn hảo giữa lý thuyết và thực hành.

Không giống như những trường đại học ưu tú thậm chí phải phải kiểm soát số lượng sinh viên ghi danh vì nhu cầu theo học tăng vọt, kế hoạch của Minerva là chấp nhận tất cả các sinh viên đạt yêu cầu.

Trong vòng một thập kỷ tới, Minerva kỳ vọng sẽ có 2.500 sinh viên ghi danh mỗi năm, tổng cộng sẽ có khoảng 10.000 sinh viên. (Để so sánh, Cornell, trường đại học lớn nhất nằm trong nhóm Ivy League, có khoảng 14.000 sinh viên ghi danh mỗi năm).

Những trường đại học ưu tú không tăng số lượng sinh viên mỗi lớp, kể cả khi họ nhận được số lượng kỷ lục sinh viên nộp hồ sơ. Các lớp học của Harvard có số sinh viên không nhiều hơn những lớp học 20 năm trước đây. Trong số những trường ưu tú nhất ở nước Mỹ, chỉ có một trường lên kế hoạch chắc chắn về việc tăng số lượng sinh viên, và đó là Đại học Yale. Mặc dù trường này đang đầu tư 600 triệu đô-la để xây dựng một cơ sở nhỏ ở New Haven cho lượng mới, nơi đó chỉ chào đón 800 sinh viên.

Giống như nhiều doanh nghiệp khác, ý tưởng lớn lao của Nelson xuất phát từ cuốn tự truyện của ông ấy. Là một sinh viên vào giữa những năm 1990 ở Đại học Pennsylvania, Nelson đã dành rất nhiều thời gian nỗ lực vận động hành lang về việc định hình lại cách sinh viên được dạy về tư duy, một ý tưởng ông ấy đưa ra đầu tiên trong nghiên cứu của mình khi còn là sinh viên năm nhất. Ông ấy muốn những giáo sư ở Đại học Pennsylvania kết hợp vị trí độc đáo của ngôi trường vào các khóa học nhiều hơn. Những ý tưởng của Nelson chưa bao giờ được thực hiện, và ông ấy đã tốt nghiệp trong sự tức giận và thất vọng cùng tấm bằng Ivy League của mình. “Tôi nhận ra rằng mình đã không được nhận một nền giáo dục tốt,” ông ấy nói.

Một vài năm sau khi rời khỏi Đại học Pennsylvania, Nelson tham gia một dự án khởi nghiệp về chia sẻ hình ảnh tên là Snapfish, và cuối cùng trở thành chủ tịch của công ty. Khi Snapfish được Hewlett-Packard mua lại vào năm 2005 với số tiền được báo cáo là 300 triệu đô-la, ông ấy đã chuẩn bị lại kế hoạch về việc tái tạo nền giáo dục đại học ấy và đã thuê một trong những nhà tâm lý học lỗi

lạc nhất trên thế giới, cũng là cựu chủ nhiệm khoa ở Harvard, Stephen Kosslyn, để giúp mình thực hiện kế hoạch.

Sự thành công của mô hình Minerva mới sẽ phụ thuộc vào giáo trình và công nghệ của nó. Tất cả các sinh viên năm nhất đều phải học bốn khóa học nền tảng: phân tích hình thức (toán học), phân tích thực nghiệm (khoa học), những hệ thống phức hợp (khoa học xã hội) và giao tiếp đa chế độ (viết và nói trước đám đông).

Nelson nói: “Nếu thành thạo bốn hệ thống tư duy đó thì bạn sẽ có thể áp dụng chúng vào bất kỳ việc gì.” Đây chính xác là những kỹ năng mà các nhà tuyển dụng nói rằng họ mong chờ ở những sinh viên tốt nghiệp đại học ngày nay.

Tôi nói với Nelson rằng tôi vẫn không hiểu vì sao những sinh viên cùng sống trong một thành phố lại tham gia các lớp học trực tuyến. Hầu hết các trường đại học trực tuyến được tạo ra chủ yếu để thu hút những người trưởng thành có sự hạn chế về địa điểm và áp lực về thời gian. Minerva đang đi theo hướng ngược lại: những sinh viên xuất sắc nhất có thời gian để học và có khả năng đi bất cứ đâu.

Nelson đưa tôi đến một văn phòng để theo dõi một lớp học. Khi tiết học về “Giao tiếp đa phương thức” bắt đầu, hình ảnh của các sinh viên xuất hiện trên màn hình. Lớp học diễn ra theo thời gian thực và không có nhiều hơn 19 sinh viên – đây là quy mô của một hội thảo chuyên đề ở hầu hết các trường đại học (ngoại trừ việc một hội nghị chuyên đề ở trường đại học sẽ có không khí của sự thân thuộc). Lớp học trực tuyến này có một cảm giác xa lạ kỳ cục, mặc dù hầu hết các sinh viên đều đang ở trong căn hộ của mình, chỉ cách đó một dặm.

Mặc dù vậy, những cuộc thảo luận trong lớp dài 80 phút diễn ra nhanh chóng. Sinh viên phải luôn sẵn sàng cho việc bị giáo sư gọi tên bất kỳ lúc nào. Họ không thể lướt Facebook trên một màn hình khác. Tất cả mọi thứ trong lớp đều được ghi lại, vì vậy sinh viên và giáo sư có thể ghi chú thời điểm họ muốn xem xét lại sau này.

Những sinh viên đầu tiên của Minerva ghi danh vào mùa thu năm 2014. Một vài tuần sau khi kỳ học bắt đầu, các sinh viên có chuyến đi thực tế đến tham quan Đại học Stanford ở gần đó. Khuôn viên Palo Alto rộng 8.000 mẫu có lẽ là ví dụ điển hình nhất cho việc một trường đại học đã nâng tầm vị trí địa lý của nó trên bản đồ để giúp sinh viên của mình bắt đầu sự nghiệp. Nó nằm

chính giữa trung tâm công nghệ Thung lũng Silicon, ngay gần đó là một số công ty công nghệ lớn nhất và được công nhận trên toàn thế giới, đa phần đều do các khoa đào tạo và sinh viên Stanford khởi dựng: Google, eBay, Netflix, Yahoo!, Hewlett-Packard, LinkedIn và Pandora.

Khi những sinh viên Minerva lang thang trong khuôn viên Stanford với những tòa nhà thấp lát gạch đỏ, một số nhân viên tại trường đại học khởi nghiệp này tự hỏi rằng liệu có sinh viên nào của họ sẽ muốn quay trở lại sau khi đã khám phá một trường đại học thực tế hay không. Tuy nhiên sau một vài giờ đồng hồ, tất cả họ đều lên xe buýt trở về San Francisco để chuẩn bị cho lớp học trực tuyến tiếp theo. Một năm sau đó, khi Stanford chào đón những tân sinh viên đến học tại Palo Alto lần thứ 130, thì nhóm sinh viên Minerva này đã chuyển đến thành phố tiếp theo, Buenos Aires.

Tất nhiên, những trường đại học lâu đời không thể chọn và di chuyển mỗi năm như Minerva. Hầu hết các trường đại học được xây dựng trong những kỷ nguyên khác nhau, khi việc mở rộng về mặt địa lý được coi là một tài sản, vì nó tạo cơ hội cho sinh viên được dễ dàng tiếp cận dù họ có sống ở đâu. Ngày nay, việc đi lại và giao tiếp khá đơn giản, việc theo học ở một trường đại học ngay gần nơi sinh sống không còn quan trọng bằng việc được học ở một địa điểm năng động với nhiều cơ hội tích lũy kinh nghiệm thực tế.

Nếu bạn đã chắc chắn về điều mà mình muốn làm trong cuộc đời, hãy tìm kiếm các thành phố có những chuyên gia hoặc người sở hữu kỹ năng mà bạn mong muốn, sau đó đi học hoặc thực tập ở đó. Như Minerva đã cố gắng thể hiện rằng, trong thế kỷ XXI, bạn có thể học ở bất kỳ đâu, nhưng bạn không thể ứng dụng những kiến thức đó ở mọi nơi.

Chương 5

KIẾN THỨC THỰC TẾ CHO MỘT CÔNG VIỆC

“Nói với tôi và tôi sẽ quên; chỉ bảo tôi và tôi sẽ nhớ; cho tôi tham gia và tôi sẽ học”

– **Tuân Tử, Nhà hiền triết Nho giáo**

Rất ít người thích thú với việc ngồi trong lớp lắng nghe giáo viên giảng bài một cách đều đều suốt vài giờ đồng hồ. Chúng ta thích học hỏi bằng cách làm thực tế. Khi chúng ta còn bé, cha mẹ không dạy chúng ta việc cầm dao nĩa bằng cách trình chiếu một bài giảng PowerPoint. Kiến thức của chúng ta được tích lũy qua việc chúng ta làm. Rồi chúng ta bắt đầu đi học, và trong 15 năm sau đó, gần như chúng ta bị giam cầm trong lớp học.

Kiểu học vẹt đó đã khiến Herman Schneider thất vọng. Năm 1885, ông tốt nghiệp Đại học Lehigh ở Bethlehem, Pennsylvania, sau đó thành lập một đơn vị thực hành kỹ sư ở thị trấn. Ông đã thuê những sinh viên tốt nghiệp từ chính ngôi trường của mình và những trường kỹ thuật khác để phục vụ ngành công nghiệp sắt địa phương đang phát triển mạnh mẽ. Nhiều nhân viên mới không hoàn thành tốt công việc. Mặc dù học hành giỏi giang, nhưng họ không thể vận dụng được những điều mình học vào công việc. Vấn đề này đã thu hút sự quan tâm của Schneider, và một vài năm sau, khi được đề nghị giảng dạy ở trường Lehigh, ông đã nắm lấy cơ hội để thử nghiệm một ý tưởng: sinh viên sẽ làm việc trong những nhà máy công nghiệp để kiếm tiền chi trả học phí và coi đó là một phần trong chương trình học chính thức.

Tuy nhiên, những nhà quản lý ở Lehigh lại cho rằng đề xuất của Schneider là bất khả thi. Đối với họ, công việc tại các nhà máy địa

phương là những công việc tay chân và bán thủ, trong khi nhiệm vụ của đại học là giáo dục đời sống trí tuệ của sinh viên. Vì vậy, Schneider đã rời Lehigh và chuyển đến Pittsburgh, nơi mà nhà tư bản công nghiệp Andrew Carnegie đã bắt tay xây dựng Trường Kỹ thuật Carneige (sau này được đổi tên là Đại học Carnegie Mellon).

Carnegie đã sử dụng khoảng 13 triệu đô-la để xây dựng những cửa hàng công nghiệp tại trường đại học, nơi mà sinh viên có thể thực hành kỹ năng của mình. Dù là một sự cải thiện đáng kể, nhưng đây vẫn không phải là môi trường làm việc thực tế mà Schneider đã tưởng tượng, vì vậy ông lại thu dọn hành lý và lần này chuyển đến Đại học Cincinnati, nơi mà ông được mời đảm nhận vị trí hướng dẫn kỹ thuật. Cuối cùng, Carnegie đã thuyết phục đồng nghiệp của mình rằng bằng cử nhân cần bao gồm những kinh nghiệm làm việc nghiêm túc.

Đó là năm 1906, và chương trình đã đánh dấu sự ra đời của thứ mà sau đó được biết đến như “nền giáo dục hợp tác” tại Mỹ. Sự kiên định của Schneider đã giúp những trợ giảng trong kỷ nguyên hiện đại được học hỏi bằng cách thực hành. Trong những thập kỷ sau đó, việc học tập qua những hoạt động thực hành đã được phổ biến rộng rãi trên toàn bộ hệ thống giáo dục của Mỹ, mặc dù chưa bao giờ đạt đến giới hạn và quy mô như những đất nước ở Châu Âu, như Đức và Thụy Sĩ.

Thực tế là, những trường cao đẳng và đại học Mỹ ngày nay vẫn tiếp tục có những thành kiến về sự kết hợp giáo dục với những kinh nghiệm làm việc liên quan. Hai phương thức tiếp cận đã cạnh tranh trong các trường đại học từ rất lâu. Không có gì sai khi bạn đến trường đại học vì mục đích học tập, nhưng nếu muốn tìm được một công việc tốt sau khi tốt nghiệp, bạn cần phải tìm hãm sự lôi kéo của những ngôi trường chỉ muốn bạn tập trung duy nhất vào việc phát triển trí tuệ. Nền giáo dục đại học tốt nhất tiếp cận theo hướng phát triển song song cả trí tuệ và kỹ năng.

Phương thức tiếp cận thực hành đến từ nhiều hình thức, từ nhiều chương trình thực tập cho đến học nghề hợp tác, gần đây là những không gian cộng đồng chia sẻ. Và trong chương này, chúng ta sẽ kiểm chứng xem những hoạt động này quan trọng như thế nào đối với sự thành công của một người trưởng thành.

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NHỮNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC TẬP THÀNH MỘT CÔNG CỤ TUYỂN DỤNG DOANH NGHIỆP

Hình thức trải nghiệm giáo dục thực tiễn mà hầu hết chúng ta

đều quen thuộc là thực tập. Hình thức này được hình thành từ sau Thế chiến I bởi các trường y khoa, nó giống như một giai đoạn đào tạo bổ sung cho các bác sỹ sau khi họ hoàn thành bằng cử nhân và chờ được cấp giấy phép hành nghề. Vào những năm 1960, các ngành nghề ngoài y khoa bắt đầu thực hiện chương trình thực tập, nhưng hình thức này không thực sự được phổ biến rộng rãi cho đến những năm 1980.

Năm 1994, khi tôi thực tập tại US News & World Report ở Washington sau năm đầu đại học, những chương trình thực tập đã trở thành một nghi thức để đạt được tấm bằng cử nhân. Mỗi ngày, tôi nhảy lên tàu điện ngầm cùng các thực tập sinh mà tôi sống cùng trong mùa hè đó, những người hướng đến những địa chỉ nghe thật danh giá, từ văn phòng quốc hội ở Capitol Hill đến Học viện Smithsonian.

Nhưng không giống những sinh viên ngày nay, chúng tôi không coi kỳ thực tập của mình như một ô trống cần phải tích vào trên con đường đại học, hoặc là một nỗ lực hết mình để tìm được một công việc chính thức trong khu trung tâm. Chúng tôi đã đăng ký tham dự những kỳ thực tập từ vài tháng trước đó, và chúng tôi đã rất hạnh phúc khi được dành mùa hè của mình ở Washington với một công việc không yêu cầu mặc đồng phục hay lật những chiếc bánh kẹp để được trả mức lương tối thiểu. Chắc chắn những chương trình thực tập sẽ mang đến một nội dung cần thiết cho bản hồ sơ cá nhân trống trải, nhưng thực tế khá ít người biết được điều mà mình muốn làm trong cuộc đời và những công việc trong mùa hè đó thực ra lại không mấy quan trọng cho việc tìm được một công việc sau khi tốt nghiệp.

Trong thập kỷ tiếp theo, quy tắc tuyển dụng đã thay đổi, khi cuộc chiến để có được những người tài bắt đầu dịch chuyển với một vận tốc đáng báo động. Những ngày này, có lẽ không gì có thể minh họa sự thay đổi lớn lao trong cách sinh viên tốt nghiệp bắt đầu sự nghiệp của họ hơn vai trò của những kỳ thực tập – một trải nghiệm được coi là điều tất nhiên vào 20 năm trước đây.

Vào một buổi tối đầu tháng 11, khách sạn Inn nằm cạnh khuôn viên Đại học Pennsylvania vẫn náo nhiệt với các hoạt động. Mặc dù một vài nhà tuyển dụng vẫn đang phỏng vấn các sinh viên năm cuối cho những vị trí công việc chính thức, nhưng một số công ty khác lại tập trung vào việc tuyển dụng thực tập sinh cho mùa hè năm sau.

Sự kiện chính là buổi thuyết trình của ngân hàng đầu tư Goldman

Sachs ở Phố Wall. Có khoảng 150 sinh viên đã có mặt tại phòng hội thảo trên tầng hai, hầu hết đều khoác lên mình những bộ suit cùng những chiếc ba lô thương hiệu Under Armour và North Face trên vai.

Trên mỗi chiếc bàn đặt dọc căn phòng là bản mô tả dài khoảng một trang về những sự kiện tuyển dụng thực tập sinh của Goldman, cùng với thời hạn đăng ký và lịch phỏng vấn. Lúc đó đã là quá muộn để bạn tìm một kỳ thực tập trong lĩnh vực công nghệ; hầu hết những cuộc phỏng vấn khác sẽ diễn ra vào tháng 1. Goldman Sachs tổ chức những sự kiện như thế này tại 16 trường đại học trên cả nước, gửi đến một thông điệp rõ ràng (nhưng không được tuyên bố) rằng: nếu không theo học một trong những trường đại học này, bạn sẽ không có cơ hội thực tập tại Goldman Sachs.

Lauren Goldberg, người tuyển dụng từ Goldman Sachs, nháy lên sân khấu chào đón nhóm sinh viên. Vì rất ít trong số những người tập trung tại đây có cơ hội nhận được một lời mời làm việc (khoảng 59.000 sinh viên ứng tuyển vào 2.900 vị trí thực tập mỗi năm), những lời động viên của cô ấy khá hữu dụng. Cô ấy nói về những người tham gia vào quy trình tuyển dụng, từ quản lý phụ trách quan hệ với các trường đại học (chính là cô ấy), tới đại sứ trường đại học và đội trưởng của các nhóm trong trường. Cô ấy khuyến khích sinh viên tham dự càng nhiều sự kiện tuyển dụng càng tốt để mở rộng mạng lưới.

“Hãy cố gắng liên kết với nhiều người nhất có thể,” Goldberg nói. “Nhưng đừng gửi quá nhiều email.”

Cô ấy mời lên sân khấu một vài cựu thực tập sinh để đưa ra lời khuyên. “Hãy tạo ra sự khác biệt cho bản thân,” những cựu thực tập sinh nói, “và tìm ra điều gì đó thú vị giúp bạn trở nên khác biệt. Hãy tạo ra dấu ấn. Và nếu bạn gặp trở ngại, hội sinh viên Penn⁴ sẽ luôn sẵn sàng hỗ trợ.” Khi Goldberg khuyến khích các sinh viên tải ứng dụng tuyển dụng của công ty có tên “Make an Impact”, gần như tất cả mọi người xung quanh tôi ngay lập tức lôi điện thoại ra. Tôi cũng tải ứng dụng đó. Màn hình chào mừng xuất hiện: “Ứng dụng này được thiết kế để chuẩn bị cho bạn về quy trình tuyển dụng. Đây là bảng đo sức ảnh hưởng của bạn.”

4 Ý chỉ Đại học Pennsylvania.

Tất cả những điều này – chỉ cho một kỳ thực tập mùa hè.

Sau 45 phút, buổi thuyết trình kết thúc. Một nhóm nhỏ sinh viên túm tụm quanh chiếc bàn ở cuối phòng, nhâm nhi chút đồ ăn còn lại. Khi nói chuyện với họ, tôi được biết họ là những sinh viên năm hai, đến đây để tích lũy thông tin và chuẩn bị cho năm tiếp theo. Một người tên là Victor nói với tôi rằng cậu ấy vừa chuyển sang từ Đại học Chicago vì nó “quá học thuật”. Cậu ấy cho rằng “Penn nổi tiếng với việc tìm được một công việc tốt.” Victor và bạn bè của cậu ấy gần như mới chỉ đi qua một phần tư hành trình đại học, nhưng họ đã cố gắng tìm cách để có thể làm được điều thử thách hơn. Là sinh viên năm hai, họ hiểu được rằng một công việc tốt sau khi tốt nghiệp phần nhiều phụ thuộc đầu tiên vào những công việc thực tập đúng đắn trong thời đại học.

Những kỳ thực tập bây giờ đã trở thành một bánh răng quan trọng trong hệ thống tuyển dụng của các công ty nằm trong danh sách Fortune 500 cũng như nhiều công ty nhỏ hơn. Ngày nay, số lượng nhân viên toàn thời gian được tuyển dụng bằng 50% số thực tập sinh làm việc trước khi tốt nghiệp, dựa theo số liệu của Viện Nghiên cứu Việc làm Sinh viên thuộc Đại học Bang Michigan; tại những công ty lớn hơn (có hơn 10.000 nhân viên) và trong một số ngành công nghiệp (xây dựng, tư vấn, kế toán và dịch vụ khoa học), tỷ lệ thực tập sinh nhận được lời mời làm việc chính thức tăng lên mỗi năm và con số đó gần đạt đến 75% tại một số công ty.

Chẳng có công ty nào muốn trở thành công ty chính thức đầu tiên với những sinh viên mới tốt nghiệp mà chưa bao giờ đi làm hoặc chưa bao giờ thực tập ở bất kỳ đâu.

Kết quả là, cuộc đua để tuyển chọn được những thực tập sinh xuất sắc nhất trong các năm đầu đại học cho những vị trí chính thức sau này đã trở nên phổ biến trong tất cả các công ty ở mọi quy mô và mọi lĩnh vực. Và điều đó có nghĩa là việc tìm một công việc thực tập vào mùa hè với tư cách là một sinh viên không giống như việc tìm một công việc làm thêm vào mùa hè như lúc là một học sinh trung học. Nói cách khác, đừng kỳ vọng về việc tìm được một kỳ thực tập tuyệt vời nếu bạn chờ đến khi sắp kết thúc năm học. Thời điểm tuyển dụng cao điểm nhất của các chương trình thực tập là tháng 2 và tháng 3.

Tầm quan trọng của kỳ thực tập này đã lật ngược lại lịch tuyển dụng truyền thống tại các trường đại học (không chỉ ở các trường đại học ưu tú). Với thực tế là ngày càng có nhiều công ty tuyển dụng từ tổ hợp thực tập sinh của họ, các nhà tuyển dụng đã chuyển sự tập trung của họ từ việc tuyển những sinh viên năm

cưỡi sắp tốt nghiệp vào các vị trí chính thức, sang việc tìm kiếm những sinh viên năm ba – thậm chí là ngay khi kỳ học mùa thu bắt đầu để họ có thể tham gia thực tập vào mùa hè năm sau đó.

“Có những thời điểm mà 50 công ty tìm đến để tuyển dụng thực tập sinh,” Patricia Rose, giám đốc Trung tâm Hướng nghiệp của Đại học Pennsylvania, nói với tôi. “Hiện tại chúng tôi có tới 180 công ty. Họ muốn tranh giành nhân tài trước những công ty khác.”

Không ở đâu có nhiều ví dụ về thực tế này hơn là Thung lũng Silicon ở California. Mỗi mùa hè, có hàng ngàn sinh viên tìm đến thánh địa công nghệ này để thực tập tại những công ty khởi nghiệp và những công ty nằm trong top Fortune 100. Trong ba tháng đó, các công ty này sẽ tìm kiếm những sinh viên xuất sắc nhất trong tổ hợp thực tập sinh này (cũng như sinh viên ở những công ty khác) và đặt lên họ một sự áp lực để cam kết làm việc vô thời hạn sau khi tốt nghiệp.

Vào một ngày nào đó, từ San Francisco đến San Jose đều có các công ty tổ chức những sự kiện thực tập, với quy mô của một buổi thiết lập mối quan hệ đơn giản cho đến những bữa tiệc thịnh soạn. Facebook tài trợ sự kiện nổi tiếng nhất của mùa hè – ngày hội chỉ dành cho thực tập sinh. Những sự kiện như vậy từng chỉ dành cho những thực tập sinh năm hai trong ngành luật và kinh doanh, bây giờ đã được mở rộng cho những sinh viên theo học những chuyên ngành đang thiếu thốn nhân tài.

Trước khi phụ trách công tác tuyển dụng tại Pinterest, Adam Ward đã làm việc cho Facebook. Đó là nơi đã phát hiện ra rằng các công ty đang tuyển dụng nhiều thực tập sinh hơn cho các vị trí chính thức toàn thời gian. Facebook đã tìm kiếm dữ liệu về kết quả làm việc của nhân viên và đi đến một kết luận đáng ngạc nhiên, đó là: kết quả làm việc của nhân viên không liên quan gì đến việc họ học đại học ở đâu. Đặc điểm chung giữa những nhân viên xuất sắc nhất của công ty? Họ đều đã từng thực tập tại Facebook. Điều đó đã khiến gã khổng lồ trong lĩnh vực mạng xã hội bắt đầu tuyển dụng nhiều thực tập sinh hơn, và bây giờ công ty đã chuyển hơn một nửa lớp thực tập sinh mỗi năm thành những nhân viên chính thức.

Ward cũng có một mục tiêu tương tự ở Pinterest, nơi mà khoảng 1/3 số thực tập sinh được tuyển dụng vào những vị trí chính thức. “Đó thực sự là một phương án tuyển dụng thông minh,” ông nói với tôi. “Đó chính là việc bạn dùng thử trước khi mua một thứ gì

đó.”

Khi LinkedIn phân tích hồ sơ trực tuyến của 300 triệu thành viên để xác định xem các công ty ở lĩnh vực nào thường tuyển dụng những thực tập sinh trước đây cho vị trí nhân viên chính thức, họ đã tìm ra sự khác biệt to lớn giữa các ngành nghề. Gần 60% thực tập sinh cho công việc kế toán được tuyển dụng vào vị trí chính thức tại chính công ty đó trong vòng một năm sau chương trình thực tập, trong khi đó con số này chỉ là 25% trong ngành may mặc và thời trang.

Thực tập ngày càng trở thành con đường duy nhất để ứng viên có thể bước vào cánh cửa của một số công ty. Các vị trí thực tập bây giờ đang chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng số các vị trí mở cho các sinh viên mới tốt nghiệp trong một số lĩnh vực, bao gồm kỹ sư, thiết kế đồ họa, truyền thông, marketing và công nghệ thông tin.

“Nếu bạn đã xác định sẵn trong đầu một công việc cụ thể sau khi tốt nghiệp, bạn sẽ không thể dành hai mùa hè đầu tiên trong thời đại học để làm công việc cứu hộ hoặc tư vấn trại hè nữa,” Matther Sigelman, giám đốc điều hành của Burning Glass Technologies, công ty cung cấp dữ liệu thực tế về thị trường lao động và đã nghiên cứu về các vị trí thực tập, nói. “Những công việc mùa hè phổ biến đó không thể định vị cho bạn về công việc sau khi tốt nghiệp.”

Kỳ thực tập mùa hè truyền thống chỉ bao gồm công việc pha cà phê và photo tài liệu, nhưng bây giờ không còn như vậy nữa. Ở nhiều công ty, thực tập sinh phải làm những công việc thực sự, và các nhà tuyển dụng kỳ vọng thực tập sinh sẽ bắt đầu công việc với những kỹ năng cụ thể mà họ tự trang bị cho mình. Sinh viên thực tập trong lĩnh vực công nghệ được kỳ vọng là đã có những hiểu biết về ngôn ngữ lập trình như SQL và Java; thực tập sinh ngành thiết kế cần phải thành thạo Photoshop và InDesign; và về cơ bản, mọi thực tập sinh cần phải biết làm thế nào để xử lý một trang dữ liệu Excel.

“Mỗi tin tuyển dụng đều đưa ra một danh sách những sự kỳ vọng, và nó nói với chúng ta rằng ngay cả những vị trí thực tập cũng yêu cầu những kỹ năng thật sự chuyên môn,” Sigelman nói với tôi. “Điều này đòi hỏi sinh viên phải tự học thêm, ngoài những chương trình học tập căn bản ở trường đại học.”

Ngay từ những ngày đầu học đại học, bạn phải tìm kiếm những

chương trình thực tập và tham gia càng nhiều càng tốt trước khi tốt nghiệp. Yếu tố này cần được cân nhắc khi bạn đưa ra quyết định về vị trí của trường đại học, vì bạn sẽ muốn một sự linh hoạt để có thể sắp xếp những kỳ thực tập xen kẽ trong lịch học cả năm.

Có một tầm quan trọng tương đương là sự liên kết giữa các chương trình thực tập. Mỗi trải nghiệm từ một kỳ thực tập cần được xây dựng dựa trên kỳ thực tập trước đó. Mùa hè đầu tiên của thời đại học là thời điểm tốt để thử nghiệm một lĩnh vực trước khi xác định chuyên ngành bạn sẽ theo học trong những năm tiếp theo. Kỳ thực tập sau năm thứ hai nên tập trung vào việc bạn muốn làm sau khi tốt nghiệp và định hướng cho bạn về kỳ thực tập cuối cùng trước khi bước vào năm học cuối. Với thực tế là các công ty thường tuyển dụng nhiều hơn từ tổ hợp thực tập sinh của họ, nên có lẽ kỳ thực tập cuối cùng trước khi tốt nghiệp là quan trọng nhất.

Nói một cách khác, nếu bạn mong muốn được làm việc tại Google, thì bạn nên thực tập tại đó trong vòng một năm trước khi tốt nghiệp.

NHỮNG CÔNG VIỆC KHÔNG LƯƠNG: NHỮNG CHƯƠNG TRÌNH THỰC TẬP KHÔNG TRẢ LƯƠNG CÓ XỨNG ĐÁNG VỚI CHI PHÍ BỎ RA KHÔNG?

Một kỳ thực tập có thể mang lại cho bạn nhiều điều hơn là chỉ giúp bạn tìm được công việc đầu tiên; có bằng chứng cho thấy nó có thể mang đến thành công cho cả cuộc đời. Một khảo sát vào năm 2014 của Gallup với sự tham gia của hơn 30.000 sinh viên tốt nghiệp đại học đã chỉ ra rằng: những người đã tham gia một chương trình thực tập hoặc làm một công việc cho phép họ vận dụng những điều đã học có xu hướng gắn kết với cuộc sống và công việc gấp hai lần.

Vấn đề là chỉ có 1/3 số sinh viên tốt nghiệp đại học nói rằng họ đã tham gia thực tập hoặc tích lũy được những kinh nghiệm làm việc thực tế trong thời đại học. Trong khi kỳ thực tập đã chuyển từ một điều “nếu có thì tốt” trong hồ sơ xin việc thành một “yếu tố quan trọng”, thì các trường đại học và cao đẳng ít khi nhìn nhận theo cách đó. Ít trường đại học coi các kỳ thực tập như một yêu cầu để hoàn thành một chứng chỉ chính thức, hoặc nỗ lực giúp đỡ sinh viên trong việc tham gia thực tập, những việc cần thiết hơn là chỉ đăng tuyển các vị trí thực tập trên trang web hoặc tại trung tâm hướng nghiệp. Những sinh viên tôi đã phỏng vấn nói rằng họ tìm được những chương trình thực tập thông qua các mối liên lạc với

bạn học cùng lớp, bằng việc tham gia các câu lạc bộ hoặc hoạt động tại trường. Nếu muốn giành được những vị trí thực tập tốt nhất, bạn phải nghiên cứu các cơ hội từ sớm, giống như bạn sinh viên năm hai tôi đã gặp ở Penn.

Chọn được những kỳ thực tập đúng đắn có thể là quyết định quan trọng nhất bạn đưa ra trong thời đại học. Như Lauren Rivera viết trong cuốn sách mang tên *Pedigree: How Elite Students Get Elite Jobs* (tạm dịch: Phả hệ: Những sinh viên ưu tú tìm được những công việc ưu tú như thế nào), kỳ thực tập tại những tổ chức tên tuổi có tầm quan trọng tương đương với việc được nhận vào những trường đại học chọn lọc. Một kỳ thực tập ưu tú “là một tín hiệu cho thấy những ứng viên đã vượt qua một quá trình sàng lọc khắt khe, và như vậy có xu hướng sở hữu những kỹ năng tư duy và xã hội xuất sắc,” Rivera viết.

Đối với một số chuyên ngành, những kinh nghiệm thực tập còn có giá trị hơn cả một tấm bằng. Đó là điều mà Laura Fiedelman khám phá ra sau khi chuyển đổi chuyên ngành từ nghệ thuật lịch sử sang quan hệ công chúng trong năm thứ hai ở Đại học Texas. “Không ai quan tâm xem bạn có bao nhiêu tấm bằng trong lĩnh vực quan hệ công chúng,” Laura nói. “Vì vậy tôi phải cố gắng tích lũy nhiều kinh nghiệm thực tập nhất có thể.”

Mặc dù bắt đầu muộn, nhưng Laura đã tham gia ba kỳ thực tập tính đến lúc tốt nghiệp, mỗi kinh nghiệm đều được xây dựng dựa trên kinh nghiệm trước đó. Tổng hợp lại, chúng mang tới cho Laura sự trải nghiệm về công việc mà cô ấy có thể tìm kiếm sau khi tốt nghiệp.

Nhưng kể cả với những chương trình thực tập đó, Laura vẫn phải rời trường đại học mà không tìm được một công việc chính thức. Đó là thời điểm mà cô ấy đã đưa ra một quyết định quan trọng cho tương lai của mình: thay vì quay về nhà với cha mẹ ở Houston, cô ấy đã chuyển đến New Orleans và làm một công việc thực tập không lương tại một công ty quan hệ công chúng nhỏ. Để hỗ trợ cho bản thân, cô ấy làm thêm công việc bán thời gian tại một cửa hàng đồ ăn nhanh.

“Bạn phải vô cùng mong muốn đạt được nó,” Laura nói về việc theo đuổi một sự nghiệp sau khi tốt nghiệp. “Tôi đã làm việc 30 giờ đồng hồ tại công ty quan hệ công chúng, dù họ chỉ yêu cầu chúng tôi làm 20 giờ. Và rồi tôi đi cuộn bánh pita trong 30 giờ nữa. Hạn chót vào ngày thứ Sáu sẽ là ngày thứ Tư với tôi. Tôi luôn hứa hẹn ít hơn và hoàn thành tốt hơn.”

Một vài tháng sau đó, Laura đã có thể biến kỳ thực tập đó thành một lời đề nghị làm việc toàn thời gian. Nhưng nhiều người bạn cùng lớp của Laura không được may mắn như vậy. “Một trong số những người bạn thân thiết nhất của tôi có những món nợ sinh viên nên cô ấy cần có một công việc,” Laura nói với tôi. “Bây giờ thì cô ấy làm việc ở vị trí tiếp tân tại một bệnh viện.”

Laura có một lợi thế so với nhiều người bạn cùng lớp của mình: cô ấy không có một khoản nợ sinh viên nào cả. Cô ấy có thể xoay sở để tham gia một chương trình thực tập không lương sau khi tốt nghiệp, trong khi 60% số sinh viên tốt nghiệp (những người mang theo những khoản nợ) thì không thể.

Thật không may cho những sinh viên mang theo gánh nặng về các khoản nợ, số lượng những kỳ thực tập không lương đang tăng lên một cách đáng kể trong những năm gần đây, vì đa phần các ngành công nghiệp đều muốn tìm kiếm lao động miễn phí trong nền kinh tế ảm đạm này. Các trường đại học đã “a dua” theo sự tăng trưởng của những công việc không lương, vì các nhà tuyển dụng của những vị trí thực tập không lương thường yêu cầu họ hoàn thành tín chỉ học tập trước khi được tuyển dụng. Vì vậy không chỉ những thực tập sinh này không được trả lương, mà họ còn bắt buộc phải chi trả học phí hàng ngàn đô-la để đảm bảo rằng mình sẽ hoàn thành bằng cấp.

Trong khi nhiều sinh viên cảm thấy mình cần phải tham gia các khóa thực tập không lương để làm đẹp bản hồ sơ cá nhân, thực tế là không phải tất cả những kinh nghiệm miễn phí đều được đền đáp như điều đã xảy ra với Laura. Theo như khảo sát được thực hiện bởi Hội liên hiệp Quốc gia các Trường đại học, Nhà tuyển dụng và Thực tập sinh Bridge Inc, những chương trình thực tập không lương hiếm khi mang đến cho sinh viên một sự gia tăng vị thế trong thị trường việc làm. Các sinh viên năm cuối từng trải qua công việc thực tập được trả lương có khả năng nhận được một công việc sau khi tốt nghiệp cao hơn khoảng hai lần so với những người tham gia vào các chương trình thực tập không lương. Thậm chí điều đáng ngạc nhiên hơn là: số lượng những sinh viên tham gia thực tập không lương và sau đó nhận được một công việc gần như tương đương với số lượng những sinh viên chưa bao giờ thực tập trong thời đại học.

Vậy vì sao Laura lại thành công với một vị trí thực tập không lương? Cô ấy đã nghiên cứu về chương trình thực tập và khám phá ra hai điểm then chốt về nó. Laura chắc chắn rằng mình sẽ không chỉ làm những công việc lật vật, và cô ấy khẳng định rằng

những thực tập sinh đã từng làm việc ở đó trước đây đã nhanh chóng được tuyển dụng vào các công việc được trả lương. Cả hai điều này đều có giá trị với khía cạnh quan trọng nhất của một kỳ thực tập: liệu nó có được đền đáp bằng một công việc thực sự vào một ngày nào đó không?

Quá nhiều sinh viên mới tốt nghiệp gần đây tham gia vào các chương trình thực tập (nên được gọi là những công việc tạm thời) mà không bao giờ mang lại những lời đề nghị làm việc hoặc chỉ mang đến thêm những kỳ thực tập. Sự rủi ro của việc tham gia quá nhiều chương trình thực tập sau đại học là bạn sẽ mãi chỉ là một thực tập sinh, hay còn được gọi là những người suốt đời chỉ làm việc không công vì không thể tìm thấy một công việc được trả lương, và sẽ không bao giờ tìm ra con đường sự nghiệp của bản thân.

CÁC CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC: CHUYỂN GIAO KIẾN THỨC GIỮA HỌC VÀ LÀM

Khi Herman Schneider bắt đầu chương trình hợp tác đầu tiên ở Đại học Cincinnati, có 26 sinh viên ghi danh. Năm sau đó, có 800 sinh viên ứng tuyển. Trong vòng một vài năm, Đại học Northeastern ở Boston đã sao chép ý tưởng này. Schneider nghĩ rằng mình đã bắt đầu một cuộc cách mạng trong nền giáo dục bậc cao của Mỹ.

Tuy nhiên hơn một thế kỷ sau đó, ý tưởng của ông vẫn được coi là một điều mới lạ, chỉ được giới hạn trong một số trường đại học, bao gồm Cincinnati và Northeastern, cũng như Đại học Drexel và Georgia Tech. Sự phản đối tương tự mà Schneider phải đối diện trong những năm 1900 vẫn tồn tại cho đến ngày nay: các thành viên của các khoa giảng dạy tin tưởng rằng nhiệm vụ của trường đại học là giáo dục tổng quát cho sinh viên, và họ vẫn nghi ngờ sâu sắc về bất kỳ sự gợi ý nào liên quan đến đào tạo nghề.

Mặc dù sinh viên và phụ huynh thường nghĩ rằng các chương trình hợp tác và thực tập là giống nhau, nhưng thực tế không phải vậy. Trong khi thực tập là một hoạt động bổ sung vào một tấm bằng, thì chương trình hợp tác là một phần của trải nghiệm học đại học, chiếm khoảng 1/3 đến gần một nửa thời gian học đại học của sinh viên, có thể tại bất kỳ thời điểm nào. Đó là những công việc được trả lương nên thường yêu cầu sinh viên đảm nhận nhiều công việc quan trọng hơn, họ phải làm việc toàn thời gian nhưng không được tách ra với lịch trình môn học. Đây là những kinh nghiệm với cường độ lớn, kết hợp những kiến thức trong lớp

học với những nội dung đào tạo thực tế.

So với chương trình thực tập, các chương trình hợp tác mang tính thực tế nhiều hơn, đó là cơ hội tốt cho sinh viên còn chưa chắc chắn về chuyên ngành của họ hoặc muốn thử nghiệm các lựa chọn nghề nghiệp.

Khi Jason Wong bắt đầu năm học đầu tiên tại Đại học Northeastern, cậu ấy đã đăng ký vào trường y. Tuy nhiên, trong vòng một vài tháng, cậu ấy bắt đầu tự hỏi bản thân liệu ngành sinh học có hợp với mình hơn không. Chuyên gia tư vấn đã gợi ý rằng sau năm học đầu, cậu ấy nên đăng ký chương trình hợp tác có thể mang đến những kinh nghiệm kết hợp để sau đó quyết định về chuyên ngành của mình.

Jason đã tham gia chương trình hợp tác tại Bệnh viện Tai và Mắt Massachusetts. Trong vòng sáu tháng, cậu ấy không đi học hay trả học phí, thay vào đó là dành toàn bộ thời gian để kiểm tra 13 đô-la mỗi giờ. Vào buổi sáng, cậu ấy kiểm tra tai của những em bé mới sinh, và dành thời gian trong buổi chiều để xử lý giấy giới thiệu cho bệnh nhân, cả hai đều là công việc nghiêm túc với một sinh viên đại học năm hai. Chỉ sau một vài tuần, "Tôi quyết định rằng mình không muốn điều trị bệnh nhân," Jason nói với tôi.

Cậu ấy đã chuyển sang ngành khoa học sức khỏe. Ở hầu hết các trường, Jason có thể không nhận ra rằng mình đã chọn nhầm chuyên ngành cho đến rất lâu sau đó. Chương trình hợp tác thứ hai mà Jason tham gia là ở Trung tâm Y tế Boston, đào tạo các bác sĩ lâm sàng về một hệ thống máy tính mới. Khi chương trình hợp tác kết thúc, bệnh viện đã đề nghị cậu ấy ở lại, và sang năm tiếp theo, cậu ấy đã nhận một công việc toàn thời gian trong khi hoàn thành chương trình học ở Northeastern. Một tháng sau khi tốt nghiệp, trong khi nhiều bạn bè từ thời trung học đã đi học ở những nơi khác, vẫn đang tìm việc hoặc làm những công việc thời vụ như nhân viên pha chế đồ uống và phục vụ bàn, thì Jason đã được thăng chức.

Đại học Northeastern đã tổ chức những chương trình hợp tác thành công nhất trên cả nước. Trong vòng bốn năm, sinh viên thường hoàn thành ít nhất hai chương trình hợp tác được trả lương kéo dài 4-6 tháng (hoặc ba chương trình nếu họ theo học bằng cử nhân 5 năm). Chương trình hợp tác lớn nhất thế giới thuộc về Đại học Waterloo ở Ontario, Canada, nơi mà gần một nửa trong số 30.000 sinh viên sẽ luân phiên dành những giai đoạn bốn tháng một tại trường và tại nơi làm việc.

Có thể bạn chưa từng nghe đến Đại học Waterloo, nhưng nó liên tục xuất hiện trong quá trình phỏng vấn của tôi với những CEO và các nhà đầu tư mạo hiểm tại Thung lũng Silicon. Đại học Waterloo như một nơi sản sinh ra một vài trong số những nhân viên xuất sắc nhất của họ và những ý tưởng cho các công ty khởi nghiệp. Thực tế là, chủ tịch của Y Combinator, một trong những nhà đầu tư có ảnh hưởng lớn nhất đối với các công ty công nghệ mới, đã tìm ra nguồn gốc của tám công ty khởi nghiệp thành công là từ Waterloo.

Nhờ có các chương trình hợp tác, sinh viên Waterloo được làm quen với việc cân bằng khoảng cách giữa môi trường lớp học và thế giới công việc, trong khi vẫn có thể trau chuốt và suy ngẫm về những điều họ học được từ cả hai nơi. Sự dịch chuyển qua lại giữa lý thuyết và thực hành giúp rèn luyện bộ não của sinh viên theo một cách khác với một giáo trình truyền thống vốn bị giới hạn nhiều với chương trình học trong trường. Đây cũng giống như phương pháp mà phần lớn các công ty thành công ngày nay theo đuổi để phát triển những sản phẩm mới. Họ thử nghiệm một ý tưởng với khách hàng, thực hiện những thay đổi nhỏ dựa trên sự phản hồi, và lặp lại quá trình cho đến khi hoàn thiện nó một cách hoàn hảo, thay vì dành hàng tháng, hàng năm trời bí mật làm một thứ gì đó mà chẳng ai muốn.

Một nhà tuyển dụng của Facebook nói với tôi rằng những sinh viên đến từ Waterloo trở nên sẵn sàng hơn vì những lý thuyết mà họ tiếp thu trong thời đại học đã được củng cố qua những công việc trong chương trình hợp tác.

“Có quá nhiều kỹ sư rất giỏi diễn giải lý thuyết, nhưng chưa bao giờ ứng dụng được những điều họ học vào một vấn đề thực tế,” nhà tuyển dụng nói. Một điều nữa là: những sinh viên tốt nghiệp Đại học Waterloo đã sở hữu những thói quen làm việc và tinh thần trách nhiệm – những điều thường thiếu ở những sinh viên chưa từng đi làm trước hoặc trong thời gian học đại học.

Các chương trình hợp tác tận dụng lợi thế của việc làm thế nào để chúng ta học được tốt nhất – trong những vấn đề nhỏ. Lịch trình của chương trình hợp tác sẽ phân đoạn quá trình học trong sự nghiệp của một sinh viên thành một chuỗi những bước chạy mà khi tập hợp lại với nhau, có thể bằng quãng đường của một tấm bảng, hơn là kỳ vọng về việc sinh viên chạy một mạch một chặng đường dài trong bốn năm.

Tuy nhiên, chỉ những kinh nghiệm làm việc (dù là qua chương

trình hợp tác hay thực tập) thôi là chưa đủ để giúp cho các sinh viên tốt nghiệp trở nên xuất sắc khi họ tham gia thị trường lao động. Những sinh viên tốt nghiệp đại học thành công nhất mà tôi tìm thấy là những người có thể chuyển đổi những điều họ học được trong một hoàn cảnh (ví dụ là lớp học) sang một hoàn cảnh vô cùng khác biệt với nơi mà họ đã học về khái niệm đó. Những nhà giáo dục gọi đây là “sự chuyển giao học hỏi” – khả năng tổng quát hóa những nguyên lý trọng tâm và ứng dụng nó vào những lĩnh vực khác nhau.

Khái niệm này nghe có vẻ đơn giản, nhưng các sinh viên ngày nay (luôn phải đối diện với áp lực chuẩn bị cho những bài kiểm tra chuẩn hóa) hiếm khi có cơ hội để học hỏi qua việc giải quyết vấn đề và tham gia vào những dự án giúp củng cố các kỹ năng có thể sử dụng trong nhiều hoàn cảnh. Khả năng lái bất kỳ chiếc xe ô tô nào trên thị trường mà không cần đọc hướng dẫn sử dụng là một ví dụ về học hỏi chuyển giao, cũng giống như khả năng giải quyết những phương trình toán học với bất kỳ con số nào một khi chúng ta học hiểu công thức cơ bản.

Sự chuyển giao kiến thức là điều giúp bạn được tuyển dụng, bởi nó là khả năng mà bạn thể hiện trong các buổi phỏng vấn, những điều bạn không dễ dàng thể hiện trên hồ sơ cá nhân hoặc trong đơn ứng tuyển.

Susan Ambrose đã minh họa tầm quan trọng của việc học hỏi chuyển giao bằng việc kể cho tôi nghe một câu chuyện về việc cô ấy đến Northeastern vào năm 2013. Ambrose là phó trưởng khoa giáo dục đại học và học hỏi thực hành. Bà ấy đang sắp xếp văn phòng của mình khi quyết định đi dạo quanh trường. Khi nhìn thấy một nhóm sinh viên giàu có đang đi cùng cha mẹ họ, bà ấy đã bắt chuyện. Một bậc phụ huynh đã hỏi về những trải nghiệm của chương trình hợp tác, và hướng dẫn đoàn đã nói về công việc của cậu ấy khi học cách sử dụng Microsoft Excel để thực hiện rất nhiều dự án.

Ambrose cảm thấy bối rối bởi câu trả lời đó và nói với người hướng dẫn đoàn rằng: “Excel là một công cụ để hoàn thành việc gì đó, nó không phải là điều cậu thật sự học.”

“Không, tôi đã học Excel,” cậu sinh viên nói.

“Cậu đang cố gắng để hiểu những mẫu dữ liệu, phải không? Cậu đang cố gắng tạo ra những hoàn cảnh khác nhau để tạo mẫu cho tương lai, phải không?” Ambrose tiếp tục hỏi. “Cậu đang tìm kiếm

xu hướng, phải không?”

“Đúng vậy, Excel,” cậu sinh viên trả lời một lần nữa, cảm thấy chút gì đó bối rối trước một loạt câu hỏi của Ambrose.

Ambrose sau đó nói với tôi rằng, chắc chắn cậu sinh viên kia đã tích lũy được một kỹ năng giá trị, nhưng điều mà cậu ấy chưa hiểu đó là làm thế nào để chuyển giao những khả năng cơ bản đó (trong trường hợp của cậu ấy là tạo ra một bảng tính) sang những hoạt động mà một ngày nào đó có thể được yêu cầu làm trong những công việc khác.

“Chuyển giao là một trong những điều khó khăn nhất đối với con người,” Ambrose nói.

Các sinh viên đại học thấy thật sự khó khăn để nắm bắt được khái niệm này, vì hầu hết việc học tập ở trường của họ được định hướng bởi một ai đó, ví dụ như cha mẹ và giáo viên, những người nói cho họ chính xác cách làm thế nào để chuyển giao kiến thức giữa những ý tưởng rời rạc. Tuy nhiên, việc học hỏi trong môi trường làm việc gần như là do bản thân tự định hướng.

Ambrose tiếp tục phỏng vấn hơn 100 sinh viên Đại học Northeastern như một phần nghiên cứu về kinh nghiệm trong các chương trình hợp tác. Các cuộc phỏng vấn đó đã góp phần khẳng định điều mà bà phỏng đoán trong cuộc tham quan trường: sinh viên có thể miêu tả những điều họ làm được trong các chương trình hợp tác, nhưng họ không thể tách biệt điều họ học được từ công việc và cách họ có thể sử dụng các kiến thức đó vào những hoàn cảnh khác trong tương lai.

Kết quả là, Đại học Northeastern đã bổ sung thêm các khóa học trước và sau chương trình hợp tác để hỗ trợ sinh viên tìm ra cách để áp dụng điều học được từ nơi làm việc sang một hoàn cảnh khác. Dạy cho sinh viên cách chuyển giao kiến thức mang đến một lợi ích khác cho trường đại học. Nó giúp các khoa giảng dạy thấy được rằng: những kinh nghiệm từ chương trình hợp tác là một phần trong cấu trúc giảng dạy của trường, chứ không chỉ là một công việc đơn thuần.

“Các chương trình hợp tác có đóng góp lớn vào sự phát triển trí tuệ của sinh viên,” Joseph Aoun, chủ tịch Đại học Northeastern, nói với tôi. “Tầm quan trọng thường được đặt vào sự phát triển nghề nghiệp, nhưng có những điều bổ ích trong chương trình hợp tác mà không được giảng dạy trong lớp học.”

Kể từ khi đến Northeastern vào năm 2006, Aoun đã mở rộng mạng lưới chương trình hợp tác của trường ra toàn thế giới, đến 120 quốc gia với 3.000 nhân viên. Tôi đã gặp Aoun ở Nhà Trắng trong một chương trình quy tụ những nhà giáo dục và doanh nhân trong mùa hè năm 2015, nơi mà ông ấy đã chỉ ra lợi ích của việc giáo dục thực tế trong nền kinh tế nhiều biến động ngày nay.

Theo quan điểm của ông ấy, đào tạo kép (việc được coi là xác nhận tiêu chuẩn của giáo dục hợp tác) là con đường tốt nhất để phát triển các kỹ năng mềm vốn được những nhà tuyển dụng ngày nay coi trọng. Giáo dục hợp tác giúp sinh viên nhận thức được sự kết nối giữa các ý tưởng và phát triển sự kiên nhẫn với những điều mơ hồ tại nơi làm việc – điều mà những sinh viên tốt nghiệp đại học ngày nay không sở hữu như nhiều nhà tuyển dụng đã nói với tôi.

Trọng tâm của buổi gặp mặt tại Nhà Trắng hôm đó là để chuẩn bị cho sinh viên về một nền kinh tế mà mọi công việc của ngày hôm nay có thể được thay thế bởi robot trong tương lai. Tôi đã hỏi Aoun liệu giáo dục bậc cao có đào tạo cho sinh viên về những công việc có thể trở nên lỗi thời trong một thập kỷ nữa. Ông ấy lắc đầu. “Kể cả những hệ thống với trí thông minh nhân tạo tân tiến nhất cũng không thể sao chép được sự chuyển giao kiến thức,” ông ấy nói. Trong khi con người, dù là những đứa trẻ cũng có thể thành thạo một công việc, ví dụ như chơi điện tử, và rồi chuyển giao một số kiến thức sang một trò chơi tương tự, thì máy tính cần phải được lập trình để học về mỗi trò chơi từ điểm xuất phát.

Để nền giáo dục của chúng ta giữ được sự phù hợp với sinh viên, nó cần phải loại bỏ những ý tưởng không hợp thời mà trường đại học đã đào tạo tổng quát cho cuộc đời của sinh viên, trong khi những nhà tuyển dụng lại đào tạo họ cho những công việc. Nó không còn là sự lựa chọn “hoặc” nữa. Với số tiền mà phụ huynh và sinh viên phải chi cho một tấm bằng, không có lý do gì mà trường đại học lại không cung cấp một nền giáo dục tổng quát cũng như những chương trình đào tạo kỹ năng cụ thể cần thiết cho công việc. Và một ý tưởng về việc kết hợp giáo dục thực tiễn và giáo dục đại cương đang ngày càng trở nên nổi bật sau khi mất đi sự ủng hộ trong nửa thập kỷ qua ở nước Mỹ: chương trình học việc.

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NHỮNG CHƯƠNG TRÌNH HỌC VIỆC THẾ KỶ XXI

Năm đầu trung học có vai trò then chốt trong việc lập kế hoạch học đại học của học sinh. Đó là năm mà lần đầu tiên họ tham dự

kỳ thi SAT. Đó là năm mà họ sẽ lọc ra danh sách những trường đại học mình sẽ đến tham quan vào kỳ nghỉ mùa xuân và mùa hè. Và đó là năm mà họ tra soát điểm số trên bảng điểm của mình.

Năm 2006, Michael Shinn bước vào năm học đầu tiên tại trường Trung học South Irdell, nằm ở phía bắc Charlotte, Bắc Carolina. Cậu ấy có những điểm số tốt, đặc biệt là môn Toán, và đã hoàn thành một vài khóa AP. Tương tự như những thế hệ trẻ em thông minh trước đó, các giáo viên và chuyên gia tư vấn hướng nghiệp tiếp tục thôi thúc Michael đi học đại học như là con đường duy nhất để có một tương lai vững vàng. Michael tin tưởng con đường đại học, với kế hoạch theo học chuyên ngành kỹ sư máy tại Đại học Bắc Carolina.

Nhưng giống như nhiều sinh viên khác, cậu ấy cũng lo lắng về việc chi trả học phí đại học. Gia đình Michael không có nhiều tiền, và cha mẹ cậu ấy mới ly dị gần đây. Vào một ngày mùa xuân trong năm đầu trung học, Michael nhìn thấy một tấm biển ở văn phòng hướng nghiệp về một chương trình học nghề được tổ chức bởi một nhóm công ty sản xuất địa phương.

Michael đến tham dự buổi thuyết trình tuần sau đó. Điều Michael nghe được đã khiến cậu ấy bất ngờ. Những công ty đó không phải là những nhà máy với các dây chuyền sản xuất và công nhân mà thế hệ cậu ấy thường liên tưởng. Đó thực chất là những hệ thống vận hành tiên tiến với một nhu cầu khẩn thiết về nguồn lao động có khả năng tư duy, chứ không phải những người chỉ biết làm ra các loại công vụ. Điều tuyệt vời nhất là họ có thể trả lương cho Michael để làm và học, đồng thời họ đảm bảo cho cậu ấy một công việc sau thời gian học việc bốn năm. Cậu ấy đã đăng ký.

Michael đã dành mùa hè năm đó để tham gia vào một cuộc thử nghiệm cùng với Ameritech Die & Mold, nơi sản xuất dụng cụ cho những bộ phận bằng nhựa được trang bị trong các loại ô tô. Vào cuối mùa hè đó, công ty đã mời Michael ở lại và làm việc bán thời gian trong khi hoàn thành năm cuối trung học. Sau đó cậu ấy ứng tuyển và trúng tuyển vào Đại học Bắc Carolina, nhưng đến khi phải đưa ra quyết định, chương trình học nghề dường như là con đường tốt hơn cho cậu ấy.

“Đi học đại học sẽ cần đến những khoản vay,” Michael, người đang kiếm 8 đô-la/giờ từ việc học nghề, nói. “Đại học là một con đường không chắc chắn. Có thể tôi sẽ tốt nghiệp mà không có một công việc. Không phải ai cũng có thể trở thành một kỹ sư.”

Ba năm sau, Michael hoàn thành chương trình học việc, và giành được bằng liên kết với một trường cao đẳng cộng đồng gần đó, tất cả đều được chi trả bởi Ameritech, và cậu ấy bắt đầu làm việc với mức lương 35.000 đô-la/năm. Ở tuổi 25, cậu ấy đã kết hôn, có một ngôi nhà và mới lên chức bố, tất cả những dấu mốc cuộc đời thật khó để đạt được đối với những người bạn trung học đã đi học đại học của cậu ấy. Nhiều người trong số họ đang vật lộn để tìm một công việc đúng chuyên ngành hoặc một công việc được trả lương cao. Kể cả vợ cậu ấy, người gần đây mới hoàn thành bằng MBA, cũng thấy thị trường lao động thật khắc nghiệt.

“Giáo viên và những người tư vấn hướng nghiệp chỉ nói về trường đại học như một con đường dẫn đến một cuộc sống tốt đẹp,” Michael nói với tôi. “Đại học không dành cho tất cả mọi người. Tôi ước rằng nhiều người sẽ nhìn thấy công việc mà tôi đã làm hằng ngày. Tôi không làm một công việc tay chân không cần sự động não tư duy.”

Một lần nữa, sự thiếu hiểu biết của thanh niên về sự phong phú của các ngành nghề đã ngăn cản khả năng của họ trong việc cân nhắc nhiều hơn một con đường sau trung học.

Vào năm 1988, một hội đồng được ủy nhiệm bởi chính phủ đã xuất bản một nghiên cứu mang tính bước ngoặt về hệ thống giáo dục Mỹ với tên gọi Một nửa bị quên lãng: Những thanh niên không học đại học ở Mỹ. Như tiêu đề, báo cáo đã nhắm vào bộ phận lớn thanh niên ở nước Mỹ hoàn toàn không đi học đại học và lý luận rằng họ sẽ phải đối diện với sự rủi ro trong tương lai, trừ khi chúng ta quan tâm nhiều hơn đến họ. Nghiên cứu đã gợi ý về việc tăng cường cơ hội đào tạo cho những sinh viên không đi học đại học.

Giống như nhiều báo cáo cùng thể loại, nghiên cứu này được xuất bản một cách phô trương, nhưng sau đó chỉ nằm trên những giá sách và chờ bám bụi. Trong 25 năm tiếp theo, phong trào đại-học-cho-tất-cả-mọi-người sẽ phát triển hơn nữa. Phương án giải quyết cơ bản cho một nửa bị quên lãng đó là đảm bảo rằng họ sẽ có một tấm bằng đại học. Bất chấp những nỗ lực để cải thiện việc tiếp cận giáo dục đại học, một nửa bị quên lãng đó vẫn còn tồn tại. Ngày nay, chỉ có 52% số người trẻ có trong tay tấm bằng hai năm hoặc bốn năm, hoặc một chứng chỉ nghề nghiệp tính đến lúc họ bước sang tuổi 25.

Mục tiêu của nền giáo dục đại học toàn cầu thực ra mang lại nhiều điều có hại hơn là có lợi, vì nó đã làm chệch hướng mọi sự chú ý

đến bất kỳ cuộc thảo luận nào về một sự thay thế cho giáo dục đại học, và nó cũng đã xua đuổi bất kỳ điều gì liên quan đến đào tạo nghề nghiệp. Rất nhiều bậc phụ huynh tự hào khoe khoang khi con cái họ được nhận vào một trường đại học, và họ sẽ thấy hổ thẹn nếu con cái mình bỏ qua đại học và tham gia kỳ học việc.

Vào cuối những năm 1950, được tiếp sức bởi những cơ hội đào tạo trong nhiều lĩnh vực, đã có thêm nhiều con đường dẫn đến một sự nghiệp ngoài việc học đại học. Giống như nhiều người thuộc cùng thế hệ, chú của tôi cũng đã đạt được một sự nghiệp ổn định với công việc là một thợ nề sau khi hoàn thành chương trình học nghề vào cuối những năm 1940. Tuy nhiên, những chương trình học nghề đã dần biến mất theo thời gian, khi các nhà sản xuất và hiệp hội xây dựng vốn tài trợ cho những chương trình này đã suy yếu, và nền giáo dục dạy nghề kỹ thuật bị coi là lỗi thời và làm xao nhãng nhịp giáo dục đại học. Ngày nay, chỉ có khoảng 5% thanh niên Mỹ được đào tạo học nghề, hầu hết trong ngành xây dựng.

Kể cả chương trình Michael Shin ở Bắc Carolina chỉ chọn được một vài trong số hàng trăm sinh viên ứng tuyển mỗi năm. Đối lập với đó là các quốc gia châu Âu, nơi mà các chương trình dạy nghề phát triển cùng với những ngành nghề mới nổi, từ sản xuất tiên tiến cho đến ngân hàng. Có lẽ điều quan trọng là các phụ huynh và những nhà giáo dục ở Châu Âu coi chương trình dạy nghề là một con đường dẫn đến sự nghiệp cao quý.

Nước Đức thường được coi là tấm gương tiêu biểu nhất về việc làm thế nào để hệ thống học nghề có thể vận hành trong nền kinh tế tri thức thế kỷ XXI, bởi vì 60% thanh niên ở đất nước này đăng ký theo học những chương trình dạy nghề. Nhưng Thụy Sĩ mới là đất nước mang đến cho nước Mỹ những bài học giá trị nhất.

“Thụy Sĩ có ít luật lệ hơn, và các chương trình dạy nghề cũng được tổ chức cho nhiều ngành nghề hơn ở Đức, nơi mà phần lớn tập trung vào ngành sản xuất,” theo lời Robert Schwartz, đồng giám đốc của Mạng lưới Pathway to Prosperity – một nỗ lực của mạng lưới 12 bang với mục đích đơn giản hóa quá trình chuyển tiếp sang tuổi trưởng thành của những người trẻ.

Như một phần của dự án, Schwartz đã tham quan các trường học, cơ sở đào tạo và các công ty ở Thụy Sĩ để nghiên cứu về hệ thống học nghề. Ông nói với tôi rằng rất ấn tượng với hệ thống của Thụy Sĩ và nghĩ rằng nó có thể thành công ở nước Mỹ. “Chúng ta đang cư xử như thể đại học là cái đích mà không lý giải vì sao,” Schwartz nói.

Ở Thụy Sĩ, nên giáo dục bắt buộc (sẽ kết thúc ở lớp 9) được thiết kế để cung cấp cho học sinh những kỹ năng học thuật cốt lõi. Tại thời điểm đó, họ có thể lựa chọn con đường học thuật hoặc con đường học nghề. Con đường học thuật ở Thụy Sĩ hạn chế hơn ở Mỹ và được tập trung vào một số ngành như y dược và những nghề yêu cầu giáo dục đại học. Chỉ có khoảng 1/4 số sinh viên Thụy Sĩ chọn con đường học thuật. Con đường học nghề phổ biến hơn rất nhiều, với gần 70% số học sinh lựa chọn, và bao gồm khoảng hơn 20 lĩnh vực chuyên môn, từ ngân hàng, bán lẻ cho đến chăm sóc sức khỏe.

Bắt đầu từ lớp 10, học sinh luân chuyển qua ba nơi khác nhau để tham dự chương trình học nghề – nhà tuyển dụng, các tổ chức công nghiệp để tham gia đào tạo, và trường học – trong thời gian 3-4 năm. Con đường học nghề đưa họ vào môi trường làm việc ngay lập tức, nơi mà họ sẽ được huấn luyện và cố vấn, kiến thức đến từ thực tế, và họ được trả lương (ở bất kỳ đâu với mức lương từ 800-1.000 đô-la/tháng). Họ hoàn thành với một chứng chỉ đưa họ đến một công việc, bởi chương trình được xây dựng dựa trên những tiêu chuẩn ngành nghề, chứ không phải những điều mà giáo viên muốn dạy hoặc nghĩ rằng sinh viên nên học. Kết quả là: Thụy Sĩ có tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi thanh niên thấp nhất ở châu Âu và chỉ bằng khoảng một nửa so với Mỹ.

Có bằng chứng cho thấy thái độ của người Mỹ về chương trình học nghề đang dần thay đổi. Thứ nhất, số chương trình học nghề đang tăng lên lần đầu tiên kể từ cuộc khủng hoảng năm 2008. Thứ hai, với khoản nợ sinh viên đã vượt qua mức 3.000 tỷ đô-la, phụ huynh và sinh viên đang xem xét chương trình học nghề như một sự lựa chọn để thay thế việc chi trả mức học phí cao ngút trời để kiếm một tấm bằng đại học mà có thể không mang đến một công việc. Thứ ba, một số chương trình học nghề đang bắt đầu bổ sung những yếu tố học thuật giúp họ gần như không thể bị phân biệt với giáo dục đại học truyền thống và thường dẫn đến một tấm bằng hoàn toàn được chi trả bởi những người sẽ tuyển dụng họ sau khi tốt nghiệp.

“Chương trình học nghề cũng là một hình thức học đại học, chỉ khác một điều là sinh viên không phải chịu những khoản vay,” theo lời Thomas Perez, Bộ trưởng Bộ Lao động Mỹ, người đã đặt ra mục tiêu tăng gấp đôi số lượng chương trình thực tập lên đến khoảng 600.000 cho đến năm 2018. Ông cũng nói thêm: “Khái niệm về việc hoặc là đi học đại học hoặc là tham gia chương trình học nghề, đơn giản là sai.”

Phiên bản hiện đại của chương trình thực tập dành cho sinh viên Mỹ có hứng thú với những sự lựa chọn ngoài trường đại học đã được trình bày tại Trường Học nghề ở Newport News, Virginia. Ngôi trường này (phục vụ chính cho xưởng đóng tàu hải quân địa phương) nằm trong một tòa nhà mới và hiện đại, bao gồm một phòng tập thể thao cho những đội thể thao, những phòng nghiên cứu được trang bị máy tính và các lớp học. Sinh viên, những người chọn một trong số hơn 20 chuyên ngành, được trả mức lương 54.000 đô-la/năm tính đến năm cuối cùng của chương trình – cao hơn 10.000 đô-la so với mức lương mà sinh viên tốt nghiệp với tấm bằng đại học nhận được – và sau đó họ được đảm bảo một công việc với nhà thầu quân đội phụ trách vận hành Newport News Shipbuilding.

Ngôi trường này cũng có sự tuyển chọn tương đương với Harvard. Mỗi năm, trường nhận hơn 4.000 đơn dự tuyển cho 230 vị trí, và một số lượng đáng kể những người tốt nghiệp sẽ tiếp tục học lấy bằng cử nhân hoặc thạc sĩ. Theo nhiều cách, nó trông và cảm giác giống một trường đại học điển hình ở nước Mỹ, trừ một khía cạnh quan trọng: sinh viên ở đây tốt nghiệp mà không có khoản nợ nào.

Cùng với các chương trình hợp tác và thực tập, những chương trình học nghề thường yêu cầu sinh viên đưa ra sự lựa chọn thận trọng về con đường sự nghiệp của họ, để tìm kiếm cơ hội đào tạo trong thế giới doanh nghiệp hoặc trường học với những chương trình hợp tác, hoặc trong trường hợp đặc biệt nhất là hoàn toàn không đi theo con đường đại học. Tuy nhiên, không phải tất cả sự học hỏi thực tế cần phải được chuẩn bị và quy định cho sinh viên khi mà họ đã có quá nhiều lịch trình và không chắc chắn về điều mình thực sự muốn làm trong cuộc sống. Thực tế là trong số ngày càng nhiều trường đại học hiện nay, không gian đang được mở ra để sinh viên thử nghiệm, chấp nối những ý tưởng sáng tạo và để thực hành những kỹ năng thực tế.

Hơn 100 năm sau khi Herman Schneider rời khỏi Bethlehem, Pennsylvania, khi Đại học Lehigh từ chối thực hiện ý tưởng đào tạo hợp tác của ông ấy, trường này đã mở ra một trải nghiệm đào tạo thực tế nền tảng cho sinh viên để theo đuổi đam mê của họ.

KHÔNG GIAN CỘNG ĐỒNG CHIA SẺ: MỘT NƠI ĐỂ TỰ HỌC

Dãy núi South Mountain ở Bethlehem chạy dọc đỉnh phía đông nam thung lũng Lehigh. Đã qua nhiều thế hệ, dãy núi phủ kín những loại cây lá rộng nhìn xuống nhà máy sản xuất thép Bethlemlen Steel nằm trên nền thung lũng phía dưới.

Vào đầu những năm 1960, Bethlehem mở ra ba tòa nhà với kích cỡ tương đương nhà chứa máy bay trên một dải đất hẹp gần đỉnh núi. Bên trong đó, có khoảng 1.000 kỹ sư và nhà khoa học thực hiện những nghiên cứu phát triển cho nhà sản xuất thép lớn thứ hai thế giới này. Tuy nhiên, trong vòng ba thập kỷ, nền công nghiệp thép của Mỹ đã suy yếu và những tòa nhà bỏ hoang trở thành những tác phẩm tái hiện quá khứ công nghiệp nổi tiếng của thung lũng này.

Hiện giờ, Đại học Lehigh đang đưa những tòa nhà chính trở lại như một sân chơi công nghiệp khổng lồ cho một thế hệ mới những nhà đầu tư và doanh nghiệp. Hãy nghĩ về nơi này như phiên bản lớn hơn rất nhiều của Thung lũng Silicon, nơi mà một số công ty công nghệ biểu tượng của thế kỷ XX đã ra đời.

Ở Lehigh, nơi này được gọi là “Mountaintop” (đỉnh núi), và nó trông hoàn toàn khác với khuôn viên của Đại học Lehigh cách đó hai dặm, nhưng trường đại học mang phong cách công nghiệp này cũng được thiết kế để dạy sinh viên cách suy nghĩ cho bản thân trong một môi trường nhấn mạnh tinh thần làm việc nhóm và học hỏi thực tế.

Sinh viên đạt được một vị trí trong những tòa nhà Bethlehem Steel cũ bằng cách trình bày các dự án nghiên cứu. Và rồi họ sử dụng mùa hè để tham gia vào những dự án có một môi trường giống với nhiều công việc mà họ sẽ làm sau khi tốt nghiệp. Họ đặt ra lịch trình riêng và để trí tò mò của mình hình thành những dự án với ít sự can thiệp từ các giáo viên.

“Tài năng của sinh viên sẽ được giải phóng,” Alan Snyder, một phó chủ tịch ở Lehigh, nói với tôi. “Chúng tôi để họ vui chơi, chúng tôi để họ khám phá, và họ tìm thấy sự thú vị trong sự mơ hồ.”

Khi chúng tôi đi bộ qua một trong những tòa nhà rộng lớn nhất của tổ hợp, Snyder nói rằng vấn đề với chương trình đại học truyền thống là nó “chờ đợi quá lâu để khiến sinh viên thực sự chuyên tâm vào điều họ muốn đạt được từ trường đại học.” Mountaintop đã “thay đổi viễn cảnh đó” hoàn toàn. Tòa nhà chúng tôi đang đi qua có chiều dài hơn một sân bóng đá, và có gần 200 sinh viên đang làm việc cho khoảng 40 dự án, được chia thành những nhóm nhỏ ngồi về cả hai phía tòa nhà.

Có một nhóm sinh viên đã làm việc với các thiết bị sáng tạo trên những chiếc máy in 3D để hỗ trợ những bệnh nhân bị đột quỵ có thể di chuyển. Cách đó một vài thước, một nhóm khác đang thiết

lập một sê-ri những chiếc bồn nhựa với kích cỡ cho trẻ em để nghiên cứu về thói quen sinh sản của các loài cá đang gặp nguy hiểm, trong khi ở phía bên kia của tòa nhà, một số sinh viên đang nỗ lực thiết kế một chiếc lều làm từ than xỉ cho cư dân Senegal. Vì các sinh viên không tập hợp theo một bài tập trong một lớp học cụ thể, nên các nhóm sinh viên thường được kết hợp từ những chuyên ngành bất kỳ.

Nhóm sinh viên nghiên cứu các loài cá nhỏ đang gặp nguy hiểm để xác định xem họ có thể làm gì để ngăn chặn chúng ăn chính trứng của mình, thậm chí còn bao gồm một số sinh viên chuyên ngành sinh học từ trường cao đẳng cộng đồng địa phương. Khi sinh viên tự chịu trách nhiệm về việc học của bản thân, họ dường như ít hứng thú hơn với việc đạt điểm A và sẵn sàng chấp nhận rủi ro hơn bằng cách theo đuổi tham vọng của mình.

“Chúng tôi quan tâm về việc mình đang làm, vì chúng tôi đã thiết kế ra nó,” theo lời Emily, người đang tham gia nghiên cứu về cánh tay giả. “Tất cả là của chúng tôi. Không ai nói chúng tôi phải làm gì.”

Khi nghe câu chuyện của các sinh viên, tôi được gợi nhắc về những đứa trẻ trong ngày đầu tiên đi học lớp hai sẽ rất hào hứng kể với mọi người về những điều chúng đã học. Thay vì mang lại những sự khổ cực, tại sao việc học không thể thu hút sinh viên ở khắp mọi nơi? Tại sao các chương trình học không thể được thiết kế linh hoạt như ở Lehigh để sinh viên có thể làm và học với nhịp độ giống như điều họ sẽ đối diện trong môi trường làm việc?

Hàng chục trường đại học, từ Đại học Nebraska ở Lincoln đến Case Western Reserve ở Cleveland đã mở ra các cơ sở vật chất tương tự trong những năm gần đây, thường được gọi là “không gian sáng tạo” (makespace) và được thiết kế dựa theo xu hướng DIY (tự mình làm). Họ vận hành theo cách hơi khác nhau nhưng thường có những dụng cụ giống nhau (máy in 3-D, dụng cụ làm đồ gỗ, máy cắt công nghiệp) và mục tiêu chung giống nhau: để quy tụ những con người được chọn lọc từ những nền tảng học thức khác nhau (từ thợ thủ công, kỹ sư đến doanh nhân) với kỳ vọng rằng sự trao đổi ý tưởng và kỹ năng sẽ tạo ra những phát kiến và sản phẩm vĩ đại của cá nhân hoặc của tập thể.

Không gian sáng tạo cũng được mở ra ở những nơi mà chúng được coi như môi trường đào tạo cho những người muốn học hỏi các kỹ năng hoặc cần tiếp cận những máy móc công nghiệp đắt tiền để bắt đầu việc kinh doanh. Josh Mabry ở Chương 1 đã bắt đầu công

việc kinh doanh của ông từ ADX ở Portland, nơi người dân địa phương chi trả từ 50-200 đô-la/tháng cho lớp học và thời gian sử dụng máy móc.

Một trong những vấn đề của nền giáo dục bậc cao ngày nay là sinh viên đang phải trả mức học phí cao-chưa-từng-thấy cho những trải nghiệm tri thức trong trường đại học, trong khi đó ngày càng nhiều những cơ hội học hỏi có giá trị lại diễn ra ngoài môi trường lớp học hoặc xa khuôn viên trường đại học

“Điều quan trọng không phải là điều bạn nhận được từ trường đại học, mà là điều bạn làm,” Michael Roth, chủ tịch của Đại học Wesleyan, đã nói với tôi. “Bạn cần cho giáo viên và bất kỳ ai khác thấy được điều mình làm được trong lớp học, điều bạn có thể tạo ra, và điều bạn sẽ làm tiếp theo.”

Việc học hỏi thực tế là một yếu tố quan trọng trong tấm bằng của bạn. Dù chuyên ngành của bạn là gì, liệu bạn có tham gia chương trình thực tập hoặc hợp tác, hay tìm kiếm cơ hội học hỏi thử nghiệm ở trường đại học hay không, sau đây là ba năng lực bạn cần để có thể tự tin bước ra từ những kinh nghiệm:

1. Học một công việc

Hiểu biết của sinh viên trong môi trường đại học đối các công việc khả thi ngoài xã hội vẫn còn bị giới hạn bởi những ngành nghề được liệt kê thông qua những cuốn sách, chương trình ti vi hoặc các ngành nghề quen thuộc với họ từ thời niên thiếu. Vì vậy, khi sinh viên sàng lọc các cơ hội nghề nghiệp trong năm cuối đại học, có nhiều tiêu đề công việc trông như thể được viết bằng tiếng nước ngoài.

Một chương trình thực tập hay hợp tác sẽ mang đến cho sinh viên một cơ hội để học hỏi một công việc cụ thể, nhưng điều quan trọng hơn là giúp họ được chứng kiến những điều mà mọi người xung quanh đang làm để kiếm sống và tiếp xúc với các công việc mà bạn chưa bao giờ biết là chúng tồn tại. Ngoài ra, điều đó còn giúp họ ít lo lắng hơn về công việc họ đang làm (đặc biệt là kỳ thực tập trong năm đầu và năm thứ hai đại học) để tập trung vào việc học hỏi những kỹ năng mới.

Khi thực tập ở Arizona Republic vào mùa hè sau khi tốt nghiệp đại học, tôi muốn được phụ trách chuyên mục những bản tin nóng hổi, nhưng thay vào đó lại được phân công chuyên mục công nghệ cho mảng kinh doanh. Tôi thay thế cho một phóng viên đang

trong kỳ nghỉ và phụ trách viết về những công nghệ mới nổi – World Wide Web – điều cuối cùng trở thành một trong những thứ quan trọng nhất mà tôi học được trong kỳ thực tập của mình.

2. Học những kỹ năng xã hội

Chọn chuyên ngành theo một trong các lĩnh vực STEM có thể sẽ gia tăng cơ hội tìm được một công việc cho bạn sau khi tốt nghiệp, nhưng sẽ không thể nếu bạn không học được những kỹ năng mềm được đề cập trong Chương 2.

Những nghề nghiệp yêu cầu các kỹ năng xã hội mạnh mẽ – sự hợp tác, giao tiếp rõ ràng và sự đồng cảm – đã tăng trưởng nhanh hơn rất nhiều kể từ những năm 1980, vượt qua những công việc kỹ thuật có thể dễ dàng được tự động hóa, đó là kết quả nghiên cứu được thực hiện bởi David Deming ở Đại học Harvard. Tuy nhiên, những kỹ năng xã hội này hiếm khi được nhấn mạnh trong trường học hoặc những chương trình chính thống trong đại học. Tìm kiếm những chương trình thực tập hoặc kinh nghiệm làm việc có thể đem lại cho bạn những cơ hội làm việc với người khác (hơn là một mình làm việc cho những dự án cá nhân), từ đó bạn có thể học cách thương lượng và thể hiện cho một nhà tuyển dụng tiềm năng thấy được kỹ năng làm việc nhóm.

3. Tìm kiếm một mạng lưới mới

Mặc dù ngày càng nhiều sinh viên nhận được lời mời làm việc từ các chương trình thực tập của họ, nhưng không phải tất cả những trải nghiệm trong trường đại học sẽ đưa bạn đến những công việc chính thức toàn thời gian. Tuy nhiên, những người mà bạn gặp trong một vài tháng của chương trình thực tập có thể giúp ích cho sự thành công sau đại học của bạn, bởi họ có xu hướng là những “nút thắt lỏng lẻo” theo cách gọi của Adam Grant, một giáo sư của Wharton và tác giả của Give and Take (Cho khế nhận vàng). Những người đó sẽ di chuyển trong những vòng tròn khác nhau, từ những người bạn thân của bạn hoặc thậm chí là hội cựu sinh viên, và vì vậy họ có sự tiếp cận với những thông tin mới. Một nghiên cứu của nhà xã hội học Mark Granovetter đã chỉ ra rằng, khả năng bạn tìm được một công việc bằng cách nuôi dưỡng những “nút thắt lỏng lẻo” cao hơn 58% so với khả năng thông qua những mối quan hệ thân thiết, chặt chẽ.

Nếu không tích lũy được những năng lực này qua các chương trình thực tập khi học đại học, có vẻ bạn sẽ kết thúc bằng việc tìm kiếm những cơ hội để khởi động những kinh nghiệm – điều mà tôi

gọi là “hoàn thành chương trình học và quăng nhủ sau đại học” – ngay sau khi tốt nghiệp để thực hành những kỹ năng liên quan đến công việc mà đáng lẽ phải đi kèm với tấm bằng đại học đắt đỏ của bạn.

Chương 6

HỌC CÁCH KHỞI ĐẦU

Khi học năm cuối trung học ở Aspen, Colorado, Jack Bird đã nghe tất cả những lời khuyên về việc làm thế nào để tìm được một công việc ngay sau khi tốt nghiệp. Jack đã vẽ ra một chiến lược. Cậu ấy chọn một chuyên ngành có tính thực tiễn, đó là kỹ sư. Cậu ấy quyết định theo học đại học ở một ngôi trường nằm ngay trung tâm của thị trường việc làm nóng hổi, Thung lũng Silicon. Và Jack đảm bảo một điều quan trọng là không vay quá nhiều tiền để chi trả cho tám bằng cử nhân.

Tuy nhiên, với nhiều kế hoạch được đặt ra cho tương lai ở tuổi 18, Jack bắt đầu thay đổi sau khi đến trường Đại học Santa Clara ở San Jose, California. Cậu ấy không hứng thú với những khóa học chuyên ngành kỹ sư như đã nghĩ, vì vậy cậu ấy đã chuyển sang ngành khoa học môi trường và học thêm chuyên ngành thứ hai là khoa học chính trị. Jack hầu như luôn đạt điểm A hoặc B và tìm được một công việc với tư cách là trợ lý nghiên cứu ở trường đại học để kiếm thêm tiền, cũng như bổ sung một nội dung cần thiết cho hồ sơ cá nhân của mình.

Ở hầu hết mọi phương diện, Jack được định hình là một Người chạy nước rút. Vào mùa xuân năm đại học đầu tiên, cậu ấy đã đến Zambia để tham dự một chương trình nghiên cứu về những kỹ thuật nông nghiệp bền vững. Đến khi quay về trường để hoàn thành chương trình năm cuối vào năm 2013, Jack không còn quan tâm đến việc tìm kiếm việc làm sắp tới.

“Tôi đã nghĩ: ‘Tìm được một công việc sẽ khó khăn thế nào nhỉ?’, cậu ấy nhớ lại.

Gióng như nhiều người trong thế hệ của mình, Jack nghĩ rằng công việc là một chiếc cúp chiến thắng chờ đợi họ ở vạch đích tốt

nghiệp đại học. Không ai nói cho cậu ấy về tình hình thực tế, kể cả các giảng viên đại học hay chuyên gia hướng nghiệp. Không ai nhấn mạnh đến tầm quan trọng của những kỳ thực tập bắt đầu ngay từ năm học đầu tiên. Họ cũng không khuyến khích Jack bắt đầu tìm kiếm công việc từ đầu năm học. Quan trọng hơn cả, cậu ấy nhận được ít sự hướng dẫn về việc làm thế nào để mô tả những điều mình làm được trong thời đại học với nhà tuyển dụng tương lai.

“Tôi có tất cả những giải thưởng này. Những điểm số tốt,” cậu ấy nói. “Tôi đã không nghĩ rằng điều này khẩn cấp như vậy. Tôi đã hy vọng rằng mình có thể ở lại khu vực vịnh San Francisco.”

“Phải nói rằng, đó thực sự là một bức tranh tương đối lý tưởng”, Jack thừa nhận.

Cậu ấy đã quyết định tham gia thêm một khóa nghiên cứu mùa hè (tự trả chi phí) sau khi tốt nghiệp, lần này là ở Mexico. Khi Jack quay trở lại California vào cuối mùa hè, bạn bè thời đại học của cậu ấy đã tìm được công việc. Cậu ấy bắt đầu quan sát, và đó là lúc Jack cảm thấy bất an.

“Tôi nhanh chóng nhận ra rằng mình đang trở nên lạc nhịp,” cậu ấy nói. “Tôi không chỉ tụt hậu so với bạn bè cùng lớp, mà còn trải qua một khoảng thời gian khó khăn, nỗ lực chỉ để chi trả các hóa đơn.”

Khoản nợ sinh viên khoảng 18.000 đô-la và một căn hộ đi thuê với giá đắt đỏ nằm gần trường đại học dường như không còn là những ý tưởng tuyệt vời nữa. Jack ứng tuyển vào tất cả các vị trí có thể ở mọi công ty môi trường. Khi không nhận được bất kỳ một lời phản hồi nào, Jack lại mở rộng tìm kiếm và ứng tuyển vào bất kỳ công việc nào ở bất kỳ đâu, nhưng cũng không nhận được lời hồi đáp nào.

Đó là lúc một người bạn gợi ý cho Jack về việc nghỉ ngơi một thời gian và suy nghĩ lại về kế hoạch của mình, để cậu ấy không tự ép buộc bản thân chấp nhận một công việc đi vào ngõ cụt. Người bạn nhắc đến một chương trình mới ở Seattle gọi là Koru – chương trình hỗ trợ các sinh viên mới tốt nghiệp đứng vững trên đôi chân của mình bằng việc cung cấp cho họ những kỹ năng kinh doanh và các buổi huấn luyện sự nghiệp theo kiểu 1-1 mà cậu ấy đã bỏ lỡ trong thời đại học.

Đêm hôm đó, Jack đã ứng tuyển vào Koru. Cậu ấy tham gia một

buổi phỏng vấn và được nhận vào một tuần sau đó.

HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH HỌC ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC TẤM BẰNG CỬ NHÂN

Koru là sáng kiến đặc biệt của Kristen Hamilton, một cựu chuyên viên cấp cao của Microsoft, và Josh Jarrett, người đứng đầu chương trình cải tiến giáo dục bậc cao của Tổ chức Bill & Melinda Gates. Từ những công việc trước đây của mình, cặp đôi này hiểu được việc thị trường tuyển dụng đã trở nên vô vọng như thế nào đối với các sinh viên mới tốt nghiệp gần đây. Một mặt, những nhà tuyển dụng phàn nàn rằng sinh viên không được trang bị kỹ năng cho môi trường làm việc; mặt khác, những nhà quản lý giáo dục bậc cao lại buộc tội các công ty vì đã đổ vấy trách nhiệm đào tạo sang cho trường đại học. Trong khi đó, các sinh viên đang tìm kiếm công việc đầu tiên của mình vẫn bị kẹt ở giữa.

Được hỗ trợ bởi khoản vốn đầu tư mạo hiểm 12 triệu đô-la, Koru được thiết kế để hoàn thiện những điểm còn thiếu sót trong hồ sơ của sinh viên và nối liền khoảng cách đang tồn tại giữa những điều nhà tuyển dụng mong muốn và những điều trường đại học thực sự đào tạo. Koru sẽ đưa sinh viên vào một chương trình chuyên sâu kéo dài trong ba tuần rưỡi, bao gồm một dự án thực tế và đầy thử thách, được ủy nhiệm bởi một nhà tuyển dụng nằm tại một trong ba thành phố mà công ty đã thiết lập cơ sở.

Hãy nghĩ về Koru như một trường học về đích cho các sinh viên. Tôi gọi nó là “những trải nghiệm khởi đầu sau đại học”, xuất hiện vào những thời điểm cuối cùng của năm cuối đại học hoặc ngay sau khi tốt nghiệp. Giống như những quãng nghỉ trước đại học, những trải nghiệm khởi đầu này giúp sinh viên chuẩn bị tốt hơn cho sự nghiệp của họ thông qua những khóa học cấp tốc ngắn hạn (ví dụ như Koru), hoặc những chương trình hợp tác nhiều năm, (ví dụ như Tech for America, nơi đưa các sinh viên mới tốt nghiệp vào vị trí giáo viên tại các trường học đang gặp khó khăn trong vòng hai năm). Trong một số trường hợp, những chương trình sau đại học này đã trở thành những trường đào tạo đại học thực tế và có thể tạo ra những điểm nhấn trên hồ sơ, giúp sinh viên có những bước nhảy vọt trong sự nghiệp nhanh hơn.

Với khoản nợ giáo dục đại học chiếm đến 40% trong con số 1,19 ngàn tỷ đô-la của các khoản nợ sinh viên, những chương trình trải nghiệm sau đại học này đang thu hút được sự quan tâm, thậm chí với cả những trường đại học, họ coi đó như một sự thay thế ít tốn kém hơn cho những kế hoạch học tập bổ sung. Noah Leavitt,

một phó trưởng khoa tại Cao đẳng Whitman ở bang Washington, nơi đề xuất Koru như một sự lựa chọn cho sinh viên và cựu sinh viên của trường, nói với tôi rằng: “Những khóa học kinh doanh cung cấp kỹ năng nền tảng thường không được đề xuất như một phần của chương trình giáo dục đại cương.” Trước khi hợp tác với Koru, ngôi trường này đã cân nhắc tự tổ chức một chương trình tương tự. Nhưng những công chức đã kết luận rằng, các trường đại học giáo dục đại cương sẽ mất nhiều năm để xây dựng được chuyên môn chương trình và phát triển mối quan hệ với các nhà tuyển dụng – những điều vốn là điểm nhấn của chương trình Koru.

Mặc dù những chương trình cầu nối như Koru đã tồn tại vài chục năm, nhưng số lượng chương trình và số lượng sinh viên ghi danh chỉ bắt đầu tăng lên đáng kể kể từ cuộc khủng hoảng năm 2008, khi sinh viên và phụ huynh trở nên lo lắng hơn về thị trường việc làm sau đại học. Những chương trình này đều vận hành theo những cách khác nhau, nhưng nhìn chung, chúng thường đề xuất những khóa học cấp tốc từ 3-4 tuần về những nền tảng kinh doanh, giúp những sinh viên mới tốt nghiệp mà có ít hoặc không có kinh nghiệm gì trong việc phân tích bảng cân đối kế toán có thể tạo lập một bài thuyết trình bán hàng, hoặc thiết kế một chiến lược. Một vài trong số những chương trình sau đại học này được vận hành bởi chính những trường đại học, trong khi số còn lại được điều hành bởi các công ty tư nhân.

Dù thế nào, những khóa học này cũng không hề rẻ, đặc biệt là sau khi sinh viên đã phải chi trả hàng chục ngàn, thậm chí hàng trăm ngàn đô-la cho tấm bằng cử nhân của mình. Học phí của những chương trình này rơi vào khoảng từ vài ngàn đô-la đến hơn 10.000 đô-la cho khóa học lâu năm nhất (chương trình Tuck Business Bridge tại trường Kinh doanh thuộc Đại học Dartmouth). So với Koru, vốn tập trung vào việc giảng dạy những kỹ năng kinh doanh thông qua một dự án nhóm, thì Tuck đi theo hình thức khá truyền thống: sinh viên của họ dành hầu hết thời gian trong bốn tuần cho những khóa học cơ bản về tài chính, kinh tế và marketing với những giáo sư giảng dạy chương trình thạc sĩ quản trị kinh doanh (MBA).

Trong những năm gần đây, vì nhu cầu và sự xuất hiện của những đối thủ mới, Tuck đã thêm vào một chương trình kéo dài ba tuần trong kỳ nghỉ đông. Cao đẳng Middlebury ở Vermont cũng đã đề xuất một chương trình mùa đông, với những nội dung chuyên sâu vào một vài chủ đề triết chung hơn những chương trình khác, bao gồm quản lý rủi ro và sáng tạo, và được thiết kế như một phần

trong chương trình đào tạo của sinh viên bậc đại học tại Middlebury.

Candice Olson hình dung về những chương trình cầu nối này như “một ngách rẽ mới” từ đại học đến một sự nghiệp, và nó không chỉ là lợi thế với một số người đặc quyền có khả năng chi trả ngay lúc đó. Ngách rẽ này sẽ là một khoảng thời gian được suy xét kỹ lưỡng trong thời tuổi trẻ của một người, thời kỳ tách biệt với thời đại học và cho phép sinh viên gạt bỏ những thói quen làm việc xấu trong những năm đại học và tích lũy các kỹ năng cụ thể giúp họ sẵn sàng cho một công việc vào một ngày nào đó. Olson bắt đầu chương trình khởi đầu sau đại học Fullbridge vào năm 2011, sau khi cô ấy bán iVillage, một công ty trực tuyến tập trung vào nữ giới. Fullbridge cung cấp cho sinh viên một sự kết hợp những khóa học trực tuyến được giảng dạy bởi những giáo sư nổi tiếng trong các lĩnh vực như giao tiếp trong môi trường làm việc và quản lý thời gian, đi kèm với những bài tập nghiên cứu tình huống, huấn luyện cá nhân cùng những buổi thực hành đóng vai tình huống. Giống như các chương trình cầu nối khác, Fullbridge cũng bao gồm bài tập dự án nhóm. Fullbridge cũng đưa ra một khóa huấn luyện tại trại huấn luyện kéo dài bốn tuần tại Boston với chi phí khoảng 5.000 đô-la, và đã tham gia cùng các trường đại học để cung cấp chương trình cho sinh viên, bao gồm Holly Cross, Tulane và Cao đẳng Miami Dade.

Những chương trình cầu nối đang tìm cách để mang lại một đường dẫn trực tiếp đến một công việc. Mặc dù gần đây, một số ít trường đại học tăng cường dịch vụ nghề nghiệp (một số trường đã chọn trung tâm việc làm là địa điểm đầu tiên trong các chuyến thăm quan trường của học sinh trung học), nhưng đừng để bị lừa bởi cụm từ “sắp xếp việc làm” mà nhiều công ty vẫn ghi trong tiêu đề của mình. Họ thực sự chẳng làm gì liên quan đến việc hỗ trợ sắp xếp công việc cho sinh viên.

Những văn phòng việc làm tại trường đại học thường cung cấp những dịch vụ hỗ trợ tổng quát như viết thư xin việc và tìm kiếm các công việc đang mở. Ngược lại, những chương trình cầu nối thường tự quảng bá về họ là một đơn vị dịch vụ việc làm và có thể kết nối lời mời làm việc và hợp tác với các nhà tuyển dụng cụ thể để giúp sinh viên đặt một chân vào cánh cửa công ty.

BẢY NĂNG LỰC ĐỂ THÀNH CÔNG TẠI NHỮNG CÔNG TY TĂNG TRƯỞNG NHANH

Trước khi thành lập Koru vào năm 2013, Hamilton và Jarrett

dành gần một năm để gặp gỡ những công ty tăng trưởng nhanh để tìm ra điều giúp phân biệt những nhân viên mới xuất sắc nhất với những người còn lại. “Những ngôi sao xuất sắc nhất là những người luôn bước lên để giải quyết các vấn đề,” Hamilton nói. “Họ thật sự tập trung vào việc giải quyết những vấn đề trước mắt mà không cần chờ được phân công hay yêu cầu.”

Hamilton và Jarrett tìm ra các yếu tố xuyên suốt từ những điều họ nghe được và sử dụng chúng để sáng tạo ra “Koru 7”, tức bảy năng lực có thể dự đoán khả năng thể hiện tốt trong công việc: sự can đảm, sự nghiêm khắc, sự ảnh hưởng, làm việc nhóm, sự tò mò, sự làm chủ và sự đánh bóng (nhiều trong số đó tương tự với những kỹ năng mà các nhà tuyển dụng mong muốn, đã được mô tả trong Chương 2).

“Không phải những kỹ năng này không được học trong trường đại học; chỉ là chúng không được giảng dạy,” Jarrett nói. “Chúng thường được học bằng cách thẩm thấu, và chúng ta được định hướng tập trung vào chúng một cách rõ ràng, dứt khoát.”

Ví dụ về một bài thuyết trình kinh doanh. Khi sinh viên thực hiện một bài thuyết trình trong một lớp đại học, họ thường được chấm điểm dựa trên nội dung chứ không phải cách họ trình bày. Họ cũng chỉ làm việc đó một lần, vì vậy họ không bao giờ có cơ hội để áp dụng những phản hồi để cải thiện công việc của mình.

Koru tập trung vào việc chau chuốt các kỹ năng giao tiếp được sử dụng trong những bài thuyết trình kinh doanh, vì như Jarrett nói với tôi, đó là “kỹ năng dễ nhất có thể được cải thiện trong một khoảng thời gian ngắn.” Tại Koru, sinh viên thực hành rất nhiều kỹ năng kinh doanh theo cách một nhạc sỹ bắt đầu một bản nhạc mới, với sự rèn luyện thường xuyên – theo sau đó là những phản hồi chân thành và ngay tức thì. Đó là một nhịp điệu khác rất nhiều so với những điều tồn tại trong một kỳ học đại học dài, nơi mà sinh viên đã quen với những hạn chót xa tít tắp. “Những sinh viên mới tốt nghiệp chưa sẵn sàng để thay đổi hoàn toàn một nghiên cứu trong 36 giờ,” Hamilton nói. Và Koru nỗ lực thay đổi các thói quen đó một cách nhanh chóng.

Koru dịch chuyển rất nhanh, phân chia chương trình kéo dài ba tuần rưỡi thành ba phần. Trước hết sinh viên sẽ tập trung tại Seattle, San Francisco hoặc Boston để học những kỹ năng kinh doanh chưa được phát triển trong môi trường đại học, ví dụ như phỏng vấn khách hàng, phát triển những ý tưởng sản phẩm và thuyết trình trước các lãnh đạo cấp cao. Trong phần giữa của

chương trình, sinh viên ứng dụng các kỹ năng này qua “thử thách nhà tuyển dụng”, trong đó họ sẽ hỗ trợ các công ty giải quyết một vấn đề với hạn chót chặt chẽ thường thấy trong môi trường kinh doanh. Đây cũng là lúc sinh viên dành thời gian với nhà tuyển dụng để hai bên có thể tìm ra một công việc chính thức phù hợp sau khi chương trình kết thúc. Phần cuối của chương trình bao gồm khóa huấn luyện nghề nghiệp theo kiểu 1-1 để hỗ trợ sinh viên luyện tập kỹ năng phỏng vấn và lên kế hoạch cho những bước tiếp theo trong cuộc đời. Xuyên suốt chương trình là những buổi thảo luận nhỏ với các nhà quản lý tuyển dụng và những lớp học ngắn về giao tiếp và kết nối mạng lưới kinh doanh.

Sau bốn năm học để đạt được tấm bằng cử nhân, một chương trình bốn tuần dường như quá ngắn để học hỏi một cách hiệu quả tất cả những điều bạn chưa được học trong trường đại học và để bước vào thị trường việc làm. Nhưng Jarrett nói rằng mục đích của Koru là đưa sinh viên ra khỏi vùng an toàn của họ, và “sinh viên có thể làm được điều đó chỉ trong một khoảng thời gian giới hạn, trước khi khả năng học hỏi giảm dần.”

Có khoảng 85% sinh viên Koru kiếm được một công việc trong vòng sáu tháng sau khi hoàn thành chương trình. Không có điều gì rõ ràng có thể chỉ ra rằng, liệu những sinh viên đó có thể tìm được một công việc mà không cần nhờ đến sự hỗ trợ của Koru, hay chương trình với chi phí 2.700 đô-la này thực sự có giá trị hay không. Xét cho cùng, không phải tất cả mọi người đều cần phải học những kỹ năng kinh doanh cụ thể mà Koru tập trung giảng dạy, nhưng có một số sinh viên và phụ huynh sẵn sàng chi trả để có thể đặt chân vào thị trường việc làm đầy cạnh tranh.

Mạng lưới các nhà tuyển dụng thật sự là lợi thế hàng đầu của Koru, bởi nó đóng vai trò như là dịch vụ mai mối giữa sinh viên và các công ty đang tuyển dụng. Rất nhiều công ty hợp tác cùng Koru là những công ty khởi nghiệp hoặc tăng trưởng nhanh với nhu cầu khổng lồ trong việc tìm kiếm nhân tài, ví dụ như Wayfair ở Boston, Yelp ở San Francisco và REI ở ngoại ô Seattle. Những sinh viên tốt nghiệp chương trình có thể tìm được việc làm ở bất kỳ đâu, nhưng nhiều người trong số họ dừng chân tại những công ty lần đầu tiên họ được tiếp xúc qua Koru.

Karen Jobe, quản lý nhân sự ở Zulily, một công ty bán lẻ quần áo trực tuyến, nói với tôi rằng công ty đã hợp tác với một số nhóm sinh viên Koru trong các dự án hỗ trợ xây dựng mảng kinh doanh cho khách hàng nam giới và thu hút nhiều hơn nhóm khách hàng là phụ nữ sắp làm mẹ. Jobe nói rằng cô ấy đã tuyển dụng khoảng

hơn một chục sinh viên tốt nghiệp từ Koru, và họ tỏ ra xuất sắc hơn những sinh viên vừa mới tốt nghiệp đại học khác về khả năng học hỏi từ những thất bại. “Hầu hết sinh viên mới tốt nghiệp đã trải qua khoảng thời gian đại học êm đềm và được khen rằng họ thật tuyệt vời, vì vậy họ không thể chấp nhận những phản hồi tiêu cực trong công việc,” Jobe nói. “Nhưng những sinh viên tốt nghiệp từ Koru thường bước vào công việc với sự nhận thức về việc tiếp nhận phản hồi và cải thiện dựa trên phản hồi đó.”

Đại đa số các công ty nhìn nhận Koru và những chương trình cầu nối khác như một nguồn những ứng viên đã được xem xét về chuyên môn và đào tạo trong công việc. Cả hai yếu tố này đều là điểm then chốt với các nhà tuyển dụng, trong thời kỳ mà bản thân tấm bằng đại học là dấu hiệu dự báo mờ nhạt về khả năng thành công trong sự nghiệp và khi những nhân viên trẻ không gắn bó lâu dài với một công việc. Những chương trình cầu nối cho phép các công ty cảm thấy tự tin hơn trong việc bắt lấy một cơ hội trong một nhóm lớn những người ứng tuyển. Những nhà tuyển dụng hàng đầu có thể tuyển được những sinh viên tốt nghiệp xuất sắc nhất từ những ngôi trường ưu tú nhất. Tuy nhiên, họ cho rằng rất khó để tìm được ứng viên phù hợp từ những trường đại học ít ưu tú hơn, vì có một sự không chắc chắn về kỹ năng và khả năng của ứng viên.

Tuy nhiên, những nhà tuyển dụng vẫn không sẵn lòng sử dụng thời gian và tiền bạc để bổ sung thêm những trường đại học vào lịch trình tuyển dụng, hoặc phải sàng lọc một loạt ứng viên để tìm ra được một ứng viên hiếm có từ một trường đại học ngẫu nhiên. Thay vào đó, họ đi theo con đường dễ dàng hơn và chủ yếu tuyển dụng ở các trường ưu tú, bởi họ biết rằng bộ phận tuyển sinh ở những nơi này đã thực hiện công việc sàng lọc cho họ từ bốn năm trước.

Điều khác biệt bây giờ là việc cung cấp nhân tài đã có thêm nhiều kênh từ mọi nơi trên thế giới, những địa điểm xa xôi có thể mang đến những nhân tài tuyệt vời mặc dù những nhà tuyển dụng chẳng bao giờ đặt chân đến đó. Đó là lý do vì sao những chương trình cầu nối có tiềm năng thực sự để phá vỡ phương thức tuyển dụng mà các doanh nghiệp đang làm tại những trường đại học.

Chúng ta đã đang có một cái nhìn lướt qua về tương lai, khi một vài trường đại học đã tích hợp chương trình cầu nối vào chương trình giáo dục đại học ngay trước khi tốt nghiệp, giống như việc sinh viên lựa chọn chuyên ngành và khi họ cần được hỗ trợ đăng ký vào các chương trình thực tập quan trọng. Khi những chương

trình này được kết hợp sâu sắc hơn vào hệ thống giáo dục đại học, bước đi hợp lý tiếp theo là các chương trình cầu nối sẽ đóng vai trò như những đơn vị phục vụ cho sinh viên tốt nghiệp, giống như những công ty hỗ trợ các diễn viên Hollywood và vận động viên chuyên nghiệp. Những chương trình cầu nối mang đến sự tư vấn và huấn luyện nghề nghiệp mà sinh viên ngày nay đang rất cần nhưng không nhận được từ trường đại học.

ĐIỀU ĐẦU TIÊN DÀNH CHO SINH VIÊN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC: PHẢN HỒI TIÊU CỰC

Vào một ngày đầu tháng 1 rét căm, tôi đến trụ sở của Koru đặt tại Lower Queen Anne ở Seattle, cách tháp Space Needle nổi tiếng của thành phố một vài tòa nhà. 16 sinh viên trong một lớp học ở Koru đang thiết kế một dự án truyền thông xã hội cho công ty địa phương Porch, chuyên kết nối những người chủ nhà với các nhà thầu. Chia thành bốn nhóm làm việc, các sinh viên đã phát triển các khảo sát, tỏa vào thành phố theo nhiều hướng khác nhau để phỏng vấn các khách hàng tiềm năng và nghiên cứu đối thủ.

Vào hôm đó, các sinh viên đang luyện tập cho bài thuyết trình trước các lãnh đạo cấp cao tại Porch vào tuần sau đó. Các lãnh đạo của Koru đưa ra đánh giá về mọi điều, từ ngôn ngữ sinh viên sử dụng, cách họ ăn mặc cho đến những tín hiệu không lời hoặc văn bản. Jarrett đã đưa ra nhiều câu hỏi dồn dập cho nhóm sinh viên về sự thiếu chi tiết trong những câu hỏi khảo sát và cách họ phân tích dữ liệu. Ông cũng cực kỳ khó tính với kỹ năng trình bày của họ. Không có bài thuyết trình nào của các nhóm có đủ sức thuyết phục và chuyên sâu. Jarrett yêu cầu họ sử dụng ngôn ngữ chính xác hơn để các lãnh đạo cấp cao bận rộn kia có thể đi theo mạch thuyết trình. Có đôi lúc, những lời chỉ trích dành cho nhóm Koru rất nặng nề, và từ phản ứng của các sinh viên, có thể thấy rõ ràng rằng có lẽ họ chưa bao giờ nhận được những phản hồi tiêu cực như vậy.

Buổi chiều hôm đó là một khóa học ngắn về giao tiếp kinh doanh căn bản. Sinh viên đã quá quen thuộc với việc giao tiếp qua tin nhắn, và viết email cho ai đó họ đã gặp tại một sự kiện kết nối dường như là một khái niệm khá xa lạ. Ở trường đại học, họ đã học cách viết các bài nghiên cứu và phong cách phù hợp cho những lời ghi chú ở cuối trang, tuy nhiên ít điều trong số đó có ảnh hưởng đến quá trình tìm việc hoặc trong công việc. Giáo viên hướng dẫn đã đưa ra một ví dụ về những email được gửi bởi những cựu sinh viên Koru. Những email đó hoặc là quá thiếu trịnh trọng hoặc quá dài, và nhiều trong số đó thiếu đi nội dung

then chốt hoặc một đề xuất cụ thể nào đó. Những email đó được viết bởi những sinh viên tốt nghiệp từ một vài trường đại học và cao đẳng tốt nhất trên cả nước, nhưng rõ ràng là họ không có khả năng viết một thông điệp đơn giản đến một người mà họ muốn làm việc.

Tôi thấy tò mò về những sinh viên tốt nghiệp vẫn còn thất nghiệp mà không có mặt tại đây, những người không muốn hoặc không thể chi trả một vài ngàn đô-la cho chương trình của Koru (sau những gì họ đã tiêu tốn cho tấm bằng cử nhân) – những người đã tốt nghiệp với một tấm bằng và một lời hứa rằng tờ giấy đắt đỏ đó sẽ là tấm vé đưa họ đến một cuộc sống tốt đẹp hơn. Hầu hết các trường đại học không để tâm xem điều sẽ xảy ra với sinh viên của họ sau khi tốt nghiệp, trừ khi liên quan đến việc níu kéo họ trở thành cựu sinh viên để nhận được những khoản tiền quyên góp.

Vào năm 2015, chính quyền liên bang đã yêu cầu bắt buộc các trường đại học vì lợi nhuận phải chứng minh được những sinh viên tốt nghiệp sẽ kiếm đủ tiền để trả được các khoản nợ, hoặc phải đối diện với nguy cơ mất đi sự tiếp cận với những quỹ hỗ trợ sinh viên liên bang. Kết quả là đã có 1.400 chương trình được điều tra. Tuy nhiên, những tổ chức giáo dục phi lợi nhuận truyền thống được miễn khỏi quy định này. Vai trò của họ không phải là trang bị cho sinh viên cho một công việc cụ thể như những ngôi trường được gọi là “trường học sự nghiệp”. Nhiệm vụ của họ là mang đến cho thanh thiếu niên một chương trình giáo dục tổng quát, giúp họ có khả năng được tuyển dụng. Đó là công việc của họ, mặc dù 1/10 trường đại học Mỹ cung cấp chương trình giáo dục bốn năm, phần lớn sinh viên của họ chỉ kiếm được dưới 25.000 đô-la sau 10 năm kể từ ngày nhập học.

Mặc dù nhu cầu của sinh viên và nhà tuyển dụng đã thay đổi, các trường đại học vẫn bám vào nhiệm vụ lịch sử của họ. Có quá nhiều sinh viên ngày nay thiếu đi những kỹ năng xử lý và sự bền bỉ cần thiết để thành công, họ dừng chân tại những nơi làm việc không sẵn lòng đầu tư để đào tạo họ. Kể cả những công ty được coi là tốt nhất trong ngành cũng đã cắt giảm khoản chi phí đào tạo nhân viên khoảng 15% kể từ năm 2006. “Tình hình giờ đã thay đổi,” Jarrett nói.

Tuy nhiên, các trường đại học vẫn đang chơi theo luật lệ cũ trên sân chơi đã được xây dựng từ thế kỷ trước. Dịch vụ nghề nghiệp ở nhiều trường đại học chỉ là một tiện nghi bổ sung vào tấm bằng cử nhân, nó giống như “một yếu tố ưu tiên nhập học”, theo lời của chủ tịch một trường đại học.

Đây là lý do vì sao các chương trình cầu nối trở nên phổ biến, và vì sao nhiều trường cao đẳng và đại học cần phải bắt kịp trong việc trang bị cho sinh viên các kỹ năng để bắt đầu một sự nghiệp.

CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN NHỮNG NGHỀ NGHIỆP ĐÃ ĐƯỢC LỰA CHỌN

Khi đến Koru vào ngày đầu tiên của khóa đào tạo, Jack Bird nhanh chóng nhận ra một vài điểm khác biệt so với một ngày điển hình ở trường đại học. Cụ thể là thời gian ở Koru vô cùng bận rộn và tập trung. Sinh viên được yêu cầu có mặt ở trường đúng giờ, và họ thường làm việc đến đêm muộn cho những dự án. Thời gian sử dụng cho một công việc và khả năng tập trung vào một dự án nghiêm ngặt là hai điều mà theo các nhà nghiên cứu là có ảnh hưởng đến việc định hình sự thành công trong công việc, chứ không phải điểm số hay chuyên ngành. Jack cũng nói với tôi rằng những đánh giá về công việc là điều khó khăn nhất trong quãng thời gian tuổi trẻ của cậu ấy. Quan trọng hơn cả, Jack đã nói rằng Koru dạy cho cậu ấy làm thế nào để giải thích những điều mình đã làm trong trường đại học với các nhà tuyển dụng một cách hiệu quả hơn.

Vào giai đoạn giữa của khóa học Koru, Jack đã gặp một người tuyển dụng của LinkedIn. Nhóm của Jack đang làm việc với một công ty kết nối mạng lưới trực tuyến cho một dự án tuyển dụng, nỗ lực tìm ra phương thức để thu hút thế hệ Y vào nội dung của LinkedIn. “Tôi biết rằng mình có những kỹ năng để làm việc tại LinkedIn,” cậu ấy nói, “nhưng nếu gửi hồ sơ cá nhân đến đó thì tôi có thể chỉ là một con số mà thôi, đặc biệt là với một người tốt nghiệp từ Đại học Santa Clara.”

Những người mới tốt nghiệp đại học hiếm khi có cơ hội gặp mặt trực tiếp với nhà tuyển dụng của một công ty, và hồ sơ của họ thường bị gạt vào loạt hồ sơ bị từ chối trước khi có cơ hội để quảng cáo bản thân. Đối với Jack, cuộc trò chuyện kéo dài 20 phút với người tuyển dụng của LinkedIn cuối cùng lại trở thành cuộc đối thoại dài một tiếng đồng hồ về thời gian tại châu Phi và Mexico của cậu ấy. Cho tới lúc đó, Jack nói với tôi rằng cậu ấy không thể trình bày về những điều đã học được từ những trải nghiệm ở nước ngoài có thể áp dụng vào những hoàn cảnh khác như thế nào, ví dụ như một công việc tại một công ty công nghệ.

“Koru giúp tôi liên kết những kinh nghiệm tôi có được từ những nơi khác,” Jack nói.

Những cuộc phỏng vấn thử và những buổi tập huấn với huấn luyện viên đã hỗ trợ cậu ấy trong việc kết nối môi trường lớp học với thế giới thực tế. Những sinh viên đại học tích lũy kinh nghiệm ở trường đại học, nhưng không ai giúp đỡ họ trong việc sắp xếp những điều họ học được thành một câu chuyện có tính liên kết và thuyết phục. Một vài tuần sau đó, Jack nhận được lời mời về một vị trí trong chương trình đào tạo toàn thời gian ở LinkedIn. Đó là một vị trí được trả lương và gần như sẽ mang đến một công việc chính thức.

Những chương trình cầu nối không dành cho tất cả mọi người, và đó chắc chắn không chỉ là bàn đạp đưa đến một sự nghiệp sau khi tốt nghiệp. Chúng phục vụ một số nhà tuyển dụng nhất định với những nhu cầu cụ thể để tìm kiếm nhân tài, thông thường là trong lĩnh vực bán hàng, marketing hoặc phát triển kinh doanh. Những chương trình này có thể không có giá trị với những sinh viên muốn làm việc cho chính phủ hoặc những tổ chức phi lợi nhuận – những nơi mà nhiệm vụ còn quan trọng hơn cả kết quả cuối cùng.

Không phải tất cả sinh viên đại học đều sẵn sàng tham gia vào lực lượng lao động một tháng hoặc ba tháng sau khi tốt nghiệp, chỉ vì sinh viên không phải lúc nào cũng bắt đầu thi đại học ngay sau khi tốt nghiệp trung học. Trong Chương 1 có nói rằng, một Người chạy nước rút không có nghĩa là bắt đầu công việc ngay vào ngày đầu tiên sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, đó là vòng tròn tiếp theo mà hầu hết sinh viên mong muốn vượt qua một khi chương trình đại học đã được hoàn thành.

Đó là điều mà tác giả William Deresiewicz gọi là “tín dụng năng lực”, nơi mà mục đích trong cuộc sống chỉ đơn giản là tích lũy được những ngôi sao vàng. Trong cuốn sách *Excellent Sheep* (tạm dịch: Chú cừu xuất sắc), Deresiewicz đã than khóc cho số phận của những sinh viên tốt nghiệp từ các trường đại học danh tiếng, những người ngay lập tức bắt đầu sự nghiệp trong mảng tài chính và tư vấn. Một nửa số sinh viên tốt nghiệp của Harvard và Penn làm việc cho một trong hai ngành đó, và hơn 1/3 trong số họ đến từ Cornell, Stanford và MIT.

Deresiewicz không phải là người duy nhất phê phán những sinh viên tốt nghiệp vì đã suy nghĩ quá hạn hẹp về sự nghiệp, cũng như các trường đại học vì đã khuyến khích những suy nghĩ đó. Những sinh viên này có nhiều sự lựa chọn nhất, nhưng hầu hết họ chỉ chọn một vài con đường trong ngành tài chính hoặc tư vấn, trường luật hay kinh doanh, và một vài năm sau đó, nhiều người

trong số họ sẽ coi thường những điều mà mình đang làm. Sau khi lắng nghe rất nhiều sinh viên mới tốt nghiệp mang tâm trạng không mấy vui vẻ, một luật sư được đào tạo từ hệ thống trường Ivy League đã quyết định làm điều gì đó, và vào năm 2011, ông đã tạo ra một lựa chọn mới cho việc khởi đầu từ trường đại học.

QUẢNG NGHỈ MỘT NĂM SAU ĐẠI HỌC

Đó chính là Andrew Yang, và ông đã sáng tạo ra điều được gọi là quảng nghỉ một năm sau đại học (hoặc hai năm trong trường hợp này).

Yang tốt nghiệp Đại học Brown năm 1996, và giống như nhiều sinh viên xuất sắc theo học những trường đại học ưu tú với hàng ngàn đối thủ cạnh tranh khác, ông không chắc rằng mình muốn làm gì tiếp theo, vì vậy ông đã theo bạn bè đi học trường luật. Sau khi hoàn thành việc học ở trường luật và cần phải trả khoản nợ sinh viên, Yang đã làm việc cho một công ty luật lớn với mức lương sáu con số. Yang ghét công việc đó. Ông đã rời bỏ công việc trong vòng một năm và bắt đầu công ty công nghệ của riêng mình. Khi sự nghiệp riêng này thất bại một vài tháng sau đó, Yang chuyển sang làm việc tại công ty phần mềm, và đến năm 2006, ông là giám đốc điều hành của một công ty cung cấp dịch vụ chuẩn bị cho kỳ thi, hỗ trợ sinh viên trong việc học tập để tham gia kỳ thi đầu vào tại các trường kinh doanh, GMAT.

Trong suốt 5 năm quản lý công ty, Yang đã được rất nhiều người yêu quý. Họ phải đi theo con đường đến trường kinh doanh vì họ không biết phải làm gì nữa. Sau đó họ làm những công việc như chuyên gia tư vấn đây quyền lực, hoặc bươn trải trên phố Wall và kiếm được những khoản tiền lớn hơn nhiều so với suy nghĩ trước đây của họ. Tuy nhiên, như Yang đã từng làm việc tại văn phòng luật, họ vẫn không thấy hạnh phúc. Lúc đó, họ đã ở những năm cuối của độ tuổi 20, không có nơi nào để tìm một ngã rẽ ngoài việc quay lại trường học để kiếm một tấm bằng khác.

Tuy nhiên, Yang hiểu rằng có một nguồn nhu cầu khổng lồ đối với những nhân tài, những người không cảm thấy hài lòng tại những công ty luật hoặc ngân hàng đầu tư. Nhu cầu này đặc biệt rõ nét tại những thành phố như Detroit, Baltimore, Cleveland, Cincinnati và St. Louis, những nơi có thể được coi là nhóm thành phố nhóm hai ở Mỹ bởi vì chúng không có những nét đặc sắc để thu hút những người trẻ mới tốt nghiệp đại học. Tuy nhiên, những thành phố đó lại có một nền văn hóa khởi nghiệp mạnh mẽ giống như Thung lũng Silicon, New York và Washington D.C.

Đây là nơi mà Yang đã nhìn thấy cơ hội. Giống như Koru, ông muốn trở thành “người kết nối”, nhưng trong trường hợp này là giữa các công ty khởi nghiệp và những sinh viên mới tốt nghiệp đầy tài năng, trước khi họ bước vào con đường mà ông ấy cho là sai lầm. Yang biết rằng những công ty mới thành lập có trách nhiệm đối với sự tăng trưởng nghề nghiệp trong tương lai dài, tuy nhiên trong những năm gần đây, số lượng nghề nghiệp đang giảm đi. Lần đầu tiên trong lịch sử, phần lớn số lao động nước Mỹ được những công ty với quy mô từ 500 người trở lên tuyển dụng. Yang đã quen với sự thành công của Tech for America, tổ chức mà trong vòng 30 năm qua đã sắp xếp cho 42.000 sinh viên mới tốt nghiệp vào vị trí giáo viên ở các trường học.

Điều gì sẽ xảy ra nếu có một chương trình tương tự dành cho các doanh nghiệp? Yang đã sao chép cuốn sách của Tech for America, thậm chí sử dụng một phần tên tổ chức cho ý tưởng của mình: Venture for America (VFA) (Dự án Kinh doanh mạo hiểm cho nước Mỹ).

VFA là một tổ chức phi lợi nhuận, hợp tác với những công ty khởi nghiệp trong các thành phố như Baltimore và Detroit, sau đó kết nối chúng với những sinh viên mới tốt nghiệp. Trong vòng hai năm, những sinh viên mới tốt nghiệp sẽ làm việc cho những công ty trong các ngành nghề phong phú, từ thương mại điện tử đến công nghệ sạch. Sinh viên kiếm được mức lương khoảng 38.000 đô-la/năm, và ở một số công ty khởi nghiệp, họ còn có thể mua cổ phần.

150 sinh viên được nhận vào chương trình mỗi năm, và sẽ làm việc tại một công ty bất kỳ tại 12 thành phố với một chương trình cầu nối kéo dài năm tuần, trong đó họ sẽ học về thiết kế sản phẩm, nói trước công chúng, và dĩ nhiên là kinh doanh. Rất nhiều sinh viên đã nói với tôi rằng đây là nơi mà lần đầu tiên họ tìm được cộng sự của mình – những sinh viên giống như họ, mong muốn được hình thành con đường sự nghiệp độc lập của riêng mình thay vì đơn thuần đi theo những người khác làm những công việc sẵn có. Theo lời Yang, “tinh thần doanh nhân là sự nỗ lực đơn độc,” đặc biệt là trong các trường đại học.

Chỉ mới gần đây, các trường học mới bắt đầu thực hiện ý tưởng tinh thần doanh nhân bằng cách cung cấp các khóa học hay bằng đào tạo. Chủ tịch Đại học Maryland đã công bố rằng ông muốn toàn bộ 37.000 sinh viên của trường “được tiếp xúc với khái niệm về cải tiến và tinh thần doanh nhân”. Nhưng ở nhiều trường đại học và cao đẳng, ý tưởng về việc kết hợp kinh doanh vào chương

trình đào tạo bị bác bỏ, họ coi đó chỉ như một trào lưu nhất thời. “Nếu bạn đến trung tâm dịch vụ việc làm và nói: ‘Tôi chuẩn bị thành lập một công ty,’ họ sẽ đẩy bạn đến một công việc khác bởi họ lo rằng bạn sẽ thất nghiệp,” Yang nói với tôi.

Các sinh viên VFA cũng đã nói rằng họ chọn chương trình bởi họ coi đây như chính sách bảo hiểm cho tấm bằng cử nhân trong thị trường nghề nghiệp phát triển liên tục. Theo một cuộc khảo sát được thực hiện bởi tổ chức American Public Media (Truyền thông Công cộng Mỹ), 1/4 số nhà tuyển dụng nói rằng trong quá trình tuyển chọn ngày nay, họ ít coi trọng tấm bằng cử nhân hơn so với 5 năm về trước. Khoảng 43% nói rằng họ coi trọng kinh nghiệm làm việc hơn là kết quả học tập khi tuyển dụng những sinh viên mới tốt nghiệp, và 70% nói họ sẽ không cần quan tâm đến yêu cầu bằng cấp cử nhân nếu tất cả những yếu tố khác của ứng viên đều hoàn toàn phù hợp.

Những lời tư vấn nghề nghiệp ngày nay thường là “Hãy kiếm một tấm bằng mang đến cho bạn một công việc”. Đó là lý do vì sao những chuyên viên tư vấn trung học và phụ huynh thường dẫn học sinh đi theo các chuyên ngành tài chính, mã hóa và nhóm ngành STEM⁵. Tuy nhiên, không ai đảm bảo rằng những nghề nghiệp “hot” nhất ngày nay mà yêu cầu bằng cử nhân sẽ duy trì mãi như vậy trong 10 năm, thậm chí là chỉ 5 năm nữa. Công nghệ đang dần thay thế các công việc mà chúng ta từng nghĩ rằng robot không thể thực hiện được. Hãy thử nghĩ xem một thập kỷ trước đây, thiết kế web là một công việc rất nổi, sau đó công việc này đã nhanh chóng bị thay thế bởi công nghệ WordPress, và lĩnh vực này đã phát triển thành những công việc cao cấp hơn. Bây giờ, kỹ năng cần phải có là thiết kế trải nghiệm của người dùng, mặc dù cũng không có gì đảm bảo rằng nhu cầu cho kỹ năng này sẽ vẫn tồn tại.

⁵ Nhóm ngành STEM bao gồm những nhóm ngành liên quan chủ yếu đến các ngành: Khoa học (Science) – Công nghệ (Technology) – Kỹ thuật (Engineering) – Toán học (Mathematics). Có 94 môn học được đưa vào danh sách cách chuyên ngành thuộc nhóm STEM.

Khoảng một nửa sinh viên tốt nghiệp VFA vẫn làm việc cho các công ty khởi nghiệp sau khi hoàn thành chương trình, hoặc là với tư cách người sáng lập công ty của chính họ, hoặc là làm việc cho một công ty nào đó. Với những sinh viên VFA mà tôi đã gặp, kinh doanh mang đến cho họ sự linh hoạt mà những nghề nghiệp truyền thống không có, đặc biệt là khi toàn bộ các lĩnh vực nghề

nghiệp sụp đổ. Các doanh nhân có thể tự làm việc cho chính mình và hưởng thụ những lợi ích từ sự làm việc chăm chỉ trong các công ty khởi nghiệp, và quan trọng nhất là có thể xoay sở một cách nhanh chóng bằng việc sử dụng những kỹ năng đã học được khi nền kinh tế đột ngột thay đổi. Như người phụ trách chương trình hợp tác đại học của IBM nói trong Chương 2, ông ấy sẽ “tuyển ai đó từng khởi nghiệp thất bại hơn là một sinh viên mới tốt nghiệp.”

ĐI THEO MỘT CON ĐƯỜNG KHÁC THƯỜNG

Trong những năm gần đây, truyền thông đã thực hiện rất nhiều báo cáo về sự đi xuống của một thành phố đã từng rất hùng mạnh, Detroit. Hơn 70.000 bất động sản trong thành phố đã bị tịch thu chỉ trong vòng bốn năm. Hàng ngàn tòa nhà đã bị bỏ hoang mà không có một dịch vụ cơ bản nào, ví dụ như hệ thống nước và đèn đường. Những ổ gà to đùng xuất hiện khắp các mặt đường. 60 năm trước đây, Detroit là một trong những thành phố giàu có nhất nước Mỹ, nhưng đến những năm 1970, dân cư lần lượt rời khỏi thành phố. Bạn có thể hiểu vì sao hàng nhóm sinh viên chuyển đến Seattle để tham gia chương trình Koru, nhưng sẽ thật vô lý nếu họ đến lập nghiệp ở Detroit.

Tuy nhiên, đó là nơi tôi tìm thấy Tim Moris vào một ngày đầu tháng 11. Tôi đến tòa nhà Guardian (nơi cậu ấy làm việc) sau khi đi qua một mê cung những con phố với đầy phương tiện xây dựng, những căn trục cao vút và con người nữa. Đây không phải là Detroit mà tôi đã tưởng tượng sau khi đọc một câu chuyện trên tạp chí Times về sự sụp đổ của thành phố với tiêu đề đáng ngại “Liệu tiếp theo có phải là thành phố của bạn?”

Đó đã từng là một thành phố bận rộn, thậm chí là bùng nổ, với những nhà hàng thời thượng và những căn hộ đắt đỏ trên tầng thượng. Tòa nhà Guardian cũng từng là tượng đài trong quá khứ của Detroit. Vốn là trụ sở chính của Union Trust Company vào cuối những năm chiếc cột khổng lồ được dựng lên như thế nào từ 1920, tòa nhà có ba tầng với kiến trúc mái vòm đã được tu sửa một cách tỉ mỉ. Tim, một kiến trúc sư tốt nghiệp Đại học Virginia, đã giải thích cho tôi về cách những tấm đá cẩm thạch nhập khẩu từ Ý hòa với màu nền những chiếc cột làm từ đá cẩm thạch đen nhập khẩu từ Bỉ. Tim lớn lên ở Georgia và chưa bao giờ nhìn thấy một tòa nhà với kiến trúc phức tạp và tỉ mỉ như vậy. Và cậu ấy cũng sẽ không thể nhìn thấy được nếu như không có sự thúc đẩy từ VFA sau khi tốt nghiệp.

“Detroit có lẽ là thành phố cuối cùng trong danh sách những thành phố tôi dự định chuyển đến,” cậu ấy nói.

Giống như những sinh viên đại học khác, Tim theo học một chuyên ngành mà cậu ấy cảm thấy thích thú khi còn học trung học, nhưng lại là chuyên ngành mà cậu ấy có ít hiểu biết về nội dung công việc thực tế sẽ là gì. Trước khi bước vào năm cuối ở UVA, Tim đã thực tập tại một công ty kiến trúc ở Atlanta. Đó là thời điểm mà cậu ấy lần đầu tiên được chứng kiến xem cuộc sống hằng ngày sau đại học là như thế nào.

“Người ngồi cạnh tôi thiết kế những căn phòng tắm cho người khuyết tật, trong khi tôi thiết kế công viên và bảo tàng,” Tim nói. “Tôi muốn làm được điều gì đó mang lại nhiều sự ảnh hưởng hơn.”

Khi trở lại UVA để hoàn thành năm học cuối, cậu ấy đã tìm hiểu công việc trong những công ty phi lợi nhuận hoặc công ty trực thuộc chính phủ liên bang ở Washington, nhưng cậu ấy đã lo lắng rằng một công việc trong bộ máy nhà nước sẽ dẫn đến những sự không thỏa mãn trong công việc. Đó là lúc cậu ấy nghe đến VFA từ một người bạn (một lần nữa, tôi được nhắc lại về việc mạng lưới kết nối ảnh hưởng như thế nào đến cách mà các sinh viên nghe ngóng thông tin về các chương trình thực tập và cơ hội việc làm). Tim đã đọc cuốn sách của Andrew Yang, *Smart People Should Build Things* (tạm dịch: Những con người thông minh nên gây dựng mọi điều), và đã được truyền cảm hứng để tham gia VFA.

“Washington D.C, không cần đến tôi,” Tim nói. “Thành phố đã có quá nhiều sinh viên mới tốt nghiệp trẻ và tài năng.”

Tim đã đi theo con đường gần như đối lập với cách tiếp cận về mặt địa điểm mà tôi nói đến trong Chương 4, bởi cậu ấy đã tìm được một cơ hội phát triển cụ thể bằng cách đến một thành phố khác thường. Thay vì chuyển đến một thành phố có nhiều sinh viên quy tụ, cậu ấy đã đến Detroit, nơi có ít sự cạnh tranh hơn và nơi mà cậu ấy nghĩ rằng mình sẽ vượt trội hơn. Với sự hỗ trợ của VFA, cậu ấy đã được vào làm tại một công ty khởi nghiệp thiết kế không gian làm việc cách tân.

“Bạn có thể tìm được một công việc bình thường tại một địa điểm như vậy, và bỗng nhiên nó sẽ trở nên phi thường,” cậu ấy đã nói với tôi.

Tim đã hỗ trợ thiết kế một công trình điêu khắc tại một công viên

công cộng mới trong thành phố, ngoài ra còn đang hỗ trợ công việc cho Quicken Loans, công ty có trụ sở chính đặt tại khu trung tâm Detroit, và được dẫn dắt bởi Dan Gilbert, người đã quyên góp hơn một triệu đô-la cho VFA. Tim cam kết ở lại với VFA trong hai năm và vẫn cảm thấy thoải mái dù không biết điều gì sẽ xảy ra tiếp theo.

“Tôi không có một kế hoạch 5 năm,” cậu ấy nói. “Tôi muốn thấy liệu chương trình này sẽ đưa tôi đến đâu tiếp theo. Nhiều người quá tập trung vào việc tìm kiếm một công việc sau khi tốt nghiệp, đến mức họ không muốn chờ đợi để nhìn xem liệu có điều gì khác diễn ra đang chờ đợi họ hay không.”

NHỮNG MẸO NHỎ ĐỂ KHỞI ĐẦU TỪ TRƯỜNG ĐẠI HỌC

Mặc dù những chương trình khởi động sau đại học có thể giúp các sinh viên tốt nghiệp nhanh chóng tìm ra con đường của họ, nhưng không phải tất cả mọi người đều có thể xoay xở để ghi danh tham gia hoặc chuyển đến một thành phố khác trong vòng hai năm và làm việc cho một công ty khởi nghiệp. Xét cho cùng, rất nhiều người mang theo món nợ sinh viên phải chi trả (khoảng 40% sinh viên tham gia VFA phải gánh những khoản nợ sinh viên).

Tuy nhiên, bất kỳ một sinh viên tháo vát nào cũng nên có khả năng tái tạo lại những bộ kỹ năng giá trị được giảng dạy trong các chương trình như Koru và VFA khi còn đang ngồi trên ghế nhà trường, bằng việc chọn những chuyên ngành và khóa học khắt khe, bằng việc tìm kiếm những công việc bán thời gian, chương trình thực tập và các dự án nghiên cứu xứng đáng. Qua việc quan sát những chương trình sau đại học, tôi nhận ra rằng họ luôn tập trung đào sâu bốn kỹ năng sau đây cho những học viên của mình:

1. Tìm ra nhịp điệu cho một ngày của bạn

Nhiều sinh viên ngày nay bước vào đại học mà thậm chí chưa bao giờ làm một công việc bán thời gian nào trong suốt thời trung học. Số lượng thiếu niên làm một công việc nào đó khi học trung học đã giảm từ 40% năm 1990 xuống chỉ còn 20% ngày nay, con số thấp nhất kể từ khi nước Mỹ bắt đầu giữ nhịp phát triển từ năm 1948. Dĩ nhiên, một phần của việc này là do sự thiếu hụt công việc trong thị trường việc làm cho người trẻ, tuy nhiên hầu hết thiếu niên đã lựa chọn không đi làm. Đặc biệt là ở các gia đình trung lưu và giàu có, những người trẻ luôn quá bận rộn với những công việc khác – chơi thể thao, học tập và đi theo một lịch trình

ngày đặc các hoạt động được sắp xếp bởi cha mẹ.

Nghiên cứu đã chỉ ra rằng những sinh viên đi làm khi còn học trung học hoặc đại học có thể phân bổ thời gian của họ hiệu quả hơn, học được về những quy tắc và trách nhiệm tại nơi làm việc, và được khích lệ để học hành chăm chỉ hơn để đạt được một mục tiêu nghề nghiệp nhất định.

Một công việc dạy cho người trẻ cách để nhìn ra nhịp điệu của một ngày, đặc biệt là những loại hình công việc đều đặn hằng ngày là điều mà các thiếu niên đang có xu hướng tìm kiếm. Đó là nơi họ học cách có mặt đúng giờ, giữ đúng lịch trình, hoàn thành một danh sách các nhiệm vụ, và chịu trách nhiệm với quản lý của mình – người sẽ đưa cho họ những lời nhận xét tiêu cực đầu tiên, để họ có thể nhận ra rằng hóa ra mình không tuyệt vời như lời thầy cô, cha mẹ và lá thư chấp nhận của trường đại học đã nói.

Làm việc bán thời gian trong khi đi học cũng giúp cải thiện sự tự nhận thức. Những nhà tuyển dụng mà tôi đã phỏng vấn nói rằng những sinh viên tốt nghiệp ngày nay sẵn sàng làm việc vất vả để hoàn thành công việc. Tuy nhiên, tất cả bọn họ đều có một số hành vi mà nhà tuyển dụng không chấp nhận được: không ngừng lướt Facebook, rời đi vào giữa cuộc họp nhóm để tập luyện tại phòng gym, hoặc đề nghị được làm lại khi một công việc được giao thất bại... Một sinh viên từng tham gia chương trình Fullbridge ở Boston đã nói với tôi rằng, cậu ấy ngạc nhiên khi thấy các cuộc họp không bị hủy sau một trận bão tuyết. Cậu ấy nói rằng các giáo sư ở trường đại học thường xuyên hủy lớp học vì mọi lý do, bao gồm cả thời tiết.

Trường đại học ngày càng đối xử với các sinh viên như những khách hàng, không chuẩn bị tâm lý và kỹ năng cho họ trước những vất vả khi làm việc chính thức. Điều này xảy ra ngay cả tại những trường đại học và cao đẳng ưu tú nhất, như Frank Bruni, người phụ trách một chuyên mục trên New York Times, đã khám phá ra khi bắt đầu giảng dạy tại Đại học Princeton: “Từ thời điểm tôi đặt chân đến trường cho đến lúc rời đi, tôi nhận được thông điệp rằng các sinh viên là khách hàng, và tôi thường xuyên được nhắc nhở về những điều tôi nợ họ, những lời giảng giải rõ ràng, cùng sự hỗ trợ, hơn là về những điều họ nợ tôi – một giáo sư của họ.”

Những trải nghiệm khởi đầu sau đại học có thể mang đến một liều thuốc lạnh mạnh về thực tế trong một khoảng thời gian ngắn, nhưng các công việc bán thời gian có thể mang đến cho sinh viên

những cảm giác tương tự về nhịp độ trong hơn 30 năm làm việc sắp tới của họ.

2. Xem xét những mẫu hình về việc thất bại như thế nào

THẤT BẠI NHANH VÀ RẼ là một biển hiệu nằm ngay phía trong lối vào của văn phòng Korus ở Seattle. Đó là câu thần chú của những công ty khởi nghiệp ở khắp mọi nơi: hãy dừng lại khi bạn thất bại và điều chỉnh ý tưởng trước khi bạn tiêu tốn quá nhiều thời gian hoặc tiền bạc. Trong Chương 2, chúng ta đã biết rằng các nhà tuyển dụng đang tìm kiếm những nhân viên biết học hỏi từ sự thất bại. Tuy nhiên, sinh viên hiếm khi nhìn thấy những ví dụ tốt đẹp về sự thất bại trong cuộc sống hằng ngày để làm theo, bởi vì cha mẹ và giáo viên họ thường che giấu lỗi lầm. Thay vào đó, sinh viên được khuyến khích làm theo những ví dụ thành công. Thậm chí khi tìm kiếm trường đại học, họ cũng bị tấn công dồn dập bởi các tài liệu marketing mà trong đó chỉ nhắc đến những cựu sinh viên thành công.

Sinh viên hiếm khi xem xét những trường hợp thử nghiệm và sai lầm nhưng lại dẫn đến một sự nghiệp tốt đẹp. Họ chỉ được chỉ cho câu trả lời cuối cùng cho một vấn đề. Art Markman, một tác giả nổi bật và giáo sư tâm lý tại Đại học Texas, nói rằng ông chia sẻ “những bản thảo tồi tệ” trong quá trình nghiên cứu của mình với sinh viên để họ thấy rằng những bản viết tốt không tự dưng xuất hiện, mà đó là kết quả của nhiều lần viết đi viết lại.

Điều mà các chương trình cầu nối làm rất tốt là giúp đỡ sinh viên chấp nhận sự thất bại thông qua những dự án của họ, bởi những lời nhận xét không liên quan đến điểm số được đưa ra để giúp cải thiện công việc của họ trong một khoảng thời gian ngắn. Có quá nhiều bài tập và trải nghiệm trong cuộc đời của một người trẻ được liên kết với điểm số hoặc chiến tích, chứ không phải cảm giác thực sự về việc hoàn thành xuất sắc một công việc.

3. Nuôi dưỡng cảm giác tự tin

Thời đại của những “phụ huynh máy bay trực thăng” (những người luôn giúp đỡ con cái mình làm tất cả mọi việc) và những “phụ huynh cần gạt tuyết” (những người loại bỏ hết rào cản của con cái mình) đã khiến sinh viên bước vào trường đại học mà không có kinh nghiệm làm bất cứ việc gì liên quan đến mình. Đồng thời, các trường đại học đã bổ sung các chuyên viên tư vấn và những chương trình phần mềm để nói cho sinh viên biết về những lớp phải học hoặc những chuyên ngành phải lựa chọn. Vì

vậy, đại đa số sinh viên tốt nghiệp đại học thường thiếu sự tự tin khi ở trong môi trường làm việc, nơi mà họ không được cung cấp một danh sách chính xác những việc phải làm để có được lời nhận xét tốt về công việc, hoặc được tăng lương vào cuối năm.

Một sinh viên tôi gặp tên là Ham đã ghi danh vào chương trình Fullbridge khi đang học năm ba, để có thể chuẩn bị tốt hơn cho những chương trình thực tập. Ham đã nói với tôi rằng chương trình cầu nối giúp cậu ấy mở mang tầm mắt về khoảng cách xa vời giữa những điều mà các giáo viên giảng dạy tại trường đại học và những kỳ vọng khắt khe của môi trường làm việc. Và cậu ấy theo học Cao đẳng Grinnell, một trong những trường đào tạo giáo dục đại cương tốt nhất của Mỹ. “Fullbridge mang lại cho tôi động lực và sự tự tin để chấp nhận sự rủi ro,” Ham nói. Nó giúp cậu ấy biết được cảm giác khi hoàn thành xuất sắc một công việc hoặc chịu đựng một chuỗi thất bại là như thế nào.

Sau khi chương trình kết thúc, Ham quay lại trường để bắt đầu tìm kiếm chương trình thực tập mùa hè. Ham mong muốn thực tập tại Facebook, nhưng cậu ấy biết rằng việc đó không hề dễ dàng nếu nhìn vào số lượng hồ sơ ứng tuyển mà công ty nhận được mỗi năm. Một buổi tối muộn trong phòng ký túc, khi đang làm việc trên một ứng dụng mà mình đang phát triển, Ham quyết định săn lùng địa chỉ email của những lãnh đạo cấp cao của Facebook, và tìm được địa chỉ của Sheryl Sanberg, một CEO của Facebook. Ham đã gửi email cho bà ấy, mô tả về nền tảng của mình và ứng dụng mà cậu ấy đang phát triển.

Thật bất ngờ với Ham, Sheryl đã phản hồi và giúp cậu ấy kết nối với trưởng bộ phận tuyển dụng toàn cầu. Ham hoàn thiện việc ứng tuyển trực tuyến, tham gia phỏng vấn một vài tuần sau đó và nhận được một lời mời làm việc. Ham đã trở thành một người dũng cảm hơn, chắc chắn hơn bởi vì cậu ấy đã được thôi thúc để khám phá ra những tài năng ở Fullbridge, điều mà trường đại học trước đó không làm được.

4. Tìm kiếm một người hướng dẫn

Vài năm trước, tôi đã viết một bài báo cho tờ New York Times về việc tư vấn ở trường đại học và đã tham gia một vài buổi họp theo kiểu 1-1 giữa sinh viên và các chuyên gia tư vấn ở Đại học Temple. Điều khiến tôi chú ý trong các buổi họp là việc họ tập trung vào những vấn đề chiến lược như thế nào – theo học lớp nào, yêu cầu của khóa học, hoặc làm thế nào để chuyển đổi chuyên ngành – hơn là đưa ra lời khuyên về phương thức tiếp cận đại học như thế

nào.

Khi còn là một nhà báo cho Chronicle of Higher Education, tôi thường dừng lại để nhìn các giáo sư đang ngồi trong văn phòng và khám phá ra rằng họ rất vui khi gặp tôi, bởi vì rất ít sinh viên đến nói chuyện với họ. Sinh viên thường không tìm đến các giáo sư hoặc chuyên gia tư vấn để nói chuyện về cuộc sống và công việc. Điều tương tự cũng xảy ra khi sinh viên tham gia các chương trình thực tập và được vây quanh bởi nhiều chuyên gia – những người có thể đưa ra những lời khuyên tuyệt vời cho sự nghiệp của họ.

Nhiều trong số những Người chạy nước rút mà tôi đã gặp thường nói về những mối quan hệ mà họ đã phát triển được với các giáo sư trong trường đại học, hoặc những người hướng dẫn của họ trong các chương trình thực tập hoặc những công việc đầu tiên. Ở Koru, sinh viên không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc gặp gỡ các huấn luyện viên nghề nghiệp trong những buổi họp thường xuyên. Những người hướng dẫn đó không nhất thiết phải là những người nhiều tuổi hoặc kinh nghiệm hơn. Những trải nghiệm sau đại học mà tôi đã quan sát ở Seattle và Detroit cũng có rất nhiều ví dụ về việc học hỏi theo đôi bạn.

Tim Moris nói với tôi rằng cậu ấy đã có một mạng lưới đồng nghiệp tức thì nhờ những sinh viên VFA khác đã ở Detroit. Ở hầu hết những thành phố mà sinh viên định cư sau khi tốt nghiệp, họ bắt buộc phải thiết lập những mạng lưới đó để giúp đỡ họ trong mọi việc, từ tìm kiếm công việc đến nơi ở. Khi bạn nghĩ về nơi định cư sau khi tốt nghiệp, hãy cân nhắc bạn có thể xây dựng mạng lưới những người tư vấn hoặc những người bạn đồng cảm thông qua công việc, hoạt động cộng đồng hoặc sở thích như thế nào.

Cuối cùng, những trải nghiệm khởi đầu sau đại học giúp sinh viên có thể kể những câu chuyện của họ, mang lại cho họ khả năng để chuyển giao những điều học được từ trường học sang một hoàn cảnh khác: thế giới công việc. Chúng ta sẽ nghiên cứu sâu hơn về việc kể chuyện trong chương cuối cùng.

Khả năng sáng tạo một câu chuyện về những điều bạn đã học được từ trường học và công việc sẽ ngày càng trở nên quan trọng, vì nền kinh tế tri thức đang đòi hỏi ngày càng nhiều hơn từ người lao động, và yêu cầu họ tìm kiếm những cơ hội học hỏi trong cuộc đời mình. Suốt bao thế hệ, một tấm bằng giáo dục truyền thống bốn năm là đủ để thành công với một sự nghiệp kéo dài khoảng

30 năm. Tuy nhiên, khi gần như tất cả mọi người đều có một tấm bằng cử nhân, thì những trải nghiệm thời đại học đã trở thành sự chỉnh trang vô cùng cần thiết để trang bị tốt hơn cho sinh viên về việc học tập cả đời – điều hiện đã trở thành yếu tố nền tảng của bất kỳ công việc nào.

Chương 7

THIẾT KẾ LẠI TẤM BẰNG CỬ NHÂN

“Những người thất học của thế kỷ 21 không còn là những người không biết đọc và viết nữa, mà là những người không biết học hỏi, từ bỏ và học hỏi lại.”

- **Avin Toffler**, tác giả và người theo thuyết vị lai

Có gần 40% công nhân Mỹ sở hữu một tấm bằng đại học. Bằng cao đẳng thì có thể tìm thấy trong hầu hết tất cả các ngành nghề. 15% số nhân viên bưu điện có bằng đào tạo bốn năm, tương tự như 20% số nhân viên kế toán và bán hàng cùng 83.000 nhân viên pha chế. Đạt được tấm bằng cử nhân là ý nghĩa của việc đi học đại học đối với hầu hết mọi người, và điều đó đã ăn sâu vào nền văn hóa của chúng ta đến mức những sinh viên không lựa chọn con đường đó thường bị quở trách, nghi ngờ và coi là thất bại.

Tuy nhiên, tấm bằng cử nhân một-cho-tất-cả chưa bao giờ được thiết kế để phục vụ cho hàng triệu sinh viên sở hữu những năng lực tri thức và hứng thú nghề nghiệp mỗi năm, và cũng không được định hướng như một cơ chế đào tạo duy nhất cho một công việc. Trong thị trường công việc liên tục chuyển đổi ngày nay, khi mà công nghệ làm tăng tốc sự thay đổi trong nhu cầu của nhà tuyển dụng, bản thân tấm bằng cử nhân không thể cung cấp đủ những điều mà những người trẻ yêu cầu trong những khóa đào tạo chính quy. Sinh viên và phụ huynh phải nhận thức được những con đường giáo dục chính đáng sau trung học (bao gồm hệ thống trường cao đẳng cộng đồng) và các nhà hoạch định chính sách cần phải xây dựng những chứng chỉ mới để đo lường sự học tập ở nhiều địa điểm và được các nhà tuyển dụng chấp nhận.

Hiện nay, bằng cử nhân truyền thống vẫn được coi là hệ thống chủ yếu cho việc truyền tải giáo dục bậc cao. Đó chỉ là tấm giấy chứng nhận bắt nguồn từ cuộc cách mạng công nghiệp, mặc dù sinh viên ngày nay sở hữu thông tin và giao tiếp theo những cách hoàn toàn khác biệt. Thực tế là tấm bằng bốn năm có ý nghĩa như ngày nay đơn giản bởi đó là điều mà các trường cao đẳng và đại học đưa ra hàng thế kỷ nay. Truyền thống có lẽ là một trong những thử thách khó thay đổi nhất.

ĐIỀU KỲ DIỆU CỦA TẤM BẰNG CỬ NHÂN LÀ GÌ?

Hãy nghĩ về tấm bằng cử nhân như nền móng của một ngôi nhà được xây dựng vào giữa thế kỷ XVII. Qua những thập kỷ tiếp theo, các khóa học và chuyên ngành được xây dựng trên nền móng đó, đồng thời chúng phát triển và tiến hóa, giống như bạn xây thêm phòng trong nhà.

Tính đến cuối thế kỷ XX, một trường đại học lớn điển hình sẽ thiết kế hơn 2.000 khóa học, mặc dù hầu hết sinh viên chỉ đăng ký 40 khóa để đạt được tấm bằng. Những trường đại học giáo dục đại cương với quy mô nhỏ hơn thường có khoảng 1.000 khóa học, về cơ bản là có khoảng 1/3 đến 1/2 số sinh viên ghi danh theo học ở đó. Những thành viên khoa giảng dạy thường coi mình là “người quản lý chương trình giảng dạy”, cảm thấy rằng họ có thể dạy bất kỳ điều gì họ muốn, miễn là có một vài sinh viên đăng ký.

Cùng lúc đó, số lượng chuyên ngành đào tạo cũng tăng 20% từ năm 2000 đến năm 2010. Nhiều nội dung đã được bổ sung vào chương trình đào tạo cử nhân, từ các khóa thực tập cho đến những yêu cầu môn học mới cho các chuyên ngành, cũng như những lớp học phụ đạo cho sinh viên chưa được chuẩn bị cho việc học đại học – và tất cả những điều đó được nhồi nhét trong ô của sổ bốn năm, vì đất nước cần thêm nhiều sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn.

Tấm bằng cử nhân được cho là hỗ trợ bạn trong việc tìm ra điều mình muốn làm trong phần còn lại của cuộc đời và đưa bạn đến một công việc mà bạn sẽ bắt đầu quỹ đạo sự nghiệp của mình. Tuy nhiên trong môi trường làm việc ngày nay, tấm bằng cử nhân không còn đạt được kỳ vọng của cả sinh viên lẫn nhà tuyển dụng nữa. Nói một cách đơn giản, tấm bằng cử nhân đã được thiết kế một cách thái quá, với quá nhiều sự lựa chọn nhưng lại thiếu sự tập trung chuyên sâu hoặc ứng dụng thực tế.

Điều này đã xảy ra như thế nào? Vì sao các trường cao đẳng và đại học vẫn tiếp tục mở rộng đến dấu mốc mà tấm bằng cử nhân loạng choạng trên nền tảng của nó? Để tìm hiểu được điều này, chúng ta cần nhìn lại sự thành lập của nước Mỹ.

Những trường đại học đầu tiên trong thời kỳ thuộc địa Mỹ – Harvard, Cao đẳng William & Mary, Yale – tích hợp phần lớn cấu trúc của họ từ châu Âu: học trong bốn năm, tổ chức chương trình theo các khóa với số lượng giờ học hữu hạn, những tên gọi như “sinh viên năm nhất”, “sinh viên năm hai”, “sinh viên năm ba”, hay “sinh viên năm cuối”.

Harvard thực tế đã bắt đầu với chương trình ba năm, nhưng đã chuyển sang kế hoạch bốn năm từ năm 1654, và dĩ nhiên, hầu hết đơn vị giáo dục bậc cao tiếp bước sau đó. Chương trình đào tạo đại học khi đó khá hạn chế so với tiêu chuẩn ngày nay. Nó bao gồm phần lớn những khóa học xuất phát từ giáo dục đại cương cổ điển, những điều được coi là sự chuẩn bị tốt nhất cho nghề luật sư, bộ trưởng và chính khách: văn phạm, hùng biện, logic, thiên văn học, số học, hình học và âm nhạc. Tấm bằng đại học chắc chắn không phải là tấm vé vào cửa cho một công việc giống như ngày nay. Hầu hết mọi người đều bắt đầu công việc thông qua các chương trình học việc, nơi họ được học với những giáo viên chuyên môn và luyện tập kỹ năng.

Tuy nhiên, sau cuộc Cách mạng Mỹ, các trường đại học đã mở rộng chương trình đào tạo để đáp ứng sự phát triển của đất nước. Nhưng khi bổ sung thêm nhiều chương trình, các trường đại học lại chưa bao giờ rút bớt những đồ án môn học cũ. Tôn giáo được mở rộng thêm bao gồm triết học. Sau đó, khoa học xã hội (ví dụ như kinh tế và xã hội học) đã được bổ sung.

Vào năm 1828, Đại học Yale đã xuất bản một báo cáo về chương trình đào tạo, nói rằng các sinh viên nên học hỏi nhiều chủ đề để phát triển mọi lĩnh vực tư duy. Tuy nhiên đến giữa thế kỷ đó, chủ tịch Đại học Brown lo lắng rằng những tổ chức đào tạo giáo dục bậc cao sẽ trở nên lỗi thời nếu họ tập trung vào việc rèn luyện trí óc cho sinh viên hơn là đào tạo song song cho công việc thực tế. Đặc biệt, ông lo lắng về nhu cầu nhân lực kỹ sư công trình để xây dựng đường sắt.

Vì vậy, những cuộc tranh luận đầu tiên về mục đích của trường đại học đã xuất hiện – trường đại học nên cung cấp nền giáo dục tổng quát hay là chương trình đào tạo cho một công việc? – kéo dài đến tận bây giờ.

Năm 1862, vào giữa thời kỳ Nội chiến Mỹ, Tổng thống Lincoln đã ký đạo luật Morrill, tuyên bố đất đai được giao cho các bang để xây dựng các trường đại học nông nghiệp. Kansas là bang đầu tiên tận dụng lợi thế của đạo luật này và theo sau là các bang khác, tạo ra một mạng lưới quốc gia các trường đại học được-trợ-cấp-đất-đai mà sau đó đã trở thành những tên tuổi lớn trong các bang: Đại học Michigan, Đại học Pennsylvania, Đại học Oregon và Đại học Iowa. Bên cạnh ngành nông nghiệp, các chương trình trong lĩnh vực cơ khí, kỹ sư và sản xuất cũng đã được mở ra. Số lượng các chuyên ngành học nghề đã tăng vọt trong thế kỷ tiếp theo, khi những chương trình và trường giảng dạy (trực thuộc các trường đại học) đã mở thêm các ngành đào tạo về giáo dục, kinh doanh, quản lý công và báo chí.

Tấm bằng cử nhân không còn là một trải nghiệm thông thường nữa. Nó bắt đầu mang ý nghĩa là một tổ hợp ngẫu nhiên 120 tín chỉ. Thậm chí trong chính các tổ chức, sinh viên đạt được tấm bằng theo nhiều cách khác nhau, phụ thuộc vào chuyên ngành của họ. Một sinh viên chuyên ngành kỹ sư có thể cần 100 tín chỉ để hoàn thành chuyên ngành của mình, trong khi một sinh viên ngành lịch sử chỉ cần một nửa số đó. Sự phân tán những trải nghiệm đại học đó đã dẫn đến một khe hở trong nửa đầu thập kỷ 1900, kết quả là nhiều trường cao đẳng và đại học đã bổ sung một chương trình cốt lõi mà tất cả sinh viên đều phải thực hiện, thông thường là trong năm đầu tiên.

Với số lượng sinh viên đăng ký tăng lên cùng với thời kỳ bùng nổ trẻ sơ sinh trong những năm 1960 và 1970, một danh sách các khóa học được yêu cầu giờ không còn được chấp nhận bởi sinh viên cũng như các khoa giảng dạy nữa. Chúng được thay thế bởi cái được gọi là “những yêu cầu phân bổ”, có nghĩa là sinh viên được lựa chọn tham gia những khóa học trong một lĩnh vực rộng, ví dụ như khoa học hoặc nhân văn.

Tấm bằng cử nhân xuất hiện ở thời điểm chuyển giao thế kỷ này càng khiến cuộc tranh luận kéo dài hàng thập kỷ về mục đích của trường đại học trở nên dữ dội hơn. Những nhà tuyển dụng ngày nay muốn sinh viên được đào tạo trước cho một công việc. Điều này đã dẫn đến một sự chuyển dịch khỏi nền giáo dục đại cương tại trường đại học (đặc biệt là ngành nhân văn, chuyên ngành chiếm 7% số sinh viên mới tốt nghiệp tại Mỹ), vì sinh viên chỉ đơn thuần nhìn nhận trường đại học là một phương tiện đi đến điểm đích: công việc.

Trong một khảo sát hàng năm mà UCLA thực hiện với sinh viên

năm nhất, họ đã liệt kê “tìm được một công việc đầu tiên” là lý do quan trọng nhất cho việc đi học đại học. 10 năm trước, lý do hàng đầu được đưa ra là “học hỏi những điều mà mình cảm thấy hứng thú”. Những tấm bằng thiết thực đã trở nên được ưa chuộng. Kinh doanh hiện giờ là chuyên ngành phổ biến nhất, các trường đại học đã điều chỉnh chương trình giảng dạy của mình để giúp việc đào tạo có khả năng dẫn đến một công việc tốt hơn. Ở Đại học Lewis thuộc bang Illinois, thậm chí bạn có thể đạt được tấm bằng cử nhân trong lĩnh vực truyền thông xã hội.

Cùng với việc đại học được coi là con đường duy nhất dẫn đến một công việc trong thập kỷ vừa qua, việc ghi danh vào đại học đã tăng vọt. Số lượng sinh viên bỏ học giữa chừng cũng tăng cao, bởi lẽ các trường thường chào đón những sinh viên không gián đoạn học tập để hoàn thành một tấm bằng. Ngày nay, chỉ có 33% sinh viên theo học đại học công lập đạt được bằng cử nhân trong vòng bốn năm, 57% là trong vòng sáu năm. Ở các trường tư đắt đỏ, con số này cũng không khả quan hơn mấy. Chỉ có hơn một nửa số sinh viên tốt nghiệp trong vòng bốn năm và 65% là trong vòng sáu năm.

Tại sao lại có nhiều sinh viên phải vật lộn với việc tốt nghiệp đúng thời hạn, hoặc là để hoàn thành một tấm bằng vậy? Đó là bởi nhiều người trong số họ đến trường với những khát vọng không bao giờ phù hợp với khả năng của mình. Họ muốn trở thành một y tá, nhưng lại gặp khó khăn với môn sinh học. Thông thường, họ giống như một khách hàng nhìn ngắm một bức tường treo đầy ti vi ở siêu thị, bị choáng ngợp trước những lựa chọn dường như vô hạn, họ đành chọn các chuyên ngành thịnh hành lúc đó thay vì những lĩnh vực hợp với con người và bộ kỹ năng của mình.

Đối với trường đại học, giải pháp cho việc thúc đẩy tỷ lệ tốt nghiệp là hạn chế lựa chọn dành cho sinh viên. Thay vì sử dụng thời gian học đại học để khám phá những môn học và công việc mà họ chưa từng biết, sinh viên bây giờ được ấn định những con đường dựa trên nền tảng học tập của họ. Sự mở kênh này đạt được phần lớn là qua công nghệ. Một nhóm những trường đại học công lớn, bao gồm Đại học Georgie, Đại học Virginia Commonwealth và Đại học Arizona (nơi tôi đã làm việc với tư cách là giáo sư thực hành), đã thông qua những hệ thống tư vấn trên máy tính cho phép kiểm tra quá trình học tập của sinh viên và khai thác dữ liệu trên 10.000 điểm số để đưa ra gợi ý về những khóa học tiếp theo họ nên theo học.

Tất cả các hệ thống tư vấn đều hoạt động theo những cách có chút

khác biệt, nhưng lý thuyết đằng sau chúng thì đều giống với lý thuyết vận hành những thuật toán vô hình giúp đưa ra gợi ý về âm nhạc trên Spotify hoặc phim ảnh trên Netflix. Các trường biết rằng nếu bạn không học tốt môn thống kê trong năm đầu tiên, bạn sẽ không có khả năng hoàn thành bằng kinh tế. Tại những trường đại học với hàng loạt các khóa học để chọn lựa, mục đích cuối cùng của hệ thống tư vấn máy tính này thực sự đáng ngưỡng mộ, thậm chí là hết sức cần thiết. Tuy nhiên, nó lại lấy đi khả năng quản lý sự mơ hồ của sinh viên, điều sẽ xảy ra trong cuộc sống hằng ngày của họ trong một vài năm nữa. Sinh viên có thể tận dụng hệ thống này để hoàn thành chương trình học, nhưng sau này họ sẽ phải vất vả xoay sở khi làm việc trong một môi trường không được thiết kế với những thuật toán.

Đây là vấn đề căn bản: quá nhiều trường đại học ủng hộ hình mẫu truyền thống của tấm bằng đào tạo bốn năm vốn được thiết kế cho một nhóm sinh viên nhỏ hơn và được chuẩn bị tốt hơn, so với đối tượng sinh viên ngày nay. Các trường đã điều chỉnh chương trình giáo dục của họ rất nhiều lần qua hàng thế kỷ để đáp ứng những nhu cầu thay đổi của xã hội. Nhưng bây giờ cũng là lúc cần phải thiết kế lại tấm bằng đại học.

Ba trường đại học lớn – Đại học Georgetown, Đại học Arizona, và Đại học Nam California – đang thực hiện điều đó, và thậm chí những sinh viên không theo học những ngôi trường này cũng bắt đầu tìm kiếm con đường học đại học của riêng mình để đảm bảo rằng môi trường đại học mang đến cho họ những kiến thức thực tế để kiếm được một công việc.

HÌNH DUNG LẠI VỀ TẤM BẰNG CỬ NHÂN

Đối diện Đại học Georgetown ở Washington D.C., là một ngôi nhà có ván che màu đỏ, nơi mà trường công giáo 226 năm tuổi này đang nỗ lực tự đổi mới chính nó.

Đã từ lâu Georgetown luôn nằm trong danh sách xếp hạng 25 trường đại học hàng đầu của U.S. News & World Report và một tên tuổi ưu tú đối với những sinh viên giàu có – những người thường lựa chọn giữa ngôi trường này và những trường hàng đầu trong nhóm Ivy League. Tuy nhiên, nguồn vốn 1,4 tỷ đô-la của Georgetown lại thực sự lu mờ trước Đại học Pennsylvania (10 tỷ đô-la), Đại học Princeton (9 tỷ đô-la), hay Đại học Stanford (22 tỷ đô-la). Thiếu đi nền tảng tài chính mạnh mẽ đó, những người ủng hộ Georgetown lo ngại rằng trường không thể tiếp tục thu hút các sinh viên xuất sắc trong tương lai, đặc biệt là với mức học phí hơn

“Ngôi nhà đỏ” (như nó thường được gọi) mở cửa năm 2014 như một nơi để suy nghĩ lại về tương lai của trường đại học. Căn phòng chật hẹp đó được phủ đầy những tấm áp phích, những tờ giấy ghi chú và các bản vẽ chi tiết về những mô hình mô phỏng quá trình sinh viên trải qua các năm học đại học. Kiến trúc sư trưởng của Ngôi nhà đỏ là Randy Bass, hiệu phó phụ trách giáo dục và là một nhân vật nổi tiếng trong mắt các sinh viên, hiện ông vẫn đang phụ trách giảng dạy. Bass có bộ râu màu muối tiêu và một khiếu hài hước đặc biệt – giữ khuôn mặt lạnh lùng khi nói ra những điều rất buồn cười, đã tập trung phần lớn công việc của mình trong những năm gần đây để tìm ra con đường giúp tăng giá trị tấm bằng của Georgetown.

Bass đã nói với tôi rằng giáo dục bậc cao bị ảnh hưởng từ vấn đề đo lường. “Chúng tôi chỉ đưa ra mức học phí bằng một phần của những điều sinh viên nhìn nhận là giá trị của việc dịch chuyển đến một tấm bằng,” ông nói. Học phí được tính theo số giờ tín chỉ, và hoàn thành 120 giờ sẽ đạt được bằng cử nhân. Tuy nhiên số giờ tín chỉ không thực sự đo lường được những điều sinh viên học. Đó đơn giản chỉ là một hình thức đo lường tùy ý cho thời gian dành cho việc học, và nó chắc chắn không nói lên điều gì cho nhà tuyển dụng về những sinh viên tốt nghiệp mà họ tuyển dụng, trừ một việc là họ “có kỷ luật” vì đã hoàn thành bằng cử nhân trong bốn năm học.

Không chỉ vậy, một tấm bằng được tính dựa trên số giờ đi học là không hiệu quả, bởi nó ép buộc tất cả sinh viên đi theo một con đường duy nhất đến ngày tốt nghiệp (và đó cũng không phải là cách mà nơi làm việc vận hành). Một tấm bằng mới đang hình thành ở Georgetown hướng đến mục tiêu là loại bỏ sự không hiệu quả đó, đồng thời nó có thể kết hợp hai mối quan tâm: kỹ năng việc làm và giáo dục. Nó sẽ kết hợp yếu tố giáo dục đại cương của bằng cử nhân và yếu tố thực hành của bằng thạc sĩ trong khung thời gian bốn năm. Dĩ nhiên, một vài trường đã cung cấp những chương trình cấp bằng kết hợp (nhưng thường mất đến 5 năm) và các trải nghiệm thạc sĩ chỉ được tập trung vào giai đoạn cuối cùng (gần như chỉ là sự tổng kết sau quá trình học).

Thay vào đó, Georgetown đang suy nghĩ lại về toàn bộ con đường dẫn đến một tấm bằng. Các giáo sư đã chỉ ra những năng lực mà sinh viên cần học hỏi để đạt được tấm bằng đại học và sau đại học kiểu mới. Ở hầu hết các trường, những năng lực đó được gắn liền với một khóa học. Hãy ngồi trong một lớp học 15 tuần và bạn sẽ

hoàn thành mục tiêu. Bằng việc chỉ ra những năng lực liên quan đến một tấm bằng, Georgetown có thể ngừng việc sử dụng các khóa học như cách đo lường duy nhất của việc học tập. Sinh viên có thể học được một kỹ năng từ một phần của khóa học, hoặc quan trọng hơn, vượt khỏi khuôn viên trường đại học trong các chương trình thực tập hoặc dự án.

“Những điều trước đây chỉ là phần rìa của trải nghiệm thì nay đã trở thành phần cốt lõi của tấm bằng mới này,” Bass nói. “Đó là trọng tâm của những điều chúng tôi làm.”

Chi phí học bằng kết hợp có lẽ sẽ không rẻ hơn bằng bốn năm hiện tại, nhưng Bass tin rằng nó sẽ chứa đựng nhiều giá trị hơn. Khoảng 1/3 sinh viên năm cuối ở Georgetown đã đi làm bán thời gian trong kỳ học cuối, vì họ đã hoàn thành các yêu cầu tốt nghiệp. Trong tương lai, họ có thể hoàn thành bằng thạc sĩ trong thời gian chờ đến lúc tốt nghiệp. Những người đi theo chủ nghĩa truyền thống vẫn tiếp tục đưa ra câu hỏi cho Bass về nơi kết thúc bằng cử nhân và nơi bắt đầu bằng thạc sĩ trong mô hình của ông. Nhưng Bass hình dung nó như một trải nghiệm tích hợp, trong đó quá trình học đại học co lại qua bốn năm cũng là lúc những công việc liên quan đến bằng thạc sĩ phát triển. “Chỉ là có thể,” Bass nói, “chúng tôi đang tạo ra một mô hình bằng cấp mới.”

Một tấm bằng như vậy được thiết kế cho những sinh viên mà Georgetown thường hướng đến – xuất sắc nhất trong lớp học, chuyên tâm học hành, đi làm ngay sau khi tốt nghiệp. Tuy nhiên, sinh viên bây giờ không còn là một nhóm đồng nhất như 3-4 thập kỷ trước nữa. Nhưng phần lớn họ vẫn được cung cấp hình thức giảng dạy một-cho-tất-cả – 40 khóa học tương đương với một tấm bằng. Hiện giờ, khi công nghệ cho phép nhiều nội dung giảng dạy có thể được truyền tải ngoài những khoảng thời gian cố định mỗi tuần và thậm chí ở bất kỳ đâu trên thế giới, quan niệm về “khóa học” dường như đã không còn phù hợp và dần không liên quan đến những nhóm ngày càng lớn các sinh viên ngày nay.

Một vài năm trước, trên hai chuyến bay khác nhau, tôi đã tình cờ ngồi cạnh hai sinh viên mới bỏ dở đại học. Một người đã rời khỏi Đại học Ohio sau một học kỳ, và một người bỏ dở trường Cao đẳng Nghệ thuật Los Angeles sau hai năm. Cả hai đều có những khoản nợ. Một cách ngẫu nhiên, họ đang cùng tìm kiếm công việc trong ngành công nghiệp đóng tàu. Bọn họ đều nói cho tôi nghe những điều giống nhau về trải nghiệm ngắn ngủi trong trường đại học: họ không cảm thấy được khích lệ bởi những khóa học vốn thiếu sự kết nối với thế giới thực tế. Thực tế là, những lớp học hay nhất

trong đại học thường xuất hiện vào năm cuối, đó là nơi mà sinh viên có những trải nghiệm học tập sâu sắc chủ yếu tập trung trong các dự án thực hành. Sinh viên lẽ ra không phải đợi đến bốn năm để tham gia vào những trải nghiệm học tập đó.

Một thí nghiệm ở Đại học Arizona – tổ chức giáo dục công lập lớn với 76.000 sinh viên, có thể sẽ xóa bỏ toàn bộ khái niệm về một khóa học. Được hỗ trợ 4 triệu đô-la từ Bộ Giáo dục Mỹ, trường đại học này đã thử nghiệm một bằng cấp mà trong đó sinh viên sẽ học những môn học có giá trị với chuyên ngành của họ qua một loạt các dự án thay vì một lịch trình các lớp học cụ thể. Ví dụ, sinh viên chuyên ngành kỹ sư có thể thiết kế rô-bốt, và họ có thể học hỏi những quy tắc then chốt của lĩnh vực cơ khí và điện tử thông qua các thành viên khoa giảng dạy trong suốt quá trình dự án. Nếu sinh viên cảm thấy bối rối với một khái niệm, các giáo sư có thể tập hợp tổ chức các lớp học tùy ứng, hoặc sinh viên có thể tự học thông qua các nguồn tài nguyên khác, ví dụ như những khóa học trực tuyến được cung cấp bởi những trường đại học khác.

Không giống như Georgetown, ngôi trường đang cố gắng chứng minh sự giá trị của nó giữa một nhóm tuyển chọn những trường đại học ưu tú, mục tiêu của Arizona là xây dựng con đường mới để đạt được một tấm bằng cho phép nhiều sinh viên với thu nhập thấp có thể ghi danh, những đối tượng sinh viên mà các trường đại học hàng đầu trên cả nước ngó lơ.

“Bản thiết kế tấm bằng theo mô hình các dự án ở Arizona tập trung vào cách sinh viên thực sự học tập,” theo lời của Betty Capaldi Phillips, cựu hiệu trưởng của trường đại học này. Trong một chương trình đào tạo truyền thống bốn năm theo mô hình các khóa học, sinh viên có thể sẽ học về một khái niệm vào tuần thứ tư của kỳ học, nhưng không sử dụng tới nó cho đến hai kỳ học sau, thời điểm mà có lẽ họ đã quên đi điều mình đã học. Hoặc sinh viên không biết rằng một lý thuyết sẽ được áp dụng thực tế như thế nào khi họ học về nó, vì vậy họ sẽ nhanh chóng mất đi hứng thú. “Bằng cách học một khái niệm mới trong quá trình thực hiện một dự án,” Phillips nói, “bạn sẽ sử dụng nó và bạn biết vì sao phải sử dụng nó.”

XÂY DỰNG TẤM BẰNG CỦA RIÊNG MÌNH TRONG TRƯỜNG ĐỜI

Mỗi năm, có khoảng 400.000 sinh viên Mỹ đi lạc trên con đường đạt được một tấm bằng đại học. Lý do bỏ dở giữa chừng của họ rất đa dạng. Nhiều người phải vật lộn với việc học hành và tiền bạc, còn nhiều người thấy bức xúc với việc một tấm bằng cử nhân

đường như không thể kết nối với thế giới công việc (giống như hai bạn trẻ từng ngồi cạnh tôi trên máy bay). Một số nghĩ rằng bản thân họ có thể tìm ra con đường tốt hơn dẫn đến sự nghiệp, nằm ngoài hệ thống thông thường. Đó là Weezie Yancey-Siegel, cô gái đến từ San Francisco rời bỏ Cao đẳng Pitzer vào năm 2011 khi đang ở giữa năm thứ hai. Cô ấy đã đến Mexico để tham gia một khóa học mùa hè và trong khoảng thời gian này, cô ấy bắt đầu nghi ngờ về động lực đi học đại học của mình.

“Tôi đang học được rất nhiều điều, nhưng không phải là những điều tôi cần để kiếm được một công việc sau khi ra trường,” Weezie nói. “Khi ở Mexico, tôi đã có cảm giác rằng mình có thể học được những điều bên ngoài trường học.”

Ban đầu, cô ấy chỉ dự định nghỉ một học kỳ. Nhưng khi lên kế hoạch cho thời gian nghỉ học tại Pitzer, cô ấy thấy được một sự thiếu thốn nguồn tài nguyên cho những sinh viên đang mong muốn thiết kế chương trình giáo dục của riêng họ. Vì vậy Weezie đã mở một trang blog với tên gọi Eduventurist để giúp đỡ sinh viên tạo ra những con đường thay thế đi qua giáo dục bậc cao. Bằng sự nỗ lực đó, cô ấy khám phá ra chương trình Enstitute kéo dài hai năm ở New York, mà trong thời điểm đó đang hỗ trợ sinh viên tham gia vào các chương trình học việc toàn thời gian và xây dựng chương trình giáo dục dựa trên công việc với những chủ đề bao gồm tài chính, lịch sử, lập trình và xã hội học. Weezie đã ứng tuyển và được nhận.

Cô ấy đã dành thời gian hai năm cho chương trình học việc với Sascha Lewis, một trong những người sáng lập của Flavorpill, một công ty truyền thông kỹ thuật số ở New York. Bên cạnh việc học tập theo giáo trình bán chính quy của Enstitute, Weezie cũng tham khảo những lớp học trực tuyến miễn phí, được cung cấp bởi những trường đại học lớn, theo dõi một số lớp học iTunes U và tham gia một vài lớp học về mã hóa máy tính ở New York.

“Tôi biết mình đã học được rất nhiều,” Weezie nói, “và tôi thấy vô cùng bức bối khi mình không nhận được tín chỉ cho những điều đó.”

Cô ấy đã từ bỏ ý định quay trở lại Pitzer, nhưng không loại trừ khả năng quay trở lại một chương trình giáo dục bậc cao chính quy một ngày nào đó. “Rất nhiều người bạn đại học của tôi gặp nhiều khó khăn để tìm được một công việc bởi vì họ không có kinh nghiệm. Tôi có kinh nghiệm, nhưng tôi thực sự lo lắng rằng công việc mơ ước của mình sẽ yêu cầu một tấm bằng,” cô ấy nói.

Weezie tự sắp xếp những chương trình giáo dục của bản thân – điều mà hầu hết các sinh viên không tự làm được. Nhiều người chỉ vừa mới định vị được hệ thống được bày ra cho họ. Nhưng điều gì sẽ xảy ra nếu sinh viên chọn trường đại học không dựa trên chuyên ngành hoặc quy mô, mà dựa trên những sự lựa chọn để đạt được một tấm bằng? Nếu như vậy, những thanh niên 18 tuổi có thể lựa chọn rất nhiều con đường học hành sau trung học thay vì chỉ một. Sẽ có nhiều con đường, và một khi đã đi trên những con đường này, họ có thể thay đổi hướng đi hoặc thoát ra gần như ở bất kỳ thời điểm nào.

Đây là cách mà nhiều sinh viên trong tương lai sẽ nhìn nhận về bằng cử nhân và giáo dục đại học. Bạn có thể đi theo một trong những con đường sự nghiệp này ngay bây giờ, như tôi đã phác thảo trong các chương trước:

Quãng nghỉ một năm giúp sinh viên tích lũy những kinh nghiệm làm việc có giá trị trong khi cố gắng tìm ra các vấn đề họ muốn giải quyết trong cuộc sống.

Sự kết hợp giữa học và làm, trong đó sinh viên học tập tại trường và làm một công việc thực sự trong một vài tuần luân phiên.

Một con đường dễ vào/dễ ra, để sinh viên có thể rời khỏi sau 12 hoặc 24 tháng để làm một công việc và quay lại một vài năm sau đó, khi kỹ năng của họ cần được nâng cao trước khi quay lại làm việc.

Và, dĩ nhiên, một con đường truyền thống mà 20% sinh viên ngày nay theo đuổi: tham gia chương trình đại học bốn năm tại trường và rời khỏi sau bốn năm.

Dù sinh viên chọn con đường nào, có một điều chắc chắn là: tấm bằng đại học trong tương lai sẽ “mang tính chất riêng biệt” hơn ngày nay; nó sẽ cho phép sinh viên lựa chọn cách họ tiếp cận điểm đích để không bao giờ bị hạn chế bởi những giới hạn nhân tạo về số giờ của khóa học, kỳ học hoặc số năm học. Hãy tưởng tượng về tấm bằng trong tương lai này như một bộ trò chơi Lego. Hầu hết mọi người đều lắp ghép các chi tiết giống như bức tranh được vẽ trên bìa ngoài của chiếc hộp, giống như hầu hết sinh viên ngày nay đi theo những con đường giống nhau để đạt được một tấm bằng. Nhưng hãy nghĩ về tất cả những thứ khác mà bạn có thể tạo nên với các chi tiết trong bộ Lego. Cân nhắc những khả năng về cách một con người có thể ghép một tấm bằng phù hợp với động lực đi học đại học và phát triển những kỹ năng cần thiết cho công

việc tương lai.

Tấm bằng có giá trị nhất trong số đó sẽ mang đến một sự kết hợp những ngành học đan xen với các kinh nghiệm thực tế và dự án thực tiễn. Đó là ý tưởng của Học viện Nghệ thuật Jimmy Iovine và Andre Young thuộc Trung tâm Cải tiến Công nghệ và Kinh doanh của Đại học Nam California. Đó là công ty liên doanh giữa nhà sản xuất âm nhạc Iovine và Young (thường được biết đến là Dr. Dre), người đã đưa ra thị trường sản phẩm tai nghe nổi tiếng Beats và bán công ty cho Apple với giá 3 tỷ đô-la. Mục tiêu của chương trình là kết hợp ba lĩnh vực mà thế hệ sinh viên trong quá khứ không thể đạt được chỉ từ một trường đại học: nghệ thuật và thiết kế, công nghệ và kỹ sư, marketing và kinh doanh.

Vào năm 2013, Iovine tiếp cận Đại học Nam California với khoản tiền 70 triệu đô-la trao tặng cho học viện, bởi vì ông lo rằng sự cải tiến đang đối mặt với nguy cơ rủi ro trong các trường công lập. Đối với ông, tất cả mọi người đều bị dồn ép trong một đường ống hẹp dẫn đại học và bắt đầu với những khóa học tổng quát, nhồi vào đầu họ các khái niệm trừu tượng với phần thưởng là sự tích lũy những thực tế ngẫu nhiên. Các sinh viên kém cỏi sẽ cảm thấy trường học thật nhàm chán và cuối cùng là bỏ học; kể cả những sinh viên xuất sắc nhất cũng cảm thấy lớp học thật hạn chế, vì họ đang sống trong một xã hội sáng tạo, và muốn làm được điều gì đó thú vị.

“Những đứa trẻ có thể tận dụng lợi thế trong ngành công nghiệp giải trí ngày nay là những đứa trẻ nói được cả hai ngôn ngữ: công nghệ và giáo dục đại cương,” Iovine nói. “Đó là điều ngôi trường này giảng dạy. Vấn đề hiện tại của hệ thống giáo dục là nó giống như những chiếc khuôn cứng nhắc, vì vậy điều chúng tôi đang cố gắng làm là thay đổi nó một chút.”

Iovine hy vọng rằng chương trình sẽ sản sinh ra Steve Jobs tiếp theo, hoặc ít nhất là thỏa mãn nhu cầu khẩn cấp về những nhà lãnh đạo sáng tạo và giỏi công nghệ trong các ngành khác nhau. Một buổi chiều tháng 4 khi gần kết thúc năm đầu tiên của chương trình, tôi đã đến thăm các sinh viên thuộc niên khóa đầu tiên. Chương trình nằm trong một nhà tròn có mái vòm lớn ở tầng trên cùng của trung tâm sinh viên thuộc Đại học Nam California, một không gian được biết đến là Garage, được lắp đầy bởi những chiếc máy in 3D, những chiếc cưa kim loại và máy cắt laser cho các sản phẩm xây dựng, cùng rất nhiều bảng trắng. Gần như không có một bức tường phẳng nào, một lời nhắc nhở cho tất cả mọi người (cả nghĩa đen và nghĩa bóng) rằng sinh viên không thể bị gói bọc

trong những lớp học hoặc chuyên ngành như ở những nơi khác trong trường.

Các sinh viên của chương trình này tụ tập ở đây trong mọi thời điểm, ăn uống cũng như tham gia các lớp học. Nói cách khác, họ muốn được sống trong môi trường học tập này. Cứ vài tuần, họ chia thành các nhóm và được giao những thử thách để giải quyết. Thử thách đầu tiên của họ là dựng mô hình trải nghiệm âm nhạc cho người nghe trong một thập kỷ tới. Sau đó, sinh viên làm việc để thiết kế những thiết bị y tế có thể đeo được và một kế hoạch ván trượt cho Đại học Nam California. Chương trình yêu cầu sinh viên sử dụng nhiều thời gian trong năm học cuối để thiết lập nguyên mẫu kinh doanh, mặc dù hầu hết họ đã từng làm việc đó tính đến thời điểm hoàn thành năm học đầu tiên.

Chương trình của Đại học Nam California – kết hợp hình thức lớp học với những dự án thực hành và sáng tạo – nên được coi là tiêu chuẩn cho sinh viên trong nền kinh tế mới này. Tuy nhiên, học viện này chỉ phục vụ 24 trong số 3.000 sinh viên mới nhập học tại Đại học Nam California năm ngoái. Trong ngày mà tôi ở đó, một số sinh viên đang tụ tập quanh một chiếc bàn, tranh luận về thị trường cho một sản phẩm mà họ đã phát triển – một lớp phủ điện tử giúp người khiếm thị có thể sử dụng điện thoại thông minh. “Chúng tôi đang tạo ra những điều xảy ra tiếp theo, thay vì chờ đợi ai đó đưa chúng cho mình,” Arjun Mehta nói.

Khi còn học lớp bảy, Arjun đã đồng sáng lập một công ty có tên PlaySpan, mà sau đó đã trở thành một sản phẩm trong dịch vụ thanh toán kỹ thuật số và được Visa mua lại với giá gần 200 triệu đô-la. Sau đó, cậu ấy lại thành lập một công ty khác chuyên phát triển nền tảng học trực tuyến cho sinh viên và giáo viên. Arjun nói với tôi rằng, cậu ấy bắt đầu cân nhắc một cách nghiêm túc về việc bỏ qua đại học cho đến khi cậu ấy tìm thấy Đại học Nam California (dĩ nhiên, cậu ấy có quyền lựa chọn của một triệu phú). Đối với Arjun, Đại học Nam California mang lại cho cậu ấy những điều tốt nhất – một chương trình học chính quy và không chính quy. Cậu ấy được tự do tạo nên con đường riêng, nhưng cũng sẽ đạt được một tấm bằng đại học vốn rất cần thiết. Trải nghiệm học tập của Arjun khác xa với 17 triệu sinh viên ghi danh theo học hệ thống giáo dục bậc cao, “vì tôi tự tạo ra nó.” Arjun nói.

GIÁ TRỊ BỊ ĐÁNH GIÁ THẤP CỦA TẤM BẰNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG

Nước Mỹ được phân chia phần lớn dựa trên đường trục giáo dục.

Những người đi học đại học hầu như biết đến những người cũng làm như vậy, và họ có xu hướng nghĩ rằng trải nghiệm của mình mang tính toàn cầu.

Quá nhiều người nghĩ về từ “đại học” với ý nghĩa là tấm bằng đào tạo bốn năm. Những tấm bằng liên kết hai năm bị coi là không đáng giá về cả khía cạnh uy tín lẫn giáo trình chặt chẽ. Trong suy nghĩ của nhiều người, tấm bằng đào tạo bốn năm là con đường duy nhất dẫn đến một sự nghiệp đáng được ngưỡng mộ. Họ muốn khoe khoang với bạn bè mình rằng sẽ theo học một trường đại học tư danh giá hoặc trường đại học hàng đầu, chứ không phải một trường cao đẳng cộng đồng địa phương. Đối với họ, trường cao đẳng đồng nghĩa với sự thất bại.

Thật không may là những trường cao đẳng thường bị nhìn nhận một cách tiêu cực. Nhiều người theo học những trường đào tạo bốn năm – và thường kết thúc bằng việc bỏ học giữa chừng – có lẽ sẽ làm tốt hơn nếu đi theo chương trình cao đẳng hai năm. Các trường cao đẳng cung cấp những nền tảng quan trọng cho tấm bằng mang đến sự khác biệt của tương lai. Những lớp học nhỏ trong năm đầu tiên với chi phí thấp cho phép sinh viên khám phá các nghề nghiệp và chuyên ngành, trong khi tất cả đều được tính tín chỉ. Sinh viên và phụ huynh đang bắt đầu chú ý – 25% số sinh viên xuất thân từ các gia đình có thu nhập từ 100.000 đô-la trở lên bây giờ đã theo học các trường cao đẳng, so với con số 12% vào 5 năm trước đây.

Các trường cao đẳng không nhất thiết chỉ xây dựng nền tảng cho một tấm bằng cử nhân – chúng có thể là một đích đến. Nếu bạn có ý định chỉ cần nhắc về sự hoàn trả về mặt kinh tế của một tấm bằng, thì những tấm bằng liên kết cũng mang lại giá trị, và trong một vài trường hợp, còn giá trị hơn nếu sinh viên có ý định đi học lấy bằng cử nhân. Ví dụ, ở Colorado, sinh viên tốt nghiệp với tấm bằng liên kết trong lĩnh vực ứng dụng (ví dụ y tá chính quy hay người lắp đặt đường dây truyền tải điện năng) kiếm được khoảng 41.000 đô-la một năm sau khi tốt nghiệp, nhiều hơn khoảng 8.000 đô-la so với một sinh viên sở hữu bằng cử nhân (mức thu nhập đầu người ở Colorado là khoảng 31.000 đô-la).

Thực tế là, một người nhận bằng cử nhân ở Colorado mất khoảng 10 năm để kiếm được thu nhập nhiều hơn so với một người sở hữu bằng liên kết trong lĩnh vực ứng dụng, và con số chênh lệch hơn cũng chỉ khoảng 200 đô-la. Điều tương tự cũng xảy ra tại những bang khác dựa trên các nghiên cứu về thu nhập của sinh viên sau khi tốt nghiệp (để xem thông tin ở những bang khác,

truy cập <http://www.collegemeasures.org/esm>). Và hãy nhớ rằng hầu hết các chương trình đào tạo hai năm tốn ít chi phí để bắt đầu hơn, và những sinh viên tốt nghiệp sẽ tham gia thị trường lao động sớm hơn hai năm so với các sinh viên tốt nghiệp từ các trường đào tạo bốn năm.

Nước Mỹ có rất nhiều sự lựa chọn ngoài tấm bằng cử nhân – bằng liên kết, chứng chỉ nghề nghiệp, chương trình học nghề, chứng chỉ ngành – đó là những cánh cửa dẫn đến phần lớn những công việc của tương lai mà không thể dễ dàng được tự động hóa bởi rô-bốt. Hầu hết đó là “những công việc yêu cầu kỹ năng tầm trung”, đòi hỏi nhiều hơn một chứng chỉ tốt nghiệp trung học, nhưng ít hơn một tấm bằng cử nhân. Có khoảng 29 triệu công việc như vậy ngày nay. Khoảng 11 triệu công việc trong số đó trả mức lương từ 50.000 đô-la một năm trở lên, và khoảng 4 triệu công việc trả mức lương 75.000 đô-la trở lên. Mặc dù hầu hết mọi người nghĩ rằng đây là những công việc của công nhân, nhưng thực ra gần một nửa số đó là các vị trí văn phòng.

Bất chấp nhu cầu, rất nhiều công việc trong lĩnh vực sản xuất tiên tiến, chăm sóc sức khỏe và công nghệ thông tin vẫn đang còn trống vì nhà tuyển dụng không tìm được ứng viên đạt yêu cầu. Chúng ta thường nghe thấy dự báo rằng nước Mỹ sẽ đối mặt với sự thiếu hụt các nhà khoa học và kỹ sư máy tính trong một thập kỷ tới, nhưng hiếm khi nghe thấy rằng đất nước cũng sẽ đối diện với một sự thiếu hụt những nhà dinh dưỡng học, thợ hàn và nhân viên điều dưỡng. Những học sinh cấp hai và cấp ba gần như đã từ bỏ các chương trình đào tạo nghề nghiệp và kỹ thuật, bỏ lại một thế hệ sinh viên không có hứng thú với việc theo đuổi chương trình giáo dục dài bốn năm mà không có sự lựa chọn học tập nào. Đến năm 2020 (thời điểm mà hầu hết các công việc sẽ yêu cầu sự giáo dục bổ sung hoặc đặc thù), tình hình được dự báo là chỉ có 4/10 công nhân Mỹ có bằng tốt nghiệp trung học hoặc thấp hơn vậy.

Nếu bạn đang ở ngưỡng quyết định về việc theo đuổi một tấm bằng cử nhân và không chắc chắn lắm về điều mình muốn làm trong cuộc đời, đừng bỏ qua trường cao đẳng cộng đồng. Nhưng hãy nhớ rằng không phải tất cả các trường cao đẳng cộng đồng đều được thiết lập tương đương nhau. Hãy kiểm tra kỹ lưỡng tỷ lệ chuyển đổi của các trường nếu mục đích của bạn là tiếp tục học lên bằng đại học bốn năm, và xem xét tỷ lệ xin việc thành công theo chuyên ngành nếu bạn muốn tìm công việc với một tấm bằng liên kết. Chương trình đào tạo cao đẳng hai năm cũng có một trật tự phân hạng giống như đào tạo đại học bốn năm. Có

những trường giống như Harvard và Stanford trong nhóm các trường cao đẳng cộng đồng, mặc dù danh tiếng của chúng thường được đo lường dựa trên sự chuyên tâm học hành của sinh viên và sự kết nối giữa chương trình giáo dục với nhu cầu của nền kinh tế địa phương.

Những trường đào tạo hai năm tốt nhất trong việc giáo dục sinh viên không mù quáng đi theo con đường học lấy bằng cử nhân bốn năm bao gồm Cao đẳng Miami Dade & Valencia ở Florida, Cao đẳng Santa Barbara City ở California, Cao đẳng Saint Paul ở Minnesota, và Cao đẳng Cộng đồng Kingsborough ở Brooklyn. Để thấy được một trường cao đẳng tốt trông sẽ như thế nào, tôi đã có một chuyến thăm đến một trong những ngôi trường tốt nhất: Cao đẳng Cộng đồng Walla Walla.

Walla Walla là một thị trấn nhỏ duyên dáng nằm dưới một thung lũng ở góc phía Đông Nam bang Washington, cách bang Oregon 13 dặm. Trong lịch sử của thị trấn, nền nông nghiệp – lúa mì, dâu tây và hành tây – định hình nên thị trấn này dưới bóng dãy núi Cascade. Nhưng vào cuối những năm 1990, nền nông nghiệp bắt đầu suy giảm. Công nghệ và máy móc phức hợp đã thay thế nguồn nhân lực trên các cánh đồng và nhà máy chế biến thực phẩm. Các nhà máy cửa bị đóng cửa, đưa Washington State Penitentiary trở thành nhà tuyển dụng lớn nhất thành phố. Ngay sau đó hàng trăm người đã kéo đến Cao đẳng Cộng đồng Walla Walla để tìm kiếm những cơ hội tái đào tạo.

“Rất nhiều công nhân bị sa thải mong muốn được đào tạo lại, nhưng để làm gì?”, trích lời của Steven L. VanAusdler, chủ tịch trường, người đến vào năm 1984. “Đó là bước ngoặt cho chúng tôi, một cuộc gọi đánh thức. Chúng tôi nhìn vào những điều mình đang làm, và chúng không đủ tốt cho một cộng đồng đang cần đến sự hỗ trợ của chúng tôi.” Trường đã tăng gấp đôi quy mô chương trình đào tạo y tá sau khi xác định được rằng lĩnh vực này sẽ thỏa mãn được lượng cung ứng. “Sau đó chúng tôi bắt đầu xem xét những gì mình còn có thể làm.”

Họ đã tìm ra câu trả lời ngay từ những cánh đồng xung quanh trường. Đầu tiên là trong ngành công nghiệp rượu địa phương. Vào năm 2000, khi trường bắt đầu chương trình đào tạo trong lĩnh vực chế biến rượu nho và trồng nho, cả vùng có tất cả 16 xưởng rượu nho, và đối với nhiều người, ngành công nghiệp này chỉ đơn giản là một sở thích. Ngày nay, đã có gần 200 xưởng rượu nho địa phương, và chúng đã sản sinh ra ngành dịch vụ khách sạn nhà hàng rộng lớn trong khu vực, với các nhà hàng, khách sạn và

một nền kinh doanh du lịch lành mạnh nhưng bị hạn chế bởi vị trí hẻo lánh của Walla Walla.

Có khoảng 30 sinh viên theo học chương trình chế biến rượu nho và trồng nho của trường mỗi năm, họ được học về tất cả các khía cạnh của mảng kinh doanh rượu thông qua College Cellars, một xưởng rượu nho nằm trong chính khuôn viên trường và được ra vào tự do. Mỗi sinh viên phải hoàn thành ít nhất một kỳ thực tập trước khi tốt nghiệp, và nhiều người trong số họ đã đi làm trong thời gian học. Khoảng 60% số sinh viên tốt nghiệp, trong đó có nhiều người trưởng thành coi đây là con đường dẫn đến một sự nghiệp mới.

Cơ hội thứ hai mà ngôi trường này nhìn thấy từ những cánh đồng xung quanh là các thiết bị công nghệ tiên tiến đã thay thế con người trong lĩnh vực nông nghiệp. Máy móc vẫn cần con người sửa chữa. Ngôi trường này có một chương trình đào tạo cơ khí tổng quát, nhưng khi máy móc và động cơ trở nên phức tạp hơn qua từng năm, sinh viên cần đến cả sức mạnh và bộ não để kiểm được một công việc. Khi Andy Winnett bắt đầu sửa chữa máy kéo nông nghiệp cho một đại lý của John Deere vào năm 1977, ông đã nói với tôi rằng tất cả những gì ông ấy cần là một hộp dụng cụ.

"Ngày nay hộp dụng cụ của bạn là một chiếc máy tính," Winnett nói, người hiện đang chỉ đạo chương trình công nghệ John Deere ở Walla Walla. John Deere hợp tác với một vài trường cao đẳng cộng đồng trên cả nước để đào tạo các kỹ thuật viên cho hệ thống đại lý của họ. Ở Walla Walla, có khoảng 15-20 sinh viên tham gia chương trình mỗi năm. Bởi họ được tài trợ bởi một đại lý của John Deere, nơi sinh viên làm việc trong một nửa thời gian chương trình, nên hầu hết các sinh viên tốt nghiệp đều có công việc trong tay. Tính trung bình, một kỹ thuật viên bắt đầu làm việc với mức lương 31.000-39.000 đô-la mỗi năm, cộng thêm các khoản thưởng.

Tôi đã gặp Winnett ngoài văn phòng ông tại Walla Walla, nơi mà một hàng những chiếc máy kéo màu xanh tượng trưng của John Deere đang nằm im lìm. Những dụng cụ này, với giá trị hơn 1 triệu đô-la, đã được công ty dành tặng cho sinh viên để thực hành. Những chiếc máy kéo của John Deere ngày nay có ít nhất 24 thiết bị máy tính được gắn liền trên nó, tập trung chủ yếu vào việc phát xạ. Tuy nhiên, những máy móc hiện đại như vậy yêu cầu các kỹ thuật viên phải có kỹ năng toán học và nhận thức tiến bộ – những năng lực mà nhiều sinh viên có hứng thú với chương trình còn thiếu sót.

Trong suy nghĩ của mọi người, công việc giống như của John Deere chỉ dành cho sinh viên có kết quả học tập kém tại trường trung học. Tuy nhiên, những sinh viên tôi tìm thấy ở Walla Walla lại dễ dàng có được những chứng chỉ học tập để ghi danh vào một chương trình đào tạo bốn năm; chỉ là họ muốn làm việc bằng đôi bàn tay của mình thôi.

Oscar Tapia, một chàng trai 20 tuổi đến từ Bakersfield, California, nói với tôi rằng cậu ấy có kế hoạch theo học đại học bốn năm để kiếm tấm bằng kỹ sư, nhưng cậu ấy đã thay đổi quyết định sau khi nghe nói về chương trình của John Deere tại một lớp học cơ khí diesel, khi đang học trung học. Sau khi tốt nghiệp Walla Walla, Oscar lên kế hoạch làm việc cho đại lý đã tài trợ cho mình ở Bakersfield. Tuy vậy, cậu ấy vẫn chưa từ bỏ ý định học lấy bằng kỹ sư theo chương trình đào tạo bốn năm. “Tôi muốn chỉ cho những kỹ sư ở John Deere cách thiết kế một cái máy kéo tốt hơn,” cậu ấy nói với một nụ cười hãnh diện.

Đối với Tapia, cao đẳng cộng đồng không phải là một đích đến, mà chỉ là một điểm dừng trên con đường mà cậu ấy coi là một chuyến đi học hỏi suốt cả cuộc đời.

Thực tế là, bạn nên dừng việc suy nghĩ về giáo dục đại học chỉ là ngồi trong một lớp học theo dõi những bài giảng được thiết kế bởi mục lục các khóa học hoặc một giáo sư ngồi trên giảng đường. Việc học tập là một hành trình suốt cả cuộc đời. Đây là điều mà tác giả Alvin Toffler đã nhắc đến trong câu trích dẫn được viết ở phần mở đầu của chương này. Cuộc sống của chúng ta được định hình bởi một hành trình của việc học hỏi, từ bỏ và học hỏi lại.

Những cách giảng dạy mới – được hỗ trợ bởi internet và một loạt những doanh nhân công nghệ, nhà tâm lý học nhận thức, chuyên gia về trí thông minh nhân tạo và nhà thần kinh học – đang khuyến khích luồng suy nghĩ đột phá về cách chúng ta học hỏi trong suốt cuộc đời. Sau nhiều năm nói về việc chúng ta cần phải trở thành những người biết học tập suốt cả cuộc đời như thế nào, câu nói đó cuối cùng đã trở thành hiện thực.

Chương 8

GIÁO DỤC, ĐƯỢC TRUYỀN TẢI VỪA ĐÚNG THỜI ĐIỂM

Đó là năm 2018. Bạn ứng tuyển vào Đại học Stanford và được chấp nhận. Nhưng thay vì một chương trình đào tạo bốn năm thông thường, Stanford nhận bạn vào trường với một chương trình học sáu năm mà bạn có thể học vào bất kỳ thời điểm nào trong cuộc đời.

Khái niệm này nghe có vẻ tiến bộ trong thế giới tẻ nhạt của giáo dục bậc cao vốn chẳng có gì thay đổi trong ba thế kỷ qua, tuy nhiên ý tưởng “đại học vòng tròn mở” (open loop university) này thực ra đã được phát triển từ năm 2014 bởi ngôi trường nổi tiếng Stanford, như một phần của bài tập kéo dài một năm của sinh viên và khoa giảng dạy để tái hiện lại những trải nghiệm đại học.

Ý tưởng này đã thách thức khái niệm về việc giáo dục phải diễn ra tại một thời điểm nhất định trong cuộc đời một con người. Với mô hình mới này, sinh viên có thể bắt đầu học đại học khi họ đã sẵn sàng – ở tuổi 16, 18 hoặc 26 tuổi – và phân bổ trong vòng sáu năm mà họ thấy là phù hợp. Họ có thể “chạy ra khỏi vòng tròn” sau hai năm để làm việc cho một công ty khởi nghiệp và “quay lại vòng tròn” một vài năm sau đó nếu công ty khởi nghiệp này thất bại.

Những sinh viên quay trở lại sau khi rời khỏi vòng tròn (đối tượng mà bản kế hoạch của Stanford gọi là “populi” (dân cư), những người được kết nối với trường đại học bất kể họ đang sống ở đâu) có thể sử dụng thời gian còn lại của khoảng thời gian sáu năm để chuyển tiếp sang những sự nghiệp mới ở tuổi 30 hoặc 50. Khi quay trở lại, những sinh viên nhiều tuổi này với kinh nghiệm làm việc sẽ mang đến nguồn cảm hứng và nhận thức để thúc đẩy những nghiên cứu trong phòng thí nghiệm và phát triển mối hợp

tác chuyên nghiệp với các giáo sư.

Kế hoạch “vòng tròn mở” của Stanford đã làm dấy lên một câu hỏi thú vị: Tại sao giáo dục chính quy lại có một điểm kết thúc trong thế giới ngày nay, khi mà kiến thức đang luôn luôn phát triển và thay đổi.

Giáo dục không chính quy mà người lớn thường kết nối lại từ những trải nghiệm riêng rẽ của bản thân họ trong suốt cuộc đời đang được chính thức hóa và cộng tác nhiều hơn thông qua các hoạt động như nhóm thảo luận theo đôi trong các lớp học trực tuyến và những video tự làm trên YouTube. Vì những người trưởng thành đã đi làm cảm thấy sự cần thiết của việc duy trì những kinh nghiệm sắc bén, mạng lưới học tập này có xu hướng sẽ trở nên phổ biến trong tương lai. Trong khi các trường đại học và cao đẳng vẫn tiếp tục là những nơi đào tạo chính quy cho những người trưởng thành trẻ tuổi, thì một loạt những nhà cung cấp sẽ giúp việc học tập trong thời gian ngắn trở nên khả thi, ngay khi những người tốt nghiệp đại học cần đến.

Đây được gọi là giáo dục “vừa đúng thời điểm”, và nó đã xảy ra với hàng triệu những người ở độ tuổi 20.

TRẠI HUẤN LUYỆN NHỮNG KỸ NĂNG THỰC TẾ

Thang máy mở ra ở tầng tám của một tòa nhà văn phòng cách Nhà Trắng hai khối nhà, để lộ ra một nơi trông giống như đang được xây dựng chưa-hoàn-thiện-lắm với nền xi măng và trần nhà hở. Trên một bức tường gần bàn lễ tân, bản đồ khuôn viên liệt kê những địa điểm để “kết nối mạng lưới”, “chia sẻ tài liệu”, “xây dựng khái niệm” và “nói chuyện tình cờ”. Đó chắc chắn là tấm bản đồ táo bạo và không giống bất kỳ tấm bản đồ trường đại học nào tôi đã từng nhìn thấy trước đây. Tuy nhiên một lần nữa, đây thực sự không phải là một trường đại học thông thường. Tôi đã đến General Assembly, một “trại huấn luyện” với những lớp học về kỹ năng thực tế, từ thiết kế web đến marketing truyền thông xã hội.

Chỉ trong bốn năm, General Assembly đã đón chào hơn 240.000 sinh viên theo học các lớp học cá nhân. Mỗi lớp học thường kéo dài một vài giờ đồng hồ và chi phí khoảng 30-60 đô-la. Có 12.000 sinh viên khác đã chi trả khoảng 12.000 đô-la cho các khóa học toàn thời gian và bán thời gian, kéo dài trong nhiều tuần tại 14 thành phố mà General Assembly vận hành “trường sở” của nó.

Tôi đã đến General Assembly vào một buổi sáng thứ Sáu trước lễ

Giảng sinh để tham gia một khóa học ngắn kéo dài hai giờ đồng hồ, có tên “Thuật kể chuyện cho các doanh nhân: Những bài thuyết trình thông thường đến những bài thuyết trình nâng cao”. Tôi tham gia cùng khoảng 12 người khác, mỗi người chỉ 40 đô-la để học về cách làm thế nào để kể những câu chuyện hay hơn về bản thân họ và những ý tưởng của mình, một kỹ năng dường như là cơ bản, nhưng khi họ đi xung quanh phòng giới thiệu về bản thân, thì có một điều rõ ràng là họ chưa được học về điều này ở bất kỳ đâu (giống như những sinh viên tốt nghiệp đại học tôi gặp ở Koru).

Một số sinh viên đã có công việc toàn thời gian và tham gia lớp học này để phát triển chuyên môn. Một số đang thất nghiệp. Số còn lại đang ấp ủ một ý tưởng kinh doanh mà họ muốn thuyết phục các nhà đầu tư hỗ trợ vốn. Người hướng dẫn của chúng tôi là một chàng trai trẻ, đáng người mảnh khảnh, tốt nghiệp ngành kinh tế của Berkeley, đã được huấn luyện cho công việc diễn viên ứng khẩu và bây giờ đang sử dụng những kinh nghiệm đó với tư cách là một “huấn luyện viên kể chuyện”. Hầu hết thời gian trong lớp được dành để luyện tập với một người khác về những điều chúng tôi học từ các bài giảng. Đối tác của tôi là Allyson Yuen, một cô gái trẻ hoạt bát đến từ California.

Allyson tốt nghiệp Cao đẳng Whittier, một trường tư đào tạo giáo dục đại cương ở gần Los Angeles, với bằng kép trong hai chuyên ngành Vật lý và Phát triển trẻ em. Cô ấy hơi mất phương hướng trong thời đại học, chưa bao giờ hoàn toàn chắc chắn về điều mình muốn làm trong cuộc đời hoặc làm thế nào để tìm ra được điều đó. Khi bắt đầu theo học ở Whittier, cô ấy định hướng trở thành một giáo viên nhưng lại chưa có suy nghĩ gì về một chuyên ngành. Allyson chọn tâm lý học sau khi tham gia một vài lớp học. “Tôi luôn bị thu hút bởi con người,” Allyson nói. “Bạn bè tôi bắt đầu tham gia các lớp học về phát triển trẻ em, và tôi nhận ra rằng các yêu cầu là giống nhau, nên tôi đã bổ sung chuyên ngành thứ hai.”

Allyson cũng có chút hứng thú với nghiên cứu, nhưng một sinh viên giảng dạy ngắn hạn ở một trường cấp hai đã thuyết phục rằng cô ấy sẽ muốn học cùng bạn bè trong lớp hơn là ở một mình trong phòng thí nghiệm. Một chuyên viên tư vấn nghề nghiệp ở Whittier đã gợi ý cô ấy ứng tuyển vào AmeriCorps, một chương trình dịch vụ quốc gia, nên cô ấy đã làm theo và được chấp nhận. Ba tháng sau khi tốt nghiệp, Allyson chuyển đến Denver, nơi cô ấy giúp đỡ những học sinh lớp tám đến từ các gia đình thu nhập thấp cải thiện kỹ năng đọc và làm toán.

Allyson cảm thấy AmeriCorps mang lại cho cô ấy những trải nghiệm thực hành mà cô ấy chưa từng có trong trường đại học. Tuy nhiên, bây giờ cô ấy lại không biết làm gì tiếp theo. Khi đi học cô ấy luôn được hướng dẫn những điều tiếp theo cần làm, nhưng bây giờ thì cô ấy đang gặp khó khăn với việc phải tự định hướng. Mặc dù vậy, Allyson vẫn tiếp tục bước về phía trước và đi theo nhiều con đường khác nhau trong vòng hai năm: hai tháng thực tập không lương ở Chicago, một công việc hỗ trợ hành chính hạn chế tại quê nhà California, một kỳ thực tập không lương khác ở Washington D.C, và tiếp theo là một vị trí quản lý marketing tại một công ty công nghệ ở California.

Bây giờ, Allyson đã quay trở lại Washington và một lần nữa đi tìm việc. Cô ấy đăng ký lớp học này để lên bố cục cho câu chuyện sự nghiệp của mình trong các buổi phỏng vấn. Đây là lớp học thứ hai của cô ấy tại General Assembly trong vòng chưa đầy một tuần. Trước đó, cô ấy đã chi trả 35 đô-la cho một lớp học kéo dài 1 giờ 30 phút – “Hãy nhìn trước khi bạn nhảy: Thay đổi sự nghiệp” – mặc dù cô ấy chưa có sự nghiệp nào cả. General Assembly mang đến một môi trường học tập chính quy nào đó, nơi cô ấy không cần đầu tư hàng năm trời hoặc hàng ngàn đô-la để đạt được một tấm bằng đại học hoặc một chứng chỉ, nhưng vẫn có thể kết nối mạng lưới và học hỏi kỹ năng.

Ba năm rưỡi sau khi tốt nghiệp đại học, Allyson vẫn đang tìm kiếm một công việc có ý nghĩa và nhận được mức lương ổn định. Cô ấy vừa mới chào đón sinh nhật tuổi 25. Allyson là một Người đi lang thang. Cô ấy không khác mấy so với một trong số những nhà sáng lập General Assembly, khi ông ấy cũng ở độ tuổi này.

TÌM MỘT CON ĐƯỜNG DẪN ĐẾN SỰ NGHIỆP SAU ĐẠI HỌC

Gần như tất cả các công ty khởi nghiệp đều bắt đầu khi ai đó đối mặt với một vấn đề, tìm ra được giải pháp và chuyển hóa giải pháp đó thành một công ty nhằm phục vụ những người khác đang gặp phải vấn đề tương tự. Đó là cách mà Jake Schwartz đã bắt đầu General Assembly. Ông đã kể cho tôi nghe câu chuyện của mình khi chúng tôi đang đứng ở một góc phố tại Austin, Texas trong một ngày tháng 3.

Chúng tôi đều đại diện cho Miền Nam để đến đó tham gia hội thảo giáo dục Tây Nam – một cuộc gặp gỡ hàng năm của hàng ngàn người có hứng thú với tương lai của giáo dục. Schwartz đang đưa tôi đi theo một con đường hơi vòng vèo dẫn đến trường sở của General Assembly, để ông có đủ thời gian hồi tưởng lại con đường

vòng vào từ đại học đến sự nghiệp hiện tại của mình.

Schwartz lớn lên ở một trang trại nằm tại miền quê Oregon, là một sinh viên giỏi hoàn thành xuất sắc các kỳ thi chuẩn hóa. Điều đó đã giúp Schwartz được nhận vào Đại học Yale, nơi ông đã chọn một chuyên ngành rất tổng quát: Nghiên cứu Mỹ. Trong khi bạn bè chọn mục tiêu là công việc tại các ngân hàng đầu tư hoặc công ty tư vấn lớn, thì Schwartz không có chút hứng thú gì. Ông đã nghĩ rằng một mẫu giấy xác nhận hoàn thành chương trình học từ một trường trong nhóm Ivy League sẽ mở ra cánh cửa vào bất kỳ công việc nào mà ông muốn.

“Tôi hoàn toàn không nhận thức được hoàn cảnh thực tế,” Schwartz nói về kế hoạch nghề nghiệp của mình khi còn học đại học. Ông không tham gia bất kỳ chương trình thực tập nào, cũng không tham gia bất kỳ hoạt động nào ở trường đại học.

“Tôi không hiểu về cuộc chơi. Tôi đơn giản nghĩ rằng: là sinh viên xuất sắc từ một trường Ivy League, mình sẽ được gọi đi phỏng vấn, và họ sẽ nóng lòng chờ đợi được tuyển dụng mình.”

Nhưng điều đó đã không xảy ra, và suốt những năm của độ tuổi 20, Schwartz nhảy hết từ việc này đến việc khác. Đầu tiên, ông quản lý một nhà viết nhạc, sau đó là trông coi một khu biểu diễn nghệ thuật phi lợi nhuận, và có thời điểm phụ trách tổng hợp các biên bản y tế cho một công ty luật chuyên phụ trách các vụ kiện về phẫu thuật khớp hông.

“Tôi có cảm giác như mình là một kẻ thất bại,” Schwartz nói với tôi. “Tôi không biết sự nghiệp của mình sẽ đi về đâu.”

Schwartz đã bỏ lỡ con đường đi đến sự nghiệp từ Yale, và khi đó ông nghĩ rằng mình sẽ không thể tìm được lối vào nào khác nếu không quay trở lại trường học. Ở tuổi 26, ông đã nhấn nút cài đặt lại và ghi danh vào một chương trình MBA ở Wharton.

Điều Schwartz tìm thấy ở Penn đã khiến bản thân ông ngạc nhiên. Hầu hết bạn bè cùng lớp của ông đều cảm thấy không hài lòng như nhau, mặc dù nhiều người trong số họ đã có sự nghiệp thành công. “Một nửa trong số họ là những ông chủ ngân hàng muốn trở thành các chuyên gia tư vấn, và một nửa số còn lại là những chuyên gia tư vấn muốn trở thành ông chủ ngân hàng,” Schwartz nói.

Schwartz nói rằng ông đã học được tất cả những điều mình cần từ chương trình MBA trong nửa đầu kỳ học đầu tiên. Ông miêu tả

khoảng thời gian hai năm rưỡi tiếp theo không có gì ngoài sự kết nối mạng lưới để tìm việc và những buổi tiệc tùng. Trải nghiệm đó khiến Schwartz bức xúc và bức bối. Trước hết, ông phải lấy bằng MBA chỉ để tìm lại con đường dẫn đến một sự nghiệp. Và rồi ông phải dành ba năm trời cùng khoản tiền 200.000 đô-la của ông mình, trong khi thực tế chỉ 15 tuần là đã đủ. Thời gian ở Wharton đã góp phần quan trọng trong việc định hình suy nghĩ của ông về General Assembly.

Kế hoạch kinh doanh ban đầu cho General Assembly là thiết lập một câu lạc bộ doanh nhân ở New York, để họ có thể tụ tập và triển khai những ý tưởng của mình, gần giống như phòng khách hoặc phòng sinh hoạt chung tại ký túc xá đại học. Bên cạnh đó, công ty cũng cung cấp một số lớp học công nghệ. Khi các khóa học nhanh chóng được đăng ký hết, General Assembly lại bổ sung thêm. Khi các lớp học trở nên phổ biến hơn, công ty đã chuyển đổi mô hình thành một trường học, với địa điểm đặt trên toàn thế giới để đáp ứng nhu cầu không thể thỏa mãn hết của những người ở độ tuổi 20 đã có bằng cử nhân và đang tìm kiếm những chương trình giáo dục giúp họ tìm được một công việc.

Các nhà đầu tư quy tụ đến công ty, hỗ trợ các dự án khởi nghiệp với hơn 50 triệu đô-la vốn mạo hiểm. Họ nhận ra rằng các sinh viên mới tốt nghiệp đã khám phá ra một điều: General Assembly là sự thay thế rẻ hơn so với các trường sau đại học truyền thống trong việc trang bị cho họ những kỹ năng về công việc trong các lĩnh vực có yêu cầu cao.

MỘT PHIÊN BẢN MỚI CỦA TRƯỜNG HỌC SAU ĐẠI HỌC

Một thập kỷ trước, những sinh viên mới tốt nghiệp (hiện đang theo học tại General Assembly) có lẽ đã quay lại trường đại học để học lấy chứng chỉ sau đại học hoặc một bằng thạc sĩ chuyên nghiệp trong các lĩnh vực như truyền thông, marketing hay khoa học máy tính. Một số có lẽ sẽ đăng ký học tại các trường kinh doanh hoặc luật. Câu trả lời của họ cho việc khiến bản thân trở nên khác biệt trong thị trường lao động đầy những tấm bằng cử nhân là học nhiều hơn nữa.

Trong lịch sử, tấm bằng thạc sĩ được coi là một điểm dừng trên con đường lấy bằng tiến sĩ và cuối cùng là đạt đến vị trí giảng dạy hoặc nghiên cứu học thuật. Tuy nhiên trong những thập kỷ gần đây, bằng thạc sĩ trong các lĩnh vực chuyên môn từ y tá, khoa học pháp lý đến quản lý công đã trở thành “con gà” đẻ ra tiền của các trường đại học, phục vụ những sinh viên có một suy nghĩ rằng họ

cần có thêm nhiều bằng cấp để tìm được một công việc. Nhiều chương trình sau đại học đã trở thành nỗi khiếp đảm đối với sinh viên, khi những thành viên khoa giảng dạy đã làm chúng trở nên quá tải với những yêu cầu không cần thiết và kết quả là chi phí bị đội lên cao.

Trước khi những chương trình như General Assembly xuất hiện, sinh viên không có nhiều sự lựa chọn ngoài việc chi trả hàng chục ngàn đô-la cho tấm bằng thạc sĩ. Nhiều sinh viên phải vay thêm các khoản nợ chồng lên những khoản nợ từ thời đại học để chi trả cho chương trình học sau đại học. Tôi thường thấy các sinh viên mới tốt nghiệp với khoản nợ 100.000 đô-la và mặc định rằng đó là từ việc học lấy bằng cử nhân. Theo thống kê, có chưa đến 1% sinh viên đại học gánh khoản nợ dưới sáu chữ số tính đến thời điểm tốt nghiệp, trong khi đã có khoảng 15% sinh viên tốt nghiệp nợ ít nhất 100.000 đô-la vào thời điểm hoàn thành chương trình học. Nhìn chung, khoản nợ sinh viên đã tăng gấp đôi kể từ năm 2008, lên tới 1,19 nghìn tỷ đô-la ngày nay, và 40% khoản nợ đó thuộc về các sinh viên tốt nghiệp, mặc dù họ chỉ chiếm 14% số sinh viên theo học giáo dục bậc cao.

Thậm chí với một tấm bằng thạc sĩ, việc tìm được một công việc tốt, trả lương cao đang trở nên ngày càng khó khăn sau cuộc khủng hoảng năm 2008. Kết quả là, số lượng sinh viên Mỹ ghi danh vào các trường sau đại học đã tụt giảm kể từ năm 2008 (mặc dù tổng số sinh viên ghi danh tăng lên do số lượng sinh viên quốc tế tăng).

Tuy nhiên, ngoài chi phí đắt đỏ ra, còn có một số lý do khác khiến sinh viên từ bỏ ý tưởng theo học sau đại học. Có một sự chuyển biến căn bản trong cách sinh viên mới tốt nghiệp đại học bổ sung thêm kiến thức trước khi bắt đầu sự nghiệp. Thay vì bám vào những cơ cấu học tập chính quy của giáo dục bậc cao truyền thống, sinh viên mới tốt nghiệp ngày càng chuyển hướng sang các nhà cung cấp chương trình đào tạo ngắn hạn, trực tuyến hoặc ngoại tuyến, với chi phí chỉ bằng một phần của chương trình sau đại học (hoặc trong một vài trường hợp là miễn phí). Những nhà cung cấp này hiếm khi là những tên tuổi quen thuộc vốn thu hút được hàng triệu sinh viên. Có ba hình thức nhà cung cấp trong sân chơi mới này:

1. Các trại huấn luyện

Ngoài những khóa học về phát triển web của General Assembly, có khoảng 63 trại huấn luyện về lĩnh vực mã hóa hoạt động ở Mỹ

và Canada. Họ giảng dạy những kỹ năng lập trình căn bản cho những sinh viên chưa có kinh nghiệm. Hiện tại vẫn chưa có gì rõ ràng về việc mô hình trại huấn luyện có thể dễ dàng chuyển đổi sang những lĩnh vực nghề nghiệp khác hay không, những lĩnh vực mà không có nhiều người sẵn sàng chi trả mức chi phí khoảng 11.000 đô-la cho những chương trình như thế này. Hiện giờ, sinh viên không được dùng các khoản hỗ trợ tài chính liên bang cho các chương trình trại huấn luyện. Tuy nhiên, Bộ Giáo dục Mỹ đang cân nhắc hợp tác với các trường đại học hiện tại để sử dụng khoản hỗ trợ liên bang.

2. Khóa học trực tuyến đại chúng mở (MOOCs)

Vài chục trường đại học ưu tú, bao gồm Stanford, Princeton, Penn và Harvard đang cung cấp các khóa học trực tuyến miễn phí thông qua hai tổ chức lớn: Coursera và edX. Có hơn 100.000 người đã đăng ký các khóa học với nội dung rất phong phú này. Đã có nhiều lời chỉ trích dành cho MOOCs trong những năm gần đây bởi vì chỉ có 1/10 sinh viên hoàn thành một khóa học hoàn chỉnh. Tuy nhiên, nếu áp dụng phương thức đo lường truyền thống khi định nghĩa sự thành công trong giáo dục bậc cao vào phương thức học tập mới này, chúng ta sẽ thấy thiếu đi điều mà nhiều sinh viên tôi phỏng vấn nói rằng đó là lý do họ tham gia các lớp học. Một số đăng ký để học thử hoặc muốn xem một khóa học cụ thể để tìm hiểu nội dung. Họ chưa bao giờ lên kế hoạch hoàn thành một khóa học, và nó miễn phí nên họ chẳng mất gì khi ngừng học.

3. Nguồn tài nguyên học tập kỹ thuật số

Trên các trang web có rất nhiều các trang đào tạo DIY (tự học), từ YouTube đến iTunes U, nơi mà sinh viên có thể tự tổng hợp giáo trình của bản thân. Một vài trong số đó có lượng người truy cập mỗi tháng nhiều hơn hẳn các trường đại học có sinh viên theo học hơn một thế kỷ. Ví dụ, Khan Academy phục vụ khoảng 10 triệu người mỗi tháng với 5.000 video. Lynda.com, một công ty giáo dục trực tuyến, đạt đến hơn bốn triệu người mỗi năm với những chương trình gia sư hướng dẫn làm mọi việc từ kỹ năng quản lý đến lập trình.

KHÔNG PHẢI MỘT TẤM BẢNG, MÀ LÀ KIẾN THỨC NỀN TẢNG ĐỂ BẮT ĐẦU MỘT CÔNG VIỆC

Các trại huấn luyện có một mục đích đơn giản: giúp bạn có một công việc. General Assembly tuyên bố rằng 90% số sinh viên tốt nghiệp của họ tìm được công việc trong vòng sáu tháng. Một học

viện đào tạo mã hóa khác, trường Flatiron, có một kiểm toán viên độc lập nghiên cứu về tỷ lệ nhận việc và tìm ra rằng 95% số sinh viên tốt nghiệp nhận được một công việc trong vòng bốn tháng.

Không có sức ép nào giữa lý thuyết và thực hành tồn tại trong các trại huấn luyện. Tất cả đều là về đào tạo nghề nghiệp, được thực hiện nhanh nhất có thể. Tất cả những nội dung đào tạo đại học và sau đại học nào bị các nhà tuyển dụng coi là không liên quan đều sẽ bị loại bỏ. Một người hướng dẫn chuyên ngành khoa học máy tính ở General Assembly khoe rằng chương trình 10 tuần của họ tương đương với những gì sinh viên học trong chương trình cử nhân bốn năm.

Giáo dục “vừa đúng thời điểm” giống như quá trình đào tạo căn bản trong quân đội, trong đó nó mang đến cho bạn những kiến thức nền tảng để bắt đầu. Tất cả những điều khác sẽ được học trong quá trình làm việc, hoặc có lẽ là một khóa học khác.

Bởi General Assembly, Coursera và Lynda.com tập trung vào việc giảng dạy những kỹ năng liên quan đến công việc, nên họ hoạt động trong một không gian hạn hẹp, giúp họ dễ dàng đạt được thành công. Có những nhu cầu cho khóa học của họ và dễ dàng đo lường được kết quả: sinh viên tốt nghiệp tìm được việc hoặc không. Trong một vài khía cạnh, sẽ không dễ để so sánh những chương trình này với những chương trình sau đại học truyền thống, bởi chúng không mang đến toàn bộ những sự lựa chọn (có thể là không bao giờ). Dù vậy, khóa học ngắn về thuật kể chuyện mà tôi tham gia ở General Assembly rất có ích với công việc của tôi, và quan trọng là ít rủi ro cho tôi. Tôi không cần phải định vị trường học hoặc cam kết vào một lớp học kéo dài cả kỳ, và tất cả những gì tôi phải trả chỉ bằng giá của một tấm vé đến xem trận bóng đá tại một trường đại học.

Tuy nhiên, một vài người lại chấp nhận sự rủi ro lớn hơn ở General Assembly. R. J. Dabber ghi danh vào một khóa học phát triển web kéo dài 10 tuần với chi phí 3.500 đô-la. Dabber nói với tôi rằng cậu ấy thấy mình không có nhiều lựa chọn nếu tìm một công việc liên quan đến mã hóa. Cậu ấy tốt nghiệp năm 2012 với bằng Toán học từ Đại học Wesleyan và nghĩ rằng nền tảng trong các chuyên ngành STEM là tấm vé đưa cậu ấy đến một công việc. Nhưng Dabber có ít hứng thú đối với lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc bảo hiểm, và sau đó cậu ấy khám phá ra rằng đó là nơi tiền bạc và công việc tồn tại khi học chuyên ngành Toán.

Sau khi tốt nghiệp, Dabber làm việc cho một người bạn, phát triển

một ứng dụng điện thoại và nhận ra rằng cậu ấy có khả năng mã hóa máy tính. Dabber ứng tuyển vào một vài công việc ở New York, nhưng khi tham gia phỏng vấn, cậu ấy nhanh chóng nhận ra rằng mình hoàn toàn không đạt yêu cầu. Không giống như nhiều công việc đầu tiên ngay sau đại học mà những sinh viên thông minh có thể thuyết phục các quản lý tuyển dụng họ, khi bạn có một tấm bằng lập trình máy tính từ một trường đại học hàng đầu, tất cả phụ thuộc vào việc bạn có thể mã hóa hay không. Một tấm bằng không thực sự quá quan trọng.

“Tôi theo học một vài lớp khoa học máy tính ở đại học để hoàn thành yêu cầu của chuyên ngành Toán, nhưng những kiến thức đó chỉ là mã hóa căn bản,” R.J. nói với tôi. “Không ai viết mã theo cách căn bản cả.”

Một người bạn đã nói với Dabber về General Assembly. Cậu ấy đăng ký khóa học đầu tiên đang mở và được cha mẹ chi trả học phí. “Thật kỳ cục khi tôi vừa trả 200.000 đô-la cho một tấm bằng tại Wesleyan mà vẫn chưa thể chuẩn bị cho một công việc như GA đã làm,” cậu ấy nói.

Gần cuối khóa học tại General Assembly, Dabber bắt đầu ứng tuyển vào các công việc. Cậu ấy đã bổ sung chương trình mã hóa của mình lên GitHub – một trang web cho phép cậu ấy chia sẻ với những nhà tuyển dụng tiềm năng về những điều mình đã làm ở General Assembly. Dabber cũng đưa General Assembly lên vị trí hàng đầu trong hồ sơ cá nhân, trên cả Wesleyan. Một vài tháng sau khi hoàn thành lớp học ở General Assembly, cậu ấy nhận được công việc ở một công ty phát triển web đặt tại Brooklyn. Sếp của Dabber thậm chí còn không biết cậu ấy có tấm bằng từ Wesleyan cho tới một vài tuần sau khi cậu ấy bắt đầu công việc.

Thị trường tiềm năng cho mảng giáo dục sau đại học là rất lớn. Các nhà tuyển dụng hàng năm chi 413 tỷ đô-la cho các chương trình đào tạo không chính quy dựa trên quá trình làm việc, và các cá nhân chi 30 tỷ đô-la cho những chương trình giáo dục và chứng chỉ chuyên nghiệp. Những nhà cung cấp mới của chương trình giáo dục “vừa đúng thời điểm” đã thể hiện xuất sắc trong việc trau dồi cho sinh viên những nội dung, thay vì đưa cho họ cả một tấm bằng hoặc chứng chỉ mà họ không cần đến và cũng không chi trả được.

Một lợi thế khác nữa là giáo trình của họ được thiết kế dựa trên cách trí não làm việc: bài giảng được dạy trong những khoảng thời gian ngắn, tập trung vào một số khái niệm then chốt, ngay

lập tức áp dụng những điều học được vào môi trường thực tế, thường xuyên phản hồi – tất cả đều được hoàn thành trong vài tuần. Sau đó quy trình sẽ được lặp lại với một bộ khái niệm mới. Đó rõ ràng là điều đối lập với cấu trúc của hầu hết các trường đại học.

Các nhà tuyển dụng cũng đang nhìn nhận xem giáo dục “vừa đúng thời điểm” sẽ mang lại lợi ích cho họ như thế nào trong môi trường làm việc. Ví dụ như Xerox. Vào năm 1970, công ty đã mở một trường sở rộng lớn ở ngoại ô Washington D.C để đào tạo những nhân viên bán hàng và đội ngũ quản lý trên toàn cầu. Khoảng 1.800 nhân viên đã đến đó tham gia các lớp học vào một vài tuần cố định. Tuy nhiên, Xerox đã bán cơ sở đó và hiện đang thực hiện hầu hết các chương trình đào tạo trực tuyến hằng ngày với hơn 10.000 video ngắn trên web, và khoảng 20.000 tài liệu tham khảo được yêu cầu khác. Ngày nay, khoảng 70% chương trình đào tạo của Xerox là trực tuyến.

Giáo dục trực tuyến giúp tiết kiệm tiền bạc của công ty, nhưng theo lời John Leutner – người đứng đầu bộ phận đào tạo toàn cầu của Xerox, nó cũng giúp cải thiện việc duy trì nhân viên bởi họ học theo thời gian của bản thân và tại không gian của chính mình. “Chúng ta thường nghĩ quá nhiều về việc giáo dục cần có điểm bắt đầu và kết thúc,” ông ấy nói. “Chúng ta cần phải nghĩ về việc học tập theo một vòng tuần hoàn và có những dấu mốc quan trọng.”

Câu hỏi đặt ra là nếu giáo dục trở thành sự theo đuổi suốt cả cuộc đời, vậy thì việc bắt đầu học lấy bằng cử nhân ở tuổi 18 có còn quan trọng như ngày nay nữa không? Nói một cách khác, nếu bạn cần tiếp cận việc học tập trong phần còn lại của cuộc đời, bạn có nên tập trung toàn lực vào việc đi học đại học bốn năm, trong đó có những lúc nó làm rối loạn thời điểm chuyển giao trong cuộc đời bạn? Để tìm được câu trả lời, tôi đã đi đến một nơi mà tôi thường lui tới mỗi khi đối diện với những câu hỏi về sự liên kết giữa giáo dục bậc cao và nền kinh tế: Trung tâm Giáo dục và Lực lượng Lao động của Đại học Georgetown.

MỘT GIAI ĐOẠN MỚI CỦA NHỮNG NĂM TUỔI 20: HỌC HỎI VÀ TÍCH LŨY

Trung tâm này cách khuôn viên chính của Đại học Georgetown một vài tòa nhà, và nằm khuất sau Trường British School of Washington – một học viện tư trang nhả nằm trên Đại lộ Wisconsin. Trung tâm được điều hành bởi Tony Carnevale, một

nhà hoạch định chính sách hơi cộc cằn và theo trường phái cũ, một người khi đến tuổi thành niên đã trở thành nhà kinh tế học của Washington vào những năm 1970.

Vào cái ngày tháng 10 mà tôi gặp Carnevale ở văn phòng làm việc, con số xuất hiện trong đầu ông ấy không phải là chỉ số thất nghiệp mới nhất được công bố vào sáng hôm đó với Bộ Lao động, nhưng chính là con số tương đương với khoảng trống chỗ đỗ xe hiện có trong tầng hầm của tòa nhà. Phụ huynh của các học sinh Trường British đã thuê vị trí để họ có một nơi khô ráo và ấm áp để đưa con mình đến trường mỗi sáng. Điều đó có nghĩa là trong tòa nhà có ít chỗ trống để nhân viên thuê hơn, mặc dù các phụ huynh chỉ đỗ ở đó vài phút mỗi ngày. “Và rồi chúng tôi phân vân vì sao lũ trẻ vẫn chưa sẵn sàng làm việc,” Carnevale nói và thở dài. “Bởi chúng không được phép để bị ướt khi còn học mẫu giáo.”

Trong khi có một suy nghĩ thông thường rằng suốt ba thập kỷ vừa qua, cha mẹ và trường học đã khiến trẻ em trở nên lo ngại sự rủi ro, Carnevale tin tưởng rằng bản chất của sự rủi ro đã thay đổi. Nền kinh tế ngày nay không còn đáng tin cậy với người lao động như những thế hệ trước, và trường đại học không còn là một con đường thẳng dẫn đến thành công sau tốt nghiệp; một vài bước đi sai lầm có thể tạo ra sự khác biệt giữa việc tiến đến một công việc tuyệt vời hay đứng vào đội ngũ thất nghiệp. Vì vậy, cha mẹ, đặc biệt là những người với thu nhập cao, muốn mang đến cho con cái của họ mọi lợi thế trong cuộc đua này, bao gồm cả việc che chắn cho chúng khỏi những giọt mưa ngay từ thời mẫu giáo.

Mặc dù chế giễu phụ huynh tại các trường tư, nhưng Carnevale lại không tập trung vào những học sinh tiểu học hoặc học sinh trung học. Ông ấy chỉ lo lắng về điều xảy ra khi những học sinh mẫu giáo đó sau này sẽ bước vào môi trường làm việc.

Mỗi năm, trung tâm ở Đại học Georgetown xuất bản đều đặn một loạt các báo cáo về giá trị của bằng đại học trong thị trường lao động, và những báo cáo này thu hút được rất nhiều sự chú ý từ giới truyền thông nhờ vào những số liệu ấn tượng ngay từ tiêu đề. Nếu đọc đủ số báo cáo đó, bạn sẽ kết luận rằng hệ thống giáo dục chấp vá này đã quá lỗi thời trong việc trang bị những kỹ năng cần thiết cho lực lượng lao động của nền kinh tế mới.

Do có vị trí cao cấp trong bộ máy nhà nước, Carnevale thường xuyên phải gặp gỡ các chính trị gia và lắng nghe những lời nói khoa trương phản ánh sự bất an mà cử tri của họ đang cảm nhận về nền kinh tế bất ổn, đặc biệt là sự suy giảm của những công việc

tâm trung. Phần lớn sự lo lắng đó bắt nguồn từ nỗi luyến tiếc của xã hội đối với sự bùng nổ kinh tế giai đoạn sau Thế chiến II – thời điểm đã mang đến một làn sóng những người lính được đào tạo đại học tham gia lực lượng lao động, chứng kiến những nhà máy vận hành hết công suất, và quan trọng nhất: đối mặt với ít sự cạnh tranh từ nước ngoài hoặc công nghệ.

Carnevale đã chỉ ra rằng sự ảnh hưởng kinh tế từ Thế chiến II cuối cùng đã dừng lại vào đầu những năm 1970. Đó là khi giáo dục bậc cao bắt đầu trở nên quan trọng đối với sự thành công của những người ở độ tuổi 20, đặc biệt là những thanh niên trẻ có ít sự lựa chọn ngoài các công việc tay chân nếu họ bỏ qua giáo dục đại học. Được xây dựng dựa trên khung nghiên cứu về việc những thanh niên trì hoãn sự dịch chuyển đến tuổi trưởng thành, Carnevale đã nghiên cứu các báo cáo thống kê lao động trong một vài thập kỷ và tìm ra được xu hướng tương đồng trong thị trường việc làm. Cuộc diễu hành tiến vào sự nghiệp của những sinh viên mới tốt nghiệp đã chậm lại từ những năm 1980. Và cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2008 cuối cùng đã phơi bày sự bất ổn mà người trẻ phải đối mặt trong một khoảng thời gian.

“Các chứng cứ cho thấy một cách rõ ràng rằng thế hệ người trẻ ngày nay phải chịu gánh nặng từ những cú sốc kinh tế trong thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI,” Carnevale đã viết trong một báo cáo đột phá năm 2013, có tên là Failure to Launch (tạm dịch: Thất bại trong việc khởi đầu). “Tất cả mọi người đều phải chịu đựng, nhưng những người trẻ có khuynh hướng dễ bị tổn thương nhất với các biến động mang tính chu kỳ của nền kinh tế hơn so với các nhóm tuổi khác.”

Tùng trang của báo cáo liệt kê ra một loạt những con số đáng lo ngại về người trẻ Mỹ. Vào năm 2013, tỷ lệ tham gia lao động của những người thuộc độ tuổi 20 xuống mức thấp nhất kể từ khi chính phủ bắt đầu thu thập số liệu từ đầu thập niên 1950. Giá trị thực tế của cá nhân dưới tuổi 35 đã giảm gần 70% kể từ đầu những năm 1980. Trong số tất cả những điều được tìm ra, có một điều có lẽ tạo nên sự lo ngại lớn nhất khi tôi nhắc đến nó với các sinh viên và phụ huynh: những lao động trẻ đang cần nhiều thời gian hơn để đạt đến tỷ lệ tham gia lao động ngang bằng với những người ở cùng độ tuổi của họ trong các thế hệ trước.

Đối với Carvenale, những con số này thể hiện một sự thay đổi trọng yếu trong phương thức và thời điểm học tập, cũng như phương thức và thời điểm làm việc của chúng ta. Trong lịch sử, người lao động tham gia thị trường việc làm ở tuổi 18 và nghỉ hưu

ở tuổi 64, nhưng thực tế không còn như vậy nữa. Tuy nhiên, hằng ngày các phụ huynh và hệ thống giáo dục vẫn đang trang bị kỹ năng cho sinh viên dựa trên mô hình đó.

Để minh họa cho quan điểm này, Carnevale đã vẽ ba ô vuông trên một đường thẳng: giáo dục, làm việc và nghỉ hưu. Đó là những giai đoạn của cuộc đời khi ông ấy lớn lên. Bức tranh ngày hôm nay đã lộn xộn hơn. Carnevale đã vẽ thêm một số ô vuông khác sau ô giáo dục và trước ô nghỉ hưu. Ông ấy khoanh tròn vài lần vào một ô vuông, được ông ấy gọi là “học hỏi và tích lũy”. Đó là giai đoạn mà những người trẻ đang ở độ tuổi 20 và đang phát triển “vốn nhân lực” bằng việc đi học đại học, tìm kiếm các chương trình thực tập và học bổng, làm việc bán thời gian, hoặc ngày càng định vị hơn về nền kinh tế tri thức.

Carnevale thấy không có gì sai với những Người đi lang thang hoặc những Người không đi theo hàng lối vốn đang dành những năm tháng của độ tuổi 20 để “tìm hiểu mọi điều”, miễn là họ tiếp tục đầu tư vào vốn nhân lực bản thân bằng cách làm những công việc có liên quan hoặc tham gia những lớp học để cải thiện kỹ năng. Tuy nhiên, biểu đồ của Carnevale vẫn có những ô vuông cho trường đại học hoặc một chứng chỉ tương đương ở đầu giai đoạn học hỏi và tích lũy mới này. Điều đó đã trả lời cho câu hỏi mà tôi muốn đặt ra khi mới bước chân vào văn phòng của ông ấy.

“Dù có như thế nào,” Carnevale nói, “tấm bằng đại học vẫn còn được coi là nền tảng của quá trình giáo dục trọn đời, mặc dù một vài bằng cấp có giá trị cao hơn một số khác.” Mỗi năm, trung tâm này lại công bố một báo cáo nghiên cứu về mức lương của các chuyên ngành khác nhau – sinh viên kiếm được bao nhiêu và khả năng họ rơi vào cảnh thất nghiệp. Không hề đáng ngạc nhiên, bản phân tích này đã chỉ ra rằng những chuyên ngành nhân văn kiếm được ít hơn so với những chuyên ngành khoa học, và có khả năng thất nghiệp cao hơn. Một tấm bằng mỹ thuật hoặc tâm lý học nhận được mức lương 31.000 đô-la ngay sau khi tốt nghiệp, trong khi một tấm bằng kỹ sư nhận được 57.000 đô-la.

Mặc dù không ủng hộ việc sinh viên chọn một chuyên ngành mà chỉ dựa trên khoản tiền lương họ kiếm được sau này hoặc rủi ro thất nghiệp, Carnevale vẫn nói rằng cần phải cân nhắc nguồn thông tin này vì ngày nay, chọn một chuyên ngành cũng chính là chọn một công việc. Một tấm bằng đại học chung chung sẽ có ích trong quá khứ bởi vì lĩnh vực công nghiệp quan trọng hơn những công việc cụ thể, và các nhà tuyển dụng sẵn sàng đào tạo nhân viên. Bạn có thể học hỏi cách làm việc qua người tuyển dụng,

giống như David Taylor đã làm. Là CEO mới của Procter & Gamble, Taylor đã bắt đầu làm việc tại công ty vào những năm 1980 ở vị trí quản lý sản xuất và chuyển qua nhiều công việc khác nhau trong công ty trên con đường đến với vị trí hiện tại.

Tuy nhiên, giờ đây rất hiếm có những con đường sự nghiệp giống như vậy. Ngày nay, bạn sẽ chọn một công việc sau một vài năm “mua sắm việc làm” (như miêu tả của nhà kinh tế học Henry Siu) và dịch chuyển qua nhiều lĩnh vực trong suốt sự nghiệp.

Tuy nhiên, những trường học sau đại học và trường chuyên nghiệp vẫn được xây dựng dựa trên mô hình cũ. Công việc của chúng là mang đến cho sinh viên một sự chuyên môn hóa sâu sắc, cần thiết sau nền giáo dục tổng quát được học tại trường đại học. Tuy nhiên, các nhà tuyển dụng ngày nay kỳ vọng cả kiến thức tổng quát và chuyên sâu được kết hợp trong một bằng cử nhân – tức là họ muốn những cá nhân định hình chữ T. Họ muốn sinh viên có thể thích ứng trong sự nghiệp của mình và học hỏi thêm vào những thời điểm cần thiết. Đó là lý do vì sao mà các lớp học tại General Assembly được ưa chuộng như vậy. Nó được coi là con đường tắt vòng quanh giáo dục sau đại học cho những người chỉ cần một kỹ năng cụ thể để tìm được một công việc. Đó cũng là lý do vì sao mà các công chức tại Georgetown đang thiết kế một tấm bằng mới với mục đích xóa bỏ bức tường lửa truyền thống giữa giáo dục đại học và giáo dục sau đại học.

Ý tưởng về nền giáo dục “vừa đúng thời điểm” có đầy đủ tiềm năng để xóa bỏ hoàn toàn đường kẻ đánh dấu sự kết thúc giáo dục đại học và bắt đầu đời sống việc làm của một người. Ngày càng có nhiều sinh viên không còn sẵn sàng chi trả cho tấm bằng giáo dục sau đại học đắt tiền, khi mà những sự thay thế như General Assembly đã xuất hiện.

Một vài tuần sau khi tôi gặp Schwartz ở Austin, Đại học George Washington đã thông báo rằng trường này đang cắt giảm nhân viên để tiết kiệm chi phí. Chủ tịch trường đã đổ lỗi cho sự sụt giảm trong số lượng sinh viên ghi danh vào các chương trình giáo dục sau đại học. Cũng trong tuần đó, LinkedIn thông báo rằng họ đang mua lại Lynda.com với mức giá 1,5 tỷ đô-la, con số gần gấp hai lần ngân sách hàng năm của Đại học George Washington.

LinkedIn có khoảng 300 triệu thành viên, và công ty biết được họ cần những kỹ năng nào để tìm được những công việc vốn được quảng cáo trên chính website của họ – những kỹ năng được cung cấp bởi Lynda.com. LinkedIn có thể hỗ trợ các ứng viên vượt qua

hệ thống giáo dục bậc cao truyền thống trong quá trình tìm việc. Lynda.com sẽ cung cấp chương trình đào tạo trực tuyến, trong khi LinkedIn sẽ gợi ý các lớp học cụ thể dựa trên những nghề nghiệp mà thành viên của họ tra cứu.

Nhà tuyển dụng cũng có tác động lớn trong việc thay đổi định nghĩa về thời điểm kết thúc của giáo dục đại học. Nếu những nhà tuyển dụng trong các lĩnh vực ngoài mảng công nghệ đưa ra dấu hiệu cho những người tìm việc rằng, những kỹ năng tích lũy được từ thế giới thực tế sẽ có ích hơn là một tấm bằng cử nhân hoặc thạc sĩ, thì những công ty như General Assembly sẽ áp dụng mô hình của họ cho những công việc khác.

Schwartz đã nói với tôi rằng ông ấy đang nghĩ làm thế nào để General Assembly có thể cung cấp được các chương trình trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe. Những nghề nghiệp khác rồi sẽ thay đổi theo, và cánh cửa bước vào một sự nghiệp mà trường đại học bây giờ đang quản lý sẽ được mở ra cho bất kỳ ai, tại bất kỳ thời điểm nào trong cuộc đời họ.

Chương 9

NHÀ TUYỂN DỤNG TUYỂN NGƯỜI NHƯ THẾ NÀO?

Bạn tuyển dụng như thế nào?

Câu hỏi thật đơn giản, và tôi đã hỏi tất cả những người mình gặp tại các công ty, từ các công ty khởi nghiệp quy mô nhỏ, những tổ chức phi chính phủ cho đến các công ty nằm trong nhóm Fortune 500. Tôi muốn tìm hiểu điều mà các nhà tuyển dụng tìm kiếm từ những người trẻ ngày nay – cùng với việc làm thế nào và ở đâu mà họ có thể tìm kiếm được.

Thật đáng ngạc nhiên, các nhà tuyển dụng thường không biết mình mong muốn gì – cho thấy một mức độ hoạt động bất thường của việc liên kết nhân tài và cơ hội – điều mà tôi không ngờ tới trong một nền kinh tế tiên tiến như nước Mỹ. Tôi nhận ra rằng các nhà tuyển dụng đã thất bại trong việc lập kế hoạch dài hạn cho nhu cầu tuyển dụng của họ, quá trình đánh giá ứng viên trong các buổi phỏng vấn phần lớn dựa trên bản năng, và phụ thuộc nhiều vào hiệu ứng hào quang của những chứng chỉ từ một nhóm nhỏ những trường đại học ưu tú.

Thậm chí bây giờ, khi các công ty có thể đo lường và kiểm tra tất cả mọi điều về hoạt động kinh doanh của họ qua những thuật toán phân tích chính xác – từ số lượng hộp bột giặt bán ra vào ngày thứ Ba tại Topeka cho đến lần cuối cùng người bán hàng tốt nhất của họ gọi điện cho một khách hàng – mối quan hệ của nhà tuyển dụng với nhân viên của mình (và quan trọng hơn, với những nhân tài tiềm năng) về bản chất vẫn rất tùy tiện.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi những người ở độ tuổi 20 trên thị trường lao động đã miêu tả về quy trình tuyển dụng như một

chiếc hộp đen, hoàn toàn giữ kín vị trí của họ và những kỹ năng họ cần để được tuyển dụng trong bóng tối. Thực tế, việc ứng tuyển và phỏng vấn ở hầu hết các tổ chức đều thiếu đi sự minh bạch, đặc biệt là đối với những người trẻ lần đầu ứng tuyển cho một công việc thực sự. Như Peter Cappelli, một giáo sư giảng dạy tại Trường Wharton, đã viết: “Việc tuyển dụng dường như không phải là một sự ưu tiên lớn đối với những nhà tuyển dụng giống như thế hệ trước đây.”

Mặc dù không có tổ chức nào tuyển dụng theo một cách hoàn toàn giống nhau, nhưng tôi đã tìm thấy sự tương đồng giữa các tổ chức trong các lĩnh vực, vùng miền và quy mô công ty. Đối với phần lớn, quy trình tuyển dụng cho những sinh viên mới tốt nghiệp đại học dường như đi theo cuốn sách tiêu khiển truyền thống dựa trên những mối tương tác cá nhân (công nghệ bắt đầu đóng một vai trò quan trọng hơn, và chúng ta sẽ đọc thêm về nó trong phần sau của chương này).

Hầu hết các công ty lớn đều di chuyển đến các sự kiện tuyển dụng mỗi năm, theo một nhóm những “trường cốt lõi” mà họ đã tìm ra. Họ quyết định sẽ đến thăm trường đại học nào dựa trên nơi mà họ đã thành công trong quá khứ – thường được định nghĩa bởi số lượng sinh viên chấp nhận lời đề nghị làm việc, chứ không nhất thiết phải là những sinh viên phù hợp nhất. Những công ty lớn nhất và những công ty tuyển dụng hàng ngàn sinh viên tốt nghiệp mỗi năm có xu hướng phân chia danh sách các trường theo từng bậc (những trường nào càng ở bậc cao, họ sẽ càng đến thăm nhiều hơn).

Con đường chính để một ngôi trường đạt đến vị trí hàng đầu trong danh sách chủ yếu dựa trên sự phổ biến của những chuyên ngành liên quan và thứ hạng của trường, dựa theo khảo sát hằng năm của Hiệp hội Quốc gia các Trường đại học và Nhà tuyển dụng. Dù vậy, tôi đã khám phá ra rằng việc tổng hợp danh sách mục tiêu mang tính chất nghệ thuật hơn là khoa học. Đôi khi một trường được coi là cốt lõi bởi vì CEO đã đến đó hoặc là một ủy viên quản trị, hoặc chỉ vì người quản lý tuyển dụng đã từng tốt nghiệp ở đó.

Tuy nhiên, điều ảnh hưởng nhiều nhất đến các sinh viên trên thị trường lao động không phải là số lượng nhà tuyển dụng được đến trường đại học, mà là tổ chức nào đưa ra nhiều lời đề nghị làm việc nhất. Xét cho cùng, công việc là điều quan trọng nhất, và theo cuộc khảo sát của các nhà tuyển dụng đã chỉ ra: tỷ lệ đưa ra những lời đề nghị làm việc cao nhất dành cho sinh viên tốt

nghiệp đến từ những ngôi trường mà các lãnh đạo cao cấp của công ty thuộc hội cựu sinh viên, và kỳ vọng lương của những nhân viên mới phù hợp với bậc lương của công ty tuyển dụng.

Một số nhà tuyển dụng, ví dụ như những ngân hàng trên Phố Wall, các công ty tư vấn, các thương hiệu quốc tế và một số công ty công nghệ, luôn giữ danh sách các trường mục tiêu của họ tương đối ít. Họ coi việc tuyển dụng là một sự mở rộng cho thương hiệu được mạ vàng của họ, và họ có xu hướng chỉ tuyển dụng từ các trường xếp những thứ hạng cao nhất. “Nếu không theo học các trường nằm trong nhóm 25 trường tốt nhất, bạn sẽ không bao giờ gặp được nhà tuyển dụng từ những công ty có tên tuổi,” cựu chủ tịch của một trường đại học công nổi tiếng đã nói với tôi. “Những ngôi trường nằm ngoài nhóm hàng đầu sẽ không bao giờ nói cho sinh viên tương lai của họ về điều đó. Họ cố khiến bạn nghĩ rằng mình có thể được tuyển dụng ở bất kỳ đâu, nhưng thực ra bạn không thể.”

Vì vậy, nếu bạn không theo học một trường đại học ưu tú, liệu điều đó có nghĩa là số phận sắp xếp bạn chỉ được làm một công việc hạng hai tại một công ty hạng xoàng không? Không hẳn là như vậy. Tôi hy vọng rằng cuốn sách này đã chỉ cho bạn thấy điều bạn làm trong trường đại học quan trọng hơn nơi bạn theo học đại học. Bạn vẫn có thể kiếm được một công việc cho dù họ không tuyển dụng tại trường của bạn, nhưng bạn sẽ gặp nhiều thách thức hơn để xâm nhập vào bộ máy tuyển dụng. Và hãy chuẩn bị cho sự thất vọng: một số nhà tuyển dụng sẽ từ chối bạn chỉ bởi vì ngôi trường bạn theo học.

Khi nói đến việc tuyển dụng, các nhà tuyển dụng không phải lúc nào cũng nhất quán. Nhớ lại việc tuyển dụng tại Procter & Gamble: nhà tuyển dụng ưu tiên sinh viên tốt nghiệp từ những trường công lớn, trong khi CEO lại chào đón sinh viên tốt nghiệp các trường đại học giáo dục đại cương. Thực tế là, nhiều công ty có xu hướng ưu tiên những đại học công lập lớn hàng đầu, không vì lý do nào khác ngoài việc các trường này thường công bố điểm số của sinh viên tốt nghiệp mỗi mùa xuân. Vào năm 2010, tạp chí Wall Street đã hỏi những nhà tuyển dụng từ gần 500 công ty, tổ chức phi chính phủ và đơn vị chính phủ lớn mà các trường đại học tin tưởng nhất khi tìm kiếm những sinh viên mới tốt nghiệp. Nhóm năm trường hàng đầu? Đại học Penn, Đại học Texas A&M, Đại học Illinois, Đại học Purdue và Đại học Arizona – tất cả đều là đại học công. Trường tư duy nhất nằm trong nhóm 10 trường hàng đầu là Carnegie Mellon (ở vị trí số 10) và trường đại học thuộc Ivy League duy nhất nằm trong nhóm 25 trường hàng đầu

là Đại học Cornell, ở vị trí số 14.

Bất chấp sự khác biệt mà tôi tìm thấy giữa các nhà tuyển dụng trong cách họ tuyển dụng, tấm bằng đại học – dù là bằng liên kết hay bằng cử nhân – vẫn là công cụ sàng lọc đầu tiên đối với gần như tất cả các tổ chức khi họ lọc những ứng viên tiềm năng. Đó là lý do vì sao có nhiều gia đình Mỹ nỗ lực chi trả cho giáo dục đại học đến vậy. Tuy nhiên, chúng ta vẫn chưa biết liệu tấm bằng có còn giá trị trong tương lai nữa hay không, khi những nhà tuyển dụng tìm kiếm những con đường tốt hơn để định vị và đánh giá nhân tài.

Một phân tích của Burning Glass chỉ ra rằng 1/5 số quảng cáo công việc không liên quan đến chăm sóc sức khỏe yêu cầu bằng cử nhân cũng yêu cầu thêm một chứng chỉ hoặc giấy phép, điều này có nghĩa là các nhà tuyển dụng coi tấm bằng đại học “như một tấm vé tối thiểu hơn là một điều gì đó xác nhận những năng lực cụ thể,” theo như Matthew Sigelman, CEO của công ty. Kết quả là, sinh viên đại học (thậm chí những người tốt nghiệp những trường danh giá) không nên chỉ phụ thuộc vào bằng cấp của mình, coi đó là tấm vé cần thiết duy nhất để tìm được một công việc sau khi tốt nghiệp.

VIỆC TUYỂN DỤNG Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÃ THAY ĐỔI NHƯ THẾ NÀO?

Phil Gardner, giám đốc Viện Nghiên cứu Việc làm Đại học tại Đại học Michigan, đã dành hơn 30 năm để quan sát các công ty tuyển dụng những sinh viên mới tốt nghiệp đại học. Ông dành phần nhiều thời gian trên đường, nói chuyện với các trung tâm việc làm tại trường đại học để cập nhật với đồng nghiệp của mình về những lời khuyên họ nên mang đến cho các sinh viên.

Tôi đã gặp Gardner trước khi bắt đầu một buổi tọa đàm tại Trung tâm Nghề nghiệp Đại học Maryland. Tôi hỏi về việc tuyển dụng của các trường đại học đã thay đổi như thế nào và điều đó có ý nghĩa gì với các sinh viên khi bắt đầu bước vào thị trường lao động. Gardner đã mô tả ba sự phát triển chính đã khiến con đường từ đại học đến một sự nghiệp ngày nay trở nên biến động hơn so với trước đây, thậm chí là một thập kỷ trước.

Đầu tiên, quy mô và cấu trúc của những công ty tuyển dụng tại trường đại học đã dịch chuyển, làm thay đổi toàn bộ quá trình tuyển dụng. Vào những năm 1980, việc tuyển dụng tại các trường đại học được thống trị bởi ba ngành công nghiệp chính – sản xuất,

bán lẻ, và tài chính – và một số tập đoàn lớn điều khiển mỗi ngành công nghiệp đó. Điều đó có nghĩa là những nhà tuyển dụng lớn lên sẽ lịch trình tuyển dụng, và tất cả mọi người sẽ đi theo. Đó là một quy trình đơn giản cho cả nhà tuyển dụng và các trường đại học để hiểu và kết nối. Vào năm 1985, GM và Dow Chemical đã kết hợp lại để tuyển dụng 340 sinh viên tốt nghiệp Đại học Michigan. Nhưng đến năm 2014, hai công ty đó chỉ tuyển dụng 32 sinh viên từ trường đại học này.

Ngày nay đã xuất hiện thêm nhiều nhà tuyển dụng, mỗi người trong số họ tuyển dụng số lượng sinh viên ít hơn, và tất cả đều có những nhu cầu cụ thể và những lịch trình khác nhau để sinh viên theo dõi. Những công ty xây dựng không còn thống trị nền kinh tế nữa; những công ty kinh doanh và dịch vụ chuyên nghiệp bây giờ sẽ nắm vai trò thống trị. Những tổ chức phi lợi nhuận và chính phủ cũng tham gia vào việc tuyển dụng theo cách mà họ không làm trước đây. Teach for America và AmeriCorps là hai trong số 10 đích đến hàng đầu cho những sinh viên tốt nghiệp Đại học Michigan ngày nay, và một số tổ chức phi lợi nhuận khác cũng nằm trong top 15. Vào những năm 1980, không vị trí nào trong top 15 này thuộc về nhóm phi lợi nhuận. Trong một cuộc khảo sát toàn quốc, có hơn 40% số lớp học năm 2014 nói rằng họ muốn được làm việc cho chính phủ ở tầm liên bang, bang hoặc địa phương.

Thứ hai, các nhà tuyển dụng đã nâng cao yêu cầu kỹ năng mà nhân viên cần có để bắt đầu công việc và ít chú ý hơn tới chương trình đào tạo cho nhân viên. Những người trẻ sẽ phải tự tích lũy những kinh nghiệm này. Việc này ngày càng trở nên khó khăn vì các quy định liên tục thay đổi. Theo như kết quả khảo sát từ viện nghiên cứu của Gardner, chỉ 1/4 số công ty đặt ra chỉ tiêu tuyển dụng cụ thể khi họ bắt đầu chương trình tuyển dụng tại các trường đại học. Nhiều công ty đang tuyển dụng dựa trên những nhu cầu đột xuất, vì vậy, sinh viên không được biết trước một vài tháng về điều mà họ cần biết về một công việc, hướng chỉ là trước khi đăng ký một lớp học hay chọn lựa một chuyên ngành.

“Chúng ta đang yêu cầu những người mới tốt nghiệp 23 tuổi hành động như những nhân viên 35 tuổi đầy kinh nghiệm,” Gardner nói.

Trong những ngày tháng cũ, các công ty trong nhóm Fortune 500 thường đưa nhân viên mới của họ vào “những chương trình điều chuyển”, cho phép họ di chuyển qua các phòng ban khác nhau để học hỏi về văn hóa của công ty cũng như học hỏi về nhiều công

việc đa dạng. Tuy nhiên hiện nay, nhiều trong số các chương trình này đã được xóa bỏ để giảm thiểu chi phí công ty.

Sự phát triển lớn thứ ba, đó là tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế ngày nay. Toàn bộ các lĩnh vực đã bị phá vỡ bởi công nghệ và sự toàn cầu hóa trong những năm gần đây, kể cả những lĩnh vực chắc chắn như luật, kế toán và y dược. Tuy nhiên, các trường đại học đang chịu nhiều áp lực lớn hơn bao giờ hết trong việc hỗ trợ sinh viên tìm kiếm những con đường chính xác nhất để đến với công việc, khi mà những con đường đó không còn tồn tại nữa.

Trong một cuộc khảo sát năm 2015, 2/3 số lãnh đạo các trường đại học nói rằng các cuộc thảo luận về sự trang bị việc làm đang diễn ra tại nhiều trường đại học hơn so với ba năm trước đây. Tuy nhiên, loại hình công việc nào mà trường đại học nên trang bị cho sinh viên? Làm thế nào mà ai đó có thể biết được thị trường lao động sẽ như thế nào trong hai hoặc bốn năm tới?

Toàn bộ các lĩnh vực đang dần biến mất mỗi ngày, và những công ty thừa kế cũng đang thay đổi tiến trình một cách nhanh chóng. Trong một năm gần đây, Gardner nói với tôi, Procter & Gamble đã tuyển dụng những sinh viên tốt nghiệp từ 86 chuyên ngành khác nhau tại Đại học Bang Michigan, cho thấy những lĩnh vực giáo dục mới cũng như sự năng nổ của trường trong việc cam kết tránh những lựa chọn khó khăn để tìm được sự phù hợp đúng đắn. Việc đưa ra những lời khuyên chắc chắn về công việc cho một nhóm người ở độ tuổi 22 dường như là một sự cá cược an toàn, giống như việc chọn mua một mã cổ phiếu hay cố gắng thắng một ván bài roulette (một trò chơi casino trực tuyến).

Sau khi chúng tôi ăn xong bữa sáng, tôi đi bộ quanh trường đến trung tâm tư vấn việc làm để theo dõi bài thuyết trình của Gardner. Khi đi ngang qua các bạn sinh viên, tôi tự hỏi liệu bao nhiêu người trong số họ nhận thức được về những thay đổi sâu sắc trong thị trường lao động mà họ sẽ sớm phải đối diện.

Các trường đại học hiếm khi nghe thấy những lời phàn nàn của sinh viên về sự khó khăn của việc tìm được một công việc sau khi tốt nghiệp, đặc biệt với những ai đang trên đường trở thành những Người lang thang hoặc Người không đi theo hàng lối. Các sinh viên chỉ được nghe những tin tốt lành từ văn phòng hướng nghiệp của trường, ví dụ như "khoảng 90% sinh viên tốt nghiệp sẽ được tuyển dụng"... Để có được con số đó, các trường đại học khảo sát sinh viên tốt nghiệp của họ sáu tháng sau khi tốt nghiệp, và gần một nửa số trường chưa từng đặt ra câu hỏi này thêm lần

nào với sinh viên. Một số trường thống kê số phần trăm sinh viên tìm được việc nhưng thấp hơn năng lực của họ, hoặc thống kê những điều xảy ra với họ từ 5-10 năm sau khi tốt nghiệp. Điều đó chứng tỏ các trường hoặc là không biết câu trả lời, hoặc là họ không muốn ai biết được.

NHẬN ĐƯỢC MỘT LỜI ĐỀ NGHỊ LÀM VIỆC

Tuyển dụng vẫn luôn là một công việc mất thời gian và không chính xác. Vào những năm 1950, những tập đoàn lớn đã cố gắng đơn giản hóa quy trình bằng cách đưa cho ứng viên những bài kiểm tra tâm lý và trí tuệ. Tuy nhiên, đến những năm 1990, các công ty đã bỏ đi những bài kiểm tra này, bởi họ cho rằng chúng thật tốn kém và không hiệu quả. Thay vào đó là một quy trình chủ quan và định lượng như ngày nay, khi mà các nhà tuyển dụng sử dụng một loạt các cơ chế phân loại tại những điểm khác nhau để thu hẹp số lượng ứng viên.

Có một số cách để các nhà tuyển dụng sàng lọc và lựa chọn trong số những ứng viên tiềm năng. Sự sàng lọc đầu tiên diễn ra ở “đỉnh phễu” và phần lớn phụ thuộc vào tài liệu được các ứng viên nộp (thư xin việc, hồ sơ cá nhân và đơn ứng tuyển) hoặc những điều thể hiện trên các phạm vi công cộng (ví dụ như hồ sơ LinkedIn). Ở những công ty nhỏ hơn, những nhà tuyển dụng vẫn xem xét những tài liệu đó, nhìn lướt qua hồ sơ để xác định xem ứng viên có phù hợp với vị trí đó hay không.

Tuy nhiên ở những tổ chức lớn hơn, bước đầu tiên đó đang dần được chuyển giao sang phần mềm kiểm tra ứng viên. Nó sẽ tìm kiếm những từ khóa trong hồ sơ của ứng viên và tự động loại bỏ các hồ sơ không có những yêu cầu cần thiết đó, tất cả diễn ra mà không có sự can thiệp của con người. Ở một vài công ty, phần mềm này được thiết lập “tinh vi” đến mức nó sẽ loại bỏ phần lớn ứng viên, kể cả những người thực sự có thể làm được việc.

Trong cuốn sách của mình mang tên Will College Pay Off? (tạm dịch: Liệu giáo dục đại học có đền đáp xứng đáng?), Cappelli đã kể câu chuyện về một công việc kỹ sư, nơi mà phần mềm kiểm tra đánh giá rằng không ai trong số 25.000 ứng viên là đạt yêu cầu. Điều này đã khiến Cappelli nghi ngờ về lời tuyên bố rằng sự thiếu kinh nghiệm là lý do dẫn đến sự thất nghiệp dai dẳng. Ông tin rằng, vấn đề là các nhà tuyển dụng không nghĩ rằng những nhiệm vụ cụ thể có thể được thực hiện theo những cách khác nhau bởi những con người khác nhau.

Đối với sinh viên, tìm hiểu về phần mềm kiểm tra ứng viên gần như là bất khả thi. Sẽ có ích hơn nếu bạn gặp được một con người thực có thể kiểm tra quá trình ứng tuyển của bạn. Nếu điều đó là không thể, bạn hãy phân tích những từ khóa trong quảng cáo tuyển dụng, đặc biệt là những từ thường không được tìm thấy trong những quảng cáo tuyển dụng, vì chúng có thể chỉ ra những kỹ năng quan trọng với nhà tuyển dụng. Sau đó sử dụng những từ khóa đó trong thư xin việc và hồ sơ cá nhân của mình. Tiếp theo là cuộc phỏng vấn. Tại hầu hết các công ty, đây là một quá trình mang tính chủ quan, được thực hiện chủ yếu bởi các nhà quản lý không có kinh nghiệm hoặc không được đào tạo về mảng phỏng vấn hoặc tuyển dụng. Đối với công việc không đòi hỏi kinh nghiệm, cuộc phỏng vấn thường kéo dài nửa ngày hoặc một ngày với một loạt các cuộc đối thoại trực tiếp với những người khác nhau trong tổ chức - những người có thể chuẩn bị rất ít cho cuộc phỏng vấn và thường đưa ra các câu hỏi ngẫu nhiên. Kết quả là, nhiều sinh viên mới tốt nghiệp thường cảm thấy thất vọng bởi những buổi phỏng vấn.

Các nhà nghiên cứu đã tìm ra rằng, những cuộc đối thoại không có cấu trúc sẽ không có hiệu quả. Đó là lý do vì sao các công ty nổi tiếng với việc tuyển dụng thành công (ví dụ như Google) luôn sử dụng các cuộc phỏng vấn có cấu trúc, trong đó các ứng viên được hỏi một danh sách nhất quán những câu hỏi, với các chỉ dẫn rõ ràng để nhà tuyển dụng đánh giá câu trả lời.

“Đây là cách duy nhất để chúng tôi biết liệu sự khác biệt giữa các ứng viên là do sự thể hiện của họ hay là do sự thể hiện của người phỏng vấn,” Laszlo Bock, phó chủ tịch cấp cao của bộ phận vận hành nhân lực ở Google, đã nói với tôi.

Những sinh viên tốt nghiệp được phỏng vấn rõ ràng không biết cuộc đối thoại sẽ được cấu trúc như thế nào, nhưng có một số cách để kiểm soát bố cục câu chuyện mà bạn trình bày với người phỏng vấn. Điều này chúng ta sẽ khám phá trong chương tiếp theo.

Tính đến thời gian, tiền bạc và nỗ lực mà các công ty sử dụng cho việc tuyển dụng sinh viên mới tốt nghiệp, thật đáng ngạc nhiên là họ lại dành rất ít sự quan tâm cho việc thực hiện các cuộc phỏng vấn. Lauren A. Rivera, một giáo sư tại Trường Quản trị Kellogg thuộc Đại học Northwestern đã phát hiện ra rằng, sự tiếp cận một cách thờ ơ với việc phỏng vấn này có lẽ tồn tại lâu nhất trong những công ty danh giá nhất, nơi con người là sản phẩm.

Trong vòng hai năm, Rivera đã dành nhiều tâm huyết vào quy

trình tuyển dụng của một vài công việc được trả lương cao nhất dành cho sinh viên mới ra trường – vị trí trong những ngân hàng đầu tư hàng đầu, các công ty tư vấn quản trị, và những công ty luật. Rivera đã phỏng vấn hơn 100 nhà tuyển dụng tại các công ty và những ứng viên từng trải qua quy trình đó. Rivera cũng có cơ hội quan sát trực tiếp cách mà một công ty tuyển dụng tại một trường đại học ưu tú trong suốt quá trình của vòng tuyển dụng.

Kết quả là cuốn sách của bà được ra đời vào năm 2015, mang tên Pedigree: How Elite Students Get Elite Jobs (tạm dịch: Phả hệ: Những sinh viên ưu tú tìm được các công việc ưu tú như thế nào). Cuốn sách minh họa bản chất ngẫu nhiên của việc tuyển dụng và những thành kiến ẩn giấu sẽ ảnh hưởng đến bất kỳ quyết định nào có sự liên quan của con người. Rivera phát hiện ra rằng, sự tổng hợp các yếu tố của ứng viên (nơi họ theo học, nơi họ thực tập hoặc làm việc trước đây, sức mạnh mạng lưới xã hội của họ) sẽ ảnh hưởng sâu sắc đến việc họ có cơ hội được xuất hiện trong cuộc phỏng vấn đầu tiên hay không. Sự huy hoàng của một tấm bằng đại học danh giá có khả năng hỗ trợ cho ngay cả những ứng viên thể hiện kém cỏi, và những nhà tuyển dụng hiếm khi nhìn vào điểm số mà họ thường không tin tưởng. Với họ, những hoạt động ngoại khóa có vai trò quan trọng hơn nhiều.

Một khi đã tham gia buổi phỏng vấn, một loạt các yếu tố sẽ tạo ra ảnh hưởng, trong đó yếu tố lớn nhất là một thuật ngữ mơ hồ mà chúng ta đều sử dụng: “sự phù hợp”. Trong hầu hết các trường hợp, những người phỏng vấn muốn tuyển dụng những người giống như họ, các ứng viên khiến cơ thể họ xảy ra phản ứng hóa học (giống như cách mà bạn đánh giá ai đó trong buổi hẹn hò, hoặc ai đó bạn muốn làm quen vào tại sân bay trong khoảng thời gian dài bị hoãn giờ bay). Đây là lý do vì sao các hoạt động ngoại khóa chỉ có giá trị với những trường đại học mà người phỏng vấn đã từng theo học. Thiện cảm với một ứng viên thường đến từ những hoạt động chung sở thích, như du lịch hay thể thao.

Trong một hội nghị về tuyển dụng mà Rivera tham dự, cô ấy đã theo dõi cách một đối tác luật (người là fan hâm mộ của đội Red Fox) từ chối một ứng viên vì cậu ấy là fan của Yankees. Hết lần này đến lần khác, các nhà tuyển dụng nói với Rivera rằng họ đang tìm kiếm một người “tinh tế”, những ứng viên sẽ “thể hiện tốt”, mặc dù họ thường gặp khó khăn trong việc định nghĩa điều mà họ ám chỉ. Mặc dù không có sự đồng nhất về định nghĩa của những thuật ngữ đó, các nhà tuyển dụng vẫn thường xuyên từ chối những ứng viên không có đủ sự tinh tế hoặc bị đánh giá tiêu cực bởi những khách hàng lớn tuổi và nhiều kinh nghiệm.

“Sự tinh tế bao gồm vẻ bề ngoài thoải mái và coi cuộc phỏng vấn là một điều đơn giản,” Rivera viết, “bạn có thể đưa những sự ràng buộc vào trong cuộc đối thoại trong khi duy trì nhịp điệu của cuộc đối thoại và quy định về lượt nói chuyện, bạn thể hiện sự hứng thú nhưng biết giữ trong khuôn khổ, và tự tin chứ không tự phụ.”

Rivera đã ghi chú rằng một số người phỏng vấn được nói cho biết điều gì cần tìm kiếm ở ứng viên, nhưng họ lại không hoặc ít được chỉ dẫn về cách đánh giá những điều họ nghe hoặc quan sát. Nếu để tự bản thân họ chọn, những người phỏng vấn sẽ tập trung vào việc tuyển dụng những người họ muốn làm việc cùng hơn là những người sẽ làm việc tốt. Những hoạt động tuyển dụng mà cô ấy mô tả cộng hưởng với nhiều sinh viên mới tốt nghiệp đang phải vật lộn với việc bắt đầu công việc sau khi tốt nghiệp (và có thể là bất kỳ ai đã từng ứng tuyển vào một công việc).

Đối với các nhà tuyển dụng, quy trình này sẽ dẫn đến rất nhiều sự bất phù hợp. Những người mới được tuyển cảm thấy không hài lòng và thỏa mãn, và nó được thể hiện trong kết quả công việc của họ hoặc họ sẽ rời đi sau một vài năm. Một báo cáo toàn cầu về tuyển dụng đã chỉ ra rằng: 2/3 số sinh viên mới tốt nghiệp dành ít hơn năm tiếng đồng hồ để nghiên cứu về công ty khi mới ứng tuyển, và chỉ 1/4 nói rằng họ hiểu về những công việc phải làm hằng ngày trước khi bắt đầu công việc.

Các công ty đang bắt đầu nhận ra rằng hoạt động tuyển dụng của họ không phải lúc nào cũng tìm được những ứng viên xuất sắc nhất, và nhiều công ty đang bắt đầu tiếp cận việc tuyển dụng như một lĩnh vực khoa học, họ sử dụng các công nghệ mới cũng như phân tích dữ liệu trong quá trình đưa ra quyết định tuyển dụng nhân tài. Sự dịch chuyển của phương trình con người trong quá trình tuyển dụng này có thể thay đổi cách mà sinh viên tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp và mãi mãi thay đổi giá trị của tấm bằng – thứ luôn được coi là thiết bị báo hiệu duy nhất về việc họ đã sẵn sàng cho một công việc.

VIỆC PHÂN TÍCH CON NGƯỜI ĐANG TẠO RA NHỮNG SỰ THAY ĐỔI GÌ?

Nó được gọi là “phân tích con người”. Vào năm 2014, Trường Wharton thuộc Đại học Pennsylvania đã tổ chức một cuộc hội thảo về chủ đề này, mọi vé tham dự đều được bán hết. Tôi đã đến vào năm sau đó, và khi đang xếp hàng chờ taxi tại khách sạn, tôi nhận ra mình đang đứng cạnh (chính xác là đứng dưới bóng) Shane Battier cao 2,07 mét. Ngôi sao giải bóng rổ NBA trước đây

và thành viên xuất sắc của đội bóng rổ Duke là một ngôi sao tại cuộc hội thảo, bởi vì ông từng được miêu tả là “thành viên đội tuyển ngôi sao” bởi tác giả Michael Lewis.

Đội tuyển đó chơi tốt hơn khi có Battier trên sân. Lewis cũng là tác giả của Moneyball (tạm dịch: Tiền bi), cuốn sách best-seller kể về cách Oakland Athletics đã sử dụng dữ liệu người chơi để thành lập một đội tuyển bóng chày nghiệp dư mà vẫn có thể tham dự giải đấu chuyên nghiệp. Trong những năm gần đây, bộ phận nhân sự tại các công ty lớn đã nhận ra rằng nhân viên của họ rất giống với những nhân tài trên sân bóng chày hoặc sân bóng rổ, vì vậy họ bắt đầu khai thác hàng loạt dữ liệu để tìm ra lý do vì sao và như thế nào mà nhân viên của họ được tuyển dụng, sa thải và thăng tiến. Đó là sự ra đời của mảng “phân tích con người”. Ngày nay, có khoảng 4.500 công ty có ít nhất một người tập trung vào việc phân tích con người.

Trong bữa trưa tôi đã ngồi cùng William Wolf, trưởng bộ phận thu hút và phát triển nhân tài của Credit Suisse. Ông đã được tuyển dụng vào một ngân hàng toàn cầu năm 2010 để thiết lập đội ngũ phân tích con người. Một trong những mục đích đầu tiên của ông là nghiên cứu những trường hợp tuyển dụng thành công để xem liệu có khả năng nhận định các ứng viên có thể “sống sót và phát triển” hay không. Theo định nghĩa của ông, đó là những nhân viên làm việc tại công ty nhiều hơn hai năm và hoàn thành tốt công việc của họ. Ngân hàng luôn có một số nhân viên mới làm việc không tốt. Trong khi đó, những người từng tham dự chương trình thực tập mùa hè đã từ chối những lời đề nghị làm việc chính thức bởi vì họ ưa thích vị trí tại những ngân hàng khác, công ty công nghệ khác hoặc quỹ đầu tư tư nhân khác. Các nhân viên tại ngân hàng lo sợ rằng họ sẽ mang tiếng là một nơi mà những nhân viên mới thường thất bại hoặc không gắn bó lâu dài.

“Với tất cả những thử thách mà chúng tôi đối diện trong thị trường để tìm được những ứng viên hàng đầu, những sai lầm tuyển dụng cuối cùng có thể làm hại đến thương hiệu của chúng tôi,” Wolf nói với tôi.

Đội ngũ của Wolf đã cố gắng xác định xem liệu có kinh nghiệm nào trong lý lịch của ứng viên có thể dự báo về sự thành công của họ trong công ty hiệu quả hơn không. Đội ngũ của ông đã xem xét hàng chục biến số trên các hồ sơ cá nhân và đặt ra một loạt câu hỏi: Liệu các vận động viên có thể hiện xuất sắc hơn những người không phải vận động viên không? Họ không. Liệu những chứng chỉ xác nhận thành công trong âm nhạc có giá trị không? Nó

không có giá trị trong số các sinh viên đại học, nhưng những thành công đáng kể trong số các sinh viên đã tốt nghiệp thì có. Khả năng ngoại ngữ? Không có giá trị.

Một vài trong số các câu trả lời đã đưa đến những sự thay đổi trong quá trình sàng lọc và phỏng vấn của Credit Suisse. Ví dụ, trong lịch sử, ngân hàng đã nhấn mạnh vai trò của lập luận định lượng trong việc tuyển dụng, dựa trên thực tế về công việc tính toán mà các nhân viên mới phải làm mỗi ngày. Vì vậy, ngân hàng có xu hướng ưu tiên những ứng viên với điểm số cao trong các bài thi GMAT, bài thi toán SAT và điểm trung bình đại học. Tuy nhiên, dữ liệu mà đội ngũ này khám phá được là: những năng lực như khả năng lãnh đạo có giá trị nhiều hơn so với kỳ vọng, và ngân hàng đã phát triển những chỉ dẫn tính điểm mới tập trung vào kỹ năng lãnh đạo, nhưng không phải với bất kỳ vị trí lãnh đạo nào. Ví dụ, các sinh viên đã đạt được những vị trí hàng đầu bằng kỹ năng và sự cống hiến (như đội trưởng một đội tuyển thể thao tại trường đại học) thường thành công hơn những người được số đông lựa chọn.

Tôi đã hỏi Wolf rằng liệu dữ liệu có thể cung cấp thêm cho ông thông tin tốt hơn về danh sách những trường mục tiêu hàng đầu không. Ông thừa nhận rằng việc tuyển dụng ở trường đại học vẫn được thực hiện bởi một nhóm những người sàng lọc và phỏng vấn tự nguyện, họ thường tự đưa ra những đánh giá chủ quan về ứng viên. Vì vậy, một sinh viên với điểm tổng kết trung bình 3.8 từ một trường đại học lớn có thể bị hỏi những câu hỏi khó khăn hơn so với những sinh viên với số điểm tương tự đến từ một trường đại học thuộc nhóm Ivy League, bởi vì người phỏng vấn áp dụng một tiêu chuẩn cao hơn, với suy nghĩ rằng tuyển dụng sinh viên từ một trường đại học bang lớn là một sự rủi ro. Vì vậy, khó có thể nói những người được tuyển từ trường đại học này sẽ thể hiện tốt hơn những người từ trường đại học khác nếu có sự sàng lọc khác nhau từ phía con người.

“Đội ngũ của chúng tôi đang cố gắng cải thiện sự đánh giá của các nhà tuyển dụng bằng việc trang bị cho họ những thông tin phân tích, khi những thành kiến của họ có xu hướng dẫn đến những quyết định sai lầm,” Wolf giải thích.

Wolf hy vọng rằng bằng việc phân tích dữ liệu và kết quả thay vì sự đánh giá thành kiến truyền thống, các nhà tuyển dụng sẽ tự tin hơn trong việc tuyển dụng sinh viên từ những trường đại học không truyền thống. Theo thời gian, ông tin tưởng rằng tên tuổi của trường đại học ghi trên tấm bằng sẽ có ảnh hưởng ít hơn đến

quyết định của những nhà tuyển dụng. Bằng việc sử dụng phương thức tuyển dụng mới, ngân hàng đang tuyển dụng từ nhiều trường đại học hơn và nó đã giúp Credit Suisse tiếp cận nhiều sinh viên hơn, những người muốn coi ngân hàng là một lựa chọn nghề nghiệp lâu dài, chứ không chỉ là một điểm dừng chân trên con đường đến một công việc khác như một quỹ đầu tư nào đó.

Dữ liệu mà Wolf và đội ngũ của ông đang phân tích vẫn dựa trên những thước đo năng lực truyền thống được liệt kê trên hồ sơ cá nhân và bảng điểm đại học, bao gồm điểm tổng kết trung bình, các hoạt động ngoại khóa và các kỳ thực tập. Tuy nhiên trong tương lai, quá trình tuyển dụng dựa trên phân tích con người sẽ vượt qua những thước đo truyền thống đó. Nó được xây dựng bởi Guy Halfteck, nhà sáng lập của một công ty khởi nghiệp tại Thung lũng Silicon tên là Knack, chuyên sản xuất các trò chơi điện tử cho điện thoại thông minh. Tôi đã tải một trò chơi của họ tại cuộc hội thảo ở Penn, và đã hoàn toàn bị thu hút.

Tuy nhiên, những trò chơi của Knack không đơn thuần là phục vụ cho việc giải trí; chúng có thể đo lường khả năng xoay sở, lập luận các con số và chấp nhận rủi ro của người chơi. Trong trò Wasabi Waiter, nhiệm vụ của tôi là chuyển các đơn hàng sushi dựa trên biểu hiện gương mặt của một số lượng ngày càng tăng các khách hàng đột ngột xuất hiện trên màn hình điện thoại. Tôi phải đưa ra thực đơn cho họ, chuyển những món ăn xếp sẵn từ khu bếp và dọn dẹp bát đĩa. Trong khi đó, ẩn sau trò chơi, họ đang kiểm tra mọi chuyển động của tôi và ghi chú cách tôi lựa chọn sự ưu tiên, giải quyết vấn đề, và học từ những sai lầm – tất cả những kỹ năng mà một nhà tuyển dụng tìm kiếm. Thực tế là, chỉ trong vòng 10-20 phút, trò chơi đã thu thập được đầy đủ thông tin để đánh giá các khả năng của tôi.

Đương nhiên, tôi đã nghi ngờ rằng trò chơi mình tải về sẽ tiết lộ thông tin về tiềm năng của tôi nhiều hơn là bài kiểm tra SAT dài bốn tiếng đồng hồ. Những người khác cũng thấy mơ hồ khi lần đầu tiên nghe đến Knack, bao gồm trưởng nhóm cải tiến của Royal Dutch Shell, được biết đến là đơn vị GameChanger. Như Don Peck đã báo cáo lần đầu tiên trong tạp chí Atlantic, gã khổng lồ dầu khí muốn tìm ra những ý tưởng xuất sắc trong số hàng trăm đề xuất từ nhân viên để đưa những ý tưởng đó ra thị trường nhanh nhất có thể. Công ty đã quyết định chạy một thử nghiệm với Knack. Shell đã hỏi khoảng 900 trong số 1.400 nhân viên đã đưa ra những ý tưởng và cũng nói với Knack về việc những người này đã làm việc tốt như thế nào. Với cả hai nguồn thông tin trong tay, Knack đã phát triển hồ sơ của những người đã có nhiều ý

tưởng tốt và những người có ý tưởng tồi. 500 nhân viên còn lại cũng chơi trò chơi, nhưng Knack phải đoán xem liệu họ có đưa ra những ý tưởng đột phá chỉ dựa trên hồ sơ trò chơi không. Chưa từng gặp mặt 500 người đó và xem xét những ý tưởng của họ, thuật toán của Knack vẫn phát hiện một cách chính xác những nhân viên nào sở hữu các ý tưởng tuyệt vời nhất. Hiện giờ, được trang bị với nguồn thông tin đó, trò chơi được chuyển lại theo nhu cầu của Shell. Trong tương lai, các nhân viên đưa ra ý tưởng sẽ được đánh giá dựa trên sự thể hiện của họ trong trò chơi, cho phép công ty nhanh chóng sàng lọc các ý tưởng để tìm được ý tưởng xuất sắc nhất.

Bây giờ, Knack đang chuyển sang hình thức tuyển dụng qua trường đại học, điều mà Halfteck nói là “cực kỳ lỗi thời rồi”. Knack đang làm việc với các trường đại học để tạo ra những trò chơi mà qua đó sinh viên có thể thể hiện các kỹ năng trước khi tham gia vào thị trường việc làm. Họ sẽ đạt được những huy hiệu khi chơi trò chơi, ví dụ như Lãnh đạo, Bền bỉ và Tư duy lô-gic – những năng lực họ có thể thể hiện trực tuyến để các nhà tuyển dụng khám phá. Những huy hiệu này sẽ là sự chứng thực trên LinkedIn. Suy cho cùng, Halfteck kỳ vọng rằng những trò chơi sẽ được sử dụng như một cách để giảm thiểu quy trình tuyển dụng phức tạp và không hiệu quả trước đây.

“Quy trình tuyển dụng sẽ thay đổi hình thức và chức năng của nó,” Halfteck nói. “Thay vì sử dụng quy trình phỏng vấn để sàng lọc những ứng viên xuất sắc nhất, bạn sẽ bắt đầu quy trình tuyển dụng chỉ với những ứng viên xuất sắc nhất.”

Khả năng thu thập lượng dữ liệu lớn về các kỹ năng của một ứng viên sẽ mở ra những con đường khác để cải thiện quy trình tuyển dụng. Ngay bây giờ, việc tuyển dụng phần nhiều dựa trên sự trao đổi thông tin giữa những nhà tuyển dụng và các ứng viên. Khi các công ty quyết định tuyển dụng một ai đó, họ luôn viết một bản mô tả công việc dựa trên một số ghi chú mơ hồ về những yêu cầu của mình, đăng một tin quảng cáo tuyển dụng, và rồi cầu nguyện rằng một người phù hợp sẽ nhìn thấy thông tin tuyển dụng và nộp hồ sơ ứng tuyển. Những ứng viên nộp hồ sơ và hy vọng rằng có thể nói cho nhà tuyển dụng vì sao họ thỏa mãn yêu cầu công việc. Những hồ sơ này thông thường bao gồm một tấm bằng, bảng điểm và hồ sơ cá nhân, những giấy tờ ít nói lên những điều sinh viên thực sự biết, chỉ nói lên việc họ đã trải qua bốn năm đại học thành công và những điều họ làm khi đó.

Sau một vài cuộc gặp mặt, quyết định tuyển chọn ứng viên phù

hợp được đưa ra, nhưng không ai biết liệu ứng viên có thể thực sự làm việc được không. Bất kỳ ai từng làm công việc tuyển dụng đều có một câu chuyện về trường hợp tuyển dụng sai lầm. Theo một khảo sát được thực hiện bởi Corporate Executive Board, các nhà tuyển dụng thường cảm thấy hối hận khi tuyển dụng một trong số năm nhân viên của họ. Đó là quá nhiều sự lựa chọn sai lầm.

Dữ liệu lớn (Big data) hứa hẹn sẽ chuyển đổi việc săn tìm việc làm thành một quá trình khám phá đối với cả nhà tuyển dụng và ứng viên. Trong tương lai, các sinh viên đại học sẽ xây dựng hồ sơ trực tuyến thể hiện kỹ năng và khả năng với những ví dụ làm việc thực tế được đính kèm. Thay vì chờ đợi một hồ sơ ứng tuyển, các nhà tuyển dụng có thể tìm kiếm thông tin mà sinh viên đang tải trực tuyến. Khả năng khám phá ứng viên trước khi họ ứng tuyển này đang diễn ra trên những trang web như LinkedIn, nơi mà các nhà tuyển dụng tìm kiếm những hồ sơ trực tuyến để chọn được ứng viên.

Dữ liệu trên LinkedIn cũng mang đến cho sinh viên thông tin về những con đường mà mọi người đã đi để đến được công việc hiện tại. Trang kết nối chuyên nghiệp trực tuyến khổng lồ này có hơn 364 triệu thành viên trên toàn cầu. Nó biết nơi mà hầu hết những thành viên theo học, bằng cấp của họ, nơi họ làm việc và những việc họ làm trong các công việc đó. Thực tế là, nó biết được khi nào mọi người chuyển việc trước cả ngôi trường đại học mà sinh viên đã theo học.

Kể từ năm 2013, LinkedIn đã kết hợp các chi tiết rải rác trên những hồ sơ đó (kỹ năng, bằng cấp, nhà tuyển dụng, nghề nghiệp và địa điểm) để xây dựng một loạt kỹ năng tìm kiếm mới nhằm hỗ trợ sinh viên tìm việc.

Vào một ngày mùa xuân cuối tháng 3, tôi đến thăm trụ sở chính của LinkedIn tại Mountain View, California, để tìm hiểu xem những mẫu thông tin chúng ta để lại trên trang web có thể thay đổi suy nghĩ của chúng ta về việc lựa chọn một chuyên ngành, một trường đại học, cuối cùng là công việc và sự nghiệp hay không. Những phương tiện tìm kiếm liên kết với nhau mà LinkedIn đã xây dựng cho phép bất kỳ ai có thể đảo ngược lại con đường sự nghiệp của các thành viên bằng việc định vị những sự kết nối giữa chuyên ngành, trường học và sự nghiệp của họ (bạn có thể tìm thấy công cụ tìm kiếm tại [linkedin.com/edu](https://www.linkedin.com/edu))

Ví dụ, bạn muốn hiểu rõ hơn về những người theo học chuyên ngành kỹ thuật y sinh trong đại học. Kết quả tìm kiếm trên

LinkedIn sẽ đưa ra con số khoảng 66.000 thành viên LinkedIn sở hữu bằng trong lĩnh vực này. Ba nhà tuyển dụng hàng đầu là: GE Healthcare, Medtronic và Siemens Healthcare. Chọn GE Healthcare để thấy rằng gần 500 chuyên ngành được tuyển dụng cho các công việc kỹ sư, nhà nghiên cứu, bán hàng, và 20 chuyên ngành là từ Đại học Marquette. Đi sâu hơn một chút vào các hồ sơ để tìm được những thông tin chi tiết về cuộc sống của họ, những công việc họ đã làm, các bộ kỹ năng họ sở hữu, cách họ kết nối với các công ty và con người như thế nào.

Mỗi cái click chuột trên LinkedIn sẽ vẽ ra một bức tranh về những con đường mà mọi người đi theo trong sự nghiệp của mình. Nếu bạn muốn theo học chuyên ngành lịch sử và sống ở San Francisco sau khi tốt nghiệp, hãy nhìn những từ đó, và LinkedIn sẽ đưa ra những trường đại học và cao đẳng mà dữ liệu của nó lưu trữ hầu hết những người học lịch sử và sống ở khu vực Vịnh San Francisco: Đại học California ở Berkeley (Google là nhà tuyển dụng lớn nhất của các sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành lịch sử ở đây), Đại học Bang San Francisco (nhà tuyển dụng lớn nhất là Kaiser Permanente), và Đại học California ở Santa Cruz (nhà tuyển dụng lớn nhất là Apple).

LinkedIn có những kế hoạch đầy tham vọng để tiếp tục khai thác dữ liệu từ các thành viên để xây dựng cái mà họ gọi là “đồ thị kinh tế” – một bức tranh thực tế theo giờ về nhu cầu của các nhà tuyển dụng và những kỹ năng về mọi công việc trên khắp thế giới, nhờ đó cả hai phía có thể tìm được nhau dễ dàng hơn.

Cho dù điều đó có xảy ra hay không thì các trường đại học và những sinh viên đang tìm kiếm việc làm vẫn thấy rằng những công cụ mà LinkedIn mang đến đã giúp họ kết nối với những nhà tuyển dụng. Ví dụ, sau khi hợp tác với LinkedIn, Đại học California ở San Diego đã nhìn thấy sự tăng trưởng gấp năm lần trong số lượng cựu sinh viên mà họ thu thập được thông tin về tình trạng lao động. Trường đã khám phá ra rằng một số cựu sinh viên của họ đang giữ những vị trí có tầm ảnh hưởng tại Visa. Trường đã đến thăm họ, và bây giờ Visa đã gửi các chuyên viên tuyển dụng đến trường. Vào năm 2014, Visa đã tuyển 20 sinh viên tốt nghiệp. Về số sinh viên tốt nghiệp mà công ty đã tuyển dụng trong 5 năm trước cộng lại ư? Không có ai.

SỰ KẾT THÚC CỦA NHỮNG TRUNG TÂM ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP TRONG TRƯỜNG ĐẠI HỌC?

Không lâu sau khi tham dự hội thảo Wharton về phân tích con

người, tôi đã tham gia một hội chợ việc làm tại Đại học George Mason, một trường công lập với hơn 30.000 sinh viên, nằm ở vùng ngoại ô của Washington D.C. Mùa xuân năm đó, trường đã sắp xếp các sinh viên vào thị trường lao động mà Phil Garner miêu tả là “tàn bạo”. Đường dẫn đến những công việc bị tắc kẹt một cách khủng khiếp, vì những người sinh ra trong thời kỳ bùng nổ trẻ sơ sinh vẫn đang làm tốt công việc của họ cho đến tuổi nghỉ hưu truyền thống. Một khảo sát được thực hiện bởi Wells Fargo đã chỉ ra rằng: 37% số người sinh ra trong thời kỳ bùng nổ trẻ sơ sinh có kế hoạch làm việc đến năm 80 tuổi.

Hội chợ việc làm đó giống như những hội chợ được tổ chức ở bất kỳ trường đại học hay cao đẳng nào ngày nay. Những nhà tuyển dụng lớn và nhỏ, những thương hiệu trong nước và quốc tế, dựng bàn xung quanh các hội trường lớn trong phòng trung tâm sinh viên. Mỗi chiếc bàn đều trưng bày, giới thiệu về những lợi ích khi làm việc cho công ty X, với một hoặc hai người phỏng vấn đứng phía trước, hy vọng sẽ thu hút sinh viên vào một cuộc nói chuyện khi họ đi ngang qua. Một vài sinh viên mặc vest với những bộ hồ sơ cầm trong tay, trong khi một số khác trông như thể vừa mới bước ra khỏi giường ngủ.

Bất cứ khi nào sinh viên và nhà tuyển dụng kết nối với nhau, cuộc hội thoại giữa họ đều rất vội vàng và nhanh chóng. Không ai có thể thực sự tìm được một công việc ở đây. Những điều sinh viên nghe được về những công việc đang mở và các kỹ năng cần thiết cho mỗi công việc là những điều đáng lẽ họ đã phải nghe đến từ bốn năm trước – khiến cho những việc này dường như trở nên quá muộn.

Tôi đã rời khỏi đó để đến nghe buổi thuyết trình của một nhân viên từ Google tên là Brian, người đã tốt nghiệp một vài năm trước đó với bằng thạc sĩ từ George Mason. Có khoảng 24 sinh viên tham dự. Brian đã lần lượt cho họ thấy những hào quang khi làm việc ở Google. Và rồi cậu ấy đề cập đến điều mà tất cả mọi người đều muốn biết: chính xác là làm thế nào mà bạn nhận được công việc ở Google? Lời khuyên của cậu ấy thật đơn giản: tìm ra cách để bản thân trở nên khác biệt. Một sinh viên năm nhất đã hỏi xem cậu ấy nên làm điều đó như thế nào. “Hãy viết mã, thật là nhiều,” Brian nói.

Và rồi cậu ấy tiếp tục với một danh sách dài những người mà mình biết đã nhận một công việc ở Google và những việc họ đã làm: xuất bản một nghiên cứu, nhận một bằng sáng chế, thuyết trình tại một hội thảo, hoặc đóng góp cho một dự án phần mềm

mã nguồn mở. Khi mà cậu ấy đang nói chuyện với một nhóm sinh viên đại học, danh sách của cậu ấy đã khiến tôi ngạc nhiên, nhưng cũng chưa bằng sự ngạc nhiên của những sinh viên tại đó. Có lẽ họ không hiểu họ cần phải làm gì để đạt được tất cả những điều mà Brian đã liệt kê. Rồi một sinh viên năm cuối hỏi liệu việc theo học sau đại học có giúp cậu ấy trở nên nổi bật không.

“Google không quan tâm đến những tấm bằng của bạn, họ quan tâm đến những điều bạn biết,” Brian nói, dường như không nhận thức được rằng cậu ấy đang nói chuyện tại một nơi mà toàn bộ mô hình kinh doanh được xây dựng dựa trên việc bán bằng cấp với mức chi phí hàng chục ngàn đô-la cho bất kỳ khách hàng nào muốn mua. “Tôi có thể đã nhận được công việc này sau khi tốt nghiệp trung học. Hiện giờ, tôi cảm thấy sốc với sự dễ dàng để đạt được một tấm bằng cử nhân hay thạc sĩ so với những việc tôi đang làm.”

Để đáp lại mối quan tâm ngày càng lớn của phụ huynh và sinh viên về tỷ lệ lợi nhuận trên đầu tư từ tấm bằng đại học, các trường đại học đang dần dần chú ý đến dịch vụ định hướng nghề nghiệp. Theo như một khảo sát, trong 5 năm qua, gần một nửa số trường cao đẳng và đại học đã tăng ngân sách cho văn phòng định hướng nghề nghiệp.

Tuy nhiên, Andy Chan, phó chủ tịch mảng phát triển con người và sự nghiệp tại Đại học Wake Forest, ước tính rằng 2/3 số giám đốc trung tâm mà ông thường xuyên tương tác đến từ những trường đại học mà các lãnh đạo ít quan tâm hoặc không quan tâm về dịch vụ định hướng nghề nghiệp.

Chan là một ngôi sao lớn trong lĩnh vực này. Ông đã kêu gọi được hàng triệu đô-la để mở rộng dịch vụ định hướng nghề nghiệp tại Wake Forest và đã được xuất hiện trên New York Times như một ví dụ về một trung tâm dịch vụ định hướng điển hình trong thị trường việc làm của thế kỷ XX. Chan tin tưởng rằng những sự tương tác cá nhân giữa sinh viên đại học và các nhà tuyển dụng sẽ tiếp tục là một điểm nhấn của quy trình tuyển dụng.

“Con người tuyển dụng con người; họ không tuyển dụng những mẫu giấy,” ông ấy nói.

Tuy nhiên cùng lúc đó, Chan tin rằng công nghệ sẽ đóng một vai trò lớn hơn trong việc cá nhân hóa quy trình tuyển dụng dành cho sinh viên đại học. Ngày nay, họ sống trên những thiết bị di động, và họ kỳ vọng những dịch vụ theo nhu cầu. Ngoài ra, không

phải tất cả sinh viên cùng đứng tại một điểm trên con đường sự nghiệp, mặc dù họ đứng cùng một chỗ trong trường đại học.

Wake Forest từng đặt mục tiêu cho dịch vụ của mình là hướng đến những khóa sinh viên nhất định. Nhưng rồi Chan nhận ra rằng một số sinh viên năm nhất vượt trội hơn những sinh viên năm cuối trong khoản tìm kiếm công việc. Một điều nữa, sinh viên theo học những chuyên ngành khác nhau tiếp cận quá trình tìm việc theo những cách khác nhau, giống như công ty trong những lĩnh vực khác nhau sẽ tuyển dụng theo những cách khác nhau. Vì vậy, Wake Forest đã bắt đầu từ bỏ hướng tiếp cận một-cho-tất-cả và thử nghiệm với một nền tảng công nghệ mới gọi là Handshake, sử dụng thuật toán dựa trên hồ sơ sinh viên để gợi ý thông tin hợp lý về việc tuyển dụng, hoặc thông báo về những sự kiện nghề nghiệp tại trường đại học đến điện thoại di động của họ.

“Giới hạn tiếp theo là về việc cá nhân hóa và thiết kế thông tin việc làm dựa trên mối quan tâm và nhu cầu của sinh viên,” Chan nói với tôi.

Khi lần đầu tiên nghe nói về phân tích con người để tìm được những sinh viên phù hợp với công việc, tôi đã có một mối lo lắng tương tự như khi nghe kể về việc các trường đại học sử dụng những thuật toán cao cấp để chèo lái sinh viên theo học những khóa học và chuyên ngành nhất định. Tuy nhiên, khi càng dành nhiều thời gian quan sát quy trình tuyển dụng dành cho các sinh viên năm cuối và phỏng vấn những người trưởng thành trẻ phải vật lộn để tìm việc hoặc một lối đi trong cuộc sống, tôi bắt đầu nhìn thấy việc phân tích con người có thể mang đến sự trật tự trong quy trình lộn xộn thông thường, và mang lại ánh sáng cho chiếc hộp đen của việc tuyển chọn nhân viên phù hợp với công việc để khiến nó trở nên công bằng hơn với tất cả mọi người. Nhờ vào việc sử dụng phân tích con người, Laszlo Bock ở Google nói với tôi rằng công ty đã tăng số lượng nhân viên không có bằng cấp, bởi vì bằng cấp không còn đảm bảo sự sẵn sàng làm việc của một cá nhân nữa.

Tuy nhiên, rất ít người tin rằng phân tích con người sẽ loại bỏ nhu cầu dành cho một số loại hình giáo dục đại học. Giáo dục sau trung học sẽ vẫn là một yếu tố quan trọng đối với sự thành công trong nền kinh tế và với tương lai của một nền dân chủ, nhưng quá nhiều sinh viên đang mù quáng đi theo con đường dẫn đến đại học mà không biết được chính xác điều họ mong muốn đạt được. Một khi đã đi trên con đường đó, họ không đưa ra những

quyết định đúng đắn để đảm bảo rằng họ sẽ được đền đáp như một sự đầu tư dài hạn.

Được chỉ dẫn bởi các thuật toán (nhưng không chỉ định hướng duy nhất bởi chúng) sinh viên có thể bắt đầu đo lường và thể hiện tài năng khi còn là thiếu niên, đồng thời tìm được những công việc phù hợp hơn trong cuộc sống sau này, dù có đi theo con đường truyền thống đến đại học và xây dựng câu chuyện sự nghiệp cho nhiều năm sau đó hay không.

Chương 10

KỂ CÂU CHUYỆN VỀ SỰ NGHIỆP CỦA BẠN

Còn người yêu thích những câu chuyện – trên trang sách, trên sân khấu và trên màn ảnh rộng. Chúng ta thích được đồng cảm với các nhân vật, và chúng ta xem những loạt phim nhiều tập với cốt truyện có các nút thắt, diễn biến và biến đổi hấp dẫn. Tôi miêu tả về hành trình của những người trẻ trong cuốn sách này không chỉ để người đọc phát hiện ra một vài người trong số họ, mà còn để minh họa tầm quan trọng của việc bắt đầu xây dựng câu chuyện sự nghiệp riêng của bạn.

Tôi đã dành rất nhiều thời gian với các sinh viên và những người tuyển dụng, các nhà quản lý và những sinh viên mới tốt nghiệp và những người ở độ tuổi 20, và có một điều khiến họ dễ mắc sai lầm nhất: họ không thể dễ dàng kể một câu chuyện về việc họ đã đi đến nơi hiện tại như thế nào.

Tại sao bạn theo học chuyên ngành X? Bạn đã chọn trường đại học Y như thế nào? Điều gì đã thôi thúc bạn theo đuổi chương trình thực tập tại công ty Z?

Sự khác nhau của những câu hỏi cụ thể phụ thuộc vào lĩnh vực và công việc của bạn, tuy nhiên chúng đều yêu cầu những câu trả lời thể hiện được những kỹ năng mềm mà các nhà tuyển dụng đang tìm kiếm: thái độ kiên trì với sự mơ hồ, trải nghiệm sự thất bại, và tinh thần sẵn sàng học hỏi.

Giám đốc điều hành của Disney, Bob Iger đã nói rằng trong những cuộc phỏng vấn, ông thường cố gắng gợi ý ứng viên về việc xây dựng những câu chuyện về sự nghiệp của họ và đưa ra những câu hỏi để phán đoán mức độ tò mò của họ: những cuốn sách họ đã

đọc, những bộ phim họ đã xem, hoặc những nơi họ đã đi du lịch gần đây... Tuy nhiên, khả năng kể chuyện tốt là điều những mà sinh viên mới tốt nghiệp tôi gặp ở chương trình cầu nối tại Koru cảm thấy khó khăn nhất. Và đó là lớp học về thuật kể chuyện tại General Assembly đã giúp Allyson cải thiện bài thuyết trình của bản thân trước những nhà tuyển dụng. Những người có kỹ năng kể chuyện tốt sẽ giúp nhà tuyển dụng thấy được rằng họ có thể chuyển đổi những điều học hỏi được từ môi trường này sang môi trường khác, thông thường là từ lớp học sang nơi làm việc.

Lauren A. Rivera đã dành toàn bộ một chương sách trong cuốn sách Pedigree: How Elite Students Get Elite Jobs để viết về sự quan trọng của khả năng kể chuyện của ứng viên. Với những nhà tuyển dụng, cô ấy quan sát được rằng, “một câu chuyện hay sẽ mang đến một bản tóm tắt súc tích và thuyết phục về hành trình của ứng viên đến văn phòng phỏng vấn – con đường xã hội, giáo dục và việc làm mà ứng viên đã đi để chạm đến bước ngoặt sự nghiệp này.” Theo như Rivera, những nhà phỏng vấn “thăm dò câu chuyện trong quá khứ của một người để có được đánh giá về động lực ngầm của họ.”

Bạn có thể tham khảo những câu hỏi lớn cần trả lời khi xây dựng câu chuyện về sự nghiệp của bản thân trong chương này:

Những trải nghiệm học tập và làm việc tại trường đại học nói gì về tôi? Liệu chúng có tiết lộ được những điều hứng thú và đam mê cốt lõi của tôi?

Tôi thích và làm việc tốt trong môi trường làm việc nào?

Tôi đã trải qua những sự thất bại nào trong thời gian học đại học, và tôi đã học được bài học gì từ sự thất bại đó?

Công việc gì sẽ mang lại cho tôi cảm giác hoàn thiện?

Tôi muốn bản thân ở đâu trong 5 năm tới?

Không bao giờ là quá sớm để bắt đầu xây dựng câu chuyện của bạn, và không bao giờ là quá muộn để viết một chương mới, thậm chí nếu bạn coi bản thân mình là Người không đi theo hàng lối. Định hình câu chuyện về sự nghiệp giống như việc xây dựng thương hiệu bản thân, và bạn phải biết bán nó cho các nhà tuyển dụng tiềm năng (hoặc những nhà đầu tư, nếu bạn là một doanh nhân). Bạn không chỉ cần là một ứng viên hoàn hảo, bạn còn phải cho họ thấy điều đó.

Tìm được một công việc chính là việc bán hàng. Đó là lời khuyên tôi đã nghe được từ Donn Davis, người điều hành một công ty đầu tư vốn mạo hiểm tên là Revolution cùng với hai người tiên phong nổi tiếng của kỷ nguyên Internet: Steve Case, một trong những người sáng lập của AOL, và Ted Leonsis, người hiện đang sở hữu ba đội tuyển thể thao chuyên nghiệp của Washington.

Revolution đã làm nên một trong những cuộc cá cược thành công về những công ty khởi nghiệp, từ dịch vụ chia sẻ xe ô tô Zipcar đến trang giao dịch LivingSocial. Vì vậy, Davis có rất nhiều kinh nghiệm trong việc lắng nghe bài thuyết trình của các doanh nhân. Davis cũng giảng dạy một lớp học dài hạn có tên “Kinh doanh thực sự” dành cho sinh viên tại ngôi trường mà ông đã từng theo học, Đại học Miami ở Ohio. Tôi đã gặp Davis tại văn phòng của ông vào một buổi sáng, và ông đã đưa cho tôi một tấm thiệp dát mỏng có liệt kê 10 quy tắc đơn giản trong kinh doanh. Davis đưa tấm thiệp đó cho tất cả sinh viên trong lớp của mình. Quy tắc số năm: Tất cả đều là bán hàng. Ông nói đó là quy tắc giúp sinh viên của ông thấu hiểu được sự nghiệp của bản thân.

Dù bạn có thích hay không, ngày nay chúng ta đều ở trong lĩnh vực bán hàng. Theo tác giả Daniel Pink, 40% thời gian làm việc của chúng ta được sử dụng để bán một thứ gì đó – không chỉ là sản phẩm, mà còn là nỗ lực thuyết phục, thương lượng và thuyết trình các ý tưởng và kỹ thuật. Những người trẻ ngày nay vật lộn với việc phải bán bản thân mình để tìm được một công việc, một khi nhận được một công việc, họ lại vật lộn với việc bán một khái niệm hoặc một ý kiến, bởi vì họ thường không bao giờ bị ép buộc phải đánh giá một quan điểm hoặc định vị cuộc sống của bản thân cho đến khi tốt nghiệp đại học. Ngày nay, có nhiều kỳ vọng đối với những người ở độ tuổi 20 hơn, nhưng họ lại chưa được trang bị các kỹ năng cần thiết cho một công việc – học cách định vị chính trị nơi làm việc, làm việc với những người khác, và nhận sự hỗ trợ từ đồng nghiệp.

Trọng tâm mà các trường học đặt lên các chuyên ngành khoa học, công nghệ, kỹ sư và toán cũng như những bài kiểm tra chuẩn hóa và sự học vẹt có thể dạy sinh viên về những kỹ năng logic và kỹ thuật cần thiết để làm một công việc, nhưng những trải nghiệm trong đại học thường không thể cung cấp cho họ những sự lan tỏa cần thiết để áp dụng những kỹ năng đó vào bất kỳ hoàn cảnh nào họ có thể gặp phải. Khả năng phát triển và khám phá những ý tưởng mới thường được cung cấp bởi những môn học khác, ví dụ như lịch sử, triết học hoặc xã hội học. Đây là cách chúng ta tạo ra thế hệ Steve Jobs hay Steven Spielberg tiếp theo và vì sao một nền

giáo dục tổng quát vẫn có giá trị với bạn, mặc dù bạn có thể không hiểu được điều đó khi ở tuổi 18. Một chương trình giáo dục đại cương kết hợp với một chương trình giáo dục dạy nghề kỹ năng tạo ra mô liên kết giữa những ý tưởng rời rạc và sẽ giúp bạn định vị được thế giới làm việc mơ hồ mà bạn sẽ sớm trải nghiệm, nơi mà những yêu cầu công việc dường như thay đổi gần như hằng ngày và sự nghiệp sẽ biến mất với sự đều đặn.

NHÀ TUYỂN DỤNG MUỐN NHÌN THẤY ĐIỀU GÌ TRONG CÂU CHUYỆN CỦA BẠN

Câu chuyện của bạn cần phải chân thực và chính xác. Và bạn cần quan tâm đến sự chặt chẽ của nó hơn là tính nghệ thuật. Các nhà tuyển dụng đang tìm kiếm lý do đằng sau những quyết định của bạn và những tình huống mà bạn gặp phải trước đây có thể so sánh với những tình huống mà bạn sẽ đối diện trong công việc như thế nào. Đối với các nhà tuyển dụng, lý do luôn thể hiện ý định và động lực. Nó cũng cho họ thấy rằng bạn có thể kết nối kinh nghiệm của mình. Kỳ thực tập này của bạn đã dẫn đến một kỳ thực tập khác như thế nào? Vì sao bạn quyết định đi đường vòng bằng quãng nghỉ một năm, hoặc quay lại chu trình bằng việc thay đổi chuyên ngành? Tại sao bạn chỉ làm công việc đó trong chưa đầy một năm?

Khi nói chuyện với Davis tại Revolution, tôi đã phát hiện ra một bộ hộp thủy tinh nhỏ đặt trên chiếc bàn cà phê trước mặt ông. Mỗi chiếc hộp chứa một tấm danh thiếp trong sự nghiệp của ông: tổng tư vấn cho Chicago Cubs, người sáng lập và chủ tịch của Tribune Ventures; giám đốc tác nghiệp của Interactive Properties Group tại AOL. Đó là những chỉ dẫn cho câu chuyện sự nghiệp của bản thân ông, mỗi tấm thiếp tương ứng với một chương trong một câu chuyện ngày càng phát triển.

Hãy tìm ra cách để nhận định và nâng tầm những chỉ dẫn của chính mình. Đối với sinh viên đại học, những chỉ dẫn này có thể không phải là những công việc, mà là những khóa học, hoạt động hoặc trải nghiệm thay đổi cuộc sống. Hãy tìm ra nguồn cảm hứng cho câu chuyện của bản thân thông qua những người đã đi trên con đường trước bạn. Trường đại học mang đến rất nhiều cơ hội kết nối với hội cựu sinh viên, những người học cùng chuyên ngành. Những chương trình thực tập và việc làm bán thời gian sẽ đưa bạn đến môi trường làm việc với những người thuộc nhiều thế hệ, đang làm những công việc có thể bạn sẽ muốn làm một ngày nào đó. Trong những trường hợp như vậy, thay vì đề nghị nhóm sinh viên hoặc đồng nghiệp đưa ra những lời khuyên về

công việc bình thường, hãy đề nghị họ kể cho bạn nghe về câu chuyện của họ. Con người thích được kể về quãng đường họ đã đi đến ngày hôm nay. Bằng cách đó, bạn không những sẽ có được những lời khuyên mà bạn tìm kiếm ban đầu, mà còn được nghe về cách họ xây dựng câu chuyện của mình. Hãy lắng nghe cách họ tạo ra sự kết nối giữa những điều họ đã học và nơi họ đã học, và cuối cùng là họ đã áp dụng sự học hỏi của mình vào những công việc khác nhau như thế nào.

Đọc hoặc nghe ai nói kể về câu chuyện nghề nghiệp của họ sẽ có tính chất hướng dẫn, nhưng hãy nhớ rằng bạn cần viết ra câu chuyện của bản thân mình. Đừng sống dựa trên sự tham vọng của ai đó (bao gồm cả sự tham vọng của cha mẹ bạn). Hãy xây dựng câu chuyện sự nghiệp một cách xác đáng, dù bạn đang ở năm cuối trung học, năm cuối đại học, hoặc thậm chí là một vài năm sau khi đi làm.

Sau đây là những câu hỏi quan trọng để bạn cân nhắc khi viết câu chuyện của mình:

TÔI MUỐN LÀM GÌ SAU KHI LỚN LÊN?

Hãy thử hỏi bất kỳ ai đang đi làm xem họ có biết chính xác điều họ muốn làm với cuộc đời mình ở tuổi 18 hay không, và có thể họ sẽ nói rằng họ chẳng biết gì cả (nếu họ trung thực). Càng làm việc lâu, họ càng ít có khả năng làm công việc liên quan trực tiếp đến chuyên ngành đại học của mình. Tuy nhiên ngày nay, vì một vài lý do, chúng ta kỳ vọng lớp thanh thiếu niên sẽ biết chính xác điều họ muốn làm trong tương lai.

Sau câu hỏi “Bạn học trường đại học nào?”, thì câu hỏi thường gặp thứ hai của tất cả các học sinh tốt nghiệp trung học là “Bạn dự định học cái gì?” Những câu hỏi nối tiếp (và cho chính những học sinh đã tốt nghiệp tự hỏi bản thân) sẽ là “Vì sao bạn chọn ngôi trường đó?” hoặc “Bạn kỳ vọng mình sẽ đạt được điều gì ở đó?” Không có gì đáng ngạc nhiên khi những người trẻ ở tuổi 18 trở nên hoang mang về việc lựa chọn một chuyên ngành.

Một chuyên ngành đại học có ảnh hưởng đến sự thành công trong sự nghiệp của một người không? Điều đó phụ thuộc vào đối tượng mà bạn hỏi và mục đích bạn đặt ra cho sự nghiệp của mình.

Nếu tiền bạc là mục đích của bạn, Tony Carnevale tại Trung tâm Giáo dục và Việc làm Đại học Georgetown sẽ nói với bạn rằng, có một nhóm chuyên ngành nhất định sẽ mang đến cho bạn tỷ lệ lợi

nhuận thu được lớn hơn so với chi phí đầu tư trong cả cuộc đời. Ông đã tìm ra rằng, trong số 25 ngành được trả lương cao nhất, tất cả các ngành đều nằm trong nhóm STEM, ngoại trừ hai ngành kinh tế và kinh tế kinh doanh. Mặc dù vậy, Carnevale cảnh báo các sinh viên chọn lựa chuyên ngành chỉ dựa trên yếu tố mức lương kỳ vọng thì đừng tính toán tiền nong vội. Mức lương cho các chuyên ngành cụ thể cũng có thể khác biệt lớn. Nhóm 25% những người được trả lương cao nhất trong chuyên ngành nhân văn và chuyên ngành đại cương kiếm được nhiều hơn so với nhóm 25% những người được trả lương thấp nhất trong lĩnh vực kỹ sư. Điều nữa là, chỉ có 22% sinh viên tốt nghiệp với chuyên ngành khoa học và toán có thể thực sự tìm được một công việc trong những lĩnh vực đó và tận dụng sự đào tạo của họ.

Nếu thăng tiến trong sự nghiệp là mục đích của bạn, một số chuyên ngành sẽ mang lại điều đó tốt hơn những chuyên ngành khác, những sinh viên sở hữu kỹ năng lập luận đang được tìm kiếm bởi rất nhiều nhà tuyển dụng. Như tôi đã đề cập từ trước, kết quả một vài nghiên cứu gần đây đã chỉ ra rằng sinh viên theo học chuyên ngành toán, khoa học và kỹ sư, cũng như những chuyên ngành đại cương truyền thống (triết học, lịch sử và văn học), thường tích lũy được nhiều kỹ năng phức hợp hơn so với những người theo học lĩnh vực kinh doanh hoặc dịch vụ, ví dụ như công việc xã hội và giáo dục. Suy cho cùng, sự nỗ lực của bạn trong lớp học sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc bạn học được bao nhiêu và sẽ khởi đầu sau khi tốt nghiệp như thế nào.

Một nghiên cứu nữa để bổ sung vào sự kết hợp này đến từ Viện Brooklyn ở Washington D.C, nơi đã phân tích giá trị thị trường của 25 kỹ năng được trích dẫn rộng rãi nhất, được liệt kê bởi hội cựu sinh viên của mỗi trường đại học trên LinkedIn. Nó chứng minh rằng sự phát triển kỹ năng đó mới là yếu tố quan trọng nhất với mức thu nhập tiềm năng của bạn (chứ không phải chuyên ngành hay trường đại học mà bạn chọn).

Tuy nhiên, lựa chọn một chuyên ngành khác với việc mua một chiếc xe mới. Bạn không thể “đi” thử một chuyên ngành (trừ khi bạn có kế hoạch ở lại trường đại học dài hơn bốn năm) hoặc so sánh các chuyên ngành dựa trên dữ liệu mà Georgetown công bố về mức thu nhập. Một chuyên ngành sẽ phản ánh sự hứng thú của bạn tại một thời điểm trong cuộc đời. Nơi bạn kết thúc sự nghiệp của mình là kết quả của con đường ngoằn ngoèo mà hầu hết các sinh viên đều phải đi sau khi tốt nghiệp. Một số sinh viên sau khi tốt nghiệp áp dụng được chuyên ngành của mình vào công việc nhiều hơn số khác, và một số thì chẳng áp dụng được chút nào.

Tôi được gọi nhắc sự kết nối mỏng manh giữa chuyên ngành đại học và công việc khi tham gia Bữa tối Tuyên bố tại Trường Cao đẳng Franklin & Marshall, một trường đào tạo giáo dục đại cương quy mô nhỏ ở Lancaster, Pennsylvania. Sinh viên tại F&M không cần chính thức tuyên bố một chuyên ngành cho đến cuối năm học thứ hai. Trong bữa tối thường niên này, sinh viên sẽ ngồi theo các bàn được phân nhóm theo chuyên ngành mới được tuyên bố của họ, cùng với những thành viên khoa giảng dạy và hội cựu sinh viên.

Tại bàn của chuyên ngành triết học, tôi ngồi cạnh Katelyn Greller. Cô ấy nói với tôi rằng chuyên ngành của cô ấy thường khơi ra những câu hỏi từ người lớn, những người phân vân về việc cô ấy sẽ làm gì với tấm bằng đó. “Tôi vẫn chưa biết,” Katelyn nói. “Nhưng nó sẽ mang lại cho tôi một nền tảng chắc chắn về việc đọc, viết, tư duy phản biện, và điều đó sẽ thể hiện được giá trị trong nhiều lĩnh vực.” Cô ấy đã có một bước khởi đầu tốt cho câu chuyện về sự nghiệp. Gần đó, Richard Bidgood, người đã tốt nghiệp F&M từ năm 1976 với bằng triết học, cũng đồng tình. Ông mới nghỉ hưu trong lĩnh vực ngân hàng, một lĩnh vực có xu hướng tuyển các sinh viên chuyên ngành tài chính, kinh doanh và kinh tế. Richard nói rằng đồng nghiệp coi trọng nền tảng triết học của ông. “Nó giúp tôi tư duy các vấn đề khi chúng tôi thực hiện giao dịch và đưa ra những câu hỏi đúng đắn,” ông nói.

Chủ tịch của F&M, Dan Porterfield, đã nói với các sinh viên rằng việc lựa chọn một chuyên ngành là một “lời khẳng định sự hứng thú, giá trị và cá tính”. Ông đã nhắc lại cho họ rằng một vài trong số những người thành công nhất trong hội cựu sinh viên của trường đã theo học những chuyên ngành không liên quan gì đến công việc hiện tại của họ. Mary Schapiro, cựu chủ tịch Ủy ban Chứng khoán và Sàn giao dịch Mỹ, đã học ngành nhân loại học. Richard Plepler, chủ tịch của HBO, đã học chuyên ngành quản lý nhà nước.

Các trường đại học thích phân chuyên ngành bởi vì đó là cách hiệu quả để tổ chức các thành viên khoa theo phòng, ban. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là sinh viên cần phải tổ chức bản thân theo cách tương tự. Dự án để suy nghĩ lại về giáo dục đại học ở Stanford mà tôi đã viết trong Chương 8 đã gợi ý rằng: trong tương lai, thay vì tuyên bố các chuyên ngành, sinh viên nên tuyên bố một “nhiệm vụ” để giúp họ tìm được ý nghĩa và mục đích cho việc học của mình. Sinh viên ngày nay thường được nói rằng họ nên đi theo đam mê và tìm ra nhiệm vụ của cuộc đời, nhưng rất ít những người trẻ ở tuổi 18 hay thậm chí là 22 tuổi có đủ kinh

những trải nghiệm trong thế giới để biết được điều gì thực sự khiến họ hào hứng. Hãy chọn một chuyên ngành mà bạn thấy hứng thú, nhưng hãy để nó và những trải nghiệm bên ngoài góp phần định hình (không phải chỉ định) nhiệm vụ của bạn trong cuộc đời.

Trong khi cân nhắc những chuyên ngành khác nhau, đừng nghĩ rằng bạn có thể làm bất kỳ điều gì mình muốn hay có vô số thời gian để đưa ra quyết định. Tài năng và động lực có ảnh hưởng đến sự thành công trong hầu hết các lĩnh vực, dĩ nhiên. Bạn không thể theo chuyên ngành vật lý nếu học rất tệ môn toán. Và ở một vài thời điểm, bạn cần phải tập trung vào một chuyên ngành (có thể là hai) bởi vì các tổ chức muốn những nhân viên có nền tảng trong ít nhất một lĩnh vực (nét dọc trong cá nhân định hình chữ T), chứ không phải những nhân viên cứ nhảy qua tất cả các lĩnh vực mà không phát triển một bộ kỹ năng nhất định nào.

Phụ huynh và sinh viên thường đề nghị tôi cho họ lời khuyên về việc chọn một chuyên ngành. Tôi nói với họ rằng: hãy tìm một chuyên ngành có thể bắt bạn làm việc chăm chỉ, và một chuyên ngành mang đến cho bạn những cơ hội học hỏi từ những giáo sư và cố vấn tốt nhất. Bạn có thể sẽ cần phải dành hai học kỳ để khám phá và chờ đến cuối năm thứ nhất để quyết định chọn một chuyên ngành. Điều đó hoàn toàn ổn, vì bạn sẽ vẫn có thời gian xếp đơn đăng ký cho các chương trình thực tập và những trải nghiệm ở bên ngoài lớp học. Tránh lựa chọn những chuyên ngành hẹp, chỉ tập trung vào nội dung chuyên sâu hoặc có vẻ đi theo những xu hướng việc làm mới nhất, trừ khi đó là những công việc chuyên về sửa chữa đồ (kỹ sư, thợ hàn, thợ điện) hoặc chữa trị cho con người (y tá, điều trị vật lý).

Không ai có thể dự đoán được thị trường việc làm sẽ như thế nào trong hai hoặc bốn năm nữa, tuy nhiên đó là điều mà bạn sẽ nghe thấy từ hầu hết các trường học với chuyên ngành dạy nghề: họ sẽ mang đến cho bạn một công việc. Chắc chắn, những chuyên ngành như vậy dạy cho bạn về các kỹ năng cụ thể và ngôn ngữ chuyên ngành, nhưng bạn có thể học điều đó ở thế giới thực trong chương trình thực tập hoặc chương trình hợp tác. Điều bạn sẽ không nhận được từ nơi làm việc là kỹ năng tư duy phản biện, viết và giao tiếp đến từ chương trình giáo dục đại cương.

Cuối cùng, nếu bạn không chắc chắn về điều mình muốn làm sau khi học trung học hoặc thậm chí khi học đại học, hãy dành một năm trống hoặc thời gian nghỉ để khám phá cuộc sống trong thế giới thực tế bên ngoài môi trường nhân tạo là trường đại học. Vấn đề lớn nhất với những người trẻ đang gặp khó khăn trong việc

khởi đầu là họ chưa được nhìn thấy hầu hết các công việc một cách cụ thể, vì vậy họ bị choáng ngợp bởi quá nhiều sự lựa chọn. Giáo dục bậc cao quá tốn kém nếu bạn chỉ đi lang thang qua thời kỳ đó mà không có bất kỳ một kế hoạch hay mục đích nào.

Kết quả khảo sát của tôi chỉ ra rằng nếu bạn không chắc chắn về chuyên ngành của mình hoặc thay đổi nó một vài lần, nhiều khả năng bạn sẽ lang thang qua những năm tháng của độ tuổi 20. Thời gian nghỉ sẽ cho phép bạn nhìn nhận những công việc thực tế, trang bị cho bạn những kiến thức và sự chín chắn cần thiết để đưa ra những quyết định tốt hơn trong cuộc sống của mình.

Tôi bắt đầu việc học và sự nghiệp của mình ở đâu?

Vào mỗi mùa xuân, khi những lá thư chấp nhận nhập học được chuyển đến những học sinh năm cuối trung học, truyền thông quốc gia thường chỉ tập trung vào một nhóm học sinh ganh đua để được nhận vào một trong số 36 trường đại học và cao đẳng ưu tú nhất. Stanford, Harvard, Princeton và những ngôi trường khác khoe khoang trên các thông cáo báo chí rằng họ chỉ chấp nhận sinh viên với tỷ lệ 1/10, lập nên một kỷ lục khác về số sinh viên họ đã từ chối, bao gồm hàng trăm sinh viên xuất sắc được chọn làm đại biểu đọc diễn văn tốt nghiệp trung học.

Nếu không có quá nhiều sự quan tâm được dành cho những trường cao đẳng và đại học ưu tú này, số lượng sinh viên ghi danh vào đây chỉ chiếm ít hơn 6% số sinh viên đại học của Mỹ. Tuy nhiên, vì rất nhiều các lý do (danh tiếng, áp lực từ gia đình và bạn bè), sinh viên cảm thấy cần phải theo đuổi những học viện “đỉnh cao” này. Sinh viên, phụ huynh và các chuyên gia tư vấn có thể giảm thiểu sự hoang mang và bức bối, nếu thay vào đó họ tập trung vào lý do vì sao sinh viên nên theo học một trường đại học hơn là một cái tên. Mặc dù giáo dục đại học có ý nghĩa đối với hầu hết mọi người, nhưng đại học không chỉ là một trải nghiệm bốn năm tại một địa điểm nhất định, bắt đầu ba tháng sau khi tốt nghiệp trung học. Đó có thể là ý nghĩa của “đại học” đối với các phụ huynh và chuyên gia tư vấn, nhưng có rất nhiều trường cao đẳng cộng đồng và học nghề tốt không chỉ có thể nâng cao việc học tập của bạn, mà còn đưa bạn đến với những công việc tốt hơn công việc bạn có thể tìm được với tấm bằng cử nhân.

Điều bạn làm trong trường học quan trọng hơn nơi mà bạn theo học. Tuy nhiên, có những thời điểm mà việc bạn đi học ở đâu sẽ có sự ảnh hưởng.

Thứ nhất, khoản nợ sinh viên bạn phải chi trả khi tốt nghiệp sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự lựa chọn của bạn trong những năm tháng sau đại học. Khoản nợ sẽ quyết định khả năng tìm kiếm một công việc, mức lương bạn cần phải kiếm được, và khả năng bạn có thể làm việc độc lập như một doanh nhân. Theo như khảo sát tôi đã thực hiện, 43% những Người chạy nước rút có khoản nợ ít hơn 10.000 đô-la. Không có một quy tắc nào quy định khoản nợ bao nhiêu là quá nhiều, nhưng chắc chắn rằng con số đó không thể vượt quá mức trung bình quốc gia (30.000 đô-la) hoặc nhiều hơn mức lương khởi điểm trung bình của một sinh viên có bằng cử nhân (39.000 đô-la).

Bạn cũng nên cân nhắc tỷ lệ tốt nghiệp của những sinh viên giống với mình, điều có thể phân biệt bởi giới tính, chuyên ngành và nền tảng gia đình. Hãy kiểm tra những điều đó và so sánh các trường đại học. Trong nền giáo dục đại học, sự ảnh hưởng từ bạn bè đóng vai trò quan trọng đối với sự thành công của bạn trong công việc sau này – bạn bè có thể thúc đẩy bạn học tập chăm chỉ hơn và giúp bạn tìm được những chương trình thực tập và cơ hội việc làm tốt nhất trong tương lai. Bạn muốn đi học tại ngôi trường cùng những sinh viên có chung sự hứng thú trong việc tích lũy kiến thức và đạt được bằng cấp giống như mình, và không phải chỉ đơn giản là tìm kiếm một nơi để gặp gỡ nhau trong vài năm.

Hãy kiểm chế sự thúc giục đi theo danh tiếng và thứ hạng của ngôi trường. Hãy đến một nơi mà bạn sẽ học và làm, ví dụ như những trường đã được nhắc đến trong cuốn sách này – Northeastern và Cincinnati, những nơi mang đến những trải nghiệm hợp tác; các trường cao đẳng cộng đồng với những chương trình việc làm của họ; Đại học Bang Arizona với những chương trình học lấy bằng theo dự án; hoặc Đại học Southern California và Đại học American, nơi bạn sẽ thấy sống và học tập tại một thành phố năng động là một phần giá trị cho việc giáo dục của mình. Tôi là người yêu thích sự thân thuộc khi học tập tại những ngôi trường giáo dục đại cương quy mô nhỏ, nhưng nếu bạn đi theo con đường đó, hãy chắc chắn rằng bạn sẽ tìm kiếm những trải nghiệm ngoài lớp học – điều rất quan trọng với sự thành công của bạn sau này.

So với tất cả thời gian và sự quan tâm mà sinh viên và phụ huynh đã dành cho việc tìm kiếm trường đại học, có vẻ họ dành ít công sức hơn cho việc tìm kiếm một công việc đúng đắn một vài năm sau đó. Dựa vào tình hình hiện tại của thị trường việc làm, có thể bạn không có nhiều sự lựa chọn. Nhưng đừng nhận bất kỳ một công việc nào chỉ để chứng minh rằng bạn đã có việc làm sau khi

tốt nghiệp. Những công việc mà sinh viên mới tốt nghiệp làm chỉ để “thanh toán các khoản chi tiêu” thường đưa họ vào nhóm thất nghiệp. Tôi đã gặp rất nhiều Người lang thang, những người vẫn đang làm công việc đầu tiên sau khi tốt nghiệp, và hiện giờ lại phải tiếp tục cạnh tranh với lứa sinh viên mới ra trường, trong khi kỹ năng của họ đã dần thui chột qua từng năm. Thực tế là trong khảo sát của tôi, những Người chạy nước rút có xu hướng được tuyển dụng trong vòng sáu tháng sau khi tốt nghiệp cao hơn gấp hai lần so với những người còn lại, và hầu hết trong số họ có một công việc liên quan đến chuyên ngành của mình.

Trong khi đó, chỉ một nửa những Người lang thang được tuyển dụng – và tất nhiên trong số đó, 85% trong số họ làm những công việc không liên quan đến chuyên ngành của mình. Điểm mấu chốt là bạn nỗ lực hết sức để tìm một công việc trong lĩnh vực mình mong muốn, thậm chí nếu bạn phải chuyển đi hay nhận một mức lương thấp hơn. Và nếu bạn thấy dường như mình đang làm một công việc không phù hợp, hãy dành thời gian đánh giá lại kế hoạch của bản thân và tích lũy những kỹ năng mới bằng cách quay trở lại trường học, tham gia một khóa huấn luyện, hoặc tìm kiếm những khóa học trực tuyến miễn phí. Không có lý do gì để đi mãi trên một con đường duy nhất, nếu bạn cảm thấy nó đang dẫn đến một hướng đi sai lầm. Đây là thời gian để bạn chấp nhận rủi ro và học cách định vị môi trường làm việc mà bạn sẽ sống trong hơn 30 năm nữa.

Khi bạn có một sự lựa chọn, hãy đến một công ty đang phát triển mà bạn sẽ học hỏi được nhiều điều, chứ không phải một nơi mà bạn chỉ tồn tại như một con số với rất ít cơ hội thăng tiến hoặc phát triển sự nghiệp. Để thành công trong nền kinh tế ngày nay, bạn cần liên tục mài giũa kỹ năng của mình trong suốt sự nghiệp. Bạn có thể thực hiện điều đó trong quá trình làm việc, hoặc bạn sẽ cần chi trả một chút ở nơi nào đó. Cũng hoàn toàn ổn nếu bạn thay đổi công việc thường xuyên trong những năm tháng của độ tuổi 20. Những người trưởng thành với vô vàn nghĩa vụ có thể sẽ nói với bạn điều ngược lại, tuy nhiên nghiên cứu đã chỉ ra rằng độ tuổi 20 là lúc những người trẻ thiết lập cho sự thành công trong cuộc sống sau này, và quyết định mức thu nhập họ sẽ kiếm được cũng như những vị trí họ sẽ nắm giữ. Khi bạn còn là sinh viên, hãy săn tìm công việc một cách nghiêm túc như khi bạn tìm kiếm trường đại học, bởi vì nơi bạn làm việc sau khi tốt nghiệp có thể ảnh hưởng đến tương lai dài hơn là nơi bạn đi học.

Làm thế nào để phát triển mạnh mẽ trong sự nghiệp của tôi?

Với tư cách là một nhà báo viết về giáo dục bậc cao, tôi thường xem các nghiên cứu về giá trị của đại học cũng như thứ hạng ngụ ý để đưa ra lời khuyên cho học sinh và phụ huynh. Một nghiên cứu khiến tôi chú ý đến từ Gallup và Đại học Purdue, liên quan đến con đường mà người trưởng thành trẻ đi để tạo dựng “cuộc sống tuyệt vời” và để có được “sự nghiệp tuyệt vời”. Cuộc khảo sát của Gallup và Purdue được thực hiện với 30.000 sinh viên đã nhận bằng cử nhân và 1.500 sinh viên đã nhận bằng liên kết trên toàn quốc, để đo lường sự hạnh phúc của họ (nghĩa là cảm thấy vui vẻ, thoải mái và hài lòng) trên năm khía cạnh: xã hội, tài chính, cảm giác về mục đích, sự kết nối với cộng đồng và sức khỏe thể chất. Chỉ có 11% số sinh viên tốt nghiệp đại học đang phát triển mạnh mẽ trên cả năm khía cạnh. Có hơn 1/6 số sinh viên đang không phát triển trong bất kỳ khía cạnh nào.

Cuộc khảo sát đã chỉ ra rằng hạnh phúc ít liên quan đến nơi bạn theo học và liên quan nhiều đến những việc bạn làm khi ở đó. Những sinh viên tốt nghiệp đại học mà nói rằng họ có một giáo sư quan tâm đến mình và khuyến khích họ theo đuổi ước mơ sẽ có xu hướng gắn kết với cuộc sống và công việc sau khi tốt nghiệp cao hơn gấp hai lần – có nghĩa là họ cảm thấy tò mò, hứng thú và có niềm đam mê với việc họ đang làm. Điều tương tự cũng đúng với những sinh viên tốt nghiệp mà có trong tay những trải nghiệm ngoài lớp học, thực tập, dự án nghiên cứu, các câu lạc bộ trong trường đại học và đội tuyển thể thao. Tuy nhiên đây là vấn đề: chỉ có 14% số sinh viên tốt nghiệp nhớ được rằng họ có một giáo sư giúp họ cảm thấy hào hứng với việc học tập và khuyến khích họ.

Khảo sát Gallup – Purdue cũng nghiên cứu về sự gắn kết của nhân viên với công việc. Theo như khảo sát, 39% sinh viên tốt nghiệp gắn kết với công việc của họ, so với tỷ lệ 30% của toàn dân số Mỹ. Sự chênh lệch 9% có vẻ không lớn, nhưng Brandon Busteed, giám đốc điều hành của Gallup Education lại cho rằng đó là một con số đáng kể.

Mặc dù các sinh viên nam tốt nghiệp được tuyển dụng chính thức toàn thời gian nhiều hơn các sinh viên nữ, nhưng các sinh viên nữ thường gắn kết với công việc hơn là nam giới. Và có một nghiên cứu tìm ra sự khác biệt trong các chuyên ngành đại học. Chuyên ngành khoa học và kinh doanh thường có xu hướng được tuyển dụng cao hơn những chuyên ngành khác, song những người theo học chuyên ngành nghệ thuật và nhân văn lại gắn kết với công việc của mình hơn những người khác.

Để phát triển sự nghiệp của mình, đừng đối xử với việc học đại học hay công việc của mình như một môn thể thao muốn thu hút nhiều khán giả theo dõi. Các trường đại học đã bổ sung nhiều hệ thống tư vấn bằng máy tính và nhiều chuyên viên tư vấn trong các năm gần đây, nhưng không dịch vụ nào mang đến cho sinh viên những lời khuyên mà họ thực sự cần. Hãy nhớ lại những sinh viên năm cuối ở Đại học Oregon trong Chương 1, những người đã kể rằng chẳng ai nói cho họ biết mình cần đến gặp các giáo sư để tìm kiếm những lời khuyên trong giờ hành chính. Hãy tìm kiếm những giáo sư và người cố vấn ở nơi làm việc có thể đưa cho bạn những chỉ dẫn trên hành trình của mình. Hãy bắt đầu xây dựng mạng lưới chuyên nghiệp của bạn trong trường đại học, trong các chương trình thực tập và trong những công việc đầu tiên của mình.

Hãy phát triển những kỹ năng mềm mà các nhà tuyển dụng đang tìm kiếm, được đề cập trong Chương 2. Những kỹ năng này sẽ giúp đảm bảo rằng bạn sẽ giữ được công việc của mình khi sự tự động hóa đang đe dọa tương lai nghề nghiệp của con người. Hãy tập trung vào hai kỹ năng cụ thể mỗi khi làm một công việc. Thứ nhất: hãy luôn tò mò và tìm kiếm những cơ hội để học hỏi. Những lao động tri thức cần phải đi trước một bước so với các máy móc thông minh bằng việc phát triển đến những mức độ cao hơn của sự nhận thức và chuyên môn hóa trong những lĩnh vực chưa được tự động hóa, hoặc những lĩnh vực mà con người không muốn robot thực hiện.

Thứ hai: tiếp thu lời khuyên của Mary Egan, trước đây làm việc tại Starbucks và hiện đang có công ty khởi nghiệp riêng tại Seattle. Nếu bạn là một nhân viên mới, “hãy bước lên bậc thang thăng tiến” trong một tổ chức bằng cách làm nhiều hơn khối lượng công việc mà sếp hay đồng nghiệp của mình làm. Như vậy bạn sẽ không chỉ học được những điều mới, mà còn trở nên giá trị hơn với công ty của mình.

Một vài năm sau khi tôi gặp hai cựu sinh viên từ Cao đẳng Davidson trong dự án “Những chuyến tàu của thanh niên thế kỷ XXI”, chủ tịch của Davidson, Carol Quillen, đã mời tôi đến thăm trường ở Bắc Carolina. Giống như những nhà lãnh đạo giáo dục bậc cao khác, Quillen cũng đang vật lộn với vấn đề liên quan đến sự sẵn sàng làm việc của các sinh viên trẻ mới ra trường.

Không lâu sau khi tiếp quản Davidson, Quillen đã đến thăm thành phố New York, nơi bà đã ăn tối cùng một nhóm cựu sinh viên thành công, những người nói với bà rằng sinh viên tốt nghiệp từ

Davidson đều trở thành những nhân viên tốt, nhưng không phải ngay sau khi tốt nghiệp. Họ cần có thêm “độ chín”, họ nói với bà như vậy. Quillen đã cố gắng để tìm xem Davidson có thể làm gì mang đến trải nghiệm về đích đó mà không cần bổ sung thêm thời gian hay chi phí vào một tấm bằng cử nhân đã quá đắt đỏ rồi.

“Sinh viên cần được tiếp xúc nhiều hơn với thế giới làm việc thực tế,” Quillen, một học giả có bằng chuyên ngành nhân văn học Ý, nói. “Các quy tắc đã thay đổi.”

Sinh viên và phụ huynh kỳ vọng một sự đền đáp ngay lập tức cho tấm bằng đắt đỏ của họ. Với tình hình mức lương đang giảm với những người đạt được bằng cử nhân gần đây, lĩnh vực giáo dục bậc cao của Mỹ đang chịu sự rủi ro nếu các trường vẫn tiếp tục giáo dục sinh viên cho một thế giới không còn tồn tại nữa.

Quillen là một trong số vài chủ tịch trường đại học hiểu được rằng có một điều đáng kể đang xảy ra trong nền kinh tế, và trong những năm gần đây, bà đã tạo ra một loạt những chương trình nghiên cứu có trả lương và chương trình học thuật tại Davidson để hỗ trợ sinh viên trong việc chuyển giao hiệu quả hơn những kiến thức giáo dục đại cương sang môi trường làm việc, một nỗ lực mà bà gọi là “chuyển tiếp để tạo ra sự ảnh hưởng.”

Tôi đến Davidson vào một buổi chiều mùa xuân và được dẫn đi thăm quan vòng quanh trường. Hướng dẫn viên của tôi là Anna, sinh viên năm cuối chuyên ngành kinh tế, người chỉ còn một tháng nữa là tốt nghiệp. Cô ấy đã đến Davidson với kế hoạch theo học trường y, nhưng sau khi tốt nghiệp lại muốn tìm một công việc là tư vấn kinh doanh ở Charlotte gần đó (cô ấy nhận được lời mời làm việc sau khi thực tập mùa hè năm trước). Bây giờ Anna đang hướng dẫn các chương trình thăm quan trường cho học sinh năm cuối trung học, những người đã được nhận vào Davidson và có thể là một vài trường hàng đầu khác nữa. Họ đang trong giai đoạn đưa ra quyết định về nơi mình sẽ theo học trong bốn năm tiếp theo. Tôi đã hỏi Anna về lời khuyên cô đưa ra cho họ.

“Davidson sẽ không cầm tay chỉ việc cho bạn trong bốn năm. Việc học của bạn là một con đường mở và không chắc chắn. Các chuyên gia tư vấn sẽ không nói cho bạn biết môn nào phải học, các giáo sư sẽ không nói cho bạn biết những gì phải viết trong một bài luận hay kỳ thực tập nào bạn nên tham gia. Bạn phải phát triển khả năng quản lý cuộc sống của mình, hoàn thành các nhiệm vụ và cố gắng đạt được mục đích của mình.”

Trong thoáng chốc, tôi tự hỏi liệu đây có phải là lời khuyên mà Anna gửi đến bản thân trong tương lai không – cô ấy sẽ phải tự làm nên sự nghiệp của mình khi hoàn thành chương trình đại học. Anna đã nhận ra rằng một mình tám bằng là không đủ để mang đến cho cô ấy một công việc tốt sau khi tốt nghiệp. Cô ấy cần phải chủ động quản lý việc học đại học của mình bằng cách học và làm. Bây giờ, cô ấy cần phải sử dụng cách tiếp cận tương tự cho 10 năm làm việc đầu tiên của mình, một giai đoạn mà Tony Carnevale từ Georgetown gọi là giai đoạn “học hỏi và tích lũy” trong cuộc đời.

Với những thế hệ trước, một công việc sau khi tốt nghiệp đại học thường dẫn đến một công việc trọn đời và sự thăng tiến trong một công ty nào đó, nhưng thị trường việc làm khó khăn ngày nay yêu cầu không chỉ một sự khởi đầu đúng đắn, mà còn cả sự tiếp tục định vị việc học hỏi của bạn trong cả cuộc đời.

Nền kinh tế thế kỷ XXI yêu cầu một mức độ tài năng cao hơn, nó cần những người vừa học tập tốt trong trường đại học, vừa học hỏi tốt qua những trải nghiệm thực tế. Nếu phát triển được trong nền kinh tế này, bạn phải kiểm soát sự cám dỗ từ bong bóng bảo vệ mà các trường đại học mang đến cho bạn ngày càng nhiều hơn. Hơn nữa, bạn cần phải định hình một sự nghiệp hứa hẹn nhiều sự thay đổi, khi công nghệ đang tiếp tục tự động hóa và thay thế nhiều công việc của con người.

Trong phần lớn lịch sử loài người, câu trả lời cho việc đi trước công nghệ là học hỏi nhiều hơn. Tình hình vẫn đúng như vậy, nhưng bây giờ câu trả lời đã trở nên mơ hồ và phức tạp hơn rất nhiều. Chỉ theo học đại học sẽ không giúp bạn có được một công việc ý nghĩa. Trong tương lai, những nhà tuyển dụng lớn nhất có thể sẽ tiếp tục lớn mạnh với số lượng nhân viên ít hơn rất nhiều so với bây giờ. Thử thách với những người trẻ trong nền kinh tế cạnh tranh hiện nay là phải thể hiện bản thân một cách xuất sắc bằng một câu chuyện sự nghiệp mang đến sự đồng cảm cho nhà tuyển dụng. Để thành công, bạn sẽ cần phải học cách quản lý nhiều con đường sẵn có để tìm ra những cơ hội học tập đúng đắn, đúng thời điểm, để từ đó đạt được cuộc sống mà mình mong muốn.

Phụ lục

KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Người trưởng thành trong độ tuổi 20 chiếm khoảng 1/3 dân số nước Mỹ. Hiện giờ, họ là thế hệ lớn nhất trong lực lượng lao động. Trong gần hai năm viết cuốn sách này, tôi đã gặp hàng chục thanh niên ở độ tuổi 20, họ đang ở trong những giai đoạn khác nhau trên con đường sự nghiệp. Cách thức và thời điểm khởi đầu của họ cũng khác nhau đáng kể, trong đó có một số dành phần lớn thời gian của độ tuổi 20 để tìm ra lối đi trong cuộc sống. Đối với nhiều người, tấm bằng đại học không phải là tấm vé đưa họ đến một cuộc sống và một công việc tốt đẹp như nó đã từng trong những thế hệ trước.

Tôi muốn được hiểu biết về những trải nghiệm của họ khi là sinh viên – lựa chọn về trường học và chuyên ngành, khoản nợ đại học họ phải gánh khi tốt nghiệp đã ảnh hưởng đến việc họ bắt đầu sự nghiệp như thế nào? Để tìm được câu trả lời cho câu hỏi đó và những câu hỏi khác, tôi đã thực hiện một cuộc khảo sát với Maguire Associates, một công ty tư vấn giáo dục bậc cao ở Boston, đơn vị thường xuyên làm việc với các văn phòng tuyển sinh và khảo sát sinh viên về suy nghĩ của họ đối với việc học đại học.

Chúng tôi đã thực hiện một cuộc khảo sát với những người trưởng thành trẻ đã có ít nhất một vài trải nghiệm trong trường đại học và được sinh ra vào khoảng từ năm 1988 đến năm 1991. Chúng tôi chọn khoảng thời gian đó để có thể nắm bắt một phần những năm tháng độ tuổi 20 của họ, khi họ đã có một vài thời điểm bắt đầu sự nghiệp. Cuộc khảo sát trực tuyến kéo dài 10 phút, gồm 23 câu hỏi, được hoàn thành bởi 752 người vào đầu tháng 8 năm 2015. Vì những lý do cá nhân, chúng tôi không thu thập thông tin nhận dạng của những người tham gia, ngoài các thông tin nhân khẩu học.

TỔNG QUAN

Khi phân tích kết quả, tôi đã khám phá được những xu hướng tổng quát cho phép mình phân chia các đối tượng khảo sát thành ba nhóm căn bản đã được định nghĩa trong Chương 1: Người chạy nước rút, Người đi lang thang, và Người không đi theo hàng lối. Có một số điểm khác biệt rất nhỏ giữa hai nhóm Người đi lang thang và Người không đi theo hàng lối – vì vậy tôi đã phân chia các nhóm này thành những nhóm nhỏ hơn dưới đây. Ba nhóm căn bản được chia đều, với mỗi nhóm chiếm khoảng 1/3 số người tham gia khảo sát.

Người chạy nước rút

Người chạy nước rút là người ở độ tuổi 20 hoặc là bắt đầu sự nghiệp một cách nhanh chóng, hoặc đang trên con đường đi đến một khởi đầu thành công sau khi hoàn thành chương trình giáo dục truyền thống. Nhóm này bao gồm 35% số người tham gia khảo sát. Nhìn chung, họ đến từ những gia đình có cha mẹ là những người đã học đại học, có ít khoản nợ, cảm thấy chắc chắn về chuyên ngành của mình ngay từ giai đoạn đầu đại học, có ít nhất một kỳ thực tập trong thời đại học, và tìm được công việc chính thức toàn thời gian trong vòng sáu tháng sau khi tốt nghiệp.

Những số liệu then chốt của một Người chạy nước rút

79% có ít nhất một kỳ thực tập trong thời đại học

64% cảm thấy chắc chắn về chuyên ngành của mình khi bắt đầu học đại học

50% có cha mẹ là những người học đại học

43% có những khoản nợ sinh viên ít hơn 10.000 đô-la

30% theo học chuyên ngành STEM (science – khoa học, technology – công nghệ, engineering – kỹ sư, và math – toán học)

Người đi lang thang

Người đi lang thang dành khoảng một nửa thời gian của độ tuổi 20 để bắt đầu sự nghiệp. Về tổng quan, Người đi lang thang chiếm 32% số người tham gia khảo sát. Theo như khảo sát, có hai nhóm Người đi lang thang. Nhóm lớn hơn, Người đi lang thang Quyết tâm chiếm 22% số người tham gia, còn nhóm nhỏ hơn, Người đi

lang thang Dao động chiếm 10% còn lại.

Nhìn chung, Người đi lang thang theo học một trường đại học công với chương trình kéo dài bốn năm, họ thường ít cảm thấy chắc chắn về chuyên ngành của mình khi bắt đầu học đại học, và không tìm kiếm một công việc ngay sau khi tốt nghiệp, hoặc nếu có, họ sẽ làm một công việc không liên quan đến chuyên ngành. Nữ giới chiếm tỷ lệ lớn hơn nam giới trong nhóm Người đi lang thang, phần lớn bởi số lượng nữ giới ghi danh học đại học nhiều hơn nam giới. Nam giới, những người có khả năng trở thành Người đi lang thang, thường không đi học đại học và rơi vào nhóm thứ ba: những Người không đi theo hàng lối.

Những số liệu then chốt của một Người đi lang thang Quyết tâm

85% bắt đầu làm một công việc không liên quan đến chuyên ngành

66% là nữ giới

58% ít cảm thấy chắc chắn về chuyên ngành của họ khi bắt đầu học đại học

53% không tìm một công việc ngay sau khi tốt nghiệp

51% trước hết là theo học một trường công với chương trình đào tạo bốn năm

Những số liệu then chốt của một Người đi lang thang Dao động

95% không tìm việc ngay sau khi tốt nghiệp

76% chưa tìm được công việc đầu tiên

51% không tham gia các chương trình thực tập trong đại học

28% có cha mẹ không qua đào tạo đại học

Những Người không đi theo hàng lối

Người không đi theo hàng lối dành gần hết thời gian của độ tuổi 20 để bắt đầu sự nghiệp của mình. Về tổng quát, Người không đi theo hàng lối chiếm 33% số người tham gia khảo sát. Theo khảo sát, có hai nhóm Người không đi theo hàng lối. Một nhóm có xu hướng gần với Người đi lang thang. Họ là Người không đi theo hàng lối Kiên nhẫn, chiếm 13% số người tham gia. Còn lại là

những Người không đi theo hàng lối Nhân rồi, chiếm 22% số người tham gia.

Nhìn chung, Người không đi theo hàng lối thường học các trường công (kể cả những trường đào tạo hai năm và bốn năm) và đi học bán thời gian. Nhiều khi họ không thể tốt nghiệp và thường xuyên thay đổi công việc sau khi đã bắt đầu sự nghiệp.

Những số liệu then chốt của một Người không đi theo hàng lối Kiên nhẫn

70% là sinh viên bán thời gian

63% cảm thấy không chắc chắn về chuyên ngành của mình khi bắt đầu đại học

52% theo học những trường đào tạo hai năm

37% dành thời gian nghỉ sau khi tốt nghiệp trung học vì những mục đích không liên quan đến học tập (không phải quãng nghỉ một năm, mà vì hoàn cảnh tài chính hoặc gia đình)

Những số liệu then chốt của một Người không đi theo hàng lối Nhân rồi

77% không tham gia các chương trình thực tập trong đại học

55% cảm thấy không chắc chắn về chuyên ngành của mình khi học đại học

54% thất bại trong việc tìm việc ngay sau khi tốt nghiệp

LÀM THẾ NÀO ĐỂ BẮT ĐẦU SỰ NGHIỆP MỘT CÁCH ĐÚNG ĐẮN?

Theo như một khảo sát, cách những người trẻ bắt đầu sự nghiệp phần lớn là kết quả của những lựa chọn họ đưa ra trong quá trình học đại học.

Bạn có thể làm gì để đảm bảo rằng bạn sẽ bắt đầu cuộc sống công sở một cách thành công?

Dựa trên kết quả của cuộc khảo sát, ván cược tốt nhất của bạn là chọn một chuyên ngành ngay từ những ngày đầu đi học và rồi đăng ký những kỳ thực tập và trải nghiệm công việc phù hợp trong quãng thời gian học đại học. Những sinh viên thay đổi chuyên ngành thường xuyên và không tham gia bất kỳ chương

trình thực tập nào trong thời đại học sẽ mất rất nhiều thời gian để ổn định sự nghiệp.

Những sinh viên theo học chuyên ngành STEM trở thành Người chạy nước rút nhiều hơn những sinh viên theo học các chuyên ngành khác, theo như khảo sát. Thực tế thường là như vậy, bởi vì có nhu cầu về các sinh viên tốt nghiệp hàng đầu trong những chương trình đó. Tuy nhiên, sự phổ biến của chuyên ngành mà bạn chọn không đảm bảo cho bạn sự thành công trong thị trường việc làm. Những sinh viên chuyên ngành kinh doanh (chuyên ngành phổ biến nhất trong giáo dục đại học) chiếm một phần đáng kể trong các nhóm đối tượng khảo sát, từ Người chạy nước rút đến Người không đi theo hàng lối.

Trường đại học đóng vai trò gì trong sự khởi đầu của bạn? Tôi không thu thập đủ thông tin chi tiết về trường đại học mà những người tham gia khảo sát đã tốt nghiệp để đưa ra bất kỳ kết luận cụ thể nào cho câu hỏi này. Tuy nhiên, có một số lượng lớn những nghiên cứu học thuật trong chủ đề này, phần nhiều đưa ra các kết quả không có tính chất kết luận và đôi khi là đối lập. Nghiên cứu dường như chỉ ra rằng, sự gắn kết với chương trình đại học sẽ ảnh hưởng nhiều đến sự thành công sau này của bạn hơn là nơi bạn theo học. Nói cách khác, kể cả sinh viên tốt nghiệp Harvard cũng phải vật lộn trong thị trường việc làm.

Tuy nhiên như tôi đã nói, nghiên cứu đôi khi cũng đưa ra một sự đối lập. Các học giả đã dẫn ra bằng chứng rằng nơi bạn theo học có thể ảnh hưởng ít nhất đến việc bạn khởi đầu sự nghiệp như thế nào. Trong cuốn sách xuất bản năm 2014 mang tên *Aspiring Adults Adrift* (tạm dịch: Những người trẻ đầy khát khao đang trôi dạt), các tác giả theo dõi 1.600 sinh viên chuyển tiếp từ trường đại học sang lực lượng lao động hoặc trường sau đại học. Họ phát hiện ra rằng các sinh viên theo học những trường chọn lọc sẽ tích lũy được nhiều kỹ năng học tập đại học tổng quát hơn, kết quả được thể hiện trong một bài kiểm tra toàn quốc. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên với điểm số cao thường ít có khả năng thất nghiệp hoặc làm những công việc ít yêu cầu khả năng của họ hơn.

Những trường đại học ưu tú không chỉ là các trường nằm trong nhóm Ivy League và một số trường tư quy mô nhỏ đào tạo giáo dục đại cương. Khi tìm hiểu về những trường ưu tú, các nhà nghiên cứu thường nhắm đến một nhóm từ 200 đến 250 trường, cả công lập và dân lập. Danh sách này bao gồm rất nhiều trường, trong đó có Cao đẳng New Jersey, Đại học New York ở Binghamton, và Đại học Ohio.

Không có lý do rõ ràng giải thích vì sao danh tiếng của một trường dường như chỉ ảnh hưởng đến giai đoạn đầu sự nghiệp của một sinh viên mới tốt nghiệp, còn sau đó thì không. Có một lời giải thích là sinh viên theo học những trường ưu tú có xu hướng tốt nghiệp nhiều hơn sinh viên ở các trường ít danh tiếng, và họ xây dựng được mạng lưới bạn bè có những công việc tốt. Lợi ích của “mạng lưới đại học” đó có thể sẽ giảm dần theo thời gian, khi mọi người dành nhiều thời gian trong thị trường việc làm và xây dựng mạng lưới của riêng họ độc lập với những tiền bối đi trước trong trường đại học.